Số 35

L'INFORMATION FRANÇAISE

LA FRANCE DEVANT LE MONDE. – SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS

(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LỊCH-SỬ NGHỀ DIỄN-KỊCH Ở NƯỚC PHÁP

BÀN VỀ HÍ-KỊCH CỦA ÔNG MOLIÈRE

Nhân Hội « Khai-trí tiến-đức » mới diễn bài « Bệnh tưởng » (*Le malade imaginaire*) của ông MOLIÈRE nước Pháp, theo bản dịch quốc-ngữ của ông NGUYỄN VĂN-VĨNH, tưởng nên giới-thiệu cho quốc-dân ta biết cái hí-kịch ông MOLIÈRE và đại-khái lịch-sử nghề hí-kịch ở nước Pháp thế nào. Ai cũng biết rằng MOLIÈRE là tị-tổ của lối hí-kịch (*comédie*), cũng như CORNEILLE là tị-tổ của lối bi-kịch (*tragédie*) ở nước Pháp. Ông tuy sống về thế-kỷ thứ 17 (1622-1673), cách ta tới ba trăm năm, mà các bản tuồng của ông đã liệt vào bậc văn-chương bất-hủ, dẫu muôn đời cũng vẫn coi như cái mô-phạm chung của nghề diễn-kịch trong thế-giới. Vả nước ta bây giờ đương giữa lúc muốn sửa-đổi nghề tuồng trong nước, cần phải nên biết lịch-sử và sự-nghiệp các bậc soạn kịch đại-danh như ông MOLIÈRE. Nay khảo trong sách « Pháp-quốc Văn-học-sử » (*Histoire de la Littérature française*) của ông Bác-sĩ LANSON, giáo-học ở trường Đại-học Paris, lược-dịch chương nói về ông MOLIÈRE như sau này, để giúp tài-liệu cho các nhà khảo-cứu, nhà văn-sĩ ở nước ta.

1° — Lịch-sử ông Molière

Văn-nghiệp của ông MOLIÈRE là một cái sự-nghiệp « khách-quan » và « vô-ngã » (*œuvre objective et impersonnelle*) (1). Tuy vậy, nhà khảo-cứu không thể không xét qua cái thân-thế của ông, vì có hiểu thân-thế ông mới giải được cái lẽ sở-dĩ làm sao mà các bản tuồng của ông thiết-tha đến nhân-tình thế-cố như vậy.

Không mấy người có cái thân-thế kỳ-khu như ông : trong mười hai năm trời làm cái thân anh mần tuồng dong, gian-nan biết bao mà lịch-hiểm cũng biết bao. Đến khi về ở Paris, sự-nghiệp đã thành, danh tiếng đã nổi, những nỗi đắng-cay lại bội hơn trước, bấy giờ có khi nghĩ mà lại tiếc sự long-đong lúc thiếu-thời. Bài tuồng « Gương đàn bà » (*L'Ecole des femmes*) làm cho bọn văn-sĩ, bọn mần tuồng sôi-nổi lên mà tức-giận ; bọn đó bài-bác ông chẳng thiếu gì, nào là làm văn dở, nào là mần tuồng xằng, nào là nhân-phẩm chẳng ra gì. Có người bác ông chẳng qua là thằng hề, chỉ biết mô-phỏng của người ta mà đặt bài bậy ; có người mắng ông là dâm-đãng, loạn-luân, vô-đạo.

(1) Nghĩa là văn-chương ông không phải là tả cái thân-thế ông, văn ông đối với đời ông là khách đối với chủ, và ít có quan-hệ với bản-thân ông. « Khách-quan » 客觀 (*objectif*) đối với « chủ-quan » 主觀 (*subjectif*). « Vô-ngã » là không vị mình, không riêng về mình.

Dù ai nói thế nào, ông vẫn cứ điềm-nhiên như không. Nhưng chưa xong sự xung-đột ấy, lại đến sự xung-đột khác : thiên-hạ chưa nguôi giận bài « Gương đàn bà » thời kế đến bài « Giả đạo-đức » (*Tartufe*), làm cho bọn sùng đạo, vừa thật vừa giả, nổi lên ào-ào mà phản-đối ; rồi lại đến bài *Don Juan*, khác nào như tưới thêm dầu vào lửa vậy. Vua thương tình mà cũng phải bỏ không dám bao-dung cho nữa. Đến khi chết rồi mà người đời ghen-ghét vẫn chưa thôi : thậm - chí lúc đem chôn cũng khó lòng mới được phép.

Giữa những khi thiên-hạ công-kích ấy, ông vẫn phải mần tuồng để kiếm ăn, để nuôi cho phường tuồng của mình, lại phải vào diễn trong Nội để Hoàng-đế ngự xem, vì ông vừa là chủ rạp tuồng, vừa là người mần tuồng, vừa là nhà soạn kịch ; khi có múa hát ở cung Versailles, cung Saint-Germain, hay là cung Chambord, ông thường phải đóng vai ; ở Paris thời ông đóng vai trong những bài hí-kịch của ông, hoặc hí-kịch của người khác, hay là những bài bi-kịch : bận việc như vậy, khó nhọc như vậy, mà trong khoảng mười-ba mười-bốn năm trời ông cũng soạn được tới ngót ba-mươi bản kịch, nhiều bản có những năm hồi, mà cũng nhiều bản là tuyệt-tác.

Tuy vậy mà xét đến cái tâm-sự của ông thật là lắm nỗi đau khổ : lấy vợ không được vừa đôi, vợ còn trẻ quá mà tính lại lẳng-lơ, ông thời thương-yêu vợ quá mà công việc lại bận quá, thành ra trong gia - đình có nhiều sự chênh-lệch, làm cho ông lo-lắng đắng-cay. Ông đau-đớn trong lòng quá, nhưng ông tuy tính nghiêm và buồn mà không phải là người đa-cảm. Những nỗi lòng, những sự đời của ông như thế, ông từng-trải đắng-cay như thế, ông long-đong bôn-tẩu như thế, không phải vô-ích cho ông : nhờ đó mà ông được thấu hết thế-thái nhân-tình, rõ hết những thói điên-cuồng, dồ-dại, bỉ-tiện, xấu-xa của loài người.

Nhiều người quá tôn-sùng ông mà làm cho biến mất cái chân-tướng của ông đi. Ta phải xét cho đúng cái chân diện-mục, chân tinh - tình ông, mà biết ông là một người cương - cường, cần-cán, xét - đoán phải - chăng và minh-mẫn, có cái thiên-tư nhân-từ quảng-đại, hợp với đạo cả làm người. Nhưng ông cũng là một người như mọi người khác, không phải là bậc thánh-nhân ở đời, mà lại là một người trong bọn mần tuồng. Mà phong-tục của bọn mần tuồng về thế-kỷ thứ 17 không phải là những phong-tục tối-hảo, nhất là họ Béjart là nhà vợ ông lại có tiếng là hoang-toàng hơn cả. Thành ra ông sinh-trưởng trong một cái xã-hội tự-do và phóng-túng nhất đời bấy giờ. Chắc ông không biết cần-thủ như người ta, mà có lẽ cũng nhiều khi hoang-đãng nữa. Ta lại chắc rằng những kẻ thù ông vu-oan cho ông nữa cũng nhiều ; tuy vậy tưởng cũng chẳng cần nên thóc-mách những chuyện gia-đình của ông làm gì. Những việc đó là những việc không nên nói đến lắm. Trong thân-thế ông Molière còn nhiều điều đáng kính đáng phục hơn, vậy nay ta xét đến sự-nghiệp ông như sau này.

2° — Sự-nghiệp diễn-kịch của ông Molière : hài-hí và chân-thật

Trước nhất có một cái vấn-đề phải giải-quyết cho xong ngay, là cái vấn-đề văn-chương của ông Molière. Ông La Bruyère, Fénelon, Vauvenargues, Schérer, đều trách ông là không biết làm văn. Người ta thường chê ông là hay dùng những tiếng chưa thành-thuộc, những tiếng tục tiếng lóng, những câu nói gượng, những chữ bề-bộn, những chữ không đúng nghĩa, không hợp mẹo, những tiếng đệm lót, những chữ lấy đi lấy lại khó-độc, nói

rút lại là lời văn ông « không thành-thể » (*style inorganique*). Chính ông Scherer đã nói rằng : « Thật không ai làm văn bậy bằng Molière. »

Ta phải nên phân-biệt thực-hư trong những lời bình-phẩm ấy. Chắc rằng văn ông Molière không phải là lời văn chải-chuốt ; văn ông làm vội, nên nhiều chỗ cẩu-thả, nhiều nơi khuyết-điểm, không thể vội-vàng mà chỉnh-đốn được. Ông bao nhiêu công-việc, ngoài những công-việc ấy lại còn soạn kịch nữa, thời tất không thể dẽo gọt câu văn cho chải-chuốt được mà phải tùy-hứng ứng bút viết liền, nên lời văn cẩu-thả là thế. Song muốn xét cho công-bằng thời phải công-nhận rằng tuy vậy mà ông Molière cũng là một nhà đại-văn-sĩ đó. Ông La Bruyère chê văn ông bỉ-lậu có phải là chê cái giọng nói quê-kệch của bọn nhà quê, bọn con ở đó không ? Có phải là chê cái tiếng nói của bọn hạ-lưu không hợp mẹo đó không ? Nhưng trong kịch-bản của Molière hạng người nào nói thứ tiếng của hạng người ấy, lời văn là một bộ-phận trong vai tuồng, nếu hạng người là hạng người quê-kệch, nhân-vật là nhân-vật hạ-lưu, mà lại chê rằng nói giọng quê-kệch, nói tiếng hạ-lưu, thời không phải là chê lời văn nữa, mà là bình-phẩm đến nghĩa truyện rồi, như thế thời cái vấn-đề lạc hẳn đi, không phải như trên nữa.

Nhưng xét cho kỹ, bọn ông La Bruyère, ông Fénelon, ông Vauvenargues trách ông Molière rút lại chỉ là trách ông làm sao lại không dùng cái lời nói của hạng người nho-nhã phong-lưu (*le langage des honnêtes gens*), lời nói của các bà « đài-các », các bậc hàn-lâm, lời nói của những kẻ thượng-lưu đàm-luận với nhau, của những nhà văn-sĩ trước-thuật vào sách. Nhưng phải nên khoan-dung mà rộng xét cho ông mới được. Vì ông bình-sinh vẫn hay diễu-cợt các bà « đài-các » (*les précieuses*), hay nhạo-báng các quan Hàn-lâm. Vả ông sinh-trưởng trong hạng bình-dân, mười hai năm trời ông ở xa cách thành Paris, không được tường những cách nói-năng lịch-sự ở Kinh-đô thời bấy giờ ; năm 1658, lúc về ở kinh-thành thời vẫn giữ cái lối nói thật-thà cổ-lỗ, còn nhiều những câu bắt-chước tiếng Ý-đại-lợi cùng tiếng Tây-ban-nha, nhiều những câu tục-ngữ phương-ngôn, lời đậm-đà chất-thực, không tiêm-tế mà mạnh-bạo, không thuần-túy mà mặn-mà, lối-lăng đường-đột, không có theo lề-luật của các nhà văn-sĩ cũng không theo cách lịch-sự của người đương-thời. Cái lề-luật riêng của văn ông là chỉ cốt diễn lấy đúng và lấy mạnh (*la justesse et l'énergie*), lấy cho lời nói thích-hợp với cái ý-nghĩa trong bài kịch (*convenance dramatique*) ; ông theo cái luật ấy cho đến nỗi lời văn của ông có khi thuần là giọng nơi ngõ hẻm hang cùng, mà có khi thuần ra giọng chốn cung-đường triều-miếu.

Ông Molière không khuôn lời văn ông cho hợp với lề-lối lịch-sự của bọn thượng-lưu thời bấy giờ, không một là bởi cái tính-chất của ông như thế, ông còn có lẽ khác nữa. Phàm lời văn ý-nhị tiêm-tế không đem ra diễn trên sân khấu được. Như văn ông Molière thì mạnh-bạo hùng-hồn, thật là hợp với lối diễn-kịch. Văn ông khiếm-khuyết cái gì thời cái ấy hoặc là vô-ích, hoặc là không lợi cho cách diễn-kịch. Thơ ông văn ông là để nói, chớ không phải để đọc. Các nhà bình-phẩm ông không nghĩ đến thế, nên xét những bài hí-kịch của ông như xét quyển sách vậy. Ông Scherer thời chê là những câu của ông cứ hay lấy đi lấy lại, hay chồng-chất lên nhau, bao giờ cũng có chữ *et* nối lại ; không biết rằng đó chính là cái thể-cách nói chuyện tự-nhiên như thế, nhiều câu lúc đọc

cho làm bổn-độn, làm dài, làm phiền, mà vào miệng người mắn tuồng thời tự-nhiên thành ra có thể-cách ngay : đó là những câu để cho tai nghe, không phải để cho mắt đọc.

Ấy đại-khái cái vấn-đề về văn-chương ông Molière như thế. Còn một cái vấn-đề nữa cũng nên giải-quyết cho xong : là vấn-đề ông Molière hay ăn-cắp bài tuồng của người khác. Ông cũng như ông Racine, ông La Fontaine, không phải bài gì cũng câu-nệ lấy tự-ý mình nghĩ ra mới là được ; ông thường mượn những truyện cũ của Plaute, của Térence, mượn những truyện trong các « văn-kịch » (*comédies littéraires*) của Ý-đại-lợi, trong các thuyết-bộ của Ý và của Pháp ; thường lợi-dụng những sách cùng truyện của Boccace, Straparole, Sorel, những tiểu-thuyết cùng hài-kịch của Scarron, Larivey, Desmarets, cùng của nhiều người khác nữa. Người ta truyền rằng ông có nói một câu rằng : « Tôi thấy cái gì tôi lợi-dụng được thời lấy, có hề chi. » Sự đó đã cố-nhiên rồi, nhưng lợi-dụng những bài của người khác không phải là chép lấy của người ta từng hồi một, không sai chữ nào, như ông thường chép trong bài « Anh hay chữ bĩ diễu » (*Le Pédant joué*) của Cyrano de Bergerac, hay là bài « Chị đi kiện mĩ-miều » (*La Belle plaideuse*) của Boisrobert. Chắc cái cách lợi-dụng như thế thời phong-tục trong văn-xã ngày nay không thể công-nhận được. Nhưng ông lợi-dụng của người khác mà ông làm hay ra, được thiên-hạ hoan-nghênh, thời cái lỗi ông cũng không nặng chi cho lắm ; vả không có ông thời có lẽ cũng chẳng ai biết rằng Boisrobert hay là Cyrano đã làm nên những tấn kịch nực-cười như thế ; nhờ ông mà bọn đó đời sau mới có người biết đến tên, không thời ngày nay chắc không còn ai nói đến nữa.

Sau nữa, phàm ông mượn của người khác, đều có kén chọn kỹ cả, bởi vì cái nhân-vật ấy ông đã từng kinh-lịch mà biết rồi, nay thấy người khác diễn-tả được hệt được đúng như thực, nên cứ thế mà theo, chỉ nhuận-sắc lại cho nó rõ tỏ cái trạng-thái chân-thật ra mà thôi. Có nhiều tấn người ta cho là ông « ăn-cắp » cả của người khác, vì ông chỉ sửa lại có in-ít mà thôi, nhưng những chỗ nhuận-sắc ấy đều có ý-vị và đích-đáng lắm, làm cho cái bức tả-chân biểu-lộ ra một cách hùng-hồn vậy.

Ông Molière bao giờ cũng chỉ chủ tả cho lấy chân-thật. Nhưng cái chân-thật (*vérité*) của ông lại thêm có hai tính-cách thật là hai cái đặc-tính của nghề hi-kịch : chân-thật mà có buồn-cười, chân-thật mà có khuyến-giới (*sa vérité est plaisante et morale*), nghĩa là bức tả-chân phải vừa làm được cho người ta buồn cười, mà lại vừa giúp kiều-chỉnh được phong-tục.

Ông Molière không hay câu-nệ về những lề-lối riêng của nghề diễn-kịch. Ông cho « lề-lối về diễn-kịch là những điều do lẽ phải suy ra để khỏi làm cho mất cái thú của người đi xem kịch » ; như vậy thời cái lề-lối tuyệt-dịch hơn cả, cái lề-lối bao gồm cả các lề-lối khác, là phải làm thế nào cho người ta được vui-thích. Vả lại bản-ý ông cũng không phải là muốn phá-đổ chi những lề-lối cũ. Theo cổ-lệ của nghề diễn-kịch thời bài kịch nào cũng phải đủ ba phép gọi là phép « hợp-nhất » (*les trois unités*) : một là « phương-xứ hợp-nhất » (*unité de lieu*), hai là « thời-đại hợp-nhất » (*unité de temps*), ba là « động-tác hợp-nhất », (*unité d'action*), nghĩa là trong một bài kịch việc diễn ra phải có đầu đuôi, và phải xảy ra ở một nơi nhất-định, trong một khoảng thời-giờ nhất-định. Trong hi-kịch của ông Molière thời bài nào có thể theo được ông cũng vẫn theo cái lệ « hợp-nhất » ấy.

Vả lệ ấy trong bi-kịch mới khó theo, chớ trong lối hí-kịch thời cũng dễ, vì bi-kịch hay theo tích cổ trong lịch-sử, còn hí-kịch là tự nhà soạn-kịch đặt ra truyện, tùy ý muốn xếp-đặt thế nào cho hợp cách cũng được.

Như bày cái cảnh nhà cửa, bao nhiêu nhà họp cả lại một chỗ, đặt cả chung quanh sân khấu, thời cũng không ai bẻ là sai lệ ; lại như những cảnh bày bọn « trưởng-giả » đương ở trong nhà chạy ra ngoài phố để nói chuyện, hay là vua chúa đương ở trong phòng đi ra ngoài để kể tâm-sự với nhau, thời cũng không ai lấy thế làm lạ. Coi thế thời biết hí-kịch còn được tự-do hơn bi-kịch nhiều. Trong hí-kịch của ông Molière thường đương chỗ nọ đổi ra chỗ kia, tùy nghĩa truyện nên phải thế hay là cần phải thế, không có câu-nệ chi, như trong bài « Bất-đắc-dĩ làm thày thuốc » (*Le Médecin malgré lui*) và bài *Don Juan*. Nhưng có khi tuy ông vẫn giữ một nơi nhất-định mà coi như là một chỗ bịa-đặt ra, không có thật : như trong bài « Gương đàn-bà » (*L'Ecole des Femmes*). Lại như trong bài « Giả đạo-đức » (*Tartufe*) hay là trong bài « Đàn-bà hay chữ » (*Les femmes savantes*), tuy chỉ có một cảnh nhưng chắc không ai tự-vấn rằng bấy nhiêu vai mà họp cả vào một cảnh như thế có phải hay không.

Đó là cái lệ « phương-xứ hợp-nhất ». Đối với lệ « thời-đại hợp-nhất », ông Molière cũng thường châm-chước khi theo khi không như thế, như trong bài « Người chán đời » (*Le Misanthrope*) thời thời-đại thật là hợp-nhất, đầu đuôi truyện chỉ xảy ra có trong khoảng một ngày mà thôi. Nhưng trong bài *Don Juan*, thời có nhiều kịch thời-gian không được phân-minh : việc xảy ra mau quá, muốn cho hiền-nhiên như thực, thời phải dàn cho dài thêm ra. Tỉ như lúc Don Juan vừa gặp nàng Charlotte kế lại gặp nàng Mathurine : đó thời không những thời-gian không được phân-minh mà trong truyện tuy đặt có một cảnh nhưng kỳ-thực phải nhiều cảnh mới rõ cái tình-tiết trong tận ấy, nghĩa là một người đàn-ông ve hai người đàn-bà thời phải ve mỗi người một nơi, mỗi người một lúc, không thể cùng một lúc cùng một nơi được. Nhưng trong một bài hí-kịch thường phải thu-súc các việc lại thời mới biểu-lộ được rõ-ràng cái vẻ nực cười và cái ý-nghĩa ra.

Trong các phép-tắc của nghề hí-kịch chỉ có một phép là ông Molière bao giờ cũng vẫn theo, không có sai bao giờ : là phép phàm hí-kịch thời phải cốt làm cho buồn-cười. Sự thực muốn diễn ra thành kịch phải đủ làm cho người ta buồn cười mới được. Cái nhiệm-vụ của nhà soạn kịch là phải đem sự đời mà trích lấy cái cười ra, hoặc sự đời không đủ buồn cười thời phải bịa đặt thêm cho nực cười.

Làm thế không phải dễ, và cũng có khi sợ trái với sự thực nữa. Người ta càng xét kỹ nhân-tình thế-thái càng thấy lắm nỗi sầu-thảm đắng-cay. Ông Molière không phải là người vui, và những bài kịch của ông cũng không phải là những truyện vui. Những thói điên-dồ khờ-dại, những tính bỉ-tiện tham-ô ông tả ra đó, toàn là những cái làm cho khốc-hại người ta, làm cho tan-nát cửa nhà. Những vai như Arnolphe, Dandin, Alceste toàn là những người cực-khổ cả, chớ có vui-sướng gì đâu. Giả-dối nham-hiểm như lão Trissotin, như mụ Béline, như lão Tartufe, là tự tay phá-hoại cả cuộc hạnh-phúc trong gia-đình. Cùng những người ấy, cùng những cảnh ấy, mà vào tay ông Balzac tả ra tiểu-thuyết thời đủ khiến người ta rùng mình mà khiếp sợ ; vào tay ông Molière thời làm cho người ta buồn cười ; hình như ông tự

buộc mình trong khi diễn-tả những sự xấu-xa bỉ-tiện của giống người bao giờ cũng chọn lấy cái chỗ nực cười mà phô bày nó ra. Một đôi khi nghĩa truyện thâm-trầm như trong bài *Don Juan*, bài « Người chán đời » (*Le misanthrope*), bài « Giả đạo đức » (*Tartufe*), bài « Bệnh-tưởng » (*Le malade imaginaire*), những bài ấy là đã đến cực-điểm giới-hạn lối hí-kịch, có khi vượt ra ngoài giới-hạn ấy nữa : người đọc người xem đã không thấy buồn cười, mà có cái cảm-giác như tê-tái trong lòng, như băn-khoăn trong dạ. Nhưng nhà soạn kịch lập - tức như nén cái cảm-giác ấy lại mà làm cho cái phần nực cười vẫn là phần hơn ; cái thuật biến-hóa chuyển - dịch như thế thật là khéo, thật là tài. Như trong bài « Bệnh-tưởng », còn gì khả-ố bằng vai mụ Béline, và còn gì khả-liên bằng vai nàng Angélique nữa ? Nhưng ông Molière không để cho cái cảm-giác tức-giận cảm-thương ấy được phần hơn, mà lại lợ thêm cái nực cười của lão Argan để chế lại. Mà xét cho kỹ có thể nói rằng phàm sự thực càng buồn, ông lại càng làm ra truyện bông. Nhiều truyện vốn rất là bi-ai như truyện Georges Dandin mà pha bông pha trò làm thành ra truyện hài - hí được.

Song không nên nhân đấy mà vội đoán ngay rằng phàm kịch-bản của Molière đều khiến cho người ta lưu-thệ được cả : ông có cái thiên-tài làm hí-kịch chính là bởi cái tài riêng của ông biết diễn-xuất ra rõ-ràng cái phần vui ngầm nó ngụ ở trong mỗi hạng người, trong mỗi cảnh-ngộ. Mà cái vui ấy là cái vui thực-thà, chắc-chắn, thành-thực. Không phải là cái vui ngoài mặt mà thôi, để che lấy cái buồn ở trong. Xét-đoán về ông Molière thời không gì ngộ-nhận bằng không hiểu cái cười của ông là cái cười tự-nhiên, thành-thực, đậm-đà là dường nào, cười ấy không phải là để che sự kinh-lịch đau-đớn xót-xa của ông, nhưng tức là uyên-nguyên tự cái kinh-lịch ấy mà ra vậy.

Ta không thể không nhận cho kỹ cái tính-chất riêng của cái khôi-hài của ông Molière. Khôi-hài ấy không phải là khôi-hài ở lời văn bao giờ ; không phải là khôi-hài ở cách khéo dùng chữ cho buồn cười. Nếu khôi-hài như thế thời những nhà soạn kịch khác như Marivaux, Beau-marchais, Dumas con, còn « ngộ-nghĩnh » hơn nhiều. Trong các hạng khôi-hài thời cái khôi-hài (*la plaisanterie*) của Molière cũng giống như cái hùng-hồn (*le sublime*) của Corneille, là tự trong tâm-tính mà mãnh-phát ra như đột-nhiên mà trình-bày đến căn-để vậy. Trong bài « Gương đàn bà » (*L'Ecole des femmes*), nhân ông dùng một tiếng buồn cười, ông có tự-giải một câu như sau này, tức là giải-thích cả cái cách khôi-hài của ông đó ; câu rằng : « Tác-giả dùng tiếng này không phải là dùng một tiếng buồn cười đâu, nhưng vì tiếng ấy mới tả được rõ cái nhân-cách người ấy. » Ấy lối khôi-hài của ông Molière sở-dĩ hùng-mạnh như thế chính là bởi đó mà ra, và cũng bởi đó mà những bài bông chèo rất kỳ-quặc của ông cũng không phải thuần là những truyện đầu Ngô mình Sở vậy. Cách pha trò của ông chẳng qua là một cách phóng-đại cái sự thực cho rõ hơn, cứ *thực* thời là trò bông-lông, mà cứ *lý* thời là truyện tự-nhiên, cái tình-tình người ta lưu-lộ ra ở đó.

Không cái gì chân-thật mà không có hài-hước, không cái gì hài-hước mà không có chân-thật (*Pas de vérité sans comique, pas de comique sans vérité*), ấy cái bí-quyết trong nghề hí - kịch của ông là gồm ở câu đó. Hài-hước, và chân - thật, hai cái cũng là do một nguồn mà ra, là sự quan-sát các hạng người. Bởi đó nên trong các kịch-bản của ông cái phần « cấu-

tạo » (*intrigue*) vẫn ít : đại-đề ông không có điểm-xuyết thêm cho buồn cười, cũng không có kết-cấu ra cho giống thực. Thường - thường thời cái cốt truyện tầm-thường lắm, cùng một lối như các truyện trong hài-kịch cổ và hài-kịch của Ý-đại-lợi : như một anh một chị thương yêu nhau, có một thằng quỉt hay con nhài làm mối-chước, rồi bị người cha, người chú, người mẹ, hay là anh rể ế nào đến gàn trở làm cho lỡ truyện ; ấy cái phần cấu-tạo chỉ có thế thôi, khác nào như đặt cái khung cho bài kịch, mà chính bài kịch thời ở trong tình-tính người ta vậy. Không phải rằng lâm-thời ông không có tài cấu-tạo ra những truyện vừa buồn cười mà vừa hiển-nhiên như thực đâu : khi nào cần phải kết-cấu cho vui truyện, ông kết-cấu cũng tài, nhưng khi nào không cần thời ông không có bịa đặt chi cho rườm, cứ diễn-tả sự thực ra là tự-nhiên đủ khiến được buồn cười : tỉ như bài « Người chán đời » (*Le misanthrope*) bài *Georges Dandin* ; bài *Don Juan* cũng vậy, nhưng bài này là bắt chước truyện cũ của Tây - ban-nha, không phải ông tự đặt ra, nên cố-nhiên là không có kết-cấu gì, mà khác nào như một bài truyện-ký đặt ra thành cảnh theo lối diễn-kịch vậy.

Song ông Molière vốn cũng vẫn không thiết những lối bày đặt cho vui truyện, nên cách ông kết truyện lắm khi vụng lắm. Như bài *Tartufe* và bài *Don Juan* kết truyện đều bằng những sự kỳ-dị cả, bài trước thời phải có vua, bài sau thời phải có Thiên-Chúa mới đoạt được hai thằng vô-lại. Lại trong nhiều bài khác nữa, ngẫu-nhiên có cái thơ ở đâu lại, hay là ngẫu-nhiên hai người đã xa cách nhau lại gặp nhau và nhận được nhau, đều là những cách kết truyện vụng cả. Không những vụng về cách kết-cấu, mà lại làm cho sai lạc cả nghĩa truyện đi nữa : tình-tiết trong truyện, tình-tình mọi người đã bày tả đâu vào đấy, đột-nhiên kết một cách buồn cười ngộ-nghĩnh cho vui truyện, có khi thành ra sau trước không đối - chiếu nhau. Cho nên cách kết truyện như thế không phải là cách tự-nhiên, nhưng xét cho kỹ thời mới biết rằng không thế không được : vì nếu không kết như thế thời làm thế nào mà giải-quyết cho ổn cho vui được những truyện nhân-tình điên-đảo, quyền-lợi tranh-dành, rắc-rối và kịch-liệt như thế ? Vả lại nếu kết không mau thời những dự-bị cái kết-cục mà mất cả thì-giờ không diễn-tả được nhân-tình cho tường-tận.

Có khi thời đã không có cấu-tạo, cũng không có kết-cục gì nữa. Như trong bài « Người chán đời » thời cuối cùng là Alceste đối-diện với Célimène, giả tưởng ngày hôm sau lại đến nhà Célimène lần nữa cũng được, vì chàng ta vẫn có cái thói đắm-say mê-mẩn như thế. Lại như trong bài *Georges Dandin*, thời cuối cùng Dandin cũng lại ngồi đối-diện với vợ như lúc đầu, trước sau chỉ khác nhau là đến hồi sau thời anh ta có ý chán-nản và muốn đem mình tự-vẫn mà thôi.

Nay ta xét đến tính - tình các vai tuồng của Molière. Trong cách ông diễn-tả các tính-tình ấy có giản-ước lại mà phóng-đại ra (*simplification et grossissement*), để bày-tỏ cái phần hài-hước và biếm-lộ cái sự chân-thật cho nó rõ ra. Ông Boileau, ông Fénelon, ông La Bruyère thường trách ông làm quá sự tự - nhiên, không biết rằng cái tư-tưởng của ông còn viển-đại hơn nhiều ; các ông ấy trách-bị quá, muốn cái bề ngoài, muốn những sự tiểu-tiết cũng y-hệt như thực, mới cho là được. Nhưng mà cái sự thực ông Molière muốn diễn-tả ấy không phải ở cách ăn-mặc, ở cái giáng-bộ bề ngoài, cùng ở những công việc nhỏ-nhặt hàng ngày đâu ; chính là ở

những khóe u-ẩn trong tâm-tình người ta, ở cái mưu-mô, cái duyên-cớ tự trong lòng người nó khiến cho người ta cử-chỉ thế này hay là hành-động thế kia ; còn cái bề ngoài miễn là không trái với bề trong thời thôi. Ông tả lấy đúng không phải là đúng lấy cái ngoại-dung của đời người mà là đúng lấy cái nội-dung trong tâm-tình.

Người ta thường chia các kịch-bản của ông làm ba hạng : một là tuồng khôi-hài (*farces*), hai là tuồng tả người (*comédies de caractères*), ba là tuồng phong-tục (*comédies de mœurs*). Cách phân-biệt như thế thật không lấy gì làm sác-đáng cả. Phàm hài-kịch thời bao giờ là không có truyện khôi-hài, bao giờ là không có tả người và không tả phong-tục ? Đều là tùy cái ý-nghĩa của bài tuồng và tùy cái mục-đích của người soạn muốn châm-chước phần nào ít phần nào nhiều vậy. Cứ thứ-tự mà nói thời ông Molière có bắt đầu làm tuồng khôi-hài trước thật ; nhưng truyện khôi-hài thời ông phải dùng thuần lối khôi-hài, sau ông diễn đến những truyện có ý-tứ, có nghĩa-lý hơn, thời cũng là khôi-hài mà có thanh-thú có ý-vị hơn.

Ta thử xét cả toàn-bộ hí-kịch của Molière : từ trên đến dưới cái trình-độ quan-sát sự thực đều như nhau cả. Thử xét những bài khôi-hài rất khôi-hài : như bài *Pourceaugnac* có phải là một bức tranh tả-chân về phong-tục không ? anh nhà quê thô-kệch, bọn thầy thuốc dốt nát, biết bao nhiêu là những lối-lăng như in với phong-tục đương-thời. Lại bài « Bọn đài-các dởm » (*Les Précieuses ridicules*), vẫn là một bài tuồng khôi-hài, nhưng mà cũng là khởi-điểm của lối tuồng tả người đó : vì bài ấy không những là diễu-cợt một cái thói xấu của một hạng đàn-bà về thế-kỷ thứ 17, mà lại bày tả được nhiều cái tình-tình, dẫu người đời nay cũng vẫn thế. Lại trong bài khôi-hài « Những thủ-đoạn man-trá của gã Scapin (*Les Fourberies de Scapin*), biết bao nhiêu là đoạn tả nhân-tình khốc hệt ! Những truyện lôi-thôi rắc-rối của bọn cha ấy, con ấy, vợ ấy, vẽ ra một cách tự-nhiên biết bao nhiêu ! Lại trong bài « Ông chủ tiệc » (*Amphitryon*) thử xem cái cách tên đầy-tớ Sosie với chủ nó đối-đáp nhau, thật là hệt cái cách tớ thầy đối-đãi nhau tự cổ-lai đến giờ, tả khéo biết bao nhiêu, tài biết bao nhiêu !

Đến những vai tuồng sẵn như cái sáo của đời trước để lại, ông cũng khéo đem đối-chiếu với phong-tục đương-thời mà làm thành những nhân-vật có hoạt-động : Laporte và Gourville là cái kiểu thực của những vai Mascarille và Scapin ; lại những vai Martine, Dorine, là những vai đứa ở đã ở với chủ lâu, cũng coi như người nhà, ăn nói tự-do không phải giữ lễ-phép, thật là hệt như những bọn vú-già đời bấy giờ, chỉ khác có người thật thì già mà người trong tuồng thì còn trẻ vậy.

Tuồng phong-tục với tuồng tả người cũng quan-hệ với nhau mật-thiết như thế. Dẫu những bài chào-phúng riêng về phong-tục đương-thời, cũng có một cái ý-nghĩa đại-đồng, hợp với tình-tình chung trong cả nhân-loại. Ông Molière vẫn thường cãi rằng những người ông tả trong các bài tuồng của ông không phải là định ám-chỉ người đương-thời nào ; những nhân-vật ấy hệt như thực, nghĩa là hệt như cái mô-phạm chung của mỗi hạng người mà thôi. Có người nói Pourceaugnac chính là một chàng em rể ông. Lại có người đoán rằng Alceste có lẽ là một nhà quí-tộc đời bấy giờ tên là M. de Montausier, nhưng ông quí-tộc ấy lại có kẻ nói là giống với vai Oronte hơn, và vai Alceste thời chính là ông Molière tự tả mình vậy. Lại có người khác nữa ấn-định rằng vai « giả đạo-

đức » chính là ông chánh tòa án Séguier, nhưng lại có người khác chỉ là chính ông cố Roquette ! Rút lại thời toàn là bắt bóng mà đoán bâng-quơ cả, những người ấy tưởng là người thật, mà toàn - thị là người đặt ra, nhưng đặt ra khéo hệt như thực, không phải là hệt như một người này hay là hệt như một người kia về đời bấy giờ, nhưng là hệt với cái mô-phạm chung của một hạng người tính-tình tâm-địa như thế, dẫu đời nào cũng như thế vậy. Song cũng có một đôi khi tác-giả cố-ý định ám-chỉ một người nào : vai Trissotin chính là ám-chỉ ông cố Cotin, và vai Vadius chính là ám-chỉ nhà văn-sĩ Ménage ; năm ông thày thuốc trong bài « Ái-tình làm thày thuốc » (*Amour médecin*), chính là năm ông thày thuốc hách-danh đời bấy giờ, người nào có những tật gì, người nào gàn-dở thế nào, hệt như thực. Nhưng nghe mấy ông thày thuốc ấy ngồi nói chuyện với nhau thời rõ được cả những thói xấu của nghề làm thuốc về thế-kỷ thứ 17, và có lẽ nhiều thói đến đời nay cũng vẫn còn. Trissotin cũng vậy, tuy là ám-chỉ một người đương-thời, mà thật là hình-ảnh anh hủ-nho bất-đắc-chí ; Vadius thời là kiểu-mẫu bác hay chữ hủ-lậu và tục-tằn.

Vậy thời các nhân-vật ấy là những mẫu người đời bấy giờ, « phóng-đại » ra thành những mẫu người chung cho cả nhân-loại. Hí-kịch của Molière cũng ví như một bức tranh lớn vẽ cái cảnh-tượng xã-hội nước Pháp về thế-kỷ thứ 17, tinh-thần khí-sắc hiển-nhiên như thật. Trong bức tranh ấy thời bọn nông-dân nhà quê chỉ phác-họa qua mà thôi, nhưng cũng đủ biết kẻ nông-dân đời bấy giờ khờ-dại mà tinh vặt, tâm-địa xấu-xa vị-kỷ, nhưng được cái chất-phác thật-thà ; con gái nhà quê thời hay khoe-khoang làm đỏm, dễ mắc mưu trai. Như vai Sganarelle là vai anh nhà quê hay rượu trung-tàu, chỉ biết vị-lợi mà thôi. Bọn dân hạ-lưu thời cũng chỉ phác-họa mấy thằng phu xe cục-cằn, với một bọn những trai côn-đồ, gái « giang-hồ », tức là chốn xuất-xứ của những phường đứa ở xỏ-xiên lừa chủ. Đại-biểu cho hạng dân hạ-lưu mà lương-thiện thời có các con nhài con đỏ, giáng-bộ cứng-cỏi, nói-năng thô-lỗ, nhưng rất mực trung-tín và thuần-lương.

Đến hạng trung-lưu thời nhiều thứ người lắm và tạp-nhạp lắm. Nhà buôn thời như lão Dimanche, có tiền cho bọn vương-tôn vay nhưng chỉ bị bọn đó lường-gạt xỏ-xiên ; mụ Jourdain thời xuất-thân ở bậc hạ-lưu, nên tính nóng-nẩy, nói-năng to, nhưng người phải-chăng và bụng-dạ tốt ; lão Chrysale là đồ ngu-xuẩn, thô-bỉ tục-tằn, chỉ biết miếng ăn mà thôi, làm cha không dạy nổi con, làm chồng không khuyên được vợ ; lũ Jourdain, Arnolphe, là bọn trung-lưu thích khoa-thị, học làm sang, muốn người ta xưng-hô mình bằng tên đất như các nhà quí-phái, muốn giao-du với những bọn giòng sang mà chỉ bị bọn đó lợi-dụng ; đàn-bà con gái như lũ Madelon, Cathos, Armande, Philaminte, là bọn đài-các dởm, muốn làm bộ ra người hay chữ. Orgon cùng gia-quyến thời đã ngấp-nghé vào hạng thượng-lưu, cửa nhà có phong-thể, cách cư-xử rộng-rãi và đã có thói sa-xỉ rồi.

Nay đến bọn quí-tộc ở nhà quê : họ Sottenville, tự-cao tự-đại vì giòng-giõi, vì tên họ mình, làm ra bộ thế-gia tôn-trọng, khinh-bỉ những người không phải giòng sang như mình ; con gái là ả Angélique làm đỏm làm tịch ở xó nhà quê mà thiệt là một ả giang-hồ ; lão Pourceaugnac thời tính hay khoa-thị mà người thật thô-bỉ tục-tằn ; bà bá-tước d'Escarbagnas thời lên mặt lịch-thiệp không ai bằng, chỉ bắt-chước những cách lịch-sự ở trong cung và ở kinh-

đó, thật là lố-lăng khả-ố mà không tự biết. Sau hết đến bọn quí-tộc ở Paris và ở trong cung : nhà thế-phiệt bị sa-sút, đi làm thằng keo lừa người, tức là Dorante ; các ông hầu-tước mĩ-miều, làm ra mặt hào-hoa phong-nhã, tức là ông lớn Oronte thường cao-hứng hay làm thơ ; bà Arsinoé, làm bộ ra người tiết-trinh ; cô Célimène, con gái lẳng-lơ thiềm-độc mà lại có duyên ; Clitandre, Alceste, Philinte, Eliante thời thật là những người phong-lưu nhơ-nhã.

Bọn « lý-tài », buôn tiền bán bạc, thời chỉ vẽ qua gọi là mà thôi ; bọn cận-thần siểm-nịnh thời không tả ở nơi triều-miếu, giữa lúc quì gối nâng tay để phụng-sự kẻ quyền-quí. Sau nữa, trong bức tranh không vẽ vua, và không vẽ bọn tu-hành giáo-sĩ, là ông Molière có ý kiêng-kỵ hai bậc đó, vì cớ làm sao chắc ta cũng hiểu vậy. Vả xét cho kỹ, Tartufe là vai giả đạo-đức, không phải là chỉ tả một người làm bộ sùng-đạo, nhưng tức là có ý muốn ngụ cái hình-ảnh một bậc linh-mục ở đó.

Nay cứ nghiệm một sự như sau này thời biết tác-giả có tài quan-sát nhân-tâm phong-tục trác-tuyệt là dường nào : là trong hí-kịch của tiên-sinh có nhiều chỗ như muốn đi trước phong-tục đương-thời. Trong bài « Các bà hay chữ » (*les Femmes savantes*) soạn tự năm 1672, không thấy cái lối nói văn-chương kiểu-cách như lối đương thịnh-hành bấy giờ, mà đã thấy manh-nha những lối biện-luận cao-kỳ về khoa-học triết-học là lối mãi đến cuối thế-kỷ ấy mới xuất-hiện ra và đến thế-kỷ sau mới thiệt là thịnh-hành. Lại như vai Don Juan là vai ông lớn sang-trọng mà tai-ác, không tin Trời không tin đạo là lấy rằng đạo thờ Trời không hợp với chính-lý, thời muốn tìm cho biết hạng người nào đời bấy giờ giống như vai ấy, có lẽ không phải là bọn « đãng-tử » (*les libertins*) về đời loạn *Fronde* (1648-1653) mà lại là bọn « làng chơi » (*les roués*) về đời « Phụ-chính » (*Régence*) (1745-1723), hay là bọn các ông lớn ham triết-học, như Richelieu, Choiseul về thế-kỷ sau vậy. Khá lấy làm lạ thay là Molière đã khéo tả cái đặc-tính của các hạng người trong xã-hội Pháp một cách thâm-thiết trước-minh cho đến nỗi từ bấy đến nay nước Pháp đã kinh qua bao nhiêu lần biến-loạn, mà cái nét bút của ông tả đến ngày nay cũng vẫn còn thật, vẫn còn hồn-nhiên như thế, không phai-lạt đi chút nào : cứ xét các nhân vật trong tiểu-thuyết của Balzac (1799-1850), trong kịch-bản của Augier (1820-1889) thời đủ chứng vậy.

Nhân quan-sát các hạng người sinh-trưởng ở đời ông mà ông đặt thành được cái kiểu chung cho mỗi hạng, vì trong mỗi hạng người bao-giờ ông cũng biết phân-biệt phần nào là cái hình-thức riêng của một thời-đại, phần nào là cái tính-cách chung của cả loài người. Bởi vậy nên trong một bức tả phong-tục, bao giờ gốc cũng ở mấy cái tính-tình cốt-cách của người ta, và bao giờ cái gốc ấy cũng vẫn lộ ra. Bọn trung-lưu, bọn quí-tộc kia, là những kẻ tham danh hám lợi, kẻ dỗ-dại, kẻ kiêu-căng, kẻ độc-ác, kẻ giảo-quyệt, kẻ ích-kỷ hại-nhân, hay là những người bụng ngay dạ thẳng, chân-chính thuần-lương. Nay xét trái lại thời không có bài hí-kịch nào chỉ thuần tả về những tính-tình chung của người ta mà không tả đến cái hình-thức riêng của một thời-đại : xem như bài « Đàn bà hay chữ », bài « Người chán đời », bài « Giả đạo-đức » thời đủ biết. Lấy một bản kịch ra mà xét thời ai cũng có thể phân-biện được hai cái phương-diện khác nhau ấy, một bên là tả những phong-tục riêng

của một thời-đại đã quá, một bên là tả những tính-tình chung của người ta không thuộc về đời nào cả. Có lẽ trong các kịch-bản của MOLIÈRE chỉ có bài « Người keo-lận » (*L'avare*) là cái phần tính-tình phổ-thông nhiều hơn nhất : Harpagon thật là cái nhân-vật « trừu-tượng » (*abstrait*) nhất của MOLIÈRE, tức là vai « anh keo hoàn-toàn tuyệt-đích» (*l'avare en soi*), có xét kỹ lắm thời mới nhận được trong vai ấy phần nào là phần diễu-cợt riêng bọn tham tiền làm nghề cho vay nặng lãi về thế-kỷ thứ 17. Bởi vì rằng cái tật của lão Harpagon là cái tật dễ trừu-tượng hơn cả, văn-chương mấy mươi đời trước đã dự-bị sẵn như phác-họa ra trước để cho ông MOLIÈRE vẽ thành bức tranh tuyệt-bút, là bức tranh anh keo có của đem chôn một chỗ. Thành ra cái mô-giạng anh keo của MOLIÈRE không phải là cái mô-giạng nhất-thời mà thật là cái mô-giạng thiên-cổ vậy.

Song xét các nhân-vật trong tuồng MOLIÈRE không nên xét đơn - độc từng vai, phải xét các vai liên-thuộc với nhau thế nào. Lấy cái sự-thực của từng người mà khắp-hợp lẫn với nhau, điều-hòa sự động-tác với sự phản-động, đối-chiếu hết thảy cho thật hợp thật đúng, khiến cho các vai đã định đâu đấy rồi thời cái phận-sự của tác-giả chỉ như là người thư-ký đứng mà biên-chép những lời ăn tiếng nói của mỗi người, như là cái máy để ghi công-việc của mỗi người, đó mới là cái công-phu khó nhất trong nghề hí-kịch, và đó mới là chỗ cái thiên-tài của MOLIÈRE biểu - hiện ra rõ - rệt hơn cả. Ông bày các nhân-vật của ông cho thành thế rõ-ràng người nọ đối với người kia thế nào, rồi ông mới nghiên-cứu mỗi người trong cái cảnh-ngộ riêng của mình, mỗi người bị cái cảnh-ngộ ấy nó ảnh-động thế nào và tự mình ảnh-hưởng cái cảnh-ngộ ấy thế nào.

Cả cái chỉ-thú của bài « Người chán đời » (*Le Misanthrope*) là ở cái tính-tình lão Alceste phản-đối với tính-tình những người quanh mình. Ông JEAN JACQUES ROUSSEAU bình-phẩm bài đó phải : Alceste quả là người đạo-đức, đáng người ta kính mến thật, thế mà ta vẫn cười Alceste, không những ta, mấy người đóng vai trong bài ấy đều có ý nhạo-báng cả, từ Philinte cho đến Célimène. Là bởi những người đóng vai ấy cũng tức như ta, những người ấy đối với Alceste cũng như ta đối với Alceste cách-biệt nhau xa quá. Tuy có ý nhạo-báng mà những người ấy cũng có ý kính-trọng nữa, tức cũng như ta tuy vẫn cười Alceste mà vẫn có ý phục. Thành ra cả cái kỳ-khôi trong vai ấy là ở sự xung-khắc một người cao-thượng với một bọn người tầm-thường, thế-nhân cười người cao-thượng là bởi không hiểu cái cao-thượng của người ta và chỉ thấy người ta trái với người thường mà buồn cười, nhưng tuy không hiểu mà cũng ám-nhận biết người ta là hơn người, nên vẫn có ý phục.

Nhưng trong bài hí-kịch ấy lại còn có một sự quan-hệ tình-mật hơn nữa, là sự lão chán đời phải lòng một ả lẳng-lơ : một người đàn bà thuần giả-dối sao mà làm cho mê được một người đàn ông thuần chân-thật, sự đó lạ thật, mà quả-nhiên như thế, sác-nhiên như thế, nghĩ có buồn thay ! Cái đó tự cảm-giác mà biết, chớ không thể thuyết-minh ra được : song xét cho kỹ cũng hiểu rằng một người đàn ông thật-thà mới gặp người đàn-bà giang-hồ có lẽ mơ-mộng mà tưởng-tượng ngay người ấy là người tuyệt-phẩm hơn là đối với một người đàn bà chân-chính khác, là vì cái thật nó có giới-hạn mà thôi, mà cái giả thường vượt hạn được dễ lắm. Tự bấy giờ thời cái ý-vị khi buồn cười, khi đau-đớn, trong bài kịch, là ở sự đối-trĩ hai vai ấy với nhau, mụ giang-

hồ vô-tình mà quỉ-quái muốn đánh lừa lão nhân-ngãi thật-thà mà say-mê, lão thời khi nổi giận đùng-đùng, khi lại bị thiếp-phục như không, khi sáng-suốt, khi lại hồn-mê, cho đến cái miếng sau cùng đau quá hình như làm cho lão tỉnh-ngộ mà thoạt-li được khỏi cái ách. Nhân-tình thật như thế, không sai : tự hai trăm năm nay, bao nhiêu những nhà tiểu-thuyết, nhà soạn kịch muốn đem đối cái bụng giả-dối của người đàn-bà, với cái lòng say-mê của người đàn-ông, cũng chỉ là đàn ra, sao lại cái hồi thứ tư trong bài kịch của Molière đó mà thôi.

Ông Molière lại còn ưa nghiên-cứu một sự này nữa : là cái tật xấu ở một người, trước nó hại cho người ấy, rồi hại lan ra đến người khác ở ngoài, làm cho những tính tốt khác bị tiêu-ma hoặc phá-hoại đi mất, rải-rắc cái đau-đớn khổ-não ra khắp mọi nơi, như một thứ bệnh truyền-nhiễm vậy ; bởi đó mà những bài kịch của ông có cái ảnh-hưởng to rộng và cái ý-nghĩa sâu-xa như vậy. Xét ngay như vai Tartufe, thật là một tay thầy trong nghề giả-dối : vì giả-dối mà làm hư mất Orgon, làm mất cái ái-tình của vợ của con Orgon, đến cái lòng nhân-từ, công-nghĩa, danh-dự của Orgon cũng vì đó mà tiêu-ma đi mất, đến biến-thành ra người vị-kỷ một cách ngu-dại, tàn-nhẫn, xấu-xa ; người nào chân-chính thuần-hậu đến gần đó cũng sinh hư ra, hiền-lành như mụ Elmire cũng biết dùng mưu-mẹo để thóc-mách sự xấu-xa của chồng mình. Đến bài « Anh keo-lận » thời cái xấu nó truyền-nhiễm mới càng ghê nữa, bài này thật là bài khốc-liệt nhất trong các kịch-bản của Molière : lão Harpagon vì keo mà đến mất lòng danh-dự, mất bụng tự-tôn, quên nghĩa-vụ mình, mất cả cái bụng thương con ; con cũng vì đó mất bụng thương-yêu, mất bụng kính-trọng cha. Gia-đình thành ra đồ nát, cha ấy con ấy đối với nhau như người dưng nước lã, như kẻ cừu-địch không còn vì nể gì nhau nữa.

Cứ suy-diễn cho cùng như thế thời hi-kịch thành ra bi-kịch mất. Nên những sự khốc-hại ấy, ông Molière tuy có diễn-tả rõ-ràng, song cũng là nhẹ-nhẹ đủ cho người ta hiểu mà thôi, còn bao nhiêu tinh-thần ông hình như chiếu-diệu cả vào cái tính-tình của các người trong truyện, tính-tình người nào cũng là có chỗ nực cười cả. Song có ý nhận thời biết không đâu là tác-giả không chỉ rõ cho biết rằng phàm tật xấu dù nhỏ đến đâu cũng có di-hại cả ; thử xét bài « Các bà đài-các dởm » (*Les Précieuses ridicules*), tuy cái tật làm bộ ra đài-các không phải là một tật ác-liệt gì, song cũng đủ khiến cho tâm-tính sai-lạc đi, cho cách cư-xử đến lầm-lẫn, làm cho các bà đài-các hầu không khác gì những bậc giang-hồ ; lại thử xem bài « Các bà hay chữ » (*Les femmes savantes*), tuy cái tật làm bộ ra hay chữ không phải là một tật khốc-hại gì, thế mà cũng hình như làm cho tiêu-mòn, làm cho biến tính mất những tình-cảm thiên-nhiên ở trong lòng, kết-cục đến phá-hoại cả cuộc đoàn-viên trong gia-đình.

3° - Luân-lý của ông Molière

Nhân đây ta xét đến luân-lý của ông Molière. Có người ngờ rằng chẳng hay ông có luân-lý hay không, hay là luân-lý ấy tự ta gán cho ông vậy. Nhưng trước hết ta phải biết rằng phàm đã đem tâm quan-sát về nhân-tình thế-thái một cách thâm-thiết, thời không có lẽ không có sẵn một cái quan-niệm về đời người, về sự đạo-đức để làm gốc, và không có lẽ sau khi quan-sát lại không có một cái kết-luận gì về đời người, về sự đạo-đức vậy. Sau nữa chính ông Molière đã cáo trước cho ta biết rằng cái mục-

đích của hí-kịch là chủ đề kiểu-chính cho phong-tục người đời. Ông nói thế là để tự-giải cho bài « Giả đạo-đức » của ông, nhưng lẽ ấy không phải là một cái lý-luận tạm-thời mà thôi. Trong suốt các kịch-bản khác của ông, ông đều có diễu-cợt những thói xấu của xã-hội, những tính xấu của người ta ; ông bày đặt kẻ hay người dở một cách dủ khiến cho ta không còn nghi-ngờ rằng tự ý ông không ưa bên nọ và ghét bên kia vậy. (1) Vậy thời cái luân-lý của ông MOLIÈRE thế nào ?

Luân-lý của ông là chủ ở đạo làm người : thế nghĩa là luân-lý của ông không thuộc về đạo Thiên-chúa. Ông MOLIÈRE đối với đạo Thiên-chúa thật là mang-nhiên không hiểu chi cả. Như trong bài *Don Juan*, vai Don Juan lấy lẽ khoa-học mà biện-nạu rằng không nên tin Trời tin đạo, nghị-luận thật là bạo là cứng, tuy cho cái ý-kiến ấy chính là ý-kiến của ông thời cũng quá-đáng thật, nhưng trong bài ấy mà chọn vai Sganarelle để bênh cho tôn-giáo thời cũng đáng ngờ rằng tác-giả không phải là người vốn thành-tâm trọng tôn-giáo vậy. Nhưng đến bài « Giả đạo-đức » thời không còn nghi-ngờ gì nữa. Ta nhận trong bài ấy có một sự quan-hệ, là cái cách ông MOLIÈRE giải thế nào gọi là cái lòng thật sùng đạo. Chắc rằng bụng ông cũng thành-thực cố ý phân-biệt cho rõ thế nào là thật sùng đạo, thế nào là giả sùng đạo. Nhưng cái cách ông giải là cách nhà triết-học, không phải là cách người tin đạo. Ông giải tôn-giáo tức là luân-lý, tức là gồm những công-đức thuộc về luân-lý ; cái phần cốt-yếu, cái phần tinh-tủy của tôn-giáo đối với người có lòng tin đạo thời ông không kể đến. Cái lửa nhiệt-thành ở trong lòng, cái tình mầu-nhiệm yêu mến Chúa, cái đức khổ-hạnh, cái đạo chế-dục muốn yềm-chế thắng-đoạt những tình-dục trong người để đem cái tâm-thần trong-sạch làm tôi Chúa, những mối huyền-diệu ấy ông không cho vào đâu cả, hoặc coi là sự dồ-dại, hoặc coi là sự giả-dối. Cứ như cái cách ông MOLIÈRE giải lòng tin đạo như thế thời những người thật sùng-đạo chỉ có thể một là bọn Orgon, hai là bọn Tartufe, nghĩa là phi người ngu-xuẩn tắc người giả-mạo ; muốn sùng đạo như cách ông, thời tức là xa lìa với đạo vậy. Như vậy thời MOLIÈRE đã là gần giống như VOLTAIRE, và có nhiều câu trong bài « Giả đạo-đức » tưởng như chính là lời VOLTAIRE vậy.

Cái đặc-sắc của luân-lý đạo Thiên-chúa là sự « đề-kháng cái thiên-nhiên » (*la résistance à la nature*). Trong luân-lý ông MOLIÈRE thời tuyệt-nhiên không có thế. Như vậy thời không cần phải chống-cự với cái lòng duy-kỷ làm chi, không cần phải xả thân vị nghĩa làm chi, không cần phải quên mình bỏ mình đi để làm những sự không ích-lợi mà lại tổn-hại cho mình, không cần phải đau-đớn đến thân, nhọc-nhằn đến trí để mà phụng-sự một cái lý-tưởng tuyệt-trần gì ; trong kịch-bản của ông không có gì là những cái như thế cả. Ông kế-thuật cái tinh-thần của RABELAIS, MONTAIGNE đời trước, có người nói rằng ông lại thường giao-du với mấy kẻ « đãng-tử » (*libertins*) như bọn BERNIER, nên ông tin rằng cái « thiên-nhiên » vốn nó tốt-lành và tự nó có sức mạnh không thể cưỡng được. Người ta phải cứ thuận theo cái bản-năng của mình, làm thế mới là chánh-đáng. Tỉ như con trai con gái đương tuổi thanh-niên vẫn

(1) Không kể rằng trong nhiều bài kịch của ông thường có những vai « lý-luận » (*les raisonneurs*) (như vai Béralde trong bài « Bệnh-tưởng ») để biện-bạch những lẽ phải trái, tức là diễn-thuyết những ý-kiến của tác-giả vậy.

có tình thương yêu nhau, đó là luật thiên-nhiên của trời đất, bọn cha chú hay làm cản-trở là làm một sự không nên. MOLIÈRE ra sức bênh bọn con trẻ thương nhau mà phẫn bọn người già ngăn-trở, là không những theo cái tục cũ trong nghề diễn-kịch, lại là vì triết-lý nữa. Kháng-cự cái « thiên-nhiên » là một sự điên-cuồng, người nào làm thế là người dở, không những dở mà lại hại cho mình ; vì cái « thiên-nhiên » bao giờ cũng được phần hơn, người nào muốn ngăn-ngừa, muốn cưỡng-bách tất nó quay lại mà phản mình. Arnolphe mưu-mô lắm, lại phải Agnès khờ-dại nhiều. Harpagon keo-cú quá, con không thể chịu được phải đánh lừa cha. Có lẽ hí-kịch phải theo phương-diện như thế thời mới thành được : những vai buồn cười là những người cứ cố-ý làm ngược, làm trái cái « thiên-nhiên », không biết rằng cái « thiên-nhiên » vốn nó tốt-lành thế nào và mãnh-liệt dường bao ; những người làm như thế tức là phản-đối với « sự thực » (*le vrai*), chớ không phải phản-đối với « điều lành » (*le bien*), cho nên chỉ nực-cười mà không khả-ố. Những thói dở, những nết xấu tả trong hí-kịch, là những sự phản-đoán lầm phạm đến chính-lý, cho nên chỉ lấy cái cười mà trừng-trị vậy.

Song cái « thiên-nhiên » vốn nó vị-kỷ và cái bản-năng vốn nó vô-tri ; như thói keo-lận của lão Harpagon, như sự giả-dối của lão Tartufe, chẳng là cái tính thiên-nhiên của lão ru ? Quả có thế thật ; nhưng MOLIÈRE, cũng như RABELAIS, MONTAIGNE đời trước, lấy cái « chính-lý » (*la raison*) mà bỏ vào cho cái « thiên-nhiên ». Người ta có « chính-lý » mới là người, cái chính-lý ấy tự nó điều-độ hạn-chế lấy cái vật-dục của mỗi người. Trai gái thương nhau chính là bởi cái lòng vị-kỷ, nhưng là lòng « vị-kỷ không tư-kỷ » (*égoïsme désintéressé*), chính-lý cho là phải. Lão Harpagon keo-lận, lão Tartufe giả-dối cũng là bởi lòng vị-kỷ, mà lòng « vị-kỷ có tư-kỷ » (*égoïsme intéressé*), nên chính-lý không thể dung được. Có thể nói rằng cái « bản-năng » (*instinct*) của người ta vốn tự-do, nhưng có một cái giới-hạn đến đấy thời là chánh-đáng mà ra ngoài thời không chánh-đáng nữa, giới-hạn ấy bởi tự xã-hội, cho nên cái luân-lý của MOLIÈRE là một cái luân-lý rất hợp với lẽ sinh-tồn trong xã-hội. Người ta ai cũng có quyền được hoàn-toàn phát-siển cái bản-tính thiên-nhiên của mình, thành ra cái quyền của mỗi người phải lấy cái quyền của người khác làm giới-hạn, mà tự mình cũng làm giới-hạn cho người. Không ai có phép được lung-lạc, được cơ-mi một người khác, làm cho mất nhân-cách người ta đi, tức như trong triết-học nói là : không được đem cái « cứu-cánh » mà làm « phương-tiện » vậy (*traiter comme moyen ce qui est une fin en soi*). Ấy cái lỗi của lão Arnophe là như thế, lão chỉ biết ích-kỷ, lão bắt con gái là Agnès phải chịu ngu-si không được học-hành, cầm giữ không được hưởng-thụ những sự lạc-thú thiên-nhiên ; nhưng cái bản-tính của Agnès không chịu được như thế, bèn phản-đối lại, mà cố tìm cho được sung-sướng mới thỏa lòng ; MOLIÈRE cho thế là phải.

Người nào đã được hưởng phần sung-sướng rồi, thời nên để cho người khác cũng được hưởng chung ; cái công-lệ thiên-nhiên như thế ; cho nên cha mẹ đã được hưởng, phải để phần cho các con. MOLIÈRE rất là tức-giận những người làm cha mẹ chỉ muốn lợi-dụng con-cái để cho thỏa cái ý-hướng, sự yêu-cầu riêng của mình, con đã khôn-lớn đến tuổi tự-lập được cũng không chịu buông-thả ra. Quyền cha mẹ về thế-kỷ thứ 17 thật nghiêm-khắc quá : Ông MOLIÈRE bài-bác diều-cợt, muốn phá cho tan

sự áp-chế ấy. Ông chỉ biết rằng cha mẹ phải yêu-dấu con, khoan-dung với con mà thôi : cái « thiên-nhiên » vốn nó rất mực nhân-từ phải-chẳng, nó muốn rằng đứa con có thế-lực hơn cha, nó yêu-cầu cho đứa con đã sinh ra phải được hưởng cho đầy-đủ phần vui-thú ở đời, kẻ là cha mẹ phải ra công giúm-giúp cho con được sung-sướng.

Phàm luân-lý nào đã lấy cái quan-niệm rằng cái « thiên-nhiên » vốn tốt-lành và cái « bản-năng » vốn chánh-đáng làm gốc, mà lại muốn hạn-chế cho cái dục-tình khỏi phóng-túng quá, thời tất kết-luận phải hợp-nhất sự đạo-đức với lòng bác-ái; luân-lý ông Molière cũng vậy. Cái công-phu tu-luyện tâm-thân của mỗi người cho hoàn-toàn tốt-đẹp, phải tùy thuộc vào cái công-đức chung của xã-hội, tùy theo với lòng bác-ái, với bụng nhân-từ. Việc gì mà không ảnh-hưởng đến xã-hội thời không quan-hệ gì, muốn làm sao cũng được. Song cũng có một cái giới-hạn, là người ta phàm đã có bụng chân-chính bao giờ cũng mong-muốn, cũng khao-khát sự thực, lòng cao-thượng ấy đủ hạn-chế được sự hành-vi không đến nỗi sai-lầm thất-đáng. Người chân-chính nào như thế tức là người quân-tử, biết lấy lòng trọng sự thực làm một sự đạo-đức tuyệt-luân, trong các việc đạo-đức duy có việc ấy là nên tận-tâm thành-đốc mà làm, không phải quan-tâm đến cái kết-quả cùng sự ảnh-hưởng về sau thế nào. Song, tiếc thay, nếu quan-sát sự đời cho kỹ thời thấy rằng cái lòng tôn-trọng sự thực ấy ở đời này hiếm có lắm, và có lẽ nếu ở đời hết thảy người ta ai cũng có cái lòng ấy cả thời xã-hội không sinh-tồn được nữa. Bởi thế nên trong bài « Người chán đời » có một cái dư-vị chua-cay như thế. Tận-tâm tận-lực để mà bảo-tồn cho cái chân-lý, cho sự « thiên-nhiên », thấy cái gì sai chân-lý, trái thiên-nhiên, thời bài-sích, thời công-kích. thế mà nhận ra thời thấy rằng ở đời này nếu một người nào mà có hoài-bão cái chân-lý ấy ở trong lòng muốn đem ra để truyền-thụ, để cống-hiến cho người khác, xã-hội tất không dung mà làm cho đau-khổ, làm cho tê-tái, muốn bài-trừ ra ngoài ; xã-hội kỳ-thực là sinh-trưởng ở trong một cái cõi giả-dối hư-ngụy, như có đám mây mờ che-ám mất cả cái bản-sắc thiên-nhiên. Alceste đã tỉnh-ngộ mà biết như thế, trách nào không tức-giận mà đắng-cay trong lòng. Trong bài « Người chán đời » hình như đã manh-nha ra cái sự mâu-thuẫn li-kỳ về « người của xã-hội » với « người trong thiên-nhiên » (*la fameuse antithèse de l'homme social et de l'homme naturel*), sự mâu-thuẫn ấy mãi đến ông J.-J. Rousseau mới phát-minh ra hết lẽ vậy.

Khởi-điểm như thế, nguyên-lý như thế, thời cái luân-lý của Molière chỉ có thể làm một cái luân-lý thực-tiễn mà thôi. Quả như vậy : luân-lý của ông vụ-thực một cách rất quả-quyết mạnh-bạo. Luân-lý ấy không có cao-việt gì, không có nghiêm-khắc gì, không có từ-bi như đạo Thiên-chúa, không có cương-nghị như đạo Hi-lạp : cái lý-tưởng của luân-lý ấy là một cái lý-tưởng rất dễ-dàng, rất êm-ái về sự hạnh-phúc cho người ta và sự hòa-lạc trong xã-hội. Luân-lý ấy chỉ chủ làm nên những người chân-chính cố giúp nhau mà gây cho được cái sung-sướng ở đời. Nhưng xét trong luân-lý ấy có một cái đặc-sắc lạ như sau này, là luân-lý ấy có cái « tính-cách kẻ chợ »

(*caractère bourgeois*)[1]: tác-giả là một kẻ mần tuồng, trong bao nhiêu lâu đi giong-dài khắp mọi nơi, suốt một đời những can-thiệp với họ Béjart (là nhà vợ ông) là một nhà giang-hồ có tiếng, lấy vợ không xứng đôi, trong gia-đình chỉ biết những sự phiền-muộn ỷ-eo, thế mà trong các kịch-bản soạn ra lại hình như mơ-màng cái hạnh-phúc « kẻ-chợ », mơ-màng cái thú gia-đình hòa-vui êm-thấm. Bởi đó nên trong các tích tuồng của ông, ông chỉ ưa những truyện có quan-hệ đến sự hạnh-phúc vợ chồng, đến sự gia-đình lạc-thú. Có hai cái vấn-đề ông thường xét đến luôn : là cái vấn-đề kết-hôn và cái vấn-đề giáo-dục đàn-bà con-gái.

Trong sự kết-hôn, ông yêu-cầu phải có bốn điều xứng-hợp mới được. Thứ nhất phải cho giai-cấp xứng-hợp ; đó là một sự yêu-cầu không phải về lẽ thiên-nhiên mà về lẽ xã-hội : như Georges Dandin là nhà bỉ-tiện mà lấy vợ ở bậc trên mình chỉ đủ làm khổ cho mình. Thứ nhì phải có tính-tình xứng-hợp (nếu giai-cấp không xứng-hợp thời tính-tình cũng không xứng-hợp được, thành ra lẽ xã-hội rút lại cũng là một lẽ thiên-nhiên) : như gả anh hủ-nho Trissotin cho chị Henriette chất-thực, gả anh Tartufe giả-dối cho chị Marianne thật-thà, gả anh lang ế Diafoirus cho một người con gái yêu-điệu như nàng Angélique, thời thật là điên-đồ vậy. Thứ ba phải cho niên-sỉ xứng-hợp : tạo-vật sinh ra con trai để lấy con gái làm vợ ; người già chỉ được làm bậc ông cha mà thôi ; Arnolphe đã già mà muốn lấy nàng Agnès là có tội, Harpagon muốn tranh gái với con là thằng dồ. Sau hết phải có ái-tình xứng-hợp, cái này là cái cần hơn nhất, có thể bao-gồm và thay-vì được cả ba cái trên : tạo-vật có cái khuynh-hướng tự-nhiên muốn đưa giắt người ta đến chỗ ái-tình, như là nơi mục-đích cao nhất của đời người, vậy thời ái-tình ở đâu tức là chính-lý ở đấy, không ai có quyền ngăn giữ được ái-tình.

Cái vấn-đề thứ nhì là vấn-đề giáo-dục con gái. Ông Molière không muốn cho con gái bị giam-cầm trong xó nhà như lũ Isabelle, không muốn ngu-si dốt nát như Agnès, không muốn đài-các dởm như Madelon, không muốn hay chữ khan như Armande. Theo ý ông thời đàn-bà phải hoặc yểu-điệu mà lịch-sự như Elmire, hoặc chất-phác mà thành-thực như Eliante. Ông không coi người đàn-bà là một giống oái-oăm kỳ-quặc, nông-nổi mà éo-le, mơ-hồ mà chất-chưởng, như các nhà làm sách cận-đại thường mô-tả như thế. Cái mô-giạng đàn-bà ấy trong kịch-bộ của ông không thấy bao giờ (trừ có vai Agnès hơi phảng-phất một chút mà thôi). Đại-đề các vai đàn-bà của ông đều có cái thái-độ cương-cường mạnh-bạo cả : người đàn-bà chân-chính chẳng có khác chi người đàn ông chân-chính : cũng thông-minh chính-trực như thế, chỉ thêm có cái vẻ mĩ-miều khả-ái mà thôi.

---

(1) « Kẻ chợ » là dịch nghĩa đen chữ *bourgeois*, chính nghĩa là người ở nơi phố-phường thị-tỉnh, đối với người nhà quê. Nhưng chữ *bourgeois* còn có một nghĩa rộng nữa, là chỉ hạng trung-lưu xã-hội, trên hạng dân quê và dưới hạng thượng-lưu quí-tộc, tức là bọn buôn bán làm nghề ở những nơi thị-thành. Bọn này có tư-bản, hay thương công kế lợi, mà cũng hay cần-thủ giữ gìn, không có cái chí cao-thượng viển-đại gì, nhưng thực là cái nền gốc của xã hội. Nay dịch là « kẻ chợ » thời đúng với nghĩa đen của chữ tây và suy-diễn ra cũng phảng-phất được cái nghĩa bóng vậy. Cái luân-lý, cái phong-tục « kẻ chợ » tức là phong-tục luân-lý các nhà phường-phố, cứ suy thế thời tinh-lược được cái nghĩa riêng của chữ ấy.

Người đàn-bà ấy lúc còn con gái thời đại-khái như vai Léonor khôn-ngoan mà lanh-lợi, hay là vai Angélique (trong bài « Bệnh tưởng ») yêu-điệu mà êm-ái, nhưng thứ nhất là vai Henriette ; người làm cha làm chồng phải nên biết : con gái như thế mới là con gái tuyệt-luân. Nàng Henriette có tình với người yêu là thành-thực, không có khoa-trương, không có mơ-mộng, tình cầm-sắt mà cũng vững-vàng chân-thật như tình cầm-kỳ vậy ; nàng lại có cái trí sáng-suốt, minh-mẫn, hay thông-hiểu sự-thế ; lại có tính vụ-thực, biết rằng trong đời người chỉ có bấy nhiêu phần hạnh-phúc, không nên yêu-cầu quá-đáng, phận mình được bao nhiêu hay bấy nhiêu, nhưng được bao nhiêu muốn tận-hưởng cho hết bấy nhiêu mới nghe. Nàng tự gây-dựng lấy mình, không có mẹ nào dạy [1]. Như hai vai Léonor và Angélique trên kia cũng là con bồ-côi cả, nên cách giáo-dục có phần cương hơn là nhu vậy. Henriette thời tính vui mà biết điều, thật là hình-ảnh một cô « kẻ-chợ » (*une bourgeoise*), mĩ-miều mà khôn-ngoan, lấy chồng chắc được chồng yêu, đẻ con chắc được con quí. Chắc có người nói rằng trong tư-cách cô Henriette còn có điều khuyết-điểm : những người đa-tình đa-cảm tất cho cô là ít vẻ nồng-nàn, ít bề tình-thú. Con gái phải có cái khí-vị thanh-nhã như câu thơ thời mới thú, chớ như cô thuần là văn xuôi cả ! Song, nhưng cái văn xuôi của cô nó sáng-sủa, mạnh-mẽ và có chỉ-thú là dường nào ! Mà cái văn ấy sao nó thích-hợp với tính-tình người Pháp như thế ! Cái khuyết-điểm của cô tức là cái khuyết-điểm chung của cả dân Pháp vậy.

Kể các nhà văn-sĩ nước Pháp về thế-kỷ thứ 17, thời ông Molière là nhà có cái tính-cách hợp với tâm-lý dân Pháp hơn cả, có phần hơn ông La Fontaine, vì ông La Fontaine có cái tư-cách thi-nhân quá, không đại-biểu cho cái tư-cách chung của người Pháp được. Chớ như cái thiên-tài của ông Molière thời là gồm được cả các tính tốt của người Pháp mà khoáng-trương đến cực-điểm vậy. Bởi đó nên hồi đương-thời tuy ông cũng nhiều người hiềm-thù mà ông được thiên-hạ hoan-nghênh biết bao nhiêu ! Kẻ thù ông không bao giờ làm được cho ông mất lòng vua yêu, mất lòng các bọn quí-tộc trọng. Trong tuồng ông, ông chế diễu bọn quí-tộc biết bao nhiêu, mà bọn ấy lại cổ-võ ông hơn cả. Mấy năm sau ông chuyên tả về phong-tục « kẻ chợ », nhiều hơn là phong-tục nơi quyền-quí : thậm-chí có kẻ tiếc rằng trong mấy bản kịch sau của ông ít bài-bác về bọn quí-tộc vậy. Ông vừa chết thời bao nhiêu những kẻ ghen-ghét, kẻ phản-đối, kẻ công-kích ông, đều như thúc-giáp qui-hàng cả, và công-nhận ông là một bậc thiên-tài tuyệt-luân, cổ-lai ít người sánh cùng. Tự bấy đến nay danh-giá ông không bao giờ sút vậy.

4°. — Lược-sử nghề hí-kịch ở nước Pháp trước và sau ông Molière [2]

Hí-kịch ở nước Pháp có từ đời Trung-cổ ; bấy giờ gọi là tuồng « khôi-hài » (*farce*), tuồng « giả điên » (*sotie*) hay là tuồng « khuyến-giới » (*moralité*). Nhưng thật lối hí-kịch thời khác các lối ấy và không phải do ở đấy mà ra. Lối hí-kịch xuất-hiện ra ở nước Pháp

(1) Đại-đề trong kịch-bản của Molière các vai mẹ ít lắm. Ý-giả chính tác-giả cũng bồ-côi mẹ sớm nên trong sự kinh-lịch có khuyết-điểm về đường mẫu-đạo chăng ?

(2) Tiết sau này là dịch ở sách Bách-khoa tự-điển *Nouveau Larousse illustré*.

vào thế-kỷ thứ 16 : trước còn là bắt-chước tuồng Ý-đại-lợi cùng là tổ-thuật tuồng cổ của Hi-lạp và La-mã. Đời ấy có Jodelle, Charles Estienne, Ronsard, Baïf, mấy nhà ấy thời dịch thẳng các bài hài-kịch cổ ; Larivey là nhà trước-danh nhất thời bắt chước các kiểu của Ý-đại-lợi, Jean de La Taille, J. Godard, Odet de Turnèbe cũng vậy. Song lối hi-kịch ấy tuy có thày có sách mà kết-cấu không được tự-nhiên, nên trong một hồi lâu đã bị bỏ, và trong khoảng ba mươi năm đầu thế-kỷ thứ 17 bị lối tuồng « khôi-hài » (*farce*) lấn mất. Nhưng tự năm 1630 cho đến năm 1660 lại thịnh-hành, bấy giờ có lũ Rotrou, Mairet, Desmarets de Saint-Sorlin, Scarron, Boisrobert, Thomas Corneille, Quinault, Cyrano de Bergerac, Gillet de La Tessonnerie, Tristan l'Hermite, nổi danh về nghề hi-kịch. Trừ mấy nhà đặt truyện lấy, còn phần nhiều thời kiếm truyện ở trong tuồng Tây-ban-nha. Nói tóm lại thời từ trước cho đến ông Molière, cái đặc-sắc của hi-kịch là những truyện bịa đặt ra kỳ-quặc rắc-rối, các vai không được tự-nhiên, nhiều khi lạm-dụng lối hài-hước quá. Chỉ trừ có ông Corneille thường soạn những bài hi-kịch về phong-tục, có phong-thể và có ý-tứ lắm, truyện vui mà không buồn cười, các vai ăn nói lịch-sự, mà không có hài-hước lắm, cũng biệt ra một lối có giá-trị thời bấy giờ. Tự năm 1660 đến 1673 thời Molière là chủ-nhân-ông trong nghề hi-kịch. Ông cũng như các nhà văn-sĩ về khoảng năm 1660, cái chủ-nghĩa của ông là người ta ở đời phải theo lẽ thiên-nhiên, người nào không theo hoặc làm trái ngược lại là người khờ-dại, điên-dồ, muôn sự khổ-sở cũng vì đó mà ra, nên trong tuồng của ông toàn là chào-phúng diễu-cợt những kẻ dồ-dại ấy một cách nực cười lắm, nhưng trong cái cười ấy đều có ngụ một cái ý chua cay cả, lắm bài thể là hi-kịch mà ý là bi-kịch vậy. Ông không ưa kết-cấu ra những truyện rắc-rối và chỉ chủ quan-sát về tính-tình người ta, tả là tả những người đương-thời mình mà tự-nhiên phát-minh được những tính phổ-thông của cả loài người ; thể tuồng thời vừa dùng lối khôi-hài, vừa dùng lối tả người, vừa dùng lối tả phong-tục, mấy lối điều-hòa hỗn-hợp với nhau. Tuồng của ông có cái ngụ-ý về luân-lý là cốt chứng-minh rằng người ta hễ thuận lẽ thiên-nhiên, theo cái chính-lý thì được sung-sướng, hễ trái lẽ thiên-nhiên, không theo chính-lý thời bị khốn-khổ. Tuy ông xướng ra cái lối diễn-kịch chính-đại xương-minh như thế, mà ít người biết theo đòi ông. Thomas Corneille và Montfleury vẫn làm những bài kịch theo lối Tây-ban-nha, dùng lối hài-hước một cách thô-lỗ và quá-đáng. Bài « Bọn đi kiện » (*Les Plaideurs*) của Racine thì thuộc về lối tuồng phong-tục, bắt chước tuồng Aristophane đời xưa ; bài « Người may » (*L'Homme à bonnes fortunes*) của Baron cùng những bài tuồng hiện-thời của Visé và Boursault cũng thuộc về lối ấy.

Về cuối đời vua Louis xiv có ba nhà soạn hi-kịch trước-danh : Regnard thì không chủ cho đúng sự thực, không cần lấy được tự-nhiên, chỉ chuyên một lối pha-trò từ đầu chí cuối ; Dancourt thời tả cái hiện-trạng xã-hội về đầu thế-kỷ thứ 18 hệt lắm, đời bấy giờ bọn « lý-tài » (*les financiers*) đương thịnh-hành ; Le Sage thời tả phong-tục đương-thời một cách khốc-liệt quá, có ý quá thiên về lối chào-phúng, lắm khi diễu-cợt một cách rất chua-cay. Về thế-kỷ thứ 18 thời Marivaux thoát-li hẳn lối tuồng cổ và không theo qui-củ gì cả. Ông đặt những bài kịch có ngụ triết-lý, bày ra những cảnh mung-lung phiếu-diêu như thực

như không, tả những trạng-thái về ái-tình tiêm-tất và tinh-vi, truyện rất thiết-thực mà cảnh như mơ-màng, biệt-lập ra một lối hí-kịch có cái khí-vị phong-nhã thanh-tao, phảng-phất như lối bi-kịch của RACINE vậy. DESTOUCHES thời muốn làm lối tuồng tả người, có ngụ ý khuyến-giới, nhưng xét ra không sở-trường về lối ấy, chỉ có cái tài châm-biếm mà thôi. Văn-chương Pháp về thế-kỷ thứ 18 có xảy ra một sự đại-biến: là cái tình (*le sentiment*), nhất là sầu-tình ai-tình, thịnh-hành lắm. Sự biến ấy cũng có ảnh-hưởng đến lối hí-kịch: NIVELLE DE LA CHAUSSÉE xướng ra một lối hí-kịch riêng gọi là « lưu-thệ hí-kịch » (*comédie larmoyante*), lối ấy tuy khuyết-điểm nhiều, nhưng cũng là khai đường mở lối cho lối hí-kịch ngày nay tả về những sự biến-cố trong gia-đình. Những kịch-bản của DIDEROT, mấy bài hí-kịch của VOLTAIRE và BEAUMARCHAIS cũng là theo về lối ấy. PIRON, GRESSET thời lại làm tuồng chào-phúng về phong-tục. Mấy bài hí-kịch của VOLTAIRE và PALISSOT thời là những bài tranh-biện cãi lẽ. BEAUMARCHAIS thời tóm được các lối hí-kịch của người trước, cùng những lối của Ý-đại-lợi, của Tây-ban-nha, của MOLIÈRE, MARIVAUX, DIDEROT. Nhưng ông biết khéo tả người theo hình-dung thái-độ của đời bấy giờ. Lối hí-kịch của ông lại có can-thiệp đến chính-trị nữa, và thường bài-bác chỉ-trích những nhân-vật cùng sự-vật thuộc về cựu-triều. Kịch viết bằng văn xuôi, kết-cấu lanh-lợi, lời đối-đáp dĩnh-ngộ mà chua-cay, thật là phôi-thai ra cái thể diễn-kịch đời nay. Sau ông BEAUMARCHAIS thời lối hí-kịch bị suy trong một hồi lâu: bấy giờ có PICARD và C. DELAVIGNE tuy soạn kịch cũng có tiếng, nhưng không thể chấn-hưng lên được. Kịp đến cái phong-trào « bài-cổ » (*romantisme*) xướng lên, thời lối hí-kịch lại càng thất-thế. MUSSET tuy có nghĩ ra một lối hài-kịch cũng lí-kỳ, nhưng là thuộc về văn-chương, không thể đem diễn được. Trong khoảng năm-mươi năm đầu thế-kỷ thứ 19, lối hí-kịch thịnh-hành là lối của SCRIBE và DUMAS cha, chỉ trọng cách cấu-tạo cho khéo, đặt truyện cho kỳ, mà không có tư-tưởng, không có tình-tình gì cả. Còn những bài hí-kịch soạn theo mấy bộ tiểu-thuyết trước-danh của G. SAND, J. SANDEAU, O. FEUILLET thời thường-thường giá-trị kém nguyên-bản nhiều. Những bài của LABICHE thời thuộc về lối « hài-kịch » (*vaudeville*). Sau năm 1850 thời lối hí-kịch lại phục-hưng, nhờ có AUGIER và DUMAS con. Hai ông đều soạn những kịch-bản có nghĩa-lý, vừa tả phong-tục đương-thời, vừa xướng những chủ-nghĩa về xã-hội, về luân-lý; ông AUGIER thời lấy cái lẽ phải triết-trung mà phản-đối với những sự quá-kịch của phái « bài-cổ » (*les romantiques*); ông DUMAS thời đem cái văn-chương hoạt-bát mạnh-mẽ mà xướng-suất những chủ-nghĩa rất mới rất bạo. Hai ông thật là hai bậc cự-phách trong nghề diễn-kịch đời nay, sau hai ông thời đến thời-đại hiện-kim, lối hí-kịch lại càng thịnh-hành lắm. Kể qua những nhà nổi danh về nghề ấy thời có SARDOU, HALÉVY, MEILHAC, GOUDINET, BARRIÈRE, PAILLERON, BECQUE; rồi gần đây thời có J. LEMAÎTRE, F. DE CUREL, PORTO-RICHE, DONNAY, LAVEDAN, ROSTAND, BERGERAT, HERVIEU, trong các ông ấy nhiều ông hiện còn sống. Đó là kể những nhà nổi tiếng đã lâu, còn những nhà mới trước-danh sau này nhiều lắm, đủ biết hí-kịch đời nay thịnh chẳng kém chi đời trước vậy.

THƯỢNG-CHI *biên-dịch.*

MẤY LỜI BÌNH-LUẬN VỀ CUỘC DIỄN-KỊCH

CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Bản-chí mới tiếp được bài lai-cảo sau này phản-đối về cuộc diễn-kịch của Hội « Khai-trí tiến-đức » ngày 25 tháng 4 trước. Tác-giả không ký tên, chỉ đề hiệu là Nam-minh. *Theo lệ thường của các báo-quán thời phàm lai-cảo không ký tên không thể đăng được ; dù tác-giả không muốn in tên vào báo, cũng phải cho tòa soạn biết. Song bản-chí xưa nay vẫn lấy sự khoan-dung đối với các nhà ngôn-luận : phàm những bài nghị-luận chánh-đáng, dầu không hợp lề-luật của báo-gia, bản-chí cũng sẵn lòng hoan-nghênh. Nay xét bài lai-cảo của ông* Nam-minh *thời ý-kiến tuy có hơi thiên và hẹp một chút, nhưng lời-lẽ cũng chánh-đáng, lại có cái tư-tưởng về thời-thế, về phong-tục rất đáng khen. Chắc khi ông viết bài này cũng là vì bụng thành-thực, thấy một sự tưởng là nguy-hiểm cho quốc-dân, cho xã-hội, nên phải vội-vàng lấy những lời thiết-tha cảnh-thế mà trung-cáo với đồng-bào, chớ bản-tâm không phải là muốn bài-bác chi ai. Bởi các lẽ đó, nên bản-chí cũng lấy làm vui đăng bài của ông ra sau đây, để thêm một mối công-luận cho quốc-dân và cho các bạn đọc báo. Dưới có phụ thêm mấy câu trả lời của bản-chí chủ-bút, không phải là định phản-đối lại ông, nhưng muốn cùng ông phân-giải mấy lẽ hoặc ông chưa xét đến, hoặc ông bàn chửa đến nơi vậy. — Những lời cước-chú cũng là của bản-chí chủ-bút.*

N. - P.

« Decipimur specie recti »
(HORACE, *Art poétique*)
« Ta bị lừa về cái bề ngoài dả dối của điều nghĩa »

Hôm chủ-nhật 25 tháng tư vừa đây, hội « Khai-trí-tiến-đức » có diễn tại nhà hát tây phố Tràng-tiền, lớp tuồng « *Bệnh tưởng* » của MOLIÈRE tiên-sinh. Nhân thấy cái chủ-đích buổi khai-diễn hôm ấy là việc nghĩa, vả bài kịch là của một tay danh-sĩ Pháp soạn ra, tả diễu phong-tục tính-tình người Pháp, mà người Việt-Nam ta lại là những bậc tai mắt trong Hội ra đóng trò, nên muốn đi ngay. Ai mới bước chân vào nhà hát trông thấy cái quang-cảnh dân ta hôm ấy chẳng tưởng là trình-độ mình đã lên cao mấy bậc mà mừng cho cái hậu-vận sau này, nhưng nghĩ cho kỹ, bây giờ mừng bao nhiêu, sau này có điều lo bấy nhiêu, cũng vì sự lo đó nên phải viết bài này, không phải là có ý bài-bác chi cả, chỉ muốn bầy tỏ chút tư-tưởng thiển-cận, bình-tĩnh mà luận cái công-cuộc to lớn của các ngài trong Hội muốn dựng nên. Tôi cũng biết nhiều người không đồng-ý với tôi, nhưng càng nhiều người không đồng-ý thì cái lẽ lại càng phải viết. Ôi ! ở đời này vẫn thế : không thường thời là quái, không theo các bậc « trí-thức » là người « vô-học » ; song dù là « quái » là « vô-học » thế nào mặc lòng, nhưng nghĩa-vụ, vì lẽ-phải mà viết, vì sự-thực mà viết, viết để tỏ sự lợi, sự hại, viết để rõ việc dở việc hay, thì cái viết đó cũng không phải là vô-ích mà các ngài trong Hội cũng nên biết vậy.

Các ngài đã tự nhận cái chức-vị tối-cao, tối-trọng, là cái chức-vị thượng-lưu trong xã-hội, các ngài đã muốn vì quốc-dân mà lập ra một Hội

có ảnh-hưởng sâu-xa là hội « Khai-trí tiến-đức » để cầm-cân nẩy-mực cho công-dân, thì các ngài phải hiểu rằng cái tiền-đồ của quốc-dân là ở trong tay các ngài đưa đường chỉ nẻo, hoặc lên một địa-vị cao hơn, hoặc xuống một trình-độ thấp nữa. Nay xem bài diễn-thuyết của Phạm đại-nhân đọc thay mặt Hội và cuộc khai-diễn vừa rồi thì hiểu cái mục-đích cải-lương hi-kịch của các ngài để sau này nên một lối « văn-chương mới có ý-vị phong-nhã » cũng là theo cái chủ-ý « khai-trí » của hội, kể ra thì hay thật, vui thật, nhưng trong cái hay cái vui ấy, cũng không phải là không có cái dở ; mà xét kỹ thì cái vui không mấy, cái dở lại phần nhiều : đã hay rằng muôn việc làm ra không thể nào hoàn-hảo được cả, phải có hay có dở, nhưng cũng nên xét xem việc gì dở ít, hay nhiều hãy làm, chớ ai chẳng biết mở ra trò này cuộc nọ là vui, nhưng nếu mua vui trong mấy phút đồng hồ mà để hại cho luân-thường, thế-đạo sao nên ? Tôi cũng biết mục-đích các ngài là muốn gây-dựng nên một công-cuộc rất to-tát để đưa-dắt quốc-dân lên đàn văn-minh rực-rỡ mai sau ; nhưng các ngài thiếu gì cách để « khai-trí » cho dân, mà chưa chi đã « khai-diễn » vội phải dùng đến cái nghề phường chèo ấy ? thiếu gì việc còn đương cần cải-lương cho được tận-thiện, tận-mĩ, mà chưa chi cứ chăm chăm cải-lương cho mấy bọn hề bôi nhọ ?

Cứ nghe bài diễn-thuyết đọc hôm ấy, lời lẽ trôi chảy, biện-bạch phân-minh, lúc sắp khai-diễn mà đáo-đầu như vậy, ai chẳng thích, chẳng chịu là phải. Chỉ như bài của ông Nguyễn Mạnh-Bồng đăng trong số báo *Trung-Bắc* ngày 20 tháng tư năm 1920, nào những : « làm cho nghề diễn kịch nước mình từ nay mà đi thêm một vẻ tân-kỳ nữa (!!) ..... » ; nào những : « Ngày hôm ấy thực đủ trò vui, song vui thanh vui nhã, vui có thú-vị, có ích-lợi, có văn-chương, có ca-nhạc, có tài-tử, có giai-nhân, lại hàm cả tinh-thần hướng nghĩa nữa. Vui này có lẽ cổ-lai chưa bao giờ có nhỉ (!!) ..... » ; thì thật không còn chiêu bài nào khéo bằng, chương-trình nào hay bằng. Ai nghe mà chẳng vui tai muốn đi, mà ham những « vui thanh, vui nhã, vui thú-vị, vui tài-tử, giai-nhân . . . » ; nhưng cái vui ấy càng vui bao nhiêu, cái dở lại dở bấy nhiêu, ai cũng chỉ thấy bảo vui là xô nhau vào mà ca-tụng đến tám-mươi-lăm cái vui mà chẳng hiểu biết bao nhiêu việc hại sẽ kết-quả cay-đắng sau này.

Các ngài đua nhau mà ngợi khen diễn-kịch, mà hăm-hở cải-lương diễn-kịch, vậy các ngài có hiểu cái lợi-hại của diễn-kịch ra làm sao không ? Các ngài nói rằng ; « Lối hát tuồng nước mình xưa chỉ động đến cái tai con mắt người ta thôi », vậy thì « diễn-kịch ngày nay, có cái phong-thú khiến cho người phong-nhã say mê, kẻ tài-tình cảm-đồng » chăng ? Các ngài phải biết rằng diễn-kịch chẳng qua là đem một tấn truyện diễn trên sân khấu ra lời nói, ra giáng-điệu, để làm cho tai nghe tiếng mắt trông thấy, mà không cần đến trí phải tưởng-tượng ra, những người trong truyện hành-động thì chỉ đủ làm cho vui hạng người tầm-thường thô-thiển mà thôi, chớ bậc người tài-tình phong-nhã ai là người lấy diễn-kịch là một cái thú đặc-biệt, lại có thể làm cho say-mê cảm-động bao giờ ? Phàm người ta mỗi người có một thứ mắt riêng : kẻ tầm-thường thì lấy con mắt tầm-thường chỉ hiểu biết những việc thiển-cận trông thấy trước mắt, nghe thấy bên tai mà thôi, chớ bậc người tri-thức còn có con mắt tư-tưởng, thích trông những vật vô-hình nó siêu-việt ra ngoài cái thường-tình của công-

chúng, như đọc một bài văn cao xa, xem một câu truyện cảm-động thì cái óc tự mô-tả nên, tấm lòng tự cảm-súc thấy, chớ không cần gì mắt phải trông thấy, tai phải nghe tiếng mới hiểu được. (1) Ôi, một bài văn, một câu truyện, nào có gì đâu, chỉ là giòng chữ đen trên tờ giấy trắng mà thôi, cốt tự cái trí người đọc sách tưởng-tượng ra, hình-dung lấy : những hình-trạng, những tình-tình, những quang-cảnh, nhân-vật, những vẻ kỳ-khôi, những mầu sặn-lán, những tư-tưởng khi bổng khi trầm, khi cao, khi thấp trong bài văn nó làm cho hoặc phấn-khởi trong lòng, hoặc ai-bi trong dạ, thật không gì cảm-hóa người ta sâu bằng... Ông A. France có nói rằng : « Trong một quyển sách, mỗi chữ là một ngón tay vô-hình bí-mật sẽ lơi gẩy một đường tơ trong óc ta như sợi giây trên cây đàn mà nên một tiếng thanh-âm trong làm-hồn vang-động của ta..... » (*... Chaque mot d'un livre est un doigt mystérieux qui effleure une fibre de notre cerveau comme la corde d'une harpe et éveille ainsi une note dans notre âme sonore....*)

Ấy cái lạc-thú của người thức-giả trong sự độc-thư là ở cái âm-hưởng êm-đềm réo-rắt, to-nhỏ ni-non như tiếng vàng, tiếng sắt chen nhau trong lòng...; đó mới thật là cái thú phong-nhã, cao-thượng, cái thú thuộc về tinh-thần, cái « thú hoạt-động » vậy (*joie active*) ! Những kẻ chi-khí hẹp-hòi nông-nổi, hiểu sao được cái cao-hứng ấy, nên chỉ lấy giọng nói, câu cười, giáng đi, điệu đứng, mầu này, sắc khác, rực-rỡ phô bầy trước mắt trên sân khấu là vui, mà cái vui đó cũng chẳng qua hẹp-hòi, nông-nổi như kẻ đến coi, cái vui đó tức là cái vui « thụ-động » (*plaisir passif*) dễ thoảng qua đi, thật không chút khí-vị êm-đềm đặc-biệt gì ! — Thế thì diễn-kịch có vui, có hay, chỉ vui hay cho bọn tầm-thường thôi, chớ người trí-thức còn thấy cái gì vô-vị, lạt-lẽo cho bằng ! (2) Mà không những là chỉ vô-vị lạt-lẽo mà thôi đâu, lắm khi lại làm mất cả cái chỉ-thú của sự « tưởng-tượng » nữa. Ông L. Veuillot, là tay làm báo có biệt-tài nước Pháp phẩm-bình về diễn-kịch hiện-thời có nói rằng : « Những tấn truyện hay mà đem diễn trên sân khấu thì phí mất cả, vì không có con hát ;.... chỉ lấy trí tưởng-tượng mà miêu-tả những vai nam nữ chính trong truyện ; chớ đồ phường chèo đóng làm sao nổi..... » (*Les beaux ouvrages perdent à la scène, faute d'acteurs..., l'imagination fait des héros et*

(1) Đã hay rằng thế, nhưng đã biết tư-tưởng, lại được mắt thấy tai nghe nữa thời càng hay chớ có hại chi ? Người trí-thức mà chỉ biết dùng sự tư-tưởng thôi, không dùng đến các giác-quan khác, thời sao gọi là có cái tư-cách hoàn-toàn được ? Sự tư-tưởng bao giờ cũng phải căn-cứ ở cái hiện-tượng. Cách giáo-dục của ta ngày xưa sai-lầm là vì không hiểu lẽ đó. Cứ ngồi ngâm thơ, rồi tưởng-tượng ra những chốn bồng-lai tiên-cảnh nào mắt không thấy bao giờ, kết-quả thành ra những người mơ-mộng, không biết sự thực là cái gì. .. .. .

des héroïnes ; les comédiens ne peuvent donner tant.....) [1].

Mà thật thế : lắm khi những con hát « mặt mếu », dã không hiểu truyện, lại đóng trò sai cả ý-nghĩa, mất cả tinh-thần, thì cảm làm sao được những khách thâm-tư trầm-tưởng, chẳng bõ làm cho người ta thêm chán. [2]

Vậy thời diễn-kịch còn có cái gì là cái phong-thú cho người thanh-nhã tài-tình mà khiến say-mê cảm-động được.

Ấy, nghề hí-kịch đã không có chút « phong-thú », chút « vui thanh, vui nhã, vui thú-vị, vui văn-chương,.. » gì cho bậc người tao-khách, như thế.

Vậy có thể « làm một cách giáo-dục tốt cho công-chúng » được không ? — Vấn-đề này chắc ai cũng đồng-thanh mà công-nhận là được.

— Phải, cũng có lẽ được thật, nhưng đã gọi là một cách « giáo-dục tốt », thì hỏi giáo-dục được những điều gì ? — Giáo-dục cho biết điều hay, điều dở, điều thiện, điều ác chăng ? — Ử, thế thì ở một nước, một thời-đại chưa có diễn-kịch dễ không hiểu biết điều thiện, điều ác, điều dở, điều hay là gì ư ? Có diễn-kịch mới biết yêu người hiền, ghét kẻ ác ư ? Phương Á-Đông ta, từ mấy nghìn năm về trước, chưa có diễn-kịch, sao tình-tính vẫn thẳng-ngay, luân-thường vẫn rõ-rệt ? Mà bây giờ, ngay bên Thái-Tây là chỗ văn-minh tân-học đương phồn-thịnh, lắm nước nào chốn diễn-đài nọ, nào nơi ca-quán kia, mà đạo-lý vẫn ngửa-nghiêng, nhân-tâm vẫn điên-đảo ? [3] Vậy cái công giáo-hóa của diễn-kịch được

---

(1) Câu này có lẽ về thời ông VEUILLOT thời đúng, mà ngày nay không đúng nữa. Hiện nay ở nước Pháp những tay « diễn-kịch » như bà SARAH BERNHARDT, bà BARTET, ông COQUELIN, ông MOUNET-SULLY, đã nổi danh là những bậc đại-tài, các nhà bình-phẩm khen là có tài sáng-tạo ra nhân-vật, nghĩa là biến-hóa những người vô-hình vô-ảnh trong bài kịch thành người hiển-nhiên như thực, không những giúp cho bài kịch thêm giá-trị, mà lắm khi làm nổi tiếng cho nhiều nhà soạn kịch nữa. Vả nghề diễn-kịch ở các nước văn-minh cũng là một « văn-nghệ » thuộc về mĩ-thuật, chớ không phải là nghề phường-chèo bồi-nhọ đâu. — Ông VEUILLOT nói câu trên này thật là một lời nghị-luận thất-đáng, vì chính đương thời ông nước Pháp có một tay diễn-kịch đại-tài, là nàng RACHEL, thường đóng vai trong những bài bi-kịch của CORNEILLE, RACINE, một cách tuyệt-diệu, ông há lại không biết ư ? — Nhưng phải biết rằng ông VEUILLOT là một nhà « tranh-biện » (*un polémiste*), tư-tưởng có hùng-dũng mà lắm khi thiên-lệch ; lại là một người sùng đạo Gia-tô, mà Giáo-hội thời xưa nay vẫn phản-đối với nghề diễn-kịch, chẳng cần phải nói ai cũng hiểu vậy.

(2) Tôi tưởng những bậc « tài-tử » diễn bài *Bệnh-tưởng* bữa trước cũng không đến nỗi là phường « mặt mếu » cả, mà đóng vai cũng không đến nỗi làm mất ý-nghĩa, mất tinh-thần của nguyên-văn cho lắm. Nhưng những bậc « thâm-tư trầm tưởng » như ông NAM-MINH có lẽ còn hi-vọng cao hơn nữa, chưa lấy thế làm được, cho vẫn còn là « mặt mếu » cả ; nếu vậy thời cũng khó làm cho bằng lòng các ông được.

(3) Ông phán-đoán câu này bạo qua. Cứ bình-tĩnh mà nói ông có thật tin rằng đạo-lý nhân-tâm ở các nước Âu-Mĩ « ngửa-nghiêng điên-đảo » hơn là ở các nước Á-đông không ? Về phần tôi, tôi không dám quả-quyết như thế. Tôi tưởng rằng người Âu-Mĩ theo một cách sinh-hoạt mãnh-liệt (*vie intensive*) hơn người các phương khác, cho nên cái dở cũng như cái hay của người ta nó bộc-lộ ra một cách rõ-ràng hơn, mình ngộ-nhận tưởng là cái đạo-đức-tâm của người ta sút kém mình, có đâu thế ! Cái hay cái giỏi người ta siêu-việt hơn mình, thời có lẽ cái dở cái xấu cũng rõ-rệt hơn mình, đều là tùy trình-độ tiến-hóa cả. Có một ngay mình đến trình-độ người ta thời mình cũng như người ta ; mà ngày ấy ta không nên sợ, nên lo, ta nên hết sức mong-mỏi vậy.... Ôi ! ông TAINE là một nhà triết-học trước-danh về thế-kỷ trước đã có câu nói rằng : « Người ta là một giống khỉ dâm-tàn » (*L'homme est un gorille féroce et lubrique*) ; thời dẫu người đời nào nước nào cũng có bấy nhiêu cái căn-tính đê-liệt ma thôi, ai dám nói ai hơn ai mà ai kém ai ? Chỉ có một điều, là người ta cường-thịnh mà mình yếu hèn, mình phải làm thế nào tự-cường cho bằng người ta, chớ chẳng nên tự-cao rằng cái đạo-đức-tâm của mình dầy tốt gì hơn người vậy. — Còn nghề diễn-kịch thời không phải một nghề ấy làm được cho lòng đạo-đức của người ta suy hay tiến ; nghị-luận như thế thời hẹp-hòi quá.

những gì ? Ôi, điều hay, điều dở, là tự trong thâm-tâm người ta, chớ diễn-kịch ở ngoài có ảnh-hưởng gì đến mấy : người thiện-tâm thì chẳng cứ gì có diễn-kịch mới yêu điều thiện, mới mến người ở thiện, mới mong làm việc thiện, mà kẻ ác-tính thì dẫu diễn bao nhiêu tấn tuồng hay cũng không làm đổi được bụng ác vậy. Ông Lư-Thoa (J. J. Rousseau) là nhà đại-văn-hào nước Pháp có câu rằng : « . . . Nguồn gốc cái lợi (1) nó làm cho ta luyến-ái điều lành mà khiến cho ta khả-ố cái dở, là tự như ta, chớ không phải tự trong tấn kịch.... » (*La source de l'intérêt qui nous attache à ce qui est honnête et nous inspire de l'aversion pour le mal est en nous et non dans la pièce.....*) (1)

Có kẻ nói rằng : — Người đi coi tuồng nghe những lời cảm-động, trông những việc bi-ai trên sân khấu thì dẫu tâm-địa ác đến đâu, cũng phải cảm-động một chút mà dọt lệ nhỏ sa, chớ không thể cầm lòng cho được — Phải, cũng có lẽ thế : người ta ai là chẳng sẵn mối thương-tâm, mà hễ thấy việc gì đã động đến cái giây đa-cảm (*corde de la sensibilité*) trong lòng thì tất phải chuyển-động một chút, nhưng cái lòng cảm-súc ấy có kết-quả gì không ? Cái giọt nước mắt khóc người đời xưa kia có lâu bền thành-hiệu gì không ? hay lại như giọt sương buổi sáng mà sức nóng của dục-tình, của lòng tham-muốn nó làm cho tan ngay, cho ráo hết ? Nghĩ mà nực cười thay ! biết bao nhiêu kẻ coi diễn những truyện ông này bà nọ phải gian-truân trên sân khấu thì châu mày rơi lệ, mà thực thì ngay người ruột thịt ở trước mắt lại coi như trông gai, kẻ đồng-bào ở bên mình lại cho như cừu-địch, thấy cái nguy của xã-hội thì dửng-dưng, cái nạn của đồng-loại thì mặc kệ.... vậy chăng mày, rơi lệ ở nơi ca-quán có làm gì ? (2)

Ông Lư-Thoa cảm nhân-tình thế-thái có than rằng : « Tâm-địa vờ nhân-loại kia ! sự đa-cảm, các người còn để cả chốn ca-quán bại-hoại kia chăng ! Mà cái cảnh-tượng người đồng-loại phải não-nùng đau-đớn lại không có gì đáng để người thương sót ru ? (*Âme inhumaine ! Avez vous donc laissé toute votre sensibilité sur un théâtre infâme ! Le spectacle d'un homme souffrant n'offre-t-il rien qui soit digne de votre pitié ?*)

Ấy, diễn-kịch có hay cho lắm, khéo cho lắm, có đến cực-điểm ra nữa, thì đại-để cái công-quả chỉ hão-huyền như thế mà thôi ; đã không nên được cuộc vui thanh-thú cho người phong-nhã, lại không làm được cách giáo-dục cho bọn công-dân, vậy thì diễn-kịch

---

(1) Nói rằng lòng thiện-ác không ở đâu tấn kịch mà ở tâm-tính người, thời cũng tức như nói rằng lòng thiện-ác không ở đâu sách luân-lý, không ở đâu kinh thánh truyện hiền, mà ở cái bẩm-tính thiên-nhiên của mỗi người. Lẽ đó đã cố-nhiên rồi, nhưng nếu như vậy thời không những nghề diễn-kịch không ích gì cho sự giáo-hóa, mà sách thánh-hiền cũng là vô-bổ ru ? Thế thì giáo-dục ở đâu ? Phải biết rằng một bản kịch với một quyển sách luân-lý đều là giúp vào sự giáo-dục cả, nhưng bản kịch với sách luân-lý công-dụng có khác nhau, sách luân-lý là đặt thành qui-điều để dạy cho người ta những sự nên làm, sự không nên làm, diễn-kịch là diễn-tả ra một cuộc đời hiển-nhiên như thực để bày tỏ cho người ta biết những khoé u-ẩn trong thế-thái nhân-tình ; một đàng là « tử-văn », một đàng là « hoạt-động », công-hiệu đàng nào hơn ?

(2) Đó là cái tâm-địa xấu của những kẻ ấy, chớ có phải tội của diễn-kịch ru ? Những kẻ tâm-địa ác-liệt như thế mà diễn-kịch còn cảm-động được thời đủ biết thế-lực của diễn-kịch mạnh là dường nào : Vào những hạng ấy còn cảm-động như thế, thời vào những người thuần-lương cảm-động đến đâu ?

còn được việc gì?(1) — Chẳng qua chỉ là một sự « du-hí » vô-ích, mà không những thế đã vô-ích thì chớ, lại thêm nhiều sự hại nữa. Nhất là lối hài-kịch thật không gì dở bằng ! Ta ngày xưa cho cái nòi phường chèo là đê-tiện, cái nghiệp phường chèo là xấu xa, thường gọi : « xướng ca vô loại » ; mà đến ngay bên Âu-Tây có nhà danh-sĩ cho cái « hài-kịch là cái trường dậy điều dở » (*La comédie est l'école du vice . . .*) ; thật không sai chút nào !

Xét cho kỹ thì hài-kịch cốt ở sự vui trò thì nhiều mà ích lợi thì ít : đã muốn cho vui trò, cho người xem cười đùa thỏa ý, tất phải theo cái sở-thích của công-chúng, cái khuynh-hướng của đồng-nhân, mà đã theo như thế thì còn có ý cảnh-tỉnh gì ai nữa ? Trong lòng người ta ai cũng sẵn mối thất-tình, mà tấn hài-kịch tức là bức tranh họa ra, nếu họa không hợp, tất người xem phải chán, cho nên mối thất-tình đã không đè nén đi được, lại phải chiều theo như khêu gợi thêm lên thì cái nguồn hại biết chừng nào ! (2)

Thật thế, kẻ soạn-giả tuy tự-phụ là muốn sửa đổi tình-tình phong-tục mà thực thì chỉ theo cái thường-tình của người ta, miễn làm thế nào khiến người đến xem cho là hay, vỗ tay khen là được, chớ không quản đến việc hay dở chi cả, thế tất phải pha trò cho buồn cười, chớ giở dọng đạo-đức thì lạt-lẽo ai ưa ! (3)

Mà có bài-bác thì chỉ tìm những cái dởm của « hạng người yếu thế », cố bới lông tìm vết mà chế nhạo xỏ xiên, tưởng đâu có thế mới chữa được những điều dở..... Ôi ! dùng những giọng pha trò, những lời thô-bỉ mà đủ chữa được điều dở ư ? lấy cách khôi-hài mà đủ được cảnh-tỉnh lòng người, đem dương những điều xằng, mang bày những sự dở ra mà muốn khuyến điều thiện, sao gọi là một cách hay và chánh-đáng được ? Vả lại, người ta ai cũng vậy, thấy cái hay thì khó theo, chớ cái dở thì dễ bắt chước, thế mà trong tấn hài-kịch chỉ trộng thấy những việc càn, nghe thấy những sự bậy, phô bầy ra hết cách lừa-dảo bợm-bĩnh thì tài nào mà không quen tập-nhiễm những điều càn bậy ấy ? (4)

Cho dẫu một đôi khi có thành-hiệu chăng nữa, chẳng qua chỉ bài-bác được sự dở mà chẳng khiến ai yêu mến điều lành, thì có làm gì, khác nào như lời một hiền-nhân La-Mã đã

(1) Ông đã công-nhận rằng diễn-kịch có khi cảm-động được người ta, thời cái công-quả của diễn-kịch là ở đó, chớ ở đâu. Phàm cái gì cảm-động đến người ta, tất khiến người ta phải tư-tưởng nghĩ-ngợi, nhân người mà suy đến mình, xét mình mà sửa được mình ; còn nhân-tâm mỗi người một khác, có người cảm-động nhiều, có người cảm-động ít, xem rồi quên ngay như gió thoảng qua, thời cái đó là nhân-tình xưa nay vẫn thế, dẫu các bậc thánh-hiền cổ-kim thuyết-giáo đã nhiều, còn chưa sửa đổi được, huống-chi là các nhà diễn-kịch.

(2) Hí-kịch là chủ diễn-cợt bài-bác những nết hư thói xấu của người đời. Muốn bài-bác diễn-cợt thời phải diễn-tả cho hệt cho đúng, mà lại phải diễn-tả cho buồn cười, khiến cho người có tật trông trên sân khấu như soi vào trong gương thấy cái mặt xú-uế của mình, nếu còn có tri-giác, tất biết tự-sỉ, mà cũng có thể tự-tân. Ấy cái mục-đích của các nhà soạn-kịch là như thế, chớ há phải là chỉ bầy ra một trò cười không, hay là chỉ gợi cái mối thất-tình « mà khêu thêm cái nguồn hại » cho xã-hội ru ? — Nói thế là không hiểu cái tôn-chỉ của nghề hí-kịch, mà không biết cái công-phu của những nhà soạn-kịch trước-danh từ xưa đến nay.

(3) Ấy cũng vì giọng đạo-đức lạt-lẽo, nên mới cần phải pha giọng buồn cười cho nó trôi đi.

(4) Phô bày những cái dở cái càn là làm cho nó buồn-cười khả-ố, há phải là dạy cho bắt chước sao ? Cười là một cách châm-biếm. Một sự làm cho người ta buồn cười, là một sự khiến cho người ta kiêng-kị rồi. Nhà triết-học H. Bergson nói rằng sự cười cũng là một cách trừng-trị của xã-hội là nghĩa thế.

nói lau chùi một cây đèn cho sạch bẩn, mà không bao giờ rót dầu vào vậy [1].

Ông V. DE LAPRADE có nhận rằng: « Bao nhiêu những công-việc lớn-lao vĩ-đại là tự lòng cảm-hứng mà sinh ra, chớ không có một việc hay nào vì sự bỉ-báng mà nên được. Chế nhạo chỉ có thể làm vui mà không dậy được điều gì » (*Toutes les grandes actions sortent de l'enthousiasme, pas une bonne action, de l'ironie. La raillerie peut divertir, elle n'enseigne rien*).[2]

Cứ lấy lẽ công-nhiên mà luận thì sự lợi-hại của hài-kịch như thế ấy, nay muốn hiểu cho kỹ, nên xét những tấn kịch của ông MOLIÈRE là « một tay thánh-sư trong nghề ấy ». Ta xưa nay cứ thấy một kẻ khen lời văn của ông, dịch tấn kịch của ông là nhắm mắt sô nhau vào mà ca-tụng không còn biết suy xét cái hay dở nó kết-quả về sau [3]. Ta cứ xem ngay bên Đại-Pháp, bao nhiêu những tay bình-phẩm, những nhà luân-lý, đều chê ông [4] thì đủ biết lối diễn-kịch của ông không những chỉ là trò đùa, mà lại thêm nhiều cái hại cho luân-thường nữa; ông LA BRUYÈRE chê ông lối nghị-luận mập-mờ luần - quần (*galimatias*), lời văn lắm chữ thô-tục.... Ông FENELON trách ông làm cho những thói xấu có giáng yêu-kiều đáng yêu mà sự đạo-đức có hình nghiêm-khắc buồn cười và khả-ố.

Nhất là cụ linh-mục BOSSUET, là một nhà văn-chương sâu-xa, đứng-đắn, thì lại không ưa ông, mà trong quyển « *Maximes sur la comédie* » có nói rằng:

« Người ta trước đã có thể nói rằng hài-kịch cứ như ngày nay thật không có gì trái với những phong-hóa hay cả..... mình dễ có lẽ cứ phải cho là phải những điều vô-đạo, những sự ô-uế đầy dẫy cả trong những hài-kịch của MOLIÈRE đã làm cho thế-kỷ ta biết sự kết-quả có thể mong được ở luân-lý của diễn-kịch chỉ bài bác cái « dởm » mà vẫn để nguyên cái « dở ». Hậu-thế sẽ biết chung-cục của tay làm thơ khôi-hài này, giữa lúc diễn lớp « Bệnh-tưởng » thì bị bệnh nổi lên lần cuối cùng rồi mất, trước còn pha trò ở nhà hát — mà đương khi đó hầu sắp tắt hơi, — sau đến trước toà án

(1) Bài-bác được sự dở, tưởng cũng là một cái công to rồi. Hí-kịch mà làm được công đó thời cũng không phải là vô-ích. Nhưng bài-bác sự dở, tức là khiến cho người ta yêu mến điều hay. Ông Chu-tử có câu rằng: « Trong trời đất có một thiện một ác, không thiện thời ác, không ác thời thiện, trừ ác thời thiện lộ ra, trừ thiện thời ác bày ra. » Nếu diễn-kịch làm được cho người ta ghét sự dở, thời cũng là gần khiến được người ta mến sự hay vậy. — Cây đèn bẩn, hẳng lau chùi được cho sạch, còn rót dầu lại là việc khác.

(2) Thế mà vẫn thấy nhiều người không dám làm bậy chỉ là bởi sợ thiên-hạ chê-cười.

(3) Tôi tưởng cái này không phải là lỗi một người nước ta, ngày nay mới biết ông MOLIÈRE là lần thứ nhất, mà là lỗi cả người nước Pháp, cả người các nước trong thế-giới đã học văn Pháp, vì trong ngót ba trăm năm nay ai ai cũng đã công-nhận ông MOLIÈRE là ông thánh-sư trong nghề kịch. Một sự lầm to như thế, có lẽ không phải là sự lầm nữa. — Còn mấy nhà văn-sĩ đồng-thời với ông, như LA BRUYÈRE, FÉNELON, BOSSUET, mà chê ông là vì lẽ riêng mà bài-bác một đôi điều khuyết-điểm, hoặc không ưa chung cả nghề diễn-kịch, mà ghét lây đến ông, chớ không ai là không phục cái tài của ông. Cụ linh-mục FÉNELON trước khi bình-phẩm ông đã phải nói rằng: « Tôi vẫn biết ông là người có tài, nhưng xin tự-do mà bình-luận về những điều khuyết-điểm của ông. » (*Encore une fois je le trouve grand, mais ne puis-je parler en toute liberté sur ses défauts*). — Người ta ai là người trọn vẹn, dẫu thánh-nhân cũng chưa đã hoàn-toàn!

(4) Nói bao nhiêu nhà luân-lý, nhà bình-phẩm đều chê ông là nói sai. Duy chỉ có mấy nhà văn-sĩ đương-thời với một vài người làm sách về đời sau là cố-ý bài-bác ông mà thôi. Còn trong làng văn hết thảy đều tôn-phục ông cả, thậm-chí có một phái tự xưng là « môn-đồ ông MOLIÈRE » (*les moliéristes*), sùng-phụng ông như thể một ông thánh vậy.

của đứng Chúa Trời đã bảo: Khốn cho người cười lắm, rồi sẽ khóc nhiều.»[1] (*On a pu avancer que la comédie telle qu'elle est aujourd'hui n'a rien de contraire aux bonnes mœurs..... Il faudra donc que nous passions pour honnêtes les impiétés et les infamies dont sont pleines les comédies de Molière qui a fait voir à notre siècle le fruit qu'on peut espérer de la morale du théâtre qui n'attaque que le ridicule du monde en lui laissant cependant toute sa corruption. La postérité saura peut-être la fin de ce poète comédien qui en jouant son « Malade imaginaire» reçut la dernière atteinte dont il mourut peu après, et passa des plaisanteries du théâtre parmi lesquelles il rendit presque le dernier soupir au tribunal de celui qui dit : Malheur à vous qui riez car vous pleurerez !*)

Đó là lời bình-phẩm của mấy tay kiệt-tác trong làng văn, đồng-thời với ông, tuy ngoại-giả cũng có người khen cái tài của ông, nhưng xét đến luân-lý thì không ai là không khỏi chê. — Đến thế - kỷ thứ 18, ông Lư - Thoa luận về ông lại nói rằng: « Ông chỉ chăm làm cho sự tử-tế thanh-đạm thành ra buồn cười mà đề cho phần người xem lấy làm thích những mưu mẹo giả dối : người hiền thì chỉ nói, mà kẻ ác thì làm thật, lại được nhiều công-hiệu. Sau có vỗ tay khen ngợi, không phải khen người đáng yêu nhất mà thường chỉ khen phường bợm-bĩnh nhất..... Nhận cho kỹ vai hề của ông... bao giờ cũng chỉ thấy đứa ác dêu-diếu người khờ..... [2] » (*Son plus grand soin est de tourner la bonté et la simplicité en ridicule et de mettre la ruse et le mensonge du parti pour lequel on prend intérêt : ses honnêtes gens ne sont que des gens qui parlent ; ses vicieux sont des gens qui agissent, et que les plus brillants succès favorisent le plus souvent : enfin l'honneur des applaudissements, rarement pour le plus aimable est presque toujours pour le plus adroit. Examinez bien le comique de cet auteur ; partout vous trouverez que les sots sont les victimes des méchants.*)

Nghị luận sác-đáng thay ! thật không sai chút nào ! Hãy xem ngay tấn « Bệnh-Tưởng » đã diễn hôm nọ thì biết có luân-lý gì lại thế bao giờ ! Đứa ở ngạo-mạn cả chủ nhà, chẳng còn chút phân-biệt kẻ trên người dưới chi cả, cho dẫu có lẽ phải nhưng ngôn-ngữ cử - chỉ một cách như thế sao được ! — hay là muốn dậy bài « bình-đẳng » đấy chăng ! từ xưa đến nay, nghĩa chữ « bình-đẳng » hiểu lầm lại còn chưa được hại mà còn muốn gây thêm rư ? Ấy luân-lý đấy [3]. Thậm-chí vai

---

(1) Cụ Bossuet nói đây là lấy cái lẽ tôn-giáo, và lấy cái tư-cách một vị linh-mục mà nói, ta không nghị-luận làm chi. Nhưng mà sự ông Molière đương diễn bài *Bệnh-tưởng* mà ngộ bệnh chết là một sự bất-hạnh ngẫu-nhiên, há có quan-hệ gì đến cái hay cái dở của lối bi-kịch của ông rư ? — Vả nói rằng bi-kịch của ông chỉ bài-bác cái «dởm» của người đời mà thôi, thời chính nhiệm-vụ của bi-kịch là thế, và chỉ có thế mà thôi, tưởng cũng không phải là vô-ích ; còn sửa đổi tâm-tính người ta, khiến cho bớt « dở » bớt xấu đi, thời đó là phần việc của các cụ linh-mục ; các cụ còn trách chi ai ?

(2) Vì ở đời vẫn thường thế, và diễn-kịch muốn cho có công-hiệu phải tả cho hệt như sự đời. Người khờ bị đứa ác dêu-diếu thời nên trông đấy mà sửa bớt cái khờ đi, còn cái mưu của đứa ác lường gạt mình thế nào cũng nên biết mà phòng bị ; khờ là bởi ngu-dại, ác là do tâm-tính ; do tâm-tính thời khó sửa, nhưng khi phát ra đã có hình-phạt của Nhà-nước để ngăn-ngừa và trừng-trị ; bởi ngu-dại thời phải mở mắt cho biết, điều-cợt cho chừa. Mục-đích của bi-kịch là thế.

(3) Bài kịch không phải là sách luân-lý, trên kia đã nói. Luân-lý khuyên răn bằng cách trực-tiếp, diễn-kịch khuyên răn bằng cách gián-tiếp. Tác-giả muốn tả rõ cái khờ-dại của lão chủ-nhà, mới đặt ra một vai con-ở khôn-ngoan, chủ dại mà đầy-tớ khôn, cảnh éo-le như thế mới nực cười, càng nực cười mà càng lộ cái khờ dại của lão kia ra. Có can chi đến nghĩa bình-đẳng với bình-quyền ?

Angélique (cô Lan) là con gái chưa chồng, nghĩa-vụ phải thuận-tòng ư phụ mẫu, mà lại phải lòng trai, cưỡng lời phụ-mệnh, đến nỗi dám đối-đáp với cha : « *Phận làm gái vâng lời cha mẹ cũng có giới-hạn mà thôi (!!), có điều nên vâng, cũng có điều không nên vâng...(!)* » — Ôi có đứa con gái nào lại loạn-luân vô-đạo đến thế bao giờ ? Hay, « thời-đại nào kỷ-cương ấy » ? Ngày nay phải biết nghĩa « tự-do » mà không cần gì lời giáo-huấn của nghiêm-đường chăng ? Nếu vậy thì cũng đáng lo thay ! mà ái-ngại thay ! cho phẩm-hạnh bọn quần-thoa Nam-Việt ta, xưa kia đã nên những bậc vợ hiền, mẹ thảo làm cho tỏ rạng trời Nam, nay vì những lý-tưởng tối-tăm của các bậc thượng-lưu mà có lẽ thành ra một lũ tang-gian bộc-thượng..! Ôi, « Nữ-Tắc » ! với « Đài-Gương » ! ngươi sẽ thành ra vô-vị cả ! Xưa kia ngươi còn là bạn chí-thiết cho người thục-nữ, là qui-tắc cho khách phấn-hương trong đường xử-thế, chớ ngày nay, chỉ điều hay, khuyên lẽ phải, còn mong cái bậc thượng-lưu ở nơi ca-quán kia mà ! Ngươi còn có giá-trị gì nữa ! Ôi, còn chi là đạo « Tam-Tòng » ! lời « Tứ-Đức » (1)

Ấy, trong toàn tấn-kịch, chỉ tả hết những cái suy-đồi trong một gia-đình : nào là vợ lừa chồng, con trái bố, đầy tớ mạn chủ nhà,... mà tác-giả lại khéo xếp đặt các việc thật vui trò, khiến một người thức-giả thấy những sự trái tai chướng mắt đáng lẽ chau mày, tức ruột, mà cũng phải bật cười — đó thật là một cái tài rất khéo mà cũng rất nguy-hiểm vậy ! Than ôi, cái dở mà khéo làm cho không đáng ghét lại thêm vui, thì chẳng là một điều đáng lo cho thế-đạo ru ? (2) Cho nên trong tấn tuồng ấy, như vai đóng con Nhài, người xem đã không chê là một đứa ở sấc-láo hỗn-hào mà lại khen là khôn-ngoan tinh-quái.... Cho đến vai Argan (Nũng-công) là cha trong một nhà, đáng lẽ trọng-vọng mới phải, thì từ đầu đến cuối trò, hết cái dởm nọ lại cái khờ kia, thành ra một trò cười chung, không còn chút giá-trị ông chủ, phẩm-hạnh người cha, cốt-cách người chồng trong gia-đình nữa ! Trong một tấn hài-kịch, ý-nghĩa như thế, bảo là một « cái trường dậy điều dở » thật cũng không phải là quá-đáng vậy. (3)

Nhất là các nhà làm thuốc thì thật suốt trong trò, dêu-diếu một cách thậm tệ, không còn thiếu lời bỉ-báng gì nữa ; đến như những lời bài-bác nghề thuốc thì thật là ngụy-biện (*sophisme*), là lý-sự cùn, thật vô nghĩa-lý. Tác-giả nói rằng : «Ngộ-bệnh không nên làm gì hết. Nghỉ là đủ. Tạo-hóa có một sức tài-bồi riêng, thân-thể ta suy truyền chỗ nào cứ để vậy tự dưng là phải khỏi. » — Nếu vậy thì bao nhiêu chứng bệnh

(1) Ông lo xa quá. Con gái nước ta hư chắc không phải tại Cô Lan, vì Cô Lan không phải là con gái hư. Chữ hiếu cũng có khi biến có khi thường. Con gái mà gặp phải cha khờ-dại như thế, mẹ ghẻ hiểm-độc như thế, bảo rằng nhất-nhất phải vâng lời cả, thời còn gì là cái thân con gái nữa ? Cô Lan mà vâng lời cha ấy mẹ ấy, thời chỉ nên vào nhà tu cho xong chuyện. — Cách nghị-luận như trong đoạn này gọi là những lời phiếm-luận không thiết thực.

(2) Cười là vui mà cười, nhưng nhiều khi cũng là chê mà cười. Không ai thấy sự gì hay, đáng cẩm-phục, đáng bắt-chước mà lại cười bao giờ.

(3) Xét một bài kịch, nhất là bài hi-kịch, phải xét những nhân-vật diễn-tả ra đó có đúng như sự thực không, chớ không phải là xét có đúng với một cái lý-tưởng riêng về đạo-đức hay không. Nếu một bài tuồng chỉ tả thuần những bậc hiền-nhân quân-tử cả, thời không còn có chuyện chi nữa. Đã có người nói rằng một xã-hội mà rặt những người quân-tử cả, thời xã-hội ấy không gì buồn bằng, và có lẽ cũng không sinh-tồn được nữa.

mắc phải cứ thử để đấy — người nào tin thí-nghiệm xem — để đấy độ ít lâu thôi. Tạo-hóa sẽ đem « sức tài-bồi » đến chữa dần cho, rồi sau xuống nghỉ dưới hố được yên thân !.... Này ai ôi, nên xem ngay cái thân-thế của tác-giả đã thí-nghiệm đủ biết : trong đời vẫn thường mang bệnh đau phổi và bệnh ho, thế mà vẫn tin ở sức « tài - bồi của tạo - hóa », rồi đến năm 51 tuổi, giữa lúc đương diễn lớp « Bệnh - tưởng » thì bệnh thật lên — (đây hẳn là sức tài-bồi của tạo-hóa nghỉ chăng) — rồi hồn lìa xác . . . Ấy, lẽ phải của lời tác - giả rõ ràng hiển-hiện ra đấy chớ đâu ! Tôi lọ là phải nói nhiều lời, cứ xin độc-giả xem cái cuộc đời của tác-giả đã kể ở trên tự-khắc biết thật hay hư ở đời lắm sự phải trái, nói không ai biết, viết không ai hay, cứ để cho thì-giờ thấm-thoắt, việc thật đến nơi, bấy giờ có kinh sự mới hiểu được, chớ người ta chưa qua sông, sóng gió vẫn xem khinh, chiếc thuyền vẫn coi rẻ, lúc lâm-nguy mới biết là cần . . . (1)

Ấy trong tấn « *Bệnh Tưởng* » tác-giả có chê-bai nhà làm thuốc thì chẳng qua là vì đố-kị mà thôi, chớ thật không có chút công-lý nào cả : nhưng thiết-tưởng nếu mình không ưa thuốc thì mặc mình, chớ cũng bảo người ta không ưa thế nào được. (2)

Mấy lời bàn đây cũng không phải là bênh riêng gì nhà làm thuốc đâu, nhưng chỉ vì lẽ phải mà muốn minh-thuyết đấy thôi. Nói cho phải ra thì sức tài-bồi của tạo-hóa cũng có, nhưng dễ cứ tin cả ở như nó mà ngồi đợi bệnh giải-tản được rư ? Ta phải biết rằng tay ông Tạo-hóa rất khéo : đã sinh ra bệnh nọ tật kia, tất có thuốc chữa, mà người ta có trí thì cốt phải đem ra suy-xét tìm tòi hiểu thấu các lẽ của Tạo-hóa — đã hay rằng ta không thể nào chọc thủng được cái màng bí-mật (*percer le voile du mystère*) nó bao bọc ta mà thấu hết mọi sự huyền-diệu được — nhưng ta hãy còn mảnh óc nào thì cũng phải cố mà đem tìm cho thấy, học cho biết, được chút nào hay chút ấy, chớ cứ ngồi khoanh tay đợi Tạo-hóa giúp cho cả sao được ! Biết suy-nghĩ, quan-sát mọi việc, đó là cái đặc - sắc của loài người đó. Như vậy, cái óc ta đã có để ta xét, các vị thuốc Tạo-hóa đã sinh ra để ta dùng, nếu ta không biết lợi-dụng để « giúp thêm » cái sức của Tạo-Hóa mà duy-trì lấy nòi giống thì ta chẳng thẹn thay với cái uy-hiệu « con người » làm chủ cả muôn vật rư ? Xem thế thì biết nghề làm thuốc cũng không phải là nghề dở mà người làm thuốc cũng không phải là người thừa vậy. (3)

Đoạn này, nhân nói về nghề thuốc là cái ý chính của ông MOLIÈRE muốn bài-bác, nên phải bàn rộng ra quá, nay lại bàn về các phương-diện khác của tấn « Bệnh-tưởng ». — Cứ suy cho kỹ thì cái ý trong toàn tấn kịch đại - để

(1) Nghị-luận hàm-hồ quá. Lấy sự bất-hạnh ngẫu-nhiên của một nhà văn-sĩ để chứng cái giá-trị văn-chương của người ta thời thật là một cách *ngụy-biện*. Còn nói rằng vì ông MOLIÈRE không tin thầy thuốc, hay báng-bổ thầy thuốc, mà đến nỗi chết một cách bi-thảm như thế, thời có lẽ là Trời ác-báo chăng ? !

(2 MOLIÈRE chê nhà làm thuốc là chê những sự điên-đồ hợm-hĩnh của một hạng dung-y mà thôi, không phải là chế-bác chung cả y-gia. Nay muốn xét tác-giả chê thế phải hay là không, thời phải xét những hạng Nhân-ngôn, Đại-hoàng cùng là Ế lớn Ế con có đáng chế thật hay không, và những hạng ấy ở đời thật có hay là tác-giả bịa đặt ra. Nếu có thật thì những lời chế-bác ấy không phải là quá-đáng.

(3) Phiếm quá : Tạo-vật đã sinh ra các vị thuốc, lại sinh ra cái óc khôn cho người ta biết kiếm thuốc mà dùng, nếu không tin thuốc, không dùng thuốc, là phụ lòng Tạo-hóa, phụ tiếng làm người ! ! Cách nghị-luận kỳ thay !

như thế, xem đến lời văn câu nói thì thật lại đáng trách, lắm chữ thô-bỉ, tục-tằn quá, rõ là giọng lưỡi những phường hạ-đẳng trong xã-hội. Đến như ông La Bruyère, mà chính ông Boileau là những tay làm kiểu-mẫu cho các nhà làm văn ở thế-kỷ 17 cùng đồng-thời mà lại là bạn thân của tác-giả, cũng phải chê điều ấy. Thế mà lại đến dịch-giả, diễn ra quốc-âm thì lại thật mồm-mép khéo quá, tìm đâu được những tiếng mà người có giáo-dục một chút không đến nỗi dùng đến hay nghe thấy bao giờ! .... Tưởng chừng như có thế mới vui.... Mà dễ không thế cũng không được, phải pha trò hết lời đều-giả, chế-bác hết giọng xỏ-xiên, thì mới vui, mới nhiều người vỗ tay khen, chớ nếu đem giảng bàn luân-lý thì còn gì tẻ ngắt và ngược đời cho bằng! ..... vì luân-lý, không phải trò cười! Than ôi, coi những lời đạo-đức đã thành lạt-lẽo mà những giọng xỏ-xiên vô-đạo đã nên cái chỉ-thú cho người đời ở nơi ca-quán, mà buồn thay thay cho luân-thường đạo-lý gặp lúc trái mùa, sắp từ-giã đất Việt-Nam này mà để cho lòng người sâm như chì, đen như mực! cho đầu lưỡi sắc như lưỡi gươm, độc như nọc dẫn!! (1)

* * *

Ấy đấy, các ngài trong Hội ơi, cái chủ-ý cải-lương hí-kịch của các ngài, rõ ràng lợi hại như thế! Mà tấn hài-kịch các ngài đã chọn mãi và tập mất bao nhiêu công-trình rồi mới đem đóng trò trước mặt mọi người để giáo-dục quốc-dân thì như thế ấy! Các ngài thử xem, trong một tấn tuồng mà luân-lý đã đến suy-đồi, ý-nghĩa lại không chánh-đáng, lời-lẽ lại thêm thô-bỉ, vậy thì các ngài giáo-dục quốc-dân những gì? Các ngài lại không biết rằng dân mình ngày nay đương vào lúc thay cũ đổi mới, hãy còn phân-vân chưa ra thế nào, mới cũng chưa ra mới hẳn, mà cũ cũng không còn cũ hẳn, dở dở dang dang, như chiếc thuyền còn lênh đênh giữa biển, chưa biết vào bờ bến nào, nếu chèo lái lạc đường, lầm lối, thì cái nguy ấy không cùng, còn mong gì ngoi-ngóp kịp người — mà cái phong-trào tân-học càng ngày càng mạnh, ầm-ầm chàn đến, làm cho nền đạo-lý Khổng Mạnh mấy nghìn năm đã in sâu vào óc ta, cũng nhường như lay truyền, thì các ngài là bậc thượng-lưu phải biết duy-trì lấy những phong-hóa hay của nước nhà khỏi phải tiêu-diệt đi mà biết lọc lấy cái « tinh-thần » của văn-minh mới mới là phải, mà chính các ngài cũng đã tự-biểu và tự-nhận cái trách-nhiệm ấy, vậy mà nay lại đem diễn tấn « Bệnh-tưởng » vừa rồi nó làm cho hỗn-độn cả những trật-tự quan-trọng, tan-tành cả đường-mối thiêng-liêng, trái cả đạo đáng tôn đáng kính của cha với con, vợ với chồng, tớ với thày, thì còn gì khiến cho nhân-tâm mờ-ám, luân-thường ngửa-nghiêng cho bằng? Nhất là đem một lối tuồng không hợp với tình-tình phong-tục người mình mà đem ra phô-diễn vào cái thời-đại đã suy-đốn này thì khác nào ngọn lửa tà-dục đã đợm sẵn lại tưới dầu thêm.... Nước mình xưa nay có lối trai gái

(1) Cái tuyệt-diệu của nhà soạn-kịch là tả hạng người nào phải cho nói giọng người ấy. Con Nhài con Nụ mà bắt nói cho có văn-chương thời sao được? — Thuộc về vấn-đề này, xin đọc bài khảo-cứu về diễn-kịch Molière đăng trên kia. — Ông Nam-Minh có một cách nghị-luận cũng lạ thật: Bất-cứ bàn về sự gì, tất phải kèm mấy câu than về thời thế, như giọng « Dô ta! » trong bài hát! Bàn về văn-chương Molière, mà việc gì đến lòng người sâm như chì, đầu lưỡi sắc như gươm? Nghe lời ông tưởng như vì mấy câu nói sỗ-sàng của con Nhài trong tuồng Molière mà cả giống con rồng cháu tiên của nước Nam ta đến suy-đốn mất!!

hôn tay nhau, cùng là những sự cử-chỉ, ngôn-ngữ của con với cha một cách tự-do bao giờ, mà người mình nay đương có cái khuynh-hướng theo mới, cho mới là văn-minh, bỏ cũ, coi cũ là hủ-lậu, thành ra biết bao nhiêu gia-đình bại-hoại đó, khiến bậc người tri-giả trông thấy những cảnh-tượng ấy, mà phải thở-than, bây giờ lại đem phô bầy ra những cách mới ấy, trước mặt mọi người thì nguy vậy thay ! Nghe đâu các ngài lại còn muốn mời những bậc các cô con nhà khuê-các ra đóng các vai đàn-bà trong trò, thì không hiểu các ngài nghĩ thế nào mà lại muốn « tiến-đức » dân mình một cách thế. Các ngài lại không hiểu rằng các bậc phụ-nữ nước mình còn ở trong khuôn phép đạo tam-tòng, tứ-đức : người thục-nữ còn chăm chỉ nữ-hạnh, nữ-công, để sau nên người nội-trợ dỏi dang, mà những bậc từ-mẫu còn bận việc tề-gia, trông nom trăm việc, nào chiều chồng được hòa vui, nuôi con nên người khá để sau có tư-cách, phẩm-hạnh con người làm những việc ích-quốc lợi dân, khỏi thành một lũ « văn-minh dởm » làm hại cho xã-hội. Ấy cái chức phận đàn-bà con gái nước Nam ta từ xưa đến nay còn coi sóc chốn gia-đình cho vẹn đạo để noi theo cái gương nàng Kỷ-Lương, bà Mạnh-Mẫu, kể làm chọn được đã khó thay, huống chi bây giờ làn « sóng tự-do » đã chàn khắp mọi nơi, kẻ phụ-nữ nước ta nhiều người cũng theo đòi tây-học, ngộ-nhận những lề-lối mới mà muốn vượt ra ngoài những khuôn phép ấy, thật đã đáng lo ! Trách-nhiệm các ngài là phải ngăn ngừa cái sức rất mạnh, rất nguy ấy mới phải, chớ đâu lại mời làm những việc quá tự tự-do, lên phơi mặt trên chốn diễn-đài, bông lơn lật lẹo, như một phường kỹ-nữ để làm trò vui cho thiên-hạ xem được? Nếu vậy tôi e rằng đạo-lý nước nhà có khi đổ nát mất ! Mình ngày nay, muốn noi kịp người thời phải biết lọc lấy cái phần tinh-túy của người mà vẫn giữ của mình những nền-nếp hay, cốt-cách cũ mới được, chớ cứ thấy người tin cái gì cũng « a dua » làm theo theo chẳng cân nhắc chi cả, có khi bắt chước không phải đường thì hại ấy biết ngần nào ! (1)

Vả-lại, diễn-kịch ngày nay, nào là có hay gì đâu mà cứ chăm cải-lương mãi, ngày nay ở những nước thật giầu mạnh như nước Đại-Pháp đã đến văn-minh cực-điểm mà diễn-kịch còn có hại, hãy nghe ông L. Veuillot nói đây, đủ biết : " . . . . . Nhà hát ngày nay lại có phần hơn bảo-quán, chỉ chăm làm cho đổ nát gia-đình, và trật-tự trong xã-hội. Việc cả lẽ, sự thất trinh, ở đấy thành ra đường đường chính chính, như quyền phép chung vậy ; được mấy năm nay, phần nhiều các vai chính trong trò là những con đẻ hoang, gái không chồng mà chửa ; cưới xin lệ thường thành ra cái mào cho hết cách chế nhạo, địa-vị bậc cha thành ra cái bia cho hết giọng xỏ-xiên . . . . " (*Le théâtre, en France, s'applique, plus encore que la presse, à la destruction de la famille et de l'ordre social. Le concubinage et l'adultère y figurent carrément, comme de droit commun ; la plupart des héros, depuis quelques années, sont des bâtards et des filles-mères ; le mariage régulier est les ujet de toutes les dérisions,*

(1) Cả đoạn này, theo chữ Nhật-bản gọi là lối « văn-chương đại cà-sa », nghĩa là dùng những lời nói to-tát quá-đáng. Đọc đến đây tưởng như bao nhiêu cương-thường đạo-lý của Việt-Nam tổ-quốc ta, bắt đầu từ ngay 25 Avril mới rồi là phá-hoại đổ nát hết cả, và hội Khai-trí tiến-đức ngày 25 Avril ấy là phạm một tội to với xã-hội ! Ghê thay ! sợ thay !

la paternité, le plastron de toutes les turlupinades.....) (1)

Ấy đấy, những cái ảnh-hưởng của diễn-kịch ngày nay nó gớm-ghê thế ấy ; nhưng ở một nước đã văn-minh mà trình-độ trí-thức của dân đã cao thì cái hại cũng không là mấy, chớ ở một nước dân-tộc như dân Nam-Việt ta, hãy còn hèn yếu thì cái nguy lại gấp bội phần ! Thật thế, nước mình bây giờ còn vào buổi ấu-trĩ, so ra chẳng bằng ai, kỹ-nghệ còn kém thấp, công-thương chưa mở-mang, xét đến nước thì nghèo, người thì hiếm, chốn Hà-thành thì hào-nháng bề ngoài, nơi thôn-dã dân-tình thêm cơ-cực, ai là người có chút lương-tâm, có lòng nhiệt-huyết, đến chỗ quê mùa hẻo-lánh kia, thấy đồng-bào phải khốn-khó, mà chẳng ái-ngại ngậm-ngùi, hiện đương thời bao nhiêu nơi đói kém, thóc gạo chẳng có, phải ăn cám để nuôi thân, người hiền lành còn đành chịu đói, chớ kẻ bạo-ngược túng thế làm càn, gây nên trộm cướp, lại lúc vụ thuế đến, cái nông-nỗi chú lý cậu tuần càng thêm khốn đốn, lắm kẻ bán vợ đợ con cũng không sao cho đủ .... tình-cảnh ấy kể sao cho xiết ! Chẳng hay các bậc thượng-lưu còn dong-duổi cạnh-tranh trên đường danh-lợi, hơm mê vẻ tía mầu hồng rực rỡ, có đoái hoài đến phận dân hèn đương khó-khăn trong đường sinh-lý kia không ? Mà chưa chi đã chăm những sự ăn chơi thỏa mãn ? Ấy tình-hình nước nhà bây giờ như thế, phỏng thử các ngài trong hội, cứ muốn cải-lương hí-kịch đã đang-tâm chưa ? đã hợp-thời và đích-đáng chưa ? Xin các ngài suy nghĩ cho kỹ mà xem. (2)

Đã mấy năm nay, thấy các nhà nhiệt-tâm về hí-kịch đã ganh nhau mà cải-lương nào có ra gì, chỉ thấy chăm sửa sang quần áo cho đẹp, bài trí tranh cảnh cho sang, ý nghĩa tuồng cho vui tai mắt người xem, tha hồ hết cách chiều đãi, đến nỗi diễn lắm tấn con hát ra trò để lộ cả thân-thể, tưởng rằng có thế mới vui, mới đông người xem, mới theo lối mới, thành ra nhà hát là một chỗ hẹn hò trai gái của những cậu công-tử, những ả giang-hồ .... Ôi, nghĩ đến cách cải-lương vô ích cho cái tình-thế nguy-nan của dân mình như thế mà đã ngán thay ! Lại thấy kết-quả đổi-tệ như vậy càng thêm lo nữa ! Nhưng tưởng rằng sự đó chỉ riêng cho mấy bọn người tầm-thường kiếm lợi trong nghề hát bội, cho nên cũng không nên trách-bị làm gì, ngờ đâu ngày nay những

(1) Cách nghị-luận của ông VEUILLOT thế nào trên kia đã nói (Xem trang 399, cước-chú số 4) Không có nhà làm sách nào thiên như ông VEUILLOT, cho nên ông đương-thời tuy cũng có tiếng mà ngày nay còn mấy người đọc sách ông nữa đâu. Ông không những phản-đối nghề diễn-kịch mà phản-đối cả các báo-quán nữa. Cũng như ông ROUSSEAU có bài-bác một nghề diễn-kịch đâu, bài-bác cả cuộc văn-minh của thế-giới, nói rằng người ta đời thượng-cổ thật-thà nên được sung-sướng, càng văn-minh bao nhiêu càng hư thân mất nết bấy nhiêu, văn-minh làm bại-hoại phong-tục là thế ! Đó gọi là những lời « nghịch-luận » (*des paradoxes*), muốn nói trái ngược người đời, làm cho người ta kinh-dị, không phải là cách nghị-luận chánh-đáng. — Lấy những ông thày như VEUILLOT, ROUSSEAU, mà phản-đối nghề diễn-kịch thời không ai dám tin.

(2) Công việc trong một nước biết cơ-man nào mà kể, gặp cơ-hội tiện-lợi làm được việc gì thời cứ làm việc ấy, chớ cứ ngồi khoanh-tay bó-gối mà kêu trời rằng dân hèn của kém, thời biết sao ? Nhà kinh-tế (buôn-bán, làm nghề) thời phải nghĩ cách phú-quốc lợi-dân ; nhà chính-trị thời phải hưng lợi trừ hại cho dân ; nhà giáo-dục thời phải dậy-dỗ con em cho phải đường ; còn nhà văn-chương, nhà ngôn-luận thời việc gì hay nên cổ-động, việc gì dở nên cải-lương ; mỗi người mỗi phận-sự, ai làm được phần nào hay phần nấy. Chỉ có những người làm mặt ưu-thời tật-tục, ngồi không mà thở dài, là hạng người vô-ích mà thôi. Lương Ẩm-băng gọi hạng đó là phái « ô-hô. ! »

bậc thượng - lưu đại - trí cũng lại « nhiệt tâm » như vậy nốt, nên càng thấy các bậc đó có ảnh-hưởng, ta càng thấy quốc-dân tòng-phục, càng ở trong hội rất lớn, là hội « Khai-trí tiến đức » mà lại càng ghê thêm cho cái tiền-đồ của nước nhà. Vậy thời dám xin các ngài đừng nên dở những trò ấy ra mà mong cải-lưởng nữa : cái nghề diễn-kịch đã không hợp thời, lại thêm hại như thế ấy ; mà cái nghiệp thằng phường chèo cũng chẳng có danh-giá gì đâu [1], đừng nên lấy thế làm đắc chí : trong quốc-dân ta, ai là người có con mắt biết quan-sát việc đời tưởng cũng đã từng thấy bầy ra trước mắt lắm tấn hài-kịch hay rồi ; lọ phải tìm đâu nữa ! [2] Cứ gì đến chốn diễn đài mới thấy được mặt hề bôi nhọ !

Cứ xem bài diễn-thuyết đọc ngày nọ đã « tự biết » và thú thật là « một việc quá bạo » mà cầu « sẵn lòng khoan-dung đừng nên trách-bị quá » [3] thì kể cũng đã biết đấy, đáng lẽ không viết bài này làm gì, nhưng thấy bọn công-dân nông-nổi cho thế làm vui thì sợ các ngài tưởng việc « quá bạo » ấy là việc được, nên phải tỏ rãi mấy lời này, họa may có lọt tai các ngài mà ích-lợi được việc gì chăng. Từ nay, xin các ngài nên nhớ luôn rằng các ngài là những bậc thượng-lưu tri-thức mà hậu-vận nước nhà trông vào cả đấy, mỗi khi khởi một công việc gì nên nghĩ cho chín, mỗi công việc làm ra là có mật-thiết quan-hệ đến tương-lai của quốc dân đấy. Mà hội « Khai-trí-tiến-đức rất to lớn của các ngài đã lập nên đó, khiến cho ai là người Nam-Việt, có lòng nghĩa-khí, nghe thấy cũng phải trọng-vọng, mong-mỏi ; thì các ngài phải biết làm thế nào cho công « xứng đáng » mà « không phụ » bốn chữ qui - hóa ấy, chớ khai - trí tiến-đức không phải đường thì chả bỏ trí lại mờ đi, mà đức thêm lui lại ! Than ôi ! có con lừa con ngựa, thì mới phải buộc hai bên mắt hai miếng da để khỏi trông ngang mà chệch đường thẳng, chớ « con người » thiết - tưởng cũng biết bỏ qua những cận-lợi tiểu-danh mà không bỏ đường chính-đạo vậy [4].

Mong rằng mục-đích rất hay của các ngài trong hội sẽ có ngày đến được mà không lầm đường thì quốc-dân may lắm !

Có mấy lời thiển-cận của kẻ « vô-học » xin các bậc thượng-trí nên biết cho. Đó là vì việc lợi hại của nước nhà mà phải nói, thật là một sự bất-đắc-dĩ vậy.

NAM-MINH

Xem bài trả lời sau này

---

(1) Thế mà cái nghiệp « phường chèo » ở các nước văn-minh ngày nay danh-giá lắm đó, ông ạ, « Phường-chèo » mà như SARAH BERNHARDT nước Pháp, « phường-chèo » mà như SADDA YACCO nước Nhật, danh tiếng nổi khắp hoàn-cầu, thường được những bậc công-hầuvua chúa đón tiếp, thâu-nhập hàng năm tới mấy vạn, cũng là danh-giá lắm chớ ! Nước ta ngày nay âu-hóa mỗi ngày một thâm, thế tất rồi cũng có ngày cái phong-trào đó lan tới. Chiêm-nghiệm thời-thế mà đón trước lấy cái phong-trào, không để cho nó tràn ngập, thế mới gọi là thức-thời.

(2) Không những là hài-kịch, mà bi-kịch cũng nhiều. Đó lại là một lẽ nữa cần phải nên lợi-dụng hết các cách (diễn-kịch, diễn-thuyết, làm sách, làm báo) để mà kiểu-chính những phong-tục đồi-bại xấu-xa ấy.

(3) Nói « quá bạo » đây là nói về cái hình-thức sự diễn-kịch mới lạ cho người mình, chớ không phải là sợ cái ý-nghĩa truyện không chánh-đáng ; không nên hiểu lầm.

(4) Không hiểu câu nay là nghĩa thế nào. Hay là ông muốn nói rằng Hội « Khai-trí » tuy là những « con người » cả, nhưng nếu làm cho quốc-dân ta trí mờ đi, đức lui lại — như khởi cuộc diễn-kịch mới rồi — thời những người đạo-đức kiến-thức như ông cũng đến phải trị như trị con lừa con ngựa mà đặt hai miếng da bên mắt cho cứ đường thẳng mà đi chăng ?! - Văn-chương lí-kỳ thay !

MẤY CÂU TRẢ-LỜI BÀI LAI-CẢO TRÊN

Tôi không dám chê ông NAM-MINH là người « *vô-học* » : cứ coi bài lai-cảo của ông thời biết ông đọc sách đã nhiều, không những đọc sách nhiều, mà lại biết hiểu « cái thú hoạt-động của người thức-giả trong sự độc-thư », biết lắng tai nghe « những âm-hưởng êm-đềm réo-rắt » của câu văn hay... Nhưng tôi phục ông là người... *bạo* quá : trong bài lai-cảo ông phản-đối những sự « tày-đình »; ông phản-đối về nghề diễn-kịch từ đời xưa đến đời nay, từ nước Pháp sang nước ta ; ông phản-đối về lối hí-kịch của MOLIÈRE ; ông lại phản-đối về cuộc diễn-kịch của Hội « Khai-trí-tiến-đức ».

Hội « Khai-trí » tuy cũng tự-phụ là một hội của thượng-lưu-xã-hội nước ta, song một hội cũng ví như một người, phàm công-việc người ta có quyền bình-phẩm được : ông phản-đối Hội « Khai-trí » không lấy gì làm lạ.

MOLIÈRE là một nhà đại-văn-sĩ nước Pháp, thiên-hạ đã công-nhận là ông tổ nghề hí-kịch. Nay ông phản-đối, nói rằng hí-kịch của MOLIÈRE dở, không ra gì, thật cũng bạo thay.

Nhưng bạo nhất là phản-đối cả nghề diễn-kịch từ xưa đến nay, nói rằng diễn-kịch không những không ích-lợi gì cho người ta mà lại có hại cho phong-hóa, nên bỏ hẳn đi, không thèm dùng đến. Sự phản-đối đó bạo quá đến nỗi ông không dám tự đứng phản-đối một mình, mà phải chứng thày dẫn sách để tả-đản. Những thày những sách ấy giá-trị thế nào, trên kia đã cước-chú từng câu. Nay bất-luận sách của thày nói phải hay không phải, có một điều công-nhiên ai cũng biết, là nghề diễn-kịch cổ-lai nước nào cũng có, và về cận-đại lại thịnh-hành hơn đời xưa. Bởi cớ gì mà nghề diễn-kịch sinh-tồn được lâu và phát-đạt được bền như thế ? Chắc là có một sự mật-thiết quan-hệ với đời người, với sự sinh-hoạt của người ta. Xét trong lịch-sử, đời nào, nước nào, dân-tộc nào, tự bậc bán-khai cho đến trình-độ văn-minh, người ta vẫn thích *bày trò* ra để vui chơi và hình-dung sự đời. Ấy diễn-kịch uyên-nguyên tự đó : diễn-kịch tức là một cách *bày trò* để cho vui tai mắt, để cho khoái tinh-thần. Nay lấy triết-lý mà xét thời cái tôn-chỉ của diễn-kịch thế nào ? Năm trước tôi đã có dịp bàn về vấn-đề ấy trong bài « Một tháng ở Nam-kỳ » (*N.-P.*, số 20, trang 131-132), xin trích-lục cả đoạn như sau này :

« Thế nào gọi là *kịch* ? *Kịch* là một việc mạnh hơn việc thường trong đời người ta, hoặc là cái kết-quả của cả một cuộc đời chung-đúc lại một lúc, hoặc là sự ngẫu-hợp của hai việc trái ngược nhau bỗng xung-đột trong giây phút mà sinh ra cái tình-trạng hoặc đáng vui, hoặc đáng buồn, hoặc ghê, hoặc thảm ; nói rút lại là việc « phi-thường » ở trong việc thường mà ra, là cái tia điện sáng bật ra giữa lúc âm-dương điện gặp nhau, cái tia sáng ấy vẫn là điện mà phải có sự xung-đột mới nảy ra được. Đời người ta cũng có thể ví như cái điện lúc bình-thường, khi nào có hai luồng trái nhau chợt đến xung-đột, thời mới nảy ra tia sáng ; tia sáng ấy tức gọi là việc « phi-thường » trong việc thường mà ra, tức là một cái « kịch » vậy. Diễn-kịch là lấy những lúc có cái việc phi-thường trong một đời người ấy mà diễn-tả ra, vụ lấy hiển-nhiên như lúc việc đương hành-động vậy. Nói « phi-thường » không phải là việc hoang-đường quái-đản gì đâu ; phi-thường là sánh với việc thường mà nói, có việc phi-thường thì mới thành « kịch » được, đời

người trong lúc bình-thường thời đời tôi đây với đời bác láng-giềng kia có khác gì nhau mà thành chuyện. Cô Kiều nếu không gặp gia-biến thì sao thành chuyện *Kiều* ? Sự gia-biến đó tức là sự phi-thường, tức là một cái « kịch » vậy. Nhà soạn kịch phải diễn thế nào cho cái kịch ấy xuất-hiện ra hiển-nhiên như thực, hình như chung-đúc cả sự sinh-hoạt một đời vào trong một lúc đó, khiến cho cái « kịch » ấy nên được kịch-liệt, mà người xem phải cảm-động. Sự cảm-động tức là cái hiệu-quả của nghề diễn-kịch : bài kịch mà cảm-động được người ta nhiều ấy là bài kịch hay. Vì người ta lúc bình-thường mấy khi gặp những sự phi-thường, có người cả đời không có chuyện gì đáng kỷ-niệm ; vậy đến nơi kịch-trường là muốn cho cái tấm lòng mình phải kích-thích, phải lay chuyển, phải cảm-động ra một cách khác thường. Cho nên nhà diễn-kịch phải diễn cái việc gì tuy kịch-liệt khác thường mà cũng là ở trong lẽ thường, khiến cho người coi có thể tưởng-tượng rằng việc ấy cũng có ngày xảy vào mình được ; lắm khi nhà diễn-kịch khéo thì người xem mê đến nỗi tự coi mình như người hành-động trong truyện, như thế thời sự cảm-động lại càng sâu và mạnh lắm. Diễn-kịch mà đến được bậc ấy là tuyệt khéo vậy . . . . »

Coi đó thời biết diễn-kịch quan-hệ với người ta thế nào và thế-lực mạnh biết bao nhiêu. Bởi thế nên xưa nay những người phản-đối diễn-kịch vẫn hết sức công-kích mà diễn-kịch vẫn thịnh-hành, các nhà « đạo-đức » không hề ngăn-cấm được người ta đi xem tuồng bao giờ. Đã không ngăn-cấm được thời thà lợi-dụng cái tính tự-nhiên đó còn hơn. Vì thế nên đời xưa đời nay người ta vẫn coi diễn-kịch là một cái lợi-khí để giáo-dục cho công-chúng. Không phải là giáo-dục bằng cách trực-tiếp, như sách luân-lý, lập thành qui-điều mà dạy cho người ta nên làm điều thiện, tránh điều ác, thương yêu nhau, cứu giúp nhau ; nhưng giáo-dục bằng cách gián-tiếp, diễn-tả những tình-trạng trong đời người, những tâm-tình của người ta, hiển-nhiên như thực, mà lại có kết-cấu thế nào cho người xem tự-nhiên sinh ra một cái quan-cảm hoặc hay hoặc dở về thế-thái nhân-tình. Nhà soạn-kịch không tất-nhiên là phải giảng đạo-lý cho người ta mới là giúp cho sự giáo-dục, vì như ông NAM-MINH đã nói, không gì lạt-lẽo bằng cái đạo-lý xuông. Miễn là có một cái ngụ-ý khuyên-răn về đạo xử-thế, thế nào là phải, thế nào là hay, thế nào là hợp với nghĩa cả làm người, thế là bài kịch có ích cho đời vậy. Cái ngụ-ý ấy, hoặc lộ ra ít, hoặc lộ ra nhiều, nhưng phàm những nhà soạn-kịch nổi danh từ xưa đến nay, ai cũng có hoài-bão một cái ngụ-ý như thế cả, nên lắm bản kịch còn lưu lại như cái gương về thế-sự lồng-lộng vắng-vặc, soi vào đấy mà rõ được cái chân-tướng của người đời. Như vậy mà nói rằng diễn-kịch không có ích-lợi gì cho người ta thời thật là không hiểu cái tôn-chỉ của diễn-kịch vậy.

Còn trách diễn-kịch là hại cho phong-hóa thời lại là sai-lầm lắm. Diễn-kịch chân-chính thời không có hại cho phong-hóa bao giờ, mà lại giúp cho phong-hóa được nhiều lắm. Nhưng phải biết rằng phàm diễn-kịch là cốt hình-dung người đời sự đời như thực, không phải là tưởng-tượng ra một cái nhân-thế, một cái xã-hội, tốt-đẹp hoàn-toàn hơn cái xã-hội cái nhân-thế của ta, — đó là việc nhà triết-học, nhà đạo-đức, không phải là việc nhà diễn-kịch. Mà ở đời thời người tốt ít, người xấu nhiều, việc dở nhiều, việc hay ít, nên diễn-kịch — nhất là hí-kịch — thường hay tả

những sự xấu-xa dở-dại của người đời. Các nhà phản-đối hí-kịch nói rằng tả những sự xấu như thế khác nào như xui-giục người ta bắt chước mà làm theo. Nói thế là chưa xét đến nơi. Tả những thói xằng nết xấu hại cho người đời thế nào, tức là răn cho người ta biết mà chừa, bao giờ lại xui cho người ta bắt chước mà theo. Nhưng nghĩ cho kỹ, sự xét-đoán sai-lầm đó là bởi hai cớ như sau này : một là nhà diễn-kịch không giống nhà luân-lý, đối với một việc gì không có phán-đoán ngay là việc hay hay là việc dở, cứ diễn-tả hiển-nhiên như thực rồi để cho người xem kết-luận lấy, nên lắm khi thấy tả những sự xấu ngộ-nhận rằng muốn đem sự xấu ấy mà làm gương cho đời, không biết rằng nếu quả là sự xấu thời diễn-tả đã đúng tất cái xấu nó biểu-lộ ra hết, chỉ khiến cho người ta khả-ố mà không khiến cho người ta cảm-phục bao giờ ; — hai là không hiểu cái tôn-chỉ của sự cười và sự buồn cười : phàm hí-kịch thời phải bày ra việc buồn cười để làm cho người ta cười ; các nhà phản-đối hí-kịch chỉ cho cười là biểu sự vui-thích hâm-mộ ở trong lòng, không biết cười chính là một cách bài-bác châm-biếm ; ta thường tưởng rằng người ta vui mà cười, nhưng cười phải có sự đáng buồn cười, mà sự đáng buồn cười không phải là sự hay, thường lại là sự dở. Cho nên cười là vui mà cười, nhưng nhiều khi cũng là chê mà cười. Người ta cười những sự đáng chê, đáng bác, không ai thấy sự gì hay, đáng cảm-phục, đáng bắt chước mà lại cười bao giờ. Ông Henri Bergson là một nhà triết-học đại-danh ở nước Pháp bây giờ có làm quyển sách giải cái tâm-lý của sự cười — (*Le rire : essai sur la signification du comique*, 18e édition, 1918), nói rằng : « Cười trước hết là một cách trừng-trị. Người nào bị cười là người ấy bị nhục ; bởi vì có ý ngạo-man xã-hội, nên xã-hội dùng cách ấy để báo-thù vậy . . . » (*Le rire est, avant tout, une correction. Fait pour humilier, il doit donner à la personne qui en est l'objet une impression pénible. La société se venge par lui des libertés qu'on a prises avec elle* . . . . (page 200-201). — Người ta ngạo-mạn xã-hội là thế nào ? Là hoặc làm ác, hoặc làm dở ; làm ác thời đã có hình-pháp trừng-trị ; làm dở tức là làm dởm, dởm là buồn cười, buồn cười là khiến cho người ta trông thấy mà phải cười, người ta cười tức là nhục cho mình ; vì thế mà sự cười chính là một cách trừng-trị những thói dở vậy. Cho nên ông Bergson lại nói rằng : « Cười tức là một cái chức-vụ của xã-hội » (*Le rire est un geste social*). — Như thế thời hí-kịch là cái trường luyện-tập sự cười để giúp kiểu-chỉnh cho người đời, há lại có hại cho phong-hóa ru ?

Nay hí-kịch của Molière có hợp với cái tôn-chỉ của nghề diễn-kịch, có hợp với cái chỉ-thú của sự cười như trên kia đã giải không ? Muốn xét vấn-đề ấy, xin cứ đọc bài khảo-cứu về Molière của ông bác-sĩ Lanson tôi đã dịch ở trên, biện-luận tinh-tường, không còn gì phải nói thêm nữa. Đây chỉ bàn riêng mấy câu về bài « Bệnh-tưởng » là bài ông Nam-Minh đã cực-lực công-kích, nói rằng văn-chương dở, ý-nghĩa xằng, trái với luân-lý, hại cho quốc-dân. Trong bài ông có trách người nước ta rằng hễ thấy ai khen cũng cứ nhắm mắt khen hoài, không biết lợi hại là gì ; tôi dám trách lại ông là thấy vài nhà văn-sĩ Pháp (như Bossuet, Rousseau, Veuillot) chê Molière thời cũng cứ nối lời mà chê hoài, không rõ cái ý-nghĩa của hí-kịch Molière thế nào. Bài « Bệnh-tưởng » là một bài kịch tuyệt-tác của Molière, có ngụ một cái luân-lý rất cao, một cái triết-lý rất thâm ở đó. Truyện là một truyện buồn cười, mà cái cười ấy không phải là cái cười

nông-nổi, thật là một cái cười rất thâm-trầm vậy. Kìa như lão Nũng-công (Argan) là người chủ-động trong truyện, là chủ-nhân-ông một gia-đình ; thế mà vì cái tính dở tính thiên, thiên trọng bọn thày lang đến nỗi không có bệnh tưởng-tượng là mình có bệnh, thiên yêu mụ vợ kế đến nỗi nó bóc-lột mà không biết, dở hơi dở hồn đến mê-mẩn không biết minh-sát việc nhà, bị lừa từ đứa con ở trở lên, vì tính ấy mà suýt đến tan-nát cửa nhà, phá-hoại cuộc nhân-duyên của con gái. Truyện rất đáng buồn, chớ không phải là truyện vui, nhưng vì là thể hí-kịch nên phải đặt lấy nực cười ; vả muốn chữa cái tật dở-hơi thời như trên kia đã giải chỉ có cái cười là thuốc rất hiệu. Vốn lão Nũng-công không phải là người ác-liệt chi, chỉ vì một chút tính thiên, dơ-dở ương-ương, mà nên bại-sự. Tính không ác nên người ta không khá ghét mà chỉ đáng cười. Bởi thế nên Molière mới tả lão thành một vai rất buồn cười, nhưng lão tuy đáng cười mà cũng đáng thương nữa, cười vì cái dở-hơi, thương vì cái khờ-dại. Phải có ngọn bút tuyệt-diệu mới tả được một nhân-vật vừa giản-thuần mà lại vừa phiền-phức như thế. Mà cái nhân-vật ấy không phải ở trong mơ-tưởng đâu ; đời nào nước nào cũng có những hạng Nũng-công như thế. Ngay như xã-hội nước ta ngày nay, mỗi người thử xét chung quanh mình ít ra cũng kiếm được vài ông Nũng-công thật. Ấy cái tài của nhà soạn kịch là tả ra được những người *thật* như thế, không những là thật cho một đời một nước, mà thật cho cả nhân-loại muôn đời. Molière đã có cái tài ấy, lại có cái triết-lý cao-thâm nữa. Vai Nũng-công kia, nay ta xét cao lên một tầng nữa, thời là cái gì ? Là cái biểu-hiệu chung cho cả giống người ta dồ-dại mà dàng thương. Tính phổ-thông của giống người là tính tham sống. Tham sống sợ chết, con người ta từ khi khai thiên lập địa đến giờ, bao giờ cũng có cái tính ấy. Vì tham sống cho nên mới diễn ra lắm chuyện buồn cười, vì sợ chết cho nên mới sinh ra lắm sự xấu-xa. Thân-thể đương tráng-cường mà tưởng-tượng ngay mình là có bệnh, chính là biểu-chứng hiển-nhiên của cái tính tham sống đó, tham sống cho đến nỗi thương tiếc từng chút quang-âm của trời đất mà trầm-luân trong cái bể khổ muôn đời, tưởng rằng thân mình ví không có thuốc-thang thời sống được có ngần nấy, nay nhờ sức thuốc-thang có lẽ thêm được ít nhiều ngày Trời tháng Phật nữa ! Ôi ! dồ-dại thay là cái giống chúng-sinh ham sống, nhưng dồ-dại mà cũng đáng thương, vì sống ấy là khổ vậy. — Trong bài *Bệnh-tưởng* lại còn một vai Nũng-bà (Béline), sao mà khốc hệt với một hạng người nào trong xã-hội nước ta như vậy? *Đời nào bánh đúc có sương, đời nào dì ghẻ có thương con chồng*....., không thương con chồng mà cũng chẳng thương gì chồng, chỉ thương cái gia-tài của chồng mà thôi ; hạng Nũng-bà ấy nước ta có thiếu chi, kể hàng trăm hàng nghìn vậy.. Bài *Bệnh-tưởng* đã có cái ý-nghĩa thâm-trầm như vậy, mà cách kết-cấu lại tuyệt-xảo, trong ba hồi kịch mà bao nhiêu nhân-tình phản-phúc dở-dói như trên bàn tay, tưởng như xem xong ba hồi thời cái tâm-lý của những hạng như vợ chồng Nũng-công ta thuộc lòng vậy. Một bản kịch tuyệt-tác như thế mà ông Nam-Minh dám chê là xằng, thời không dám khinh ông, nhưng cứ đọc những lời ông bình-phẩm đủ biết ông không hiểu tí gì. Phàm xét văn-chương phải xét toàn-bích, nếu trích ra từng câu đơn-độc không liên-can với đoạn nào tấn nào thời không thể nào phán-đoán cho đúng được. Ông lại chê

văn-chương thô-bỉ, nhưng ông không biết rằng phàm diễn-kịch vai nào phải nói giọng vai ấy, hạng người nào phải nói ra thứ tiếng hạng người ấy, cốt lấy tự-nhiên như thực : hạng con Nhài con Nụ mà ông muốn nó cũng nói những câu văn-chương « đại cà-sa » như ông thì sao cho hợp?..... Nhưng mà thôi, một bậc thiên-tài như MOLIÈRE há phải đợi đến ngữ mình khen-chê : tôi đây thực không dám tự-phụ là đã có tư-cách bình-phẩm được văn-chương sự-nghiệp ông MOLIÈRE, và tôi thiết-tưởng ông NAM-MINH có lẽ cũng như tôi vậy.

Sau hết ta nên nói mấy lời về cuộc diễn-kịch của Hội Khai-trí-tiến-đức. Hội Khai-trí khai-diễn bài « *Bệnh-tưởng* » là có cái mục-đích gì thời trong bài diễn-thuyết của tôi ở nhà Hát Tây bữa đó và trong bài kỷ-thuật đăng báo kỳ trước tôi đã nói tường, nay không cần phải thuật lại làm chi. Nhưng theo ý riêng của ông NAM-MINH thời Hội làm sự đó là làm bậy, và một hội chủ khai-trí tiến-đức cho dân sao lại tập theo cái « nghiệp phường chèo » làm gì, để cho vì đó mà trí dân sẽ bị ám, đức dân sẽ bị lui. Ông nói những lời to-tát quá ! Hội « Khai-trí » là gồm phần nhiều những bậc thượng-lưu tai-mắt ở Bắc-kỳ, thế mà ông bình-phẩm một cách khinh-thường và... « chỏng-lỏn » như vậy, thời giá vào cái thời-đại xưa kia, cái thời-đại mà « cương-thường chưa đổ-nát, trật-tự còn vững-vàng » — cái thời-đại mà ngày nay chính ông dương thương tiếc vì không còn nữa, — những cách bình-phẩm tự-do như thế có một tên gọi riêng : là *nói xấc* vậy. Nhưng đời nay đã khác rồi, có lẽ chính ông cũng nên lấy làm tiếc vậy. — Hội Khai-trí mở cuộc diễn-kịch đó nên hay không, không phải đợi đến ông bình-phẩm mới biết. Hội mở lối diễn-kịch mới mà cử-quốc đều hoan-nghênh, quí-quốc cũng cổ-võ, các quí-quan cùng quí-báo-quán đều đồng-thanh khen ngợi, thời dù biết lời bình-phẩm của ông không có giá-trị gì. Nghe đâu quan Toàn-quyền LONG sau khi xem diễn về có nói với các quan tả-hữu rằng : « Tôi không ngờ người An-nam họ thông-minh thế, dịch được văn MOLIÈRE, diễn được tuồng MOLIÈRE, lạ thật ! » Tôi tưởng một lời tri-kỷ của quan Toàn-quyền đó đã làm cho Hội được hởi lòng mà quên những câu bình-phẩm không đâu vậy.

* * *

Nói tóm lại thời ông NAM-MINH chắc cũng là người có bụng về thời-thế, vì trông thấy một sự hành-động ông cho là hại đến phong-hóa, nên ông mới lấy lòng thành ma phản-đối. Bản-tâm ông thời vẫn hay mà cách ông phản-đối không được chánh-đáng. Lại có một điều tôi tự lấy làm lạ, là xem ra ông là một người tây-học cũng thâm, mà tư tưởng khi... trần-hủ quá. Nghe lời ông nói như nghe một bác hủ-nho ngồi trong nhà, thấy ai làm sự gì mới lạ, chưa hiểu rõ, thì sửng-sốt lên, vội-vàng gạt đi : « Chết nỗi ! ... Tối-bất-khả ! ... Đạo-lý Khổng Mạnh đề đâu? ... » Ôi ! đạo-lý Khổng Mạnh vẫn nên giữ, nhưng cũng phải tùy-thời, không nên nhất-nhất dương đạo-lý Khổng Mạnh như một cái bung-sung đề nạt-dọa người ta, và ngăn đường tiến-thủ của quốc-dân giữa cái đời cạnh-tranh kịch-liệt này. Ông nói toàn những giọng ưu-thời tật-tục cả ; ngày nay không những một mình ông, phàm người thức-giả ai cũng phải than cho thế-tục suy-đồi. Nhưng than không có ích chi, ăn thua nhau ở cái phương-kế dùng đề cứu-vãn vậy. Cái sóng đồi-phong mỗi ngày một tràn-ngập vào xã-hội ; nay ta phải đối-phó, phải phòng-bị thế nào ? Một phái bảo-thủ — xét ra ông khuynh-hướng về phái ấy — thời muốn ra sức ngăn-ngừa cho được, muốn đắp đê cho cao đề cản sóng lại, nhưng đê càng cao mà sóng lại càng mạnh, có

một ngày sức nước mạnh hơn sức đê, đê sẽ bị vỡ và nước sẽ tràn khắp mọi nơi. Một phái tiến-thủ thời muốn đón trước lấy cái phong-trào, khai-dẫn cho nó lưu-thông và tiêu-thoát dần đi, phương-pháp ấy xem ra hợp-thời hơn. Tỉ như cái vấn-đề nam-nữ, hiện bây giờ thật là một vấn-đề rất gian-nan. Ngày nay, nhất là ở những nơi thành-thị lớn, việc trai gái thật là bậy-bạ quá, thói dâm-bôn không biết đến đâu là cùng. Ai trông thấy cũng phải chán-ngán mà sợ cho gia-đình xã-hội ta sau này. Bây giờ phải làm thế nào cho vãn-hồi được? Phái bảo-thủ thời tất là muốn kiềm-chế con trai con gái, giam-cầm trong nhà mà không cho giao-tiếp với nhau trong xã-hội. Nhưng bây giờ âu-hóa mỗi ngày một thâm, những cách kiềm-chế đó không thích-thời nữa: kiềm-chế được một ngày, kiềm-chế được mười ngày, được một tháng, một năm, nhưng không thể kiềm-chế được mãi-mãi; vả những bậc cha chú ngày nay cũng không có đủ quyền mà thi-hành được cái thủ-đoạn đó. Phái tiến-thủ thời không thể, muốn đón trước cái phong-trào nam-nữ bình-quyền mà khai-dẫn cho nó vào đường chánh-đáng, thí-dụ như cổ-động khuyến-khích cho con trai thời tập lấy cái chí-khí nam-nhi, ham-mê những sự-nghiệp to-lớn, không có quẩn-quanh ở chốn buồng the chăn gối, biết tự trọng mình và trọng người đàn-bà con gái, không dám coi người ta như một cái vật để chơi; con gái thời phải biết cái giá-trị mình, coi mình như một cái của báu, không có suồng-sã với kẻ phàm-phu, và phải có một cái quan-niệm cao-thượng về ái-tình để làm cái thiết-giáp cho tấm thân ngà-ngọc, v. v. — Ấy là đề-cử một việc để thí-dụ như vậy. Còn đại-đề các việc khác cũng nên đối-phó theo một cái chánh-sách khai-thông như vậy. Đời này là đời khai-thông, không phải là đời kiềm-chế được. Những tư-tưởng quá cũ nên gác bỏ một nơi, mà đem cái lòng rất nhiệt-thành sốt-sắng để đón lấy cái phong-trào mới. Chắc là trong buổi thanh-hoàng nay, cũ chưa mất hết, mới còn chưa thành, có nhiều sự sai-lầm chếch-lệch mà nhà luân-lý nhà đạo-đức không thể nhẫn-tâm nhìn được. Nhưng phải biết rằng những sự chếch-lệch sai-lầm ấy là cái đại-giá cho sự tiến-bộ đấy (*la rançon du progrès*). Muốn bước lên thời phải có vấp cón gã; chỉ có đứng yên một chỗ là không việc gì mà thôi...

Ôi! thời-thế! phong-tục! biết bao nhiêu là những vấn-đề nan-giải và cần-cấp, biết thi-thố làm sao cho ổn-thỏa mọi đàng? Nhưng không nên thấy bề-bộn mà sốt ruột, thấy khó-khăn mà nản lòng. Thứ nhất là không nên làm cho người ta nản lòng bằng những lời phẩm-bình không chánh-đáng, cùng những lời thán-tích không ăn-thua.

Quan Tổng-đốc THÂN TRỌNG-HUỀ là một người đại kiến-thức đời nay. Tôi thường tiếp truyện ngài, lắm khi cũng thở-than về thời-thế khó xử, phong-tục suy-đồi. Mỗi lần ngài ôn-tồn mà an-ủi rằng: « Bọn ta là làm việc cho tương-lai. Bao giờ cũng phải nhìn vào cái tiền-đồ ở trước mắt, không nên quan-tâm lắm về những sự sai-lầm chếch-lệch đương-thời. Miễn là việc làm của mình chánh-đáng, cứ đường thẳng mà đi, đừng ngại, chớ phiền, cũng đừng nên thở-than vô-ích mà làm cho người ta ngã lòng... » — Mấy câu ấy tôi vẫn tự lấy làm một lời châm-ngôn cho đạo xử-thế bây giờ; nhân biên chép ra đây để cống-hiến cho các ngài hữu-tâm về thế-đạo. — Ông NAM-MINH nghĩ sao?

PHẠM QUỲNH

LÀM SAO NGƯỜI TÀU KHÔNG CÓ CÁI TRÍ SÁNG-KHỞI ?
Ý-KIẾN MỘT NHÀ LÀM SÁCH NƯỚC MỸ

...Il semble probable que l'esprit du Chinois contemporain est stérile par un effet de la pensée sociale.

Depuis des siècles, les conditions psychologiques ont été défavorables à toute pensée novatrice. Autant s'attendre à voir le pommier fleurir en octobre que de s'attendre à voir fleurir le génie chez un peuple convaincu que la sagesse suprême a été donnée aux sages de l'antiquité. Avant qu'il ait entrepris sérieusement de produire, le jeune penseur a été découragé, intimidé, écrasé par l'opinion conservatrice qui l'environne. En un mot l'atmosphère sociale est devenue accablante; elle a perdu ce qu'elle avait de stimulant aux jours lointains où les Chinois inventèrent la poudre à canon, la matrice d'imprimerie, le billet de banque, la porcelaine, le bateau à compartiments étanches et la boussole.

L'esprit public reste manifestement stationnaire. Cela est dû non à une inertie native, mais à certains préjugés. Ces préjugés sont tenaces, parce que dans leurs effets pratiques, ils ont été couronnés de succès. Grâce à eux de vastes populations ont pu atteindre à l'ordre, à la sécurité, et à une bonne part de bonheur. De plus ces préjugés ont élargi leur cercle d'influence, sans jamais rencontrer jusqu'à récemment une doctrine qui pût leur résister. La culture chinoise s'est étendue et répandue jusqu'à régner sur toute l'Asie orientale. On a dit avec esprit : « La Chine est une mer qui sale tout ce qui s'y jette. » Les gardiens d'une culture à ce point victorieuse sont pardonnables de trouver présomptueux quiconques s'efforce de la perfectionner...

EDWARD ALSWORTH ROSS
(*La Chine qui vient*)

Xét ra người Tàu đời nay không có trí sáng-khởi là bởi cái tư-tưởng chung trong xã-hội.

Đã mấy mươi thế-kỷ nay, tình-trạng xã-hội nước Tàu không lợi cho cái tư-tương sáng-kiến. Cây tân đã về tháng mười thời không sao có hoa được nữa ; một dân-tộc đã thâm-tín rằng cái đạo-học tuyệt-đích là cái đạo-học của các bậc hiền-triết tự đời thượng-cổ, thời tinh-thần không sao nảy-nở ra được nữa. Nhà tư-tưởng chưa khởi đầu sáng nghĩ ra sự gì mới lạ đã bị cái dư-luận bảo-thủ ở quanh mình nó đàn-áp, nó đè nén, nó làm cho ngã lòng nản chí. Nói tóm lại là cái không-khí trong xã-hội nồng-nàn quá, không còn có cái sức kích-lệ người ta như đời xưa nữa, như hồi người Tàu mới phát-minh ra thuốc đạn, ra bản in, ra giấy bạc, ra đồ sứ, ra tàu có buồng kín, ra kim chỉ-nam.

Dân-trí rõ là không có tấn-tới chút nào. Sự đó không phải là bởi cái căn-tính dần-độn của người dân, nhưng là bởi mấy cái thiên-kiến phổ-thông trong nước. Mấy cái thiên-kiến ấy rất là bền-chặt, vì sự kết-quả của nó đã ích-lợi cho xã-hội nhiều. Nhờ mấy cái thiên-kiến ấy mà mấy trăm triệu con người đã được hưởng cái hạnh-phúc thái-bình. Thế-lực nó lại khoáng-trương ra ngoài mà không từng bao giờ bị cái học-thuyết nào khác cản-trở, mãi cho đến thời-đại gần đây. Cái văn-hóa của Tàu dần-dần lan rộng ra, tràn khắp cả cõi Á-đông. Có người đã phê-bình một câu rất dĩnh-ngộ, nói rằng : « Nước Tàu ví như một cái bể lớn, cái gì đổ vào đấy là bị muối cả. » Một dân-tộc chủ-trì một cái văn-hóa đắc-thắng như vậy, thời cũng có lẽ tin rằng cái văn-hóa ấy đã hoàn-toàn rồi, không còn ai có thể sửa đổi được hơn nữa.

SỰ GIÁO-DỤC TRONG GIA-ĐÌNH

ĐẠO DẠY CON

II (1)

XI

Phải tập con trẻ thế nào cho có thói quen thanh-khiết

1° — *Thân-thể sạch-sẽ thì tinh-thần mới được thanh-khiết.* — Ai cũng biết người ở sạch thì được mạnh khỏe, mà tính ở sạch có ảnh-hưởng đến tinh-thần nhiều lắm. Nay vào một nhà nào thấy cảnh-vật phong-quang, đồ dùng tinh-khiết, biết ngay là người nhà đều tuấn-tú tráng-kiện ; vào một làng nào, thấy trẻ con ăn bẩn mặc dơ, lối đi lậm-lội, biết ngay là người làng đều ngu hèn ốm yếu. Vì ngày đêm ăn ở trong chốn dơ-dáy u-ám như người tù dạc, có lẽ nào thân-thể không gầy còm, trí khôn không ngu đụt mãi đi. Cho nên người ta hay khinh dể những người ăn ở luộm-thuộm cũng vì lẽ ấy. Những kẻ ra ngoài phải người ta khinh-khi yếm-ố, không biết xét mình ăn ở sạch bẩn thế nào, chỉ biết oán trách người ta khinh người, như thế thật là vô-lý.

Những người có bụng bẩn, thì cách sinh-hoạt ở đời hẳn không được viên-mãn. Cho đến vợ chồng trong nhà cũng vậy. Người vợ đã không lưu-tâm ở điều thanh-khiết, chắc là mọi việc trong nhà cũng hay cẩu-thả. Nhân thế mà cái tình đoàn-viên thân-ái cũng lạt-lẽo dần đi.

2 — *Tính ưa sạch và tính làm dáng khác nhau thế nào.* — Thanh-khiết là điều trọng-yếu, có ảnh-hưởng đến đức-tính người ta, như đã nói trong tiết trước, vậy người mẹ phải tập - luyện thể nào cho con trẻ có thói-quen ở sạch. Tính ở sạch với làm dáng khác nhau, không nên lầm-lẫn. Làm dáng là cách hư-sức bề ngoài, chỉ vụ chải-chuốt đẹp-đẽ bề ngoài cho người ta khen ; còn bên trong hủ-bại thế nào không biết. Sự sạch-sẽ cần cho người ta cũng như đồ ăn uống và không-khí cần cho sự sống.

Sự sạch-sẽ phải giữ-gìn từ thân-thể và đồ mặc trước. Con trẻ chơi nghịch, chân tay có bẩn, phải bắt rửa ngay, quần áo có bụi phải bắt chải ngay ; khiến cho trông thấy cái bẩn lấy làm ghê-gớm mà thành ra một tính thanh-khiết. Con gái lại nên bắt ở sạch lắm. Đồ mặc phải dùng thứ vải trắng có thể dễ giặt. Trong túi áo phải có luôn một cái khăn tay, cho con trẻ dùng quen để lau tay lau mặt. Khi đi học về, trước lúc ăn cơm, phải rửa tay, rửa mặt, chải áo, chải đầu. Những công việc ấy phải giữ cho thường, mới nên thói quen được.

Việc ở sạch lấy có chừng độ là hơn, không nên thái-quá. Có người sạch quá, cả ngày chỉ sắm-sửa lau rửa mà bỏ mất việc thường, lại là một cái lưu-tệ.

3° — *Sự tốt đẹp có thế-lực rất lớn về đường đạo-đức của con trẻ.* — Con trẻ mới sinh đã biết ưa cái tốt cái đẹp, các vật xúc-động bên ngoài đều có ảnh-hưởng đến tính-tình con trẻ. Cho nên người mẹ phải chú-ý chớ cho con trẻ tiếp-xúc đến những vật xấu-xa kinh sợ. Nên cho tai nghe những tiếng điều-hòa, mắt trông những sắc tươi tốt. Bao nhiêu tiếng tào-tạp kinh-hãi, đồ-vật

(1) Tiếp theo kỳ trước, *Nam-Phong* số 34, trang 287-306.

chếch-lệch dơ-dáy, đều làm cho ngũ-quan con trẻ mất sự điều-hòa mà sinh ra yếm-ố.

Có nhà cẩn-thận về việc giáo-dục, mỗi ngày có để trong phòng con trẻ một thứ hoa thơm-tho tươi tốt, một con chim hót hay cho con trẻ lúc nào cũng vui tai đẹp mắt ; cảm-hóa dần, sau nên người tính-tình ôn-hòa, thái-độ nhàn-nhã. Vậy biết sự sạch-sẽ đẹp-đẽ thực có ảnh-hưởng về đường đạo-đức.

Đối với con trẻ, không nên nói những lời hung-ác thô-tục, để xúc-động cái tinh-thần kinh-hoàng sợ hãi cho con trẻ. Cũng không nên cho con trẻ nghe những tiếng gào thét kêu khóc của con nhà khác ; không nên để con trẻ trông thấy những việc làm tàn-nhẫn hung-ác. Như thế thực có lợi-ích về đạo-đức của con trẻ nhiều lắm.

XII

Những cách thưởng-phạt con trẻ phải thế nào

1° *Thưởng-phạt là những đồ giúp việc giáo-dục.* — Những cách dưỡng-dục về đức-tính con trẻ đã nói trong mấy chương trên, là những điều rất trọng-yếu. Cứ lưu-ý thực-hành, thì việc gia-đình giáo-dục cũng trông thành-hiệu được. Còn những tiết sau này, là những điều ngoại-lệ dùng trong lúc biến-thường. Người có trách-nhiệm về sự dạy con cũng phải biết mới thu hoàn-toàn hiệu-quả được.

Trừng-phạt có hai cách : 1° là trách mắng bằng lời, 2° là sửa phạt bằng doi. Trong lúc giáo-dục, khuyên-bảo bằng lời nói ôn-hòa không được thì phải dùng lời trách mắng. Trách mắng cũng không được thì phải dùng doi-vọt. Cương nhu hai cách phải tùy thế mà dùng, song chỉ phải thi-hành ngay lúc con trẻ có lỗi, cho biết sợ mà không dám phạm nữa.

Cách sửa phạt vào thân-thể đứa con trẻ cũng là một sự bất-đắc-dĩ, trừ những con trẻ cứng đầu cứng cổ, còn những đứa tính-chất nhu-nhược, chỉ nên giam-cấm trong nhà để thay cho doi-vọt.

2° — *Doi-vọt ít mà đau-đớn nhiều.* — Con trẻ càng lớn tuổi doi-vọt càng nên ít dùng vì con đã đến tuổi khôn, mà còn dùng doi-vọt, làm cho mất tính tu-sỉ, sinh ra phẫn-nộ, mà mất cái cảm-tình thân-ái đi.

Con gái yếu-ớt hơn con trai, thì doi-vọt lại càng không dùng lắm. Con gái hay khiếp sợ, hay tủi thân, nói nặng đã sa nước mắt, quyết không nên dùng sự hình-phạt sỉ-nhục cho con gái.

Tội kháng-cự lại cha mẹ, tội ăn dan nói dối, vô-luận trai gái, phải dùng doi-vọt ngay vì hai tội ấy, trừ đánh cho đau không còn phép gì trị được. Đã dùng doi-vọt, phải cho con trẻ biết sợ. Nếu chỉ hống-hách không có thực-lực chỉ làm cho con trẻ coi nhàm, mà không có thành-hiệu gì cả.

Lúc người cha đang sửa phạt con người mẹ không nên đứng bên mà can-dán xin đỡ. Như thế làm cho con trẻ nghi sự phạt của người cha là quá-đáng, mà sinh lòng oán-hận.

Cũng không nên nhân lúc dận mà phạt con, phòng khi quá-đáng chăng. Vả lại sửa phạt là mong cho con trẻ biết đường hối-quá, nếu nhân lúc nóng mà phạt, làm con trẻ hoảng-hốt, không biết lỗi mình đối với sự phạt ấy có xứng-đáng hay không.

3° — *Phán-đoán tội lỗi con trẻ không nên lấy giá-trị từng việc mà định nặng nhẹ.* — Những sự hiểu-lầm, vô-ý, lơ-đễnh của con trẻ đều là tội nhỏ, không nên sửa phạt bằng doi, chỉ nên giảng bảo lần này cho hay lần khác. Nếu lấy giá-trị quí tiện từng việc mà phân nặng nhẹ, sẽ mất lòng dung-thứ của người

mẹ và giảm tình kính-ái của người con. Giả như con trẻ vô-ý đánh vỡ cái bình sành. Nếu vì tiếc của mà phạt con, chẳng hóa ra tội khinh hình trọng.

Trước lúc sửa phạt, phải lượng-đạc trong lòng con trẻ đã biết tội mình nặng nhẹ là thể nào, rồi cứ theo tri-thức con trẻ mà giảng-thuyết cho minh cũng sửa phạt cho chính-đáng :

1º Tội con trẻ hay cãi nhau, phải bắt ở nhà không cho đi chơi với bạn, tùy nặng nhẹ mà định thời khắc.

2º Tội con trẻ ăn vụng, phạt không cho ăn quả những khi con trẻ khác được ăn.

3º Tội con trẻ ăn tham ăn tục, phạt cho ăn cơm không có thức ăn, hay cùng những đồ thô xấu.

4º Tội con trẻ có quần áo dơ-bẩn, phạt không được ra chơi bên ngoài.

5º Tội con trẻ nói dan nói dối, phải khải-phát cho biết dan-dối là sự hèn-hạ. Con trẻ đã biết thú thật cũng nên tùy-tình mà khoan-thứ.

6º Tội con trẻ hay làm biếng, trước hết phạt làm việc không cho nghỉ, không cho chơi ; cho ăn cơm quá giờ. Phạt thế mà không chừa, thì phải doi-vọt. Có nhiều con trẻ yếu sức mà sinh ra lười nhát, phải dùng thuốc bồi-bổ cho khỏi còn hơn là sửa-phạt.

4º — *Khi đã sửa phạt phải để con trẻ thật lòng thú tội.* — Có người lúc phạt con rồi bắt phải tạ tội như nói : « từ nay mà đi con xin chừa những điều tội lỗi ». Như thế thực là không có hiệu-lực gì cả. Vì những lời tạ tội chẳng qua là theo lời mà nói, còn trong lòng chưa hẳn đã biết tội mình hay chưa có người bắt con tạ tội, nếu không, còn sửa phạt nữa, như thế lại làm cho con trẻ mất lòng cảm-phục. Con trẻ có lỗi, lúc đã sinh lòng hối-quá, tự đến trước mặt cha mẹ mà xin lỗi, còn lấy làm bẽn-lẽn ; huống chi là ép nài tạ tội. Chỉ nên nhân lúc ấy mà mở lòng tu-sỉ cho con trẻ, còn hơn là bắt tạ tội. Khi cha mẹ phạt con rồi lại phải vui cười trò chuyện, lại phải âu-yếm như xưa. Không nên nhắc lại tội cũ mà gợi cái ác-cảm cho con trẻ.

Bởi lòng cha mẹ thương con, khi phạt con rồi thường lấy vật này vật khác mà cho con để yên-ủi cái lòng đau-đớn, lại là một cách sai lầm ; vì để con trẻ tưởng sự sửa phạt ấy là quá-đáng, chỉ nên phải dúng cách yên-ủi cho nguôi lòng oán giận.

5º — *Ý-tứ trong lúc thưởng.* — Thưởng là phản-đối với sự phạt để khích-khuyến cho con trẻ nức lòng mà làm việc bổn-phận. Ấy là một cách trọng-yếu trong đạo giáo-dục.

Thưởng cũng như phạt dùng cho chính-đáng mới có thực-hiếu. Vậy có hai cách thưởng : một là thưởng bằng lời nói. Khi con còn nhỏ nên thưởng bằng đồ vật, con đã có tri khôn phải thưởng bằng lời nói thân-ái, ý ở tin-dùng ; làm cho con trẻ có lòng ham danh-dự hơn là lòng vị-lợi.

Thưởng bằng đồ vật, không nên thưởng nhiều quá, cũng không nên năng thưởng quá. vì đồ thưởng là vật để khích-khuyến lòng người, mà không phải là để đánh giá cái việc làm. Năng thưởng gọi là lạm, lạm thưởng thì không còn có giá-trị gì nữa. Vì thế những người hay huyền-thưởng cho con trẻ làm việc, cũng là một cách lạm-thưởng.

XIII

Khi con trẻ giao-du với chúng bạn, người mẹ phải lưu-ý thế nào ?

1º. — *Giao-hữu là sự rất cần trong việc giáo-dục.* — Cho con trẻ này chơi với con trẻ khác được mười phần khoái-lạc, thực có ích-lợi về tinh-thần

cho con trẻ, vì con trẻ ở trong nhà, chỉ có cha mẹ anh em, công việc giao-tiếp không đủ mà tập-luyện tinh-thần để ngày sau ra ngoài đối-đãi với mọi người trong xã-hội.

Vả lại con trẻ đối với cha mẹ chỉ có một nghĩa phục-tòng, đối với anh em chỉ có một nghĩa nhường-nhịn ; phải có trẻ này trẻ khác, địa-vị tri-thức bằng nhau, trong lúc giao-du được tự-do hoạt-bát, không phải sợ nề, không phải nhẫn-nhục mà càng được vui-vẻ hơn.

Giao-du là sự cần của con trẻ mà chọn bạn đồng-chí cho con trẻ lại là trách-nhiệm của kẻ làm cha mẹ. Vì để con chơi-bời với những con nhà thất-giáo, lại là một việc nguy-hiểm. Vậy trước hết phải cho con trẻ làm bạn với những con nhà thân-thích cố-cựu, mà mình đã biết rõ phong-hóa trong gia-đình không phương-hại gì cho con trẻ.

Song thời-thế văn-minh này, sự cạnh-tranh trong xã-hội càng nhiều, thì cái cảnh đoàn-viên trong thích-lý càng khó. Có khi nay còn sớm đào tối lý, mai đà dặm liễu cầu dương ; mà những người lạ nước lạ non cũng phải nhận làm tri-tâm tri-kỷ. Lại thường trong một ăăm đổi hai ba chỗ ở, như thế thì sự giao-du đồng-chí của con trẻ lại có nhiều điều khuyết-điểm lắm.

2° — *Việc chọn bạn phải theo ý con trẻ.* — Lòng con trẻ còn tự-nhiên, trong như gương trắng như tuyết, trong lúc giao-du, chưa hề có phân bì giầu, nghèo, quí, tiện ; chỉ lấy tình-đầu ý-hợp mà chơi. Bấy giờ người mẹ không nên lấy ý riêng mình mà can-thiệp đến.

Giả như : tên Lý nói : « con muốn làm bạn với tên Văn. — Người mẹ nói : không nên, vì tên Văn là con một nhà đóng giầy. — Con nói : nhân sao mà không nên chơi với con nhà đóng giầy ? — Mẹ nói : vì cha nó không đồng-nghiệp với cha mày. Con chỉ nên chơi với tên Vũ, vì cha mày cùng cha nó là bạn đồng-liêu. — Con nói : tuy-nhiên, con không ưa tính nết tên Vũ mà chỉ ưa tính nết tên Văn. » Xem thế thì người mẹ cưỡng con giao-du với một người không hợp ý, chẳng những là vô-ích cho con trẻ, đến khi tình-ý không hợp sinh ra phân-nghịch, lại thêm cái ác-cảm cho con.

Quản-lý con trẻ là chức-trách của người mẹ, khi con trẻ chơi-bời với nhau, đã thấy có điều mất nết, đã bắt trước thói xấu của nhau, người mẹ phải uốn-nắn ngay, phải liệu thế mà tránh cho con trẻ.

Bắt nét nghĩa là chỉ bảo những điều chính-đáng không phải là bắt con trẻ phải tuyệt-giao với bạn ; vì không lấy một quả mà bỏ cả cây, sợ thương đến cái nghĩa đồng-tình của con trẻ.

XIV

Khi con trẻ có điều nhầm-lỗi nhỏ-mọn người mẹ phải xử-trí thế nào

1. — *Lỗi nhỏ không nên trách phạt.* — Người mẹ cứ phải nhớ rằng : con trẻ chưa phải là một người trọn-vẹn, việc giáo-dục được như ý mình quá nửa cũng đã kể là hoàn-toàn. Nếu soi xét từng điều nhỏ-nhặt thì ngăn-trở cho việc giáo-dục nhiều lắm. Người lớn còn có điều lầm-lỗi, huống-chi con trẻ chưa có từng-trải, chưa biết tự-lự. Người khéo dạy con không nên trách-phạt những điều nhỏ-nhặt chỉ tìm cách khôn-khéo sửa lại cho chính là còn hơn.

Có một đứa con nhà giầu, tính sang trọng mà hay ở bẩn. Người mẹ sửa phạt không được. Sau bảo lớp dầy tớ thấy đứa ở bẩn kia đâu không thèm

chào hỏi. Đứa con trẻ tức-giận mách với mẹ. Người mẹ cười mà nói rằng : « vì cậu bẩn cho nên không ai thèm chào. Người ta không thi-lễ với người vô-lễ. Khi ra ngoài để mặt bẩn, ấy là vô-lễ.» Từ bấy giờ đứa con trẻ mới bỏ thói ở bẩn. Ấy là một tay khôn-ngoan, khéo chữa nết xấu cho con trẻ, mà không phải hò-hét gì cho lắm. Mẹ và con đối với nhau đều không sinh lòng hiềm-oán.

Nhà kia có ba đứa con buổi trưa vừa đi học về, để sách một chỗ, vào ngồi mà ăn. Người mẹ đứng một bên, chừng mắt mà mắng rằng: « thằng lớn đi đâu mà vội ăn ! Thằng nhỡ sao chỉ thấy ăn vã đồ ăn ! Thằng nhỏ sao ngồi không được ngay-ngắn ! » Ba đứa con vừa đi đọc về liền phải mắng phải diếc, nín lặng, nhìn nhau cho đến dơm-dớm hai hàng nước mắt. Chúng tôi xin bảo cho người mẹ ấy biết rằng : đang lúc ăn mà chỉ-trích con trẻ những điều nhỏ nhặt, đã không phải phép giáo-dục, lại thêm cái ác-cảm trong gia-đình.

Mẹ đưa ba con vào chơi vườn cảnh. Con trẻ vừa chạy vừa nhảy, trò-chuyện vui-cười sung-sướng lắm. Người mẹ lại tìm điều làm cho bại-hứng, cấm con trẻ ăn no không được chạy. Phải đi thong-thả, đứa lớn đi trước, đứa nhỏ đi sau. Lũ con lặng ngắt, lững-thững đều trở ra về.

Lúc ngồi học bài, người mẹ cứ ngồi một bên mà đốc-thúc ; con trẻ mắt trông vào sách, mà trong lòng thực còn ấy-náy, Dẫu học cũng không học cho thuộc được.

Lấy những điều ấy ra mà suy, thì biết người mẹ hay chấp-trách con trẻ, hay săn-sóc con trẻ quá, lại làm cho con trẻ ngại đường tiến-hóa, mất tính thiên-nhiên. Mẹ muốn cho con trọn-vẹn đủ điều, nhắc chân nhắc tay đều là lầm-lỗi, như thế thực không phải là thủ-đoạn một nhà giáo-dục.

Người hay ví như phong-cảnh, trông xa thì cây xanh nước biếc, nếu đến gần thì thấy những hang-hốc, gai-góc, không còn có vẻ thiên-nhiên nữa. Việc giáo-dục trong gia-đình lấy hòa-lạc làm quí, nếu nhân những điều nhỏ mọn mà mất cái vui-vẻ đoàn-viên, không phải là đạo giáo-dục.

XV

Phép quản-lý đứa con bất-thuận bất-tốn phải thế nào.

1° — *Con trẻ bất-tốn là bởi cái tính độc-lập của con trẻ phát-sinh mà ra.* — Cha mẹ ở với con, sau trước giữ được hòa-bình là sự rất khó. Con trẻ một ngày một lớn, đã có tri-thức, đã hiểu thị phi. Gặp việc đã biết cãi lẽ, trong tình mẹ con cha con dễ sinh ra băng-thán. Bấy giờ con trẻ tưởng cái tài-năng mình đã tương-đương với người lớn, không chịu phục-tòng một ý-kiến của người nào ; dù nhất-trí bán-giải, cũng tự-thị tự-đắc để tỏ cái tính độc-lập của mình ra. Nhất là con trẻ đến năm 17, 18 tuổi, đã tốt-nghiệp lớp trung-học, thì ý-khí lại càng ngông-nghênh lắm. Thân-thể và tinh-thần đang phát-đạt, tư-tưởng cao xa, ý-khí hăng-hái, trọng khách-khí, nhẹ pháp-luật, không biết cái sợ là gì.

Thời-kỳ phát-đạt, ở con gái lại càng sớm hơn ; năm 14, 15 tuổi đã ra ý đỏng-đảnh. Song những hiện-tượng ấy chẳng qua là vì đang lúc khí-huyết sung-thịnh, tinh-thần phấn-phát mà hiển-lộ ra bên ngoài. Khi đã quá thời-kỳ nhất-định ấy, thì bao nhiêu tư-tưởng cũ đều tiêu-tán đi như mây như khói, mà cảnh-tượng hòa-mục trong gia-đình lại đầm-thắm như cũ.

Những cách cha mẹ đối-đãi với các con, cũng nên tùy tuổi mà có khắc. Lúc con còn nhỏ, phải năng mắng năng đánh ; lúc con đã lớn phải dong-thứ, phải nề-nang. Con đã lớn, cứ-

động có điều vi-việt, là vì cái tính độc-lập đang lúc phát-đạt. Việc làm phải cũng nên thưởng nên khen, nên giúp đỡ cho thành-công, cho đến địa-vị độc-lập, thì cái trách - nhiệm của cha mẹ mới là hoàn-toàn được. Nếu con đã lớn mà còn giữ tính ỷ-lại, làm việc gì cũng phải có người giúp đỡ, đời người như thế gọi là đời hư-sinh, mà công giáo-dục của cha mẹ cũng chưa thành-hiệu được.

2° — *Ý-khí lăng-tẳng là cái hiện-tượng của những kẻ thanh-niên.* — Con trai con gái đang lúc thanh-niên, muốn nói điều gì, muốn làm việc gì, cha mẹ cũng bài-bác cũng ngăn-trở, như người bóp cổ bóp họng, giằng chơn giằng tay, làm cho tiêu-duyệt cả thú-hứng của con trẻ, như thế là không hợp với đạo giáo-dục. Có nhà cha mẹ nói như mõ gõ vào tai, mà con nghe như nước đổ đầu vịt, đến lúc hết phương hết phép, chỉ hậm-hụi kết-quả vô-lương. Sao không biết nghĩ con trẻ đang lúc thanh-niên, ý-khí phát-đạt, như rượu đang lên men, còn hăng còn nồng, khi men đã chín, tự-nhiên khí-vị thơm-tho mà thành ra rượu ngọt. Có lẽ nào người đang thiếu-tráng mà lại chín-chắn như bực lão-thành. Vì thế người mẹ chỉ nên nhẫn-nhục, không nên xung-đột mà hạnh-phúc hòa-bình trong gia-đình cũng được trọn-vẹn.

3° — *Phương-pháp đối-đãi với con trẻ bất-thuận bất-tốn.* — Con trẻ lúc mới lớn lên người mẹ lấy tình âu-yếm mà cảm-hóa thì hơn là lấy cách nghiêm-nghị quá. Khi con đã tỏ ý ra muốn làm việc gì, người mẹ không nên ngăn-trở, mà sinh ra mẹ con mất lòng nhau.

Con đã lớn, đã có lòng danh-dự, hay hờn hay giận, phải dùng cách khôn khéo mới đưa giắt vào đường khuôn-phép được.

Thí dụ : một hôm người con vào đứng thẳng trước mặt mẹ mà nói : « Hôm nay xin mẹ cho phép con đến chơi nhà một người bạn. Dù mẹ không cho, con cũng phải đi, vì đã có lời hẹn. » Lúc nói coi bộ người con quả-quyết, có ý sắp-sửa mà cự-mệnh lại. Người mẹ liền vui cười mà nói : « con đi ngay cho sớm ». Người con nghe nói mừng dỡ mà nói rằng : « con xin trở về ngay. »

Chừng hơn một giờ sau, người con trở về nói rằng : « buổi họp hôm nay không có ích-lợi gì cả, nhà thì hẹp, người thì đông ; bức-tức nòng-nực, nói những chuyện phù-phiếm không có thú-hứng gì cả, biết thế ở nhà còn hơn ».

Người con lúc ra đi được lời mẹ cho phép, đã lấy làm thoả-chí. Đến chỗ hội mọi sự đều không như-ý mình, bấy giờ mới biết cái quang-cảnh trong gia-đình còn có chán-lạc hơn. Nếu người mẹ cố-ý ngăn-giữ, thì lòng người con bực-tức bao nhiêu lại càng tìm điều phản-kháng bấy nhiêu. Ấy cũng là lẽ tự-nhiên của người ta như thế. Cho nên không phải biện-luận, không phải hà-trách, chỉ trầm - mặc không nói, tức là cái thủ-đoạn rất cao trong đạo giáo-dục. Mà những người ít lịch-duyệt không lĩnh-lược được ý ấy.

Người ta thân-yêu nhau là vì có lòng dung - nạp nhau ; mà sự dung-nạp ấy với người ngoài còn dễ, mà với con em trong nhà thời càng khó : cha mẹ đối với con vẫn có ý áp-chế, có quyền cấm - đoán. Và con đối với cha mẹ vẫn có ý nũng-nịu lằn-khằn, dù đến lúc con đã trưởng-thành vẫn còn cái thái-độ ấy. Cho nên khi con đã lớn phải đãi lấy cách người lớn.

XVI

Tính-chất người mẹ

Việc thiên-hạ có điều nhỏ nhặt thường qua mắt mà không thấy, qua tai mà không nghe, thế mà ảnh-hưởng thực có quan-hệ đến toàn-thể ; trong việc giáo-dục lại càng mầu-nhiệm lắm.

Chương sau hết này chúng ta kê những tính-chất thông-thường của các nhà đàn-bà có con trẻ. Thực là những điều có kinh-nghiệm, không phải là lý-tưởng. Nên đem từng điều ra mà gẫm, cũng đủ làm tài-liệu để quan-sát trong việc gia-đình giáo-dục.

1° — *Mẹ hay nấn-ná không dạy được con.* — Người mẹ ngồi chơi với khách, con ở vào nói : « đứa con không chịu uống thuốc. » Người mẹ nói : « được, rồi bắt nó phải uống. » Nói rồi lại cứ nói chuyện với khách. Mà quên chuyện đứa con. Con ở lại vào nói hai ba lần nữa. Người mẹ cứ nửa trí khôn đối với khách, nửa trí khôn đối với con ở mà nói: « đứa con như thế hư thật. » Con ở đứng chờ một lúc lui ra, mà đứa con vẫn không chịu uống thuốc. Tính-chất người mẹ như thế, ta sẽ giải-thích ra làm sao.

2° — *Người mẹ nhu-nhược con không vâng lời.* — Người cha vắng nhà, đêm đã khuya, đứa con còn chơi chưa ngủ. Người mẹ bảo: « con phải đi ngủ, vì đêm khuya rồi. » — Con nói : « đợi cha về con sẽ đi ngủ. » — Mẹ nói : « con có vật gì để đợi cha về mà xem?» — con nói : « vật gì bây giờ không có thể nói được. » — Người mẹ vật-nài, đứa con cứ thủng-thỉnh rồi miễn-cưỡng mà nói : « không có vật gì cả, con chỉ đợi cha về, xem có vật gì lạ cho con chăng. » — Mẹ nói : « hôm trước cha mày đã phạt không cho đồ chơi. Con quên rồi hay sao? » — Con cứ đủng-đỉnh mà nói : « nhưng thế mà..... » — Mẹ nói : « thôi, không nói lắm, phải đi ngủ tức-thì. Nếu không ngủ ngày mai sẽ cấm không cho đi chơi đâu nữa. » — Đứa con nghe nói như gió thoảng ngoài tai vừa cười vừa nói : « cũng được, ngày mai con sẽ ở nhà cả ngày mà ngủ. » Mẹ nói : « mày là một đứa con trẻ khó bảo. » Nói rồi trông lên đồng-hồ mà nói : « thôi cho 5 phút nữa ». Đồng-hồ đi thấm-thoắt 2, 3, 4, 5 phút đã qua, mà đứa con vẫn chưa chịu đi ngủ. Cứ ngồi nghiễm-nhiên mà nói: « mẹ nói vô-lý, ngày mai đã phạt không cho đi chơi, hôm nay lại đi ngủ sớm. Thày giáo tôi đã dạy : « những lời vô-lý thì không nên nghe. »

Vô-luận đứa trẻ ấy không có đức phục-tòng, cứ xem tính-chất nhu-nhược của người mẹ, lại thêm cho con trẻ rắn mày rắn mặt, lỗi ấy là tại ai ?

3° — *Người mẹ chiều con làm điều quá-đáng.* — Trong một cái đĩa còn có 4, 5 quả lê, mà chung quanh đã thấy hạt lê vỏ lê lang-tạ. Đứa con lấm-lét đòi ăn nữa.. Mẹ nói : « lê ăn lắm thì khó tiêu, con đã ăn nhiều, không nên ăn nữa. » Con nói : « con chỉ muốn ăn một quả nữa cũng không hề gì. » — Mẹ không muốn trái ý con, mới nói : « thôi cho con ăn lần này cho chán. Ăn mà không tiêu là tại mày. »

Người mẹ nuông con, để con phạm điều tham-dục. Còn những điều giáo-dục khác không nói cũng biết.

4° — *Người mẹ hay gắt không cho con hỏi mà mở trí khôn.* — Trong chuyến xe hỏa, có người đàn-bà ngồi bên cửa sổ với một đứa con lên 5, 6 tuổi. Lúc xe chạy, đứa con trẻ trông ra bên ngoài bao-lao bát-ngát, cây cỏ núi sông cứ chạy quanh trước mắt, lại hỏi mẹ rằng : « cái gì thế ? làm sao thế ? » Người mẹ cứ cầm cuốn tiểu-thuyết mà xem, không trả lời con trẻ,

còn quát mắng phải ngồi yên một chỗ. Đứa con trẻ ngồi tần-ngần một lúc, rồi dơm-dớm nước mắt mà khóc. Một người học-trò ngồi bên lần đến mà trò-chuyện với đứa con trẻ. Nhân bảo đứa con trẻ rằng : « vết xanh đàng xa ấy là dãy núi, vạch dài trước mặt ấy là con sông, dám đất xanh-xanh ấy là đồng lúa, những người lố-nhố ấy là lũ đi cầy. » Con trẻ tay trỏ mắt trông, đang lúc buồn rầu lại thấy tinh-thần vui-vẻ.

Tính con trẻ thóc-mách : thấy vật gì cũng xem, gặp việc gì cũng hỏi, nếu bắt ngồi yên một chỗ thực là một cách hình-phạt rất nặng, làm cho tinh-thần phải tiêu-duyệt, thân-thể phải hư-hại.

Cho nên con trẻ muốn hỏi điều gì phải giảng-giải ngay, chẳng những là nghĩa-vụ của cha mẹ, mà cũng là phép giáo-dục phải nhờ lúc ấy mà mở-mang trí-thức cho con trẻ.

5° — *Mẹ hay bênh con hại đường giáo-dục.* — Có người hỏi đứa con trẻ rằng : « cha với mẹ, mày yêu ai hơn? » Con trẻ nói : « yêu mẹ hơn là yêu cha, cha tôi dữ lắm, mỗi lần phải phạt, nhờ có mẹ tôi che-chở mà bênh-vực cho, cha tôi cấm ăn gì, mẹ tôi vẫn giấu mà cho tôi ăn » Ấy là cái tang-chứng người mẹ bênh con đủ làm cho hỏng cái giáo-dục của người cha, hại tính-nết của con trẻ.

6° — *Mẹ hay phỉnh con cũng làm hư con.* — Trai gái lẳng-lơ hay hát những câu dâm-dãng ở ngoài đường ngoài chợ. Con trẻ hay học lấy mà hát. Người mẹ nghe thấy chẳng những không cấm, lại còn khen con là sáng dạ. Con tưởng thế là hay, càng tập càng khéo, người mẹ càng vui càng khen ; chỉ biết con sáng dạ thì dễ học mà không biết con trẻ tiêm-nhiễm những câu bất-chính sẽ làm cho mất tinh liêm-sỉ, thực có tổn-hại trong đường giáo-dục.

7° — *Người mẹ không có uy-lực kiềm-chế được con trẻ ngỗ-nghịch.* — Đứa con trẻ phải chứng sốt rét. Thày thuốc cấm uống nước nhiều. Con trẻ đòi uống luôn, mẹ cấm không được phải cho con uống. May mà con khỏi, là nhờ bệnh nhẹ. Khi đứa con đã khỏi bệnh, càng hờn càng nũng, ngược-ngạo với hết mọi người, cãi nhau đánh nhau. Người mẹ ngăn cấm không được, cứ bảo đứa lớn chịu nhịn đứa nhỏ, mà nói rằng : « những lời nói em mày như tên không mũi, có tin cũng không đau, huống chi là ít có khi tin. Vả đứa lớn chịu nhịn đứa nhỏ lại là một nết tốt. Nay em mày phải đau mới khỏi, cũng nên dong-thứ. » Người mẹ ưu-nhu như thế, sẽ dưỡng-thành tính-nết cho con trẻ thế nào, không nói cũng biết.

8° — *Người mẹ yêu con không nghĩ đến thân.* — Có người mẹ nghèo cố lo cho con ăn học ở nơi tỉnh-thành. Mỗi tháng lo đủ tiền ăn tiền học cũng đã nặng-nề, lại còn muốn cho con bằng anh bằng em, ăn sung mặc sướng. Bấy giờ người mẹ phải nhịn ăn bớt mặc, thức khuya dạy sớm. Nỗi mình vất-vả thiếu-thốn không dám nói cho con biết. Đứa con vẫn tưởng nhà còn sung-túc, không biết dè-sẻn, không biết thương mẹ, còn nay đòi cái này mai đòi cái khác. Người mẹ cần-lao quá-độ sinh ra đau ốm. Đứa con được tin về đến nhà, thì thấy người mẹ mình gầy như ve, áo rách như rộng. Mẹ thấy con sa hai hàng nước mắt mà từ con.

Thương ôi ! mẹ thương không tiếc đến thân, cũng là bởi lòng từ-ái. Song nghĩ ra cho kỹ đã thiệt thân mình lại để cho con một cái hối-hận trăm năm. Trong đạo giáo-dục gọi là nịch-ái.

9° — *Người mẹ cay-nghiệt để oán cho con.* — Thiên-hạ có người thương con quá để hối cho con, cũng có người cay-nghiệt quá để oán cho con, đều là quá-đáng, làm hư giáo-dục. Những người cay-nghiệt, chẳng những làm cho con trẻ khiếp-sợ mà mất tình thân-ái, nếu gặp đứa con cứng đầu cứng cổ, lại sinh ra cãi-cọ chống-chỏi mà mất thói hòa-bình trong gia-đạo.

Có người mẹ kia nghiêm-dữ có tiếng, giữa ngày nguyên-đán, nhân con có điều lầm-lỗi phạt giam trong một cái nhà kín, không cho ra ngoài, đang khi con trẻ khác sắm-sửa mà đi mừng tuổi. Người nhà ai xin cũng không được, để cho con trẻ oán-hận từ đấy. Đến năm đã lớn, nghĩ đến cái sự cay-nghiệt của người mẹ bao giờ còn như in trong trí.

Người mẹ như thế thực là đem cái hạt giống oán-hận gieo vào trong trí khôn cho con, đã làm cho mất cái tình-ái của mẹ với con, lại còn hại đến đường giáo-dục nữa.

10° — *Người mẹ quá-khắc phạt nặng con trẻ những điều lỗi nhỏ.* — Thế-gian có người đàn-bà nóng như lửa, dữ như hổ ; trong nhà, thường nghe những tiếng gầm tiếng thét, tiếng đoi-vọt, tiếng trẻ khóc. Con trẻ có điều gì trái ý mẹ, thì đánh vùi đánh giập, không cho than, nồng-nàn cho hết cơn nóng thì thôi. Đánh rồi bắt phải nín ngay. Đứa con còn đau cuồng chưa nín, lại còn đánh nữa. Trong gia-đình thành ra một trường hình-phạt, tình mẹ con coi như thù hằn, thực là một cách dã-man tàn-ác.

11° — *Người mẹ vô-ý, ép con những điều sợ hãi.* — Có con trẻ sợ nước, người cha cưỡng bắt xuống hồ mà tắm, con trẻ càng run càng sợ, lại càng vỗ nước cho nổi sóng, con trẻ càng khóc lại càng đắc-ý, nói với người ta rằng : có ý luyện đảm cho con trẻ. Lúc đem lên bờ, con trẻ mặt lợt không còn một hột máu. Người mẹ còn mắng rằng : « Con nhà sợ nước là giống khiếp-nhược vô-dụng. »

Con trẻ sợ sóng cũng là sự thường ; cha mẹ muốn cho con bạo con gan cũng không phải là điều ác. Chỉ trách một điều vô-ý vô-thức, làm cho con trẻ kinh-sợ, ấy là sự có hại đến thân-thể tinh-thần của con trẻ. Có người thực ý yêu con, vì không đủ ý-thức, cứ tự-ý mà làm, hóa ra trái đạo giáo-dục.

12° — *Người mẹ lập ra thường-lệ để sửa phạt con.* — Những điều bên trên là nói những người mẹ không đủ thường-thức mà dạy con, đây lại kể những người có tri-thức chỉ vì cố-chấp quá cũng thành ra khuyết-điểm trong đường giáo-dục. Có người đàn bà có ít nhiều học-vấn đối với những bọn dung-thường, cũng là một tay có giáo-hóa. Dạy con có qui-tắc, có điều-lý. Những điều con trẻ đã phạm đều chua vào sổ, đến lúc chỉ định mới dở ra mà phạt, không tha một chút, không sai một điều. Có khi trong một ngày, con trẻ phải phạt đến 7, 8 thứ.

Có hôm con trẻ đang học tính ; nhân thấy trong sân cây đào có quả, người mẹ ra câu tính đố cho con rằng : « Lấy 15 quả đào chia cho 5 đứa trẻ ; hỏi mỗi đứa trẻ được mấy quả đào ? » Đứa con chưa kịp nói, người mẹ cứ cắt nghĩa đi, cắt nghĩa lại ; con trẻ càng nghe càng dối, mẹ càng nói càng mắng con dốt con ngu, làm cho con trẻ bối-dối không nói được điều gì nữa.

Con trẻ đang lúc tinh-thần phát-hiện, phải một người mẹ cố-chấp khắc-khổ, làm cho ý-khí tử-táng, ngày đêm ở trong một cái cảnh u-uất khổ-não ; như cái cây sinh trong sỏ tối, chẳng bao lâu mà phải vàng héo, thực là đáng thương !

13° — *Người mẹ ép con ăn uống những vật mà còn không ưa.* — Đồ ăn uống phải theo ý sở-thích. Cố ép con trẻ ăn uống những vật không hợp-ý, cũng làm khổ cho con trẻ hơn là hình-phạt. Sách thuốc có nói : « Không nên ăn khi không thích khẩu, chẳng những vô-ích mà lại có hại. » Con trẻ thiên-tính kiêng-kị vật gì, muốn sửa-đổi cái tính ấy, phải sửa dần-dần, chờ lúc đói thèm mà dỗ mà dỗ. Có con trẻ lúc nhỏ hay kiêng vật gì, lúc lớn lại càng hay ăn vật ấy hơn. Như thế thì không cần phải nài phải ép.

14° — *Mẹ không nghiêm-nghị để con khinh thường.* — Đứa con nô đùa trong nhà, mẹ mắng không nghe, mới phạt con đứng ngay một chỗ. Đứa con nhăn nhở mà nói : « Con xin đứng bên này con không đứng bên kia, hay con xin đứng giữa nhà. » Mẹ nói : « Đứng đâu cũng được mà phải đứng cho ngay » Đứa con vừa cười vừa đứng, khoanh tay phồng má, ưỡn ngực, làm bộ thẳng phồng, cho người cười. Ấy là mệnh-lệnh không nghiêm, để cho con nhạo-báng khinh dể.

15° — *Mẹ phạt con những điều vô-ích không có hiệu-lực.* — Đứa con hay nói dối. Mẹ trách con rằng : « Nói dối làm cho mất sự thật ». Con nói : « Những điều nói chơi có hại gì sự thật. » Mẹ nói : « Người hay nói dối, sau dẫu nói thật cũng không ai tin. » Con nói : « Nói càn còn tệ hơn là nói dối. » Mẹ nói « Đã thế, phạt mày không được ngồi ăn với thày mẹ ». Con nói : « Ngồi ăn với anh em, hay học trò khác còn tự do hơn. » Mẹ nói. « Chỉ cho mày ăn một mình. » Con nói : Một mình cũng được, miễn là có đủ đồ ăn. »

Những câu huấn-giáo không nghiêm như thế lại làm một cái trò cười cho con trẻ.

16° — *Người mẹ hồ-đồ hay ngờ vực cho con.* — Mẹ hỏi con : « Có phải mày đã làm điều nghịch ác ấy không ? » Con nói : « Thưa không. » Mẹ nói : Mẹ chắc là con làm, không còn hồ-nghi nữa. » Con nói : « Thật con không giám như thế. » Mẹ nói : « không mày thì còn ai, không được biện-bác nữa. » Đứa con cũng phải hàm-hồ mà nhận. Người mẹ đỏ mặt tía tai mà phạt. Đứa con hoảng-hốt cứ theo lời mẹ hỏi mà nói cho xuôi ; thành ra hai mẹ con đều ở trong nghi-đoàn ám-muội. Ấy là cái lỗi ở người mẹ hay ngờ-vực không phải là lỗi con.

17° — *Mẹ hay mắng con trước mặt khách.* — Người mẹ sai con tiễn khách ra cửa ; bảo con phải có ý vì trời thì tối mà đường thì cong. Con chưa kịp trả lời. Mẹ mắng : « Việc gì mà phải lưỡng lự trù-trừ, hay mày không muốn đi tiễn khách ? » Con nói : « Không phải là con không muốn, xin cùng khách đi ngay. » Khách nghe mấy lời ứng đáp không được vui lòng, mà biết cái giáo-dục trong gia-đình còn nhiều điều khuyết-hám.

Tư-tưởng con trẻ có nên biểu bạch ra trước mắt khách hay không ? Tập cho con trẻ biết phục-tòng mệnh lệnh có nên từ lúc bình-nhật hay không ? Trước mặt khách mà dạy con lại làm cho con mất tính tu-sỉ. Tính - chất người mẹ ra thế nào ? xin độc giả phán đoán.

18° — *Người mẹ tự mình có lỗi lại hay trách con.* — Mẹ thường bảo con « Hay nói truyện người là hớt lẻo. » Con nói : « Có lẽ thấy gì cũng cứ nín hay sao ? Gặp người bạn hay người ngoài cũng không trò chuyện hay sao ? » Mẹ nói : « Mày ngu, không nói chuyện người là những việc bí-mật của người không nên bàn-tán, chớ không phải là thấy ai cũng không nói một tiếng. » Người con cúi đầu nghĩ ngợi hồi lâu mà

nói : mẹ thường hỏi con lương thày giáo con mỗi tháng bao nhiêu ? Con nói mỗi tháng 15 đồng. Mẹ nói : thày giáo mày lương 15 đồng thì trình-độ cũng không được cao. Như thế thì mẹ có tội thay-lay những sự bí-mật người ta. »

NGUYỄN BÁ-HỌC *dịch*

KHẢO VỀ LỊCH-SỬ LUÂN-LÝ-HỌC NƯỚC TÀU (1)

II

C. — Mạnh-Tử 孟子

Khổng phu-tử mất đã hơn một trăm năm, nhà Chu càng suy, các nước chư-hầu thôn-tính lẫn nhau, chỉ chuộng quyền-mưu, nho-thuật gần đến thất-truyền. Lúc ấy có người quật-khởi ở nước Châu nước Lỗ, bài-bác chủng-luận mà nối dài cái mối đạo-thống của ông Chu ông Khổng ra là ông Mạnh-tử.

Tiểu-truyện. Mạnh-Tử tên là Kha 軻, khi còn nhỏ chịu nghe lời dạy của bà hiền-mẫu. Đến khi lớn thụ-nghiệp học trò ông Tử-Tư. Khi học thành rồi, muốn đem vương-đạo ra để cầu các nước chư-hầu thí-dụng ; du-lịch khắp cả các nước Tề, Lương, Tống, Đằng. Đến lúc vãn-niên, biết rằng không thi-hành đạo mình ra được, bèn cùng với lũ học-trò là Nhạc Chính-Khắc 樂正克, Công Tôn-Sửu 公孫丑, Vạn-Chương 萬章, chép những lời nói đi du-thuyết các nước chư-hầu, và những lời vấn-đáp với lũ học-trò, làm thành ra sách *Mạnh-Tử* bảy thiên. Ông Mạnh-Tử mất về năm thứ 33 đời vua Noãn-vương nhà Chu.

Những điều sáng-kiến của Mạnh-Tử. — Ông Mạnh-Tử thừa sau đức Khổng phu-tử, mà hay nối được tư-tưởng của phái Bắc-phương, phàm những học-thuyết đấng tiên-thánh càng suy-chiển mãi ra, để ứng thế-dụng ; có mấy điều sáng-kiến như sau này : 1° là nhân ông Tử-Tư nói tính mà nói sác-định là tính thiện ; 2° là theo cái bản-nghĩa để nêu *nhân* mà phối thêm lấy điều *nghĩa*, để dụng ra mà thực-hành đạo-đức ; 3° là lấy cái thuyết dưỡng-khí mà bàn cho cùng-cực cái hiệu-lực *nhân-nghĩa*, phát-minh được những điều người trước chưa phát-minh ; 4° là bản ở nhân-nghĩa mà nói vương-đạo, để tỏ cái phép lớn trị nước.

Tính-thiện thuyết. — Thuyết tính-thiện là cái tinh-tủy của tư-tưởng ông Mạnh-Tử về luân-lý ; bởi vì ông Tử-Tư đã lấy cái đức thành-thực làm bản-thể của tính, ông Mạnh-Tử lại tiến lên mà nói sác-định rằng tính là thiện, là bảo rằng đã thành-thực thời không thể không thiện vậy. Biện-chứng ra có hai đường là tiêu-cực và tích-cực. Biện-chứng thuộc về tiêu-cực, thường đối với Cáo-Tử 告子 mà phát ra. Ý Cáo-Tử thời bảo rằng tính người ta có thể làm thiện được ; còn nguyên cái bản-thể tính vốn không phân-biệt là thiện hay bất-thiện, cho nên nói rằng :

(1) Dịch theo sách *Trung-quốc luân-lý-học sử* 中國倫理學史 của ông SÁI-CHẤN 蔡振. Tiếp-tục kỳ trước, N. P. số 34, trang 347-358.

« Sinh ra là tính », lại rằng : « Lấy tính người mà làm nhân nghĩa, cũng như là lấy gỗ kỷ gỗ liễu mà làm cái chén cái thìa ». Lại rằng : « Tính người ta không có phân-biệt thiện hay bất-thiện, cũng như là nước không có phân-biệt chảy phương đông hay phương tây vậy ». Ông Mạnh bác cái thuyết thứ nhất thời bảo rằng : « Như thế thời tính con chó cũng như tính con trâu ; tính con trâu cũng như tính người ru ? » Đó là bảo tính trâu chó bất-tất là thiện, chỉ có tính người là thiện mà thôi. Bác cái thuyết thứ hai thời bảo rằng : » Đem chặt đẽo gỗ kỷ gỗ liễu đi rồi sau mới làm chén thìa được ; thế thời cũng phải đem chặt đẽo người đi rồi mới làm được nhân nghĩa ru ? » Đó là nói tính người không phải đợi uốn-nắn mà mới làm được nhân nghĩa vậy.

Đối cái thuyết thứ ba thời bác rằng : « Nước chảy dầu không phân-biệt phương đông hay phương tây, lại không phân-biệt ra trên hay dưới hay sao ? Xem như nước, đập mà bắn lên, có thể khiến qua trán, làm cho tức mà chảy ngược lên, khá khiến lên đến núi, đó có phải là tính nước như thế đâu ; người ta mà làm điều bất-thiện cũng như thế vậy. Nước không khi nào là chẳng chảy xuôi, tính người không ai là chẳng thiện. » Đó là tỏ rõ cái nghĩa tính người dẫu thiện mà có thể khiến làm bất-thiện được, so với hai thuyết trên lại đủ nghĩa hơn. Tuy vậy, những thuyết đối với Cáo-Tử mà nói, là chỉ lấy cái hình-thức kiện lẽ ra mà bàn, để công-kích những lời Cáo-Tử thi-dụ không được thiết-đáng ; còn đến cái chứng-cứ tính-thiện như thế nào, thời chửa kịp bàn đến.

Ông Mạnh-Tử lại do cái tâm-lý kinh-nghiệm, rồi qui-nạp mà nói rằng : « Người ta đều có cái lòng bất-nhẫn : nay như chợt thấy đứa bé sắp sa xuống giếng, thời tự-nhiên sinh cái lòng thương xót ấy-nay, không phải là để kết-giao với cha mẹ đứa bé con, không phải là để cầu tiếng khen với bằng-hữu hương-đảng, không phải là ghét cái tiếng kêu khóc mà thế ; chỉ vì cái lòng thương-xót ai cũng đều có, là cái mối điều *nhân* vậy ; lòng thẹn-ghét ai cũng đều có, là cái mối điều *nghĩa* vậy ; lòng nhún-nhường ai cũng đều có, là cái mối điều *lễ* vậy ; lòng biết phân-biệt phải trái ai cũng đều có, là cái mối điều *trí* vậy. » Đó là nói cái mối nhân, nghĩa, lễ, trí, trong tính người ta đều đủ cả, cho nên tính ai là chẳng thiện. Tuy vậy, ông Mạnh-Tử gọi là kinh-nghiệm như thế mà thôi ; cứ theo cái lệ ấy mà suy xét, thời như những mối ác, cái chứng-cứ cũng vị-tất là không khởi-nguyên ra tự tính vậy.

Dục. — Ông Mạnh-Tử đã lập ra thuyết tính-thiện, thời cái cớ loài người ta sở-dĩ làm sao mà có ác, phải nói giải rõ ra. Ông Mạnh-Tử bảo rằng ác ấy là không phải cái tác-dụng tự-nhiên của tính người, thực tại cái kết-quả người ta không hay giữ trọn hết được bản-tính ; ví như là cái con đường tắt ở núi không năng đi đến, cỏ gianh nó mọc lấp đi ; cây ở trên núi mà chẳn đốn luôn mãi, thời thành ra núi trơ-trọi, tính người mà phải che lấp đi mất, cũng ví như thế, đều bởi cái lỗi tại bụng dục ; cho nên nói rằng : « Dưỡng-tâm không gì hơn bằng ít bụng dục ; đã là người quả-dục, dẫu có lúc không giữ được tâm cũng ít vậy ; đã là người đa-dục, dẫu có lúc giữ được tâm cũng ít vậy. » Ý ông Mạnh bảo rằng bụng dục ấy là cái tiêu-cực của tính thiện, chớ không có cái giá-trị độc-lập. Nhưng còn khởi-nguyên như thế nào, thời chửa kê-cứu đến, đó cũng là cái học-thuyết còn khuyết-điểm vậy.

Nghĩa. — Tính thiện thời phải lấy nhân làm bản-chất, cái phép-tắc của đạo-đức

vẫn sẵn đủ ở trong ; còn sở-dĩ biết phép-tắc mà khiến người ta thi-hành đều hợp-nghi cả, thời là nghĩa ; không nghĩa thời không hay làm nhân được, nếu tình-cờ mà làm, thời cũng là cái động-tác không có ý-thức, cho nên nói rằng : « Nhân là tâm người ta, nghĩa là đường người ta đi ». Vì thế người ta tu-thân phải có hai đường tác-dụng, là tiêu-cực và tích-cực : tích-cực là phát-huy cái điều thiện của bản-tính mình sẵn có ; tiêu-cực là phải tìm cái tâm phóng-đãng của mình mà đem lại.

Khí hạo-nhiên. — Phát-huy cái điều thiện của tính mình sẵn có thời như thế nào ? Ông Mạnh-Tử bảo rằng : « Cốt phải muôi cái khí hạo-nhiên ». Khí hạo-nhiên là hình-dung cái trạng-thái tin-thực cường-kiện ở trong ý-chí, lúc tiềm thời thế-lực rất ổn-tĩnh, lúc động thời tác-dụng rất hoạt-bát, tức như sách *Trung-dung* gọi là cái đức thành-thực ; tự cái phương-diện động-tác mà hình-dung ra, chỉ một lời nói rút lại, thời là cái công-dụng của nhân-nghĩa vậy.

Cầu phóng-tâm. — Tính người ta đã thiện, thường có cái cơ động ra thời đi về đàng thiện. Chỉ vì phải bụng dục nó dẫn đi, thường thường phóng mất cái lương-tâm đi mà không biết ; cho nên nói rằng « Người ta há lại không có lòng nhân nghĩa ru ? Sở-dĩ phóng mất cái lương-tâm ấy, cũng như là búa rìu với cây, cứ sớm nào cũng chặt đi thời hết cây ». Tuy vậy, cái lương-tâm đã phóng đi rồi, không phải là không thu lại được, chỉ tại mình không biết tìm đó mà thôi, cho nên lại rằng : « Đạo học-vấn không có gì khác, chỉ cốt tìm phóng-tâm thu lại mà thôi ».

Hiếu đễ. — Cái thuyết luân-lý của ông Mạnh, chỉ trắc-trọng về cái quan-niệm phổ-thông, mà cái phương-pháp thực-hành thời nói sơ-lược ; nói đến đức-hạnh cốt lấy hiếu-đễ làm gốc, bảo rằng : « Đứa trẻ con còn ngây thơ, không đứa nào là chẳng biết yêu cha mẹ nó ; đến khi nó lớn, không đứa nào là chẳng biết kính anh nó ; biết yêu cha mẹ là nhân, biết kính trưởng là nghĩa ; cứ suy bụng ấy đạt ra cả đến thiên-hạ. » Lại rằng : « Đạo vua Nghiêu vua Thuấn chỉ có hiếu đễ mà thôi vậy ».

Đại-trượng phu. — Khổng phu-tử lấy bậc người quân-tử làm đại-biểu cái nhân-cách những hạng người thực-hành đạo-đức ; ông Mạnh-Tử lại lấy một bậc người đại-trượng-phu làm đại-biểu. Người đại-trượng-phu cốt lấy khí hạo-nhiên làm gốc, những lúc nên lấy nên cho, nên xuất, nên xử rất nghiêm ; ngửa lên không thẹn với trời, cúi xuống không thẹn với người ; không phải cái thế-lực phi-đạo phi-nghĩa ở bề ngoài nó sai-khiến đi được ; dẫu có gặp khốn-ách cũng cho nó là cái dược-thạch, để mà ma - luyện tâm - thân, chớ không nên được chi mình. Đó là ứng thời-thế cần-nhu, mà bàn đến cái hiệu-dụng và cái giá-trị của người nghĩa-dũng vậy. Có nói rằng : « Nói cùng người quan to, thời cứ coi thường như không, chớ không sợ gì, quyền-thế họ to lớn ở như họ ta, không có can-thiệp gì đến, mà ở như ta đều là theo khuôn-phép đời xưa cả, thời ta có sợ gì họ ». Lại rằng : « Ở theo điều nhân có lượng bao-dung, cũng như là ở cái nhà rộng trong thiên-hạ ; làm theo điều lễ giữ mình chính-đáng, cũng như là đứng vào ngôi chính trong thiên-hạ ; giữ theo điều nghĩa không có tà-khúc, cũng như là đi theo con đường lớn trong thiên-hạ ; khi đắc-chí mà dụng cái đạo nhân-nghĩa-lễ ra thời công-bố cho dân cùng theo ; nếu bất-đắc-chí mà ở ẩn thời một mình làm cái đạo nhân-nghĩa-lễ ấy. Dẫu phú-quí cũng không hay dâm được lòng, bần-tiện cũng không hay biến được tiết, uy-võ cũng không hay khuất nên được chí ; như thế gọi

là người đại-trượng-phu. » Lại rằng : « Trời sắp trao sự trách-nhiệm to cho người ấy, thời tất trước làm cho khổ tâm-chí, nhọc gân-cốt, vất-vả đói-khát thân-thể, hễ động việc gì thời làm cho rối-loạn khó-khăn ; như thế sau mới biết động-tâm nhẫn-tính, phàm những điều chửa hay lại cố-gắng làm cho hay mãi lên ». Xem đó thời biết cái khâm-hoài ông Mạnh-Tử vậy.

Tự-bạo tự-khí. — Tính người ta vốn thiện, nếu chăm học thời đều có thể làm được như vua Nghiêu vua Thuấn ; hoặc có người làm ác mãi không thôi, cùng-cực đến như vua Kiệt vua Trụ, không phải là tự tính bất-thiện, là lỗi tại mình phóng mất lương-tâm đi, đó là người tự-bạo tự-khí, cho nên bảo rằng : « Người đã tự-bạo thời không thể lấy lời bảo được nữa ; người đã tự-khí thời không thể cùng làm được việc gì nữa ; nói càn, không giữ lễ-nghĩa, là người tự-bạo ; tự mình không biết giữ điều nhân theo điều nghĩa là người tự-khí. »

Bàn chính-trị. — Thuyết luân-lý của ông Mạnh-Tử, cũng suy rộng ra bàn đến chính-trị, bảo rằng : « Có cái lòng bất-nhẫn, ấy là có cái chính bất-nhẫn vậy ». Chính-trị lý-tưởng thời lấy vua Nghiêu vua Thuấn làm đại-biểu ; thường bàn luận về việc sinh-kế với đạo-đức quan-hệ với nhau, khuyên việc nông tang, trọng việc giáo-dục. Nhân vua Tề Tuyên-vương nói muốn của, muốn sắc, muốn thích chơi nhạc, thời khuyên rằng nên cùng với trăm họ cùng vui. Lại thường nói quốc-quân mà tiến người hiền, chuất người bất-hiền, hay là giết kẻ có tội, đều bởi đồng-ý với quốc-dân. Vua Thuấn mà truyền ngôi cho vua Vũ thực là theo ý dân trông nghe vào đó. Ông Kiệt, ông Trụ tàn-bạo gọi là kẻ độc-phu, chớ không gọi là vua. Đó là tự ông Mạnh mới đề-xướng dân-quyền, chớ đức Khổng-Tử chưa bàn đến.

Kết-luận. — Ông Mạnh-Tử thừa cái học-thuyết đức Khổng phu-tử và ông Tử-Tư mà suy-chiển ra, dẫu tinh-thâm không bằng ông Tử-Tư, mà rộng lớn trước-thực thời có phần hơn, phẩm-cách lại cũng xứng-đáng, thực không thẹn là bậc nho-gia cự-tử. Duy có một điều là đã lập-thuyết tính-thiện, lại lập ra một thuyết nữa bảo người ta có bụng dục, thành ra hai thuyết sóng đối nhau, đó cũng là nhân lúc vô-ý-thức, đương bởi nhất-nguyên lập-luận, lại chạnh ra nhị-nguyên, nên không sác-định được cái cơ-sở lập-luận. Bởi vì ông Mạnh-tử là nhà biện-luận hùng-vĩ, chớ không phải là nhà nghiên-cứu trầm-tĩnh, cho nên lập-thuyết cũng không khỏi khuyết-hãm vậy.

D. — Tuân-Tử 荀子

Tiểu-truyện. — Ông Tuân-Tử tên là Huống 況, người nước Triệu, sinh sau ông Mạnh-Tử hơn 50 năm ; thường du-lịch nước Tề nước Sở, tức đời nhơ-đục, trong nước loạn-lạc, đạo lớn che lấp, lễ nghĩa không chấn-khởi lên được, chỉ sửa-sang việc đồng-cốt, tin-mê điềm lành, tà-thuyết thịnh-hành, tục hư thói hỏng ; ông bèn thuật lời luận-thuyết của đức Khổng-Tử, và chuyên-trị lễ-nhạc, làm ra sách mấy vạn lời nói, tức là sách *Tuân-Tử* còn truyền lại đến bây-giờ.

Học-thuyết. — Hán-nho thuật cái thống-hệ truyền-thụ kinh *Mao-thi*, kể từ ông Tử-Hạ đến ông Tuân-Tử ; mà trong sách ông Tuân-Tử thường thường đều xưng-thuật ông Trọng-Ni 仲尼 với ông Tử-Cung 子弓. Tử-cung tức là ông Can-Tí Tử-Cung thường học kinh *Dịch* ở ông Thương-Cổ 商瞿 mà ông Thương-Cổ là học trò ông Tử-Hạ 子夏. Thế thời ông Tuân-Tử là học-phái ông Tử-Hạ chuyên-trị khoa văn-học, phát-minh nghĩa từng câu từng chương ; cho nên ông Tuân-Tử làm sách cũng hay căn-cứ ở kinh-

huấn, thực thuần-túy là thái-độ người học-giả vậy.

Gốc nhân-đạo. — Từ ông Tuân-Tử trở về trước, những nhà nói luân-lý đều bàn lẽ vũ-trụ làm căn-bản, cho nên tín-ngưỡng cái lẽ trời người có cảm-ứng với nhau, mà lập ra thuyết tính-thiện. Đến ông Tuân-Tử thời cắt đứt hẳn cái giây quan-hệ trời với người, bảo rằng việc người không có dự gì đến đạo trời, chỉ quan-hệ tại từng người, vì thế mới lập ra thuyết tính-ác.

Thuyết tính-ác. — Ông Tuân-tử tổ-thuật phái Nho-gia, muốn thi-hành đạo ra thiên-hạ, trọng việc lợi-dụng hậu-sinh, trọng phái thực-hành luân-lý, cho cái việc nghiên-cứu lẽ vũ-trụ làm không cần ; cái lý-tưởng truyền lại từ trước, đều cho bao nhiêu những sự trinh-tường tai-nghiệt là tỏ cái cơ trời người giao-cảm ; đến ông Tuân-Tử dẫu thừa-nhận rằng trong cõi tự-nhiên vẫn sẵn có pháp-lý, nhưng lại cho là không quan-hệ gì đến hành-vi của loài người ; phàm trị-loạn, họa-phúc, nhất-thiết hiện-tượng trong xã-hội, đều khởi-phục ở trong thế-lực loài người ta, trời không có dự gì đến. Duy ông Tuân-Tử đã cho cái thế-lực loài người là cái nguyên-nhân lập-thành ra xã-hội, mà trong khoảng ấy lại còn thấy có cái thế-lực tự-nhiên xung-đột, thì gọi là bụng *dục*, bèn tiến lên mà cho cái bụng dục ấy là thực-thể của tính trời, nên mới bảo tính người đều ác ; cũng như ông Mạnh-Tử thấy người đều có lòng bất-nhẫn, nhân thế mới bảo tính người đều thiện vậy.

Ông Tuân-Tử cho loài người là cùng tính, cũng giống như ông Mạnh-Tử vậy, cho nên đã chấp cái thuyết tính-ác, thời phải bảo rằng người ta ai cũng đều có ác-tính, như ông Kiệt ông Trụ mới thật là suất-tính ; mà vua Nghiêu vua Thuấn thời là cái công-phu làm trái lại bản-tính, cho nên nói rằng : « Tính người ta vốn ác, thiện là làm dối ra đó vậy ». Vì đó lời nói họ Mạnh với họ Tuân cùng trái khác nhau : ông Mạnh-Tử cứ chấp cái thuyết tính-thiện, còn ác bởi sao mà khởi-phát ra, không hay nói cho tròn cái thuyết của mình ; ông Tuân-tử thời cứ chấp cái thuyết tính-ác, còn thiện bởi sao mà khởi-phát ra, cũng không khỏi lắm chỗ biện-nạn. Ông Tuân-Tử lấy cái trạng-thái tâm-lý mà giải-thích rằng : « Kìa như bạc thời muốn hậu, ác thời muốn thiện, hẹp thời muốn rộng, nghèo thời muốn giàu, hèn thời muốn sang, không có ở trong thời phải cầu ở ngoài », thế thời thiện ấy chẳng qua là cái tác-dụng tự ác mà phản-xạ ra, người ta muốn thiện, cũng là động-tác tự bụng dục mà thôi. Xem thế thời Tuân-Tử gọi là thiện, khác với cái thiện ở trong ý-thức, cho nên cái thuyết ấy không đủ tự-lập được. Nhưng mà cái khuynh-hướng y-cứ về học-thuyết, thời đã hơn ông Mạnh-Tử vậy.

Lời bàn về tính mâu-thuẫn với nhau. — Tuân-Tử dẫu chủ-trì cái thuyết tính-ác, mà trong thuyết ấy cũng có lời mâu-thuẫn, như bảo rằng người ta đều có bụng dục bởi thế mới sinh ra tính ác. Nhưng lại cho bụng dục là có một cái thế-lực, dục nhiều hay ít, cùng với thiện hay ác không có quan-hệ gì, tiêu-chuẩn thiện ác là cốt ở lẽ phải ; xét xem cái bụng dục hợp lẽ hay không, thiện, ác bởi đó mới phân biệt vậy. Nói rằng : « Thiên-hạ gọi là thiện ấy là chính-lý bình-trị ; gọi là ác ấy là mếch-lệch hiểm-hóc trái-loạn ; thiện ác chia ra như thế vậy ». Lại rằng : « Điều gì tâm mình lấy làm khá, nếu hợp lẽ, dục dẫu nhiều, hại gì trị ; điều gì tâm mình lấy làm khá, nếu sai lẽ, dục dẫu ít, chỉ sao được loạn ». Đó là cái thuyết bảo bụng dục không

quan-hệ gì với thiện ác vậy. Lại rằng : « Tâm hư-nhất mà tĩnh ; tâm chửa từng chẳng lành, nhưng mà vẫn là hư ; tâm chửa từng chẳng mẫn, nhưng mà vẫn là tĩnh. Người ta sinh ra có tri-thức, có tri-thức rồi sau mới có ý-chí, có ý-chí ấy gọi là lành ». Lại rằng : « Đấng thánh-nhân biết sự lo về tâm-thuật, biết cái vạ nó che lấp, cho nên không muốn không ghét, không thủy không chung, không xa không gần, không rộng không hẹp, không cổ không kim, đều bày khắp cả muôn vật ra mà treo cân cho đúng ». Cái thuyết ấy cùng với cái thuyết của ông Hoài-Nam-Tử sau này giống nhau, song sò cùng với cái thuyết tính-ác thời lại mâu-thuẫn với nhau vậy.

Cái phương-pháp tu-vi. — Chủ-trì cái thuyết tính thiện, thời bảo rằng tính người ta vốn thiện, như là nước vốn chảy xuống chỗ chũng, cứ noi cái tính sẵn ấy mà giữ mà nuôi mà khoáng-sung ra, thời có thể đạt đến bậc thánh-nhân. Tuân-Tử thời chủ-trì cái thuyết tính-ác, bảo rằng người ta mà làm thiện, cũng như cây phải uốn nắn mới thẳng được ; nếu không lấy cái sức nhân-vi mà uốn lại thiên-tính, thời không thể đạt được đến bậc thánh. Đó là cái phương-pháp tu-vi, thuộc về chủ-nghĩa tiêu-cực ; cùng với cái thuyết tính-thiện thuộc về chủ-nghĩa tích-cực khác nhau.

Lễ. — Lấy gì để uốn cái tính lại ? Nói rằng lễ. Lễ không phải bản tự tính trời, toàn là người ta đặt ra cả ; cho nên bảo rằng : « Làm giả ra mà hóa như thực ấy là thánh, bậc thánh-nhân là giả-ngụy chi-cực vậy. » Lại rằng : « Thật với giả hỗn-hợp được với nhau thế gọi là ông thánh-nhân ». Bởi vì người ta dẫu ai cũng có tính trời mà làm giả-ngụy đến tích-cực, thời tính với ngụy hóa-hợp như một ; cho nên muốn phân-biệt « thánh » hay là « phàm » chỉ xem cái trình-độ tính ngụy hóa-hợp như thế nào mà thôi ; muốn làm giả-ngụy thời phải biết lễ, mà biết lễ thời phải học ; cho nên nói rằng : « Học không thể thôi được, cái số thời trước phải học kinh, sau đến học lễ ; cái nghĩa, thời trước còn là sĩ, sau đến thánh - nhân ; cái số học có chung cùng, bằng cái nghĩa thời không vụt chốc mà bỏ được, làm được thời là người, bỏ đi thời là cầm-thú vậy. Kinh *Thư* là chép chính-trị, Kinh *Thi* là hiệp tiếng trung hòa ; Lễ là phép-tắc lớn, là cương-kỷ mọi loài, cho nên học đến lễ là cùng-cực. »

Nói về bản-thủy Lễ.—Lễ là ông Thánh-nhân đặt ra ; nhưng ông Thánh-nhân cũng là người, thời tính cũng ác, sao hay mầm-mống được cái ý-thức chí-thiện, để cứ đấy mà làm ra lễ ? Ông Tuân-Tử mới suy cái gốc tự-nhiên mà giải-thích rằng : « Trời đất là nguyên-thủy sự sinh ; lễ nghĩa là nguyên-thủy sự trị ; đấng quân-tử là nguyên-thủy lễ nghĩa ; cho nên trời đất sinh ra quân-tử, quân-tử chỉnh-lý trời đất ; quân-tử cùng hết trời đất, tổng cả muôn vật, là cha mẹ dân ; không có quân-tử thời trời đất không ai chỉnh-lý, lễ nghĩa không ai thống-nhất, trên không có quân-sư, dưới không có cha con ». Thế thời quân-tử là trời đất cho lấy một cái nhân-cách đặc-biệt để sáng-tạo ra lễ nghĩa ; cùng với cái thuyết trời người không quan-hệ với nhau chẳng trái khác lắm ru ? Ông Tuân-Tử lại thường suy-bản nhân-tình để giải-quyết rằng : « Để tang ba năm là xứng theo tình người mà lập ra lễ-văn, thương đau đến như thế là cùng cực vậy. » Như lời nói ấy thời lại tưởng như là loài người ta vốn có tính thiện, thế lại không hợp với cái thuyết tính ác vậy.

Nói về công-dụng của Lễ. — Tuân-Tử gọi là Lễ, gồm cả luật phép của pháp-gia mà nói, cho nên bởi tự thân

mình mà suy ra đến chính-trị, vậy có nói rằng : « Nước nào trọng lễ qui nghĩa thời nước ấy trị, khinh lễ dẻ nghĩa thời nước ấy loạn. » Lại rằng : « Lễ ấy rất là phân-biện chỉnh-lý, là cái gốc làm cho nước mạnh, cái đạo thi-hành ra uy, tổng-hội cả công-danh lại. Các đấng vương công theo đó, sở-dĩ được thiên-hạ, không theo đó, sở-dĩ sa-sút mất xã-tắc. cho nên áo giáp bền đồ binh sắc, không đủ lấy làm thắng, thành cao hào sâu, không đủ lấy làm bền, lịnh nghiêm hình nặng, không đủ lấy làm uy ; cứ bởi đạo mà làm thời được, không bởi đạo mà làm thời hỏng, cái công-dụng Lễ rất là lớn lao vậy. »

Lễ nhạc giúp lẫn nhau. — Có lễ không nên không có nhạc ; lễ là cái phép người ta định ra, để làm tiết-chế cho tâm-thần, thuộc về tiêu-cực, nhạc là cái mĩ-hóa tự-nhiên, để cảm linh-tính, thuộc về tích-cực. Cái đức lễ vuông mà có trí-khôn, cái đức nhạc tròn mà rất thần-hiệu. Nhạc mà không có lễ thời lưu về đàng túng-tứ quá mà không có kỷ-luật ; lễ mà không có nhạc thời thiệp về đàng lạt-lẽo quá mà không có thú, cho nên Tuân-tử rằng : « Âm - nhạc thấm - thía lòng người vậy sâu, mà cảm-hóa người vậy chóng ; cho nên đấng tiên-vương phải cẩn-thận làm ra có lễ-văn ; nhạc mà trung-bình thời dân hòa-nhã mà không lưu-đãng ; nhạc mà nghiêm-trang thời dân chỉnh-tề mà không rối-loạn ; dân đã được hòa-nhã chỉnh-tề, thời binh mạnh mà thành bền. »

Hình-phạt. — Lễ nhạc để cảm-hóa, mà còn có người dân ngoan-minh bất-linh, không theo giáo-hóa, thời phải lập ra hình-phạt. Hình-phạt không những là răn cái ác đã rõ-rệt ra rồi, mà cũng làm cho khiếp-đảm kẻ gian-nhân để át những điều ác nó chửa rõ ra vậy. Cho nên cái sức phải cho mạnh, mà khinh-hình không bằng trọng-hình, vậy có nói rằng : « Phàm lấy hình-phạt trị tội người, cốt để cấm kẻ bạo ghét kẻ ác, và răn từ lúc mới nẩy mầm ngọn vậy. Cho nên hình trọng thời đời trị, mà hình khinh thời đời loạn. »

Lý-tưởng về đạo vua. — Tuân-tử biết rằng thế-giới tiến-hóa, sau này hơn trước ; cho nên cái lý-tưởng thái-bình không ở về đời thái-cổ mà ở về đời sau, nói rằng : « Trời đất sáng-thủy là mới tự ngày nay ; đạo-lý của trăm đời vua là ở tại đời vua sau. » Vì thế nên lễ, nhạc, hình, chính, phải theo thời mà biến đổi ; mà ông thánh-nhân vì xã-hội lập phép, phải trước kẻ hậu-bối mà ra ; ông thánh-nhân ấy biết cái đạo lớn kẻ làm vua, bởi thế nói rằng : « Đạo ấy là gì ? Là quân-đạo. Quân-đạo là gì ? Là hay hợp-quần. Sao hay hợp được đàn ? Nói rằng : Hay khéo sinh - dưỡng người, khéo sửa trị người ; khéo sai khiến người, khéo phấn-sức người vậy ».

Kết-luận. — Học-thuyết ông Tuân-Tử, dẫu không khỏi cái vết có mâu-thuẫn với nhau, nhưng cái tư-tưởng được về phần kinh-nghiệm cũng nhiều, cho nên lập-thuyết cũng đã thiết-thực, trọng cái hình-thức giáo-dục, nói tỏ cái hiệu-lực của pháp-luật, vượt qua cả cái chủ-nghĩa đức-chính tự đời tam-đại truyền lại, mà gần tiếp đến cái phạm-vi chủ-nghĩa pháp-trị ; cho nên học trò Tuân-Tử, có người Hàn-Phi 韓非, Lý-Tư 李斯, chủ-trì cái luận pháp-trị kích-liệt, đó chính là khuynh-hướng về học-thuyết ông ấy ; không phải như ông Tô-Thức 蘇軾 bảo rằng bởi tại nhân-cách cảm-hóa vậy. Cái thuyết tính-ác của ông Tuân-Tử, dẫu người thường-thức nghe thấy nói lấy làm sợ hãi ; nhưng tư-tưởng tự-do, luận-đoán quả-cảm, cũng không thẹn là một nhà học-giả vậy.

4. — Đạo-gia

A. — *Lão-Tử* 老子

Tiểu-truyện. — Lão-Tử họ Lý 李 tên là Nhĩ 耳, tên tự là Đam 聃, người huyện Khổ 苦, không tường rằng sinh năm nào, nhưng hơn tuổi đức Khổng phu-tử. Huyện Khổ vốn là đất nước Trần, đến đời Xuân-thu thời thuộc về nước Sở. Lão-Tử là người di-dân ở nước vong-quốc vậy, cho nên không làm quan ở nước Sở, mà làm quan Trụ-hạ-sử 柱下史 ở nhà Chu. Mấy năm sau, chán đời loạn, muốn đi trốn ẩn, qua phương tây đến cửa Hàm-quan, quan giữ ải là Doãn Hỉ 尹喜 đón lại. Lão-Tử bèn làm ra sách hơn năm nghìn lời nói, bàn cái cốt-yếu về phần đạo-đức, người đời sau mới gọi là *Đạo-đức kinh* vậy.

Uyên-nguyên học-thuyết. — Sách Lão-Tử có hai quyển, quyển trên hay nói về *đạo*, quyển dưới hay nói về *đức*, quyển trước thuộc về thế-giới-quan, mà sau là thuộc về nhân-sinh-quan ; còn như học-thuyết bản ra tự đâu, thời người bảo rằng bản tự vua Hoàng-đế, hoặc người bảo rằng bản tự Sử-quan. Tóm cả học-thuyết của Lão-Tử mà xem, thời ông ấy thực đã xét về cái nhân-quả thắng-bại trong lịch-sử, mà tìm dò ra được. Trong đó lại còn có cái ảnh-hưởng về nhân-chủng và địa-lý, vì nước Tàu chia ra nam bắc hai phương, phong-khí khác nhau ; đương thời xuân-thu, nước Sở còn là một nước công-địch với những nước Tề nước Tấn, mà phải ruồng ra ngoài hàng nam-di, cái vết xung-đột với nhau, không những là các nhà chính-trị, đến cái quan-niệm của các nhà học-giả chủ-trì xã-hội, cũng mỗi đàng một khác, như cái tư-tưởng ông Lão-Tử đủ làm đại-biểu cho cái sức phản-động với văn-hóa phương bắc vậy.

Học-thuyết xu-hướng. — Từ ông Lão-Tử trở xuống, cái tư-tưởng người phương Nam hay thích thám xét về phần học «hình-nhi-thượng.» Bởi thời ấy các nhà nho-giả phương Bắc lấy sự kinh-nghiệm thế-giới mà lập ra cái cơ-sở thế-giới-quan, bày ra lễ-phép cực nhiều, nghi-văn rất bộn, mà quên mất cái bản-ý dưỡng-tâm, cho nên các nhà học-giả phương Nam mới phản-đối lại. Học-giả phương Bắc chỉ xét những cái qui-tắc hiện-tượng biến-hóa ở trong vũ-trụ ; mà học-giả phương Nam lại tiến lên mà phát-minh cái bản-thể ở trong vũ-trụ ; cho nên về luân-lý-học, các nhà học-giả phương Nam hình như không chú-ý đến, và cho đạo-đức là thuộc về tiêu-cực vậy.

Đạo. — Các nhà học-giả phương Bắc gọi đạo là cái phép-tắc trong vũ-trụ. Lão-Tử thời cho cái bản thể vũ trụ là đạo, tức là cái ký-hiệu trừu-tượng cả toàn-thể vũ-trụ, cho nên nói rằng :- « cùng đến hư-không là cực-chỉ, giữ-được tĩnh-mịch thời đốc-thực ; muôn vật đều hoạt-động cả, ta xét xem lúc trở lại. Kìa như muôn vật đều hớn-hở sinh-hoạt ; rồi sau qui-nạp về căn-bản cả, ấy là lúc tĩnh ; tĩnh là phục được mệnh, phục được mệnh là có thường ; biết có thường là sáng-láng ». Đó là nói đạo vốn hư-tĩnh, cho nên bản-thể muôn vật cũng hư-tĩnh, chỉ cứ phó mặc tự-nhiên rồi nó lại trở về đến cõi hư-tĩnh ; đó là cái căn-bản chủ-nghĩa yếm-thế của ông Lão-Tử vậy.

Đức. — Lão-Tử gọi là đạo không phải như cái thuyết nho-gia gọi là đạo ; mà gọi là đức cũng không giống như nho-giả gọi là đức. Ông ấy bảo rằng người thái-cổ, không biết không hay, không làm không muốn, như trẻ con vậy, đó là hay thể được đạo. Về sau lớn dần lên sinh ra trí-tuệ, mê hoặc về vật-dục, đạo lớn mới tiêu-diệt dần đi mất. Các bậc thánh-nhân thời ấy lại không suy

cái gốc mà chỉ so cái ngọn, nào là nói nhân nghĩa, làm lễ nhạc; muốn đem cái phồn-văn nậu-tiết [1] để câu-thúc người ta. Vì thế người ta mới bôn-xu về đường tư-lợi, trật-tự trong xã-hội lại càng thêm rối-loạn. Bây giờ mà muốn cứu-chính lại, chỉ cứ theo cái thế tự-nhiên, lại trở về hư-tĩnh, lại cứ như lúc trẻ con vậy. Cho nên có nói rằng: « Nước nhỏ dân ít, có khí-dụng độ mươi cái trăm cái không biết dùng; dân trọng sự chết không dám dời đi xa, dẫu có thuyền xe, không ai dùng mà cưỡi, dẫu có áo giáp đồ binh, không cần gì mà phải bày, người ta lại cứ thói thắt nút dây đánh dấu mà dùng; ăn ngon, mặc tốt, ở yên, thói thuần; nước láng diềng cùng trông cây nhau, tiếng gà gáy chó cắn chỗ nào cũng nghe thấy; dân làng đến già chết cũng không đi lại với nhau. » Đó là cái xã-hội của Lão-Tử lý-tưởng ra như thế. Về sau ông Trang-Tử làm ra thiên *Khiếp-nịp* 胠篋, cũng thuật cái ý ấy; đến ông Đào Uyên-Minh 陶淵明, lại thêm cái quan-niệm cụ-thể, làm ra bài ký *Đào-hoa-nguyên* (桃花源); Xem đó thời biết cái lý-tưởng của học-giả phương Nam, các người trốn đời vẫn thường nhớ như in vào bụng.

Cứ như sở-kiến của Lão-Tử, thời đạo-đức không đủ trọng; vả nhân sùng-thượng đạo-đức, lại đủ chứng rằng thế-giới kiêu-ngoa; nếu cứ noi theo cái gốc thời ai là chẳng giật mình. Sao vậy? Đạo-đức là bởi đối với một đàng không đạo-đức mà phát-sinh ra; nhân, nghĩa, trung, hiếu, là bởi có kẻ bất-nhân, bất-nghĩa, bất-trung, bất-hiếu mà phát sinh ra; cũng như là người có tật-bệnh, mới cần đến thuốc chữa vậy, cho nên nói rằng: « Đạo lớn có phế-hoại, mới phải có nhân-nghĩa; trí-tuệ càng xuất-hiện, lại càng có giả-dối; sáu thân có không hòa, mới có kẻ hiếu từ; nhà-nước có hôn loạn, mới có kẻ trung-thần ». Lại rằng: « Bậc thượng-đức không kể chi đức, thế là có đức; bậc hạ-đức giữ cho khỏi thất-đức, thế là vô-đức; bậc thượng-đức không làm mà cũng không cần phải làm; bọn hạ-đức làm mà lại cần phải có làm; bậc thượng-nhân làm mà cũng không phải làm gì; bậc thượng-nghĩa làm mà có phải làm, bậc thượng-lễ làm ra mà không ai ứng theo, thời vung cánh tay ra để tranh dành. Cho nên thất-đạo mà sau phải giữ lấy đức, thất-đức mà sau phải giữ lấy nhân, thất-nhân mà sau phải giữ lấy nghĩa, thất-nghĩa mà sau phải giữ lấy lễ; lễ vì sao mà phải có? là vì trung tín bạc, là đầu gây ra loạn; biết trước ấy là cái văn-hoa của đạo, là trước làm cho ngu vậy. Thế cho nên kẻ đại-trượng-phu xử về điều hậu chớ không xử về điều bạc; xử thực thà chớ không chuộng văn-hoa, bỏ đàng kia mà chuộng đàng nọ ».

Bàn đạo-đức có điều khuyết-điểm. — Lão-Tử lấy cái giá-trị tiêu-cực bàn đạo-đức, cái thuyết ấy cũng phải. Bởi vì thế-giới tiến-hóa, việc người ngày càng phức-tạp, mà những cái điều-mục ác-hại càng ngày càng nhiều; vì thế nên những điều tác-dụng để dự-bị cấm-chỉ, lại càng thêm nhiều mãi ra; bởi thế mới phát-sinh ra những danh-nghĩa đặc-biệt trong đạo-đức-giới, chứng vào lịch-sử không còn nghi-ngờ gì nữa. Nhưng đạo lớn bởi sao mà phế-hoại, sáu thân bởi sao mà chẳng hòa, nhà nước bởi sao mà hỗn-loạn, thời Lão-Tử chửa từng nói đến, nên cái thuyết ấy còn chửa đủ vậy.

Nguyên-nhân với kết-quả nói đảo ngược. — Đời có kẻ chẳng đạo-đức

(1) Phồn-văn nậu-tiết 繁文縟節, là những lễ-văn nghi-tiết rườm nhiều quá.

mới phải lấy đạo-đức để cứu-chinh, cũng như người ta có tật-bệnh mới phải lấy thuốc thang để chữa, lẽ ấy thực phải. Song nhân thế lại bảo đạo-đức là làm cái nguyên-nhân cho kẻ chẳng đạo-đức, cũng như bảo thuốc thang là làm cái nguyên-nhân cho tật-bệnh, đó là nói đảo cái nguyên-nhân mà cho làm kết-quả vậy. Lão-Tử bàn đạo-đức đại-đề như thế, nên có nói rằng : « Đời xưa khéo làm đạo ấy, không phải để cho sáng dân, hầu làm cho ngu dân. Dân mà khó trị, vì rằng có trí khôn nhiều. Lấy trí khôn trị nước là hại cho nước ; không lấy trí khôn trị nước là phúc cho nước. » Lại rằng : « Tuyệt thánh bỏ trí, dân lợi gấp trăm ; tuyệt nhân bỏ nghĩa, dân lại giữ được hiếu từ ; tuyệt xảo bỏ lợi, trộm giặc không có ; trong thiên-hạ nhiều kiêng kỵ thời dân càng nghèo ; dân lợi càng nhiều, thời nhà nước càng hỗn-loạn ; người ta nhiều kỹ-xảo, vật lạ càng khởi lên ; pháp-lệnh càng tỏ rõ, lại càng nhiều trộm giặc. » Bởi vì đạo-đức pháp-lịnh ở trên đời thực cũng có sinh ra rắc-rối nghiêm-ngặt, lại làm cái môi-giới cho kẻ chẳng đạo-đức ; cũng như là gặp tay dung-y không chữa được bệnh, lại làm cho thêm bệnh ra. Lão-Tử vì tức về thế, bèn bảo rằng bỏ đạo-đức đi, mới có thể đến được chí-trị, thời thực là lầm lắm.

Thiện ác tề-nhất. — Lão-tử lại lấy cái ý-kiến không sai-biệt, mà ứng-dụng về sai-biệt-giới, nên mới lập ra cái thuyết thiện ác vô phân-biệt, nói rằng : « Đạo ấy là cái uyên-áo của muôn vật, cái báu quí của người thiện, cái bảo-thủ của người bất-thiện. » Thế ra hợp cả thiện ác đều gọi là đạo cả. Lại rằng : « Thiên-hạ đều là biết tốt thời cho là tốt, ấy là xấu vậy ; đều thấy thiện thời cho là thiện, ấy là bất-thiện vậy. » Đó là nói cái tên xấu với ác, là bởi tốt với thiện mà sinh ra ; nếu không tốt không thiện, thời cũng không phân cái gì xấu cái gì ác nữa ; đó đều là cái ý-kiến tuyệt-đối, lấy cái lẽ hình-nhi-thượng mà kiện nghĩa, vẫn không bảo là sai lầm được. Song đem cái thuyết ấy mà ứng-dụng về luân-lý-giới, thời không còn có luân-lý gì nữa. Loài người ta đã cùng ở vào cái thế-giới tương-đối, không thể lấy cái lẽ tuyệt-đối mà bắt buộc được. Lão-Tử lại dặt cái lời so-sánh rằng : « Dạ với vâng, khác nhau là bao nhiêu ? thiện với ác, khác nhau có là mấy ? » Đó là nói thiện ác dẫu có phân-biệt, mà phân-biệt rất là cơ-vi, không cần phải suy xét ; song đã cho là có phân-biệt, thời dẫu rất là cơ-vi, cũng không thể vi cùng nhau được.

Nói về chính-trị vô-vi. — Lão-Tử đã cho đạo-đức là một vật hơn cả, cho nên coi chính-trị cũng thế. Lão-Tử cho cái phần chính-trị là phải giữ cái trách-nhiệm thống-trị, cũng giống như ý nhà nho. Duy nho-gia bảo các nhà chính-trị là phải dạy bảo dân, chỉnh-tề dân, cho nó tiến-bộ. Mà thuyết của Lão-Tử thời lại nói phản lại, bảo rằng cứ theo lòng dân sở-hướng mà làm, đừng có trái ý mà thôi, nên có nói rằng : « Đấng Thánh-nhân tâm không thường định, cứ lấy tâm của trăm họ tức như là tâm của mình. Kẻ thiện ta ừ là thiện, bất-thiện ta cũng ừ là thiện ; đức là thiện vậy. Kẻ tín ta cũng ừ là tin, bất-tín ta cũng ừ là tin, đức là tin vậy. Đấng thánh-nhân ở trong thiên-hạ, hớn-hở vậy không vì thiên-hạ mà vẩn-đục mất tấm lòng ; trăm họ đều chú-ý trông nghe vào đó, Thánh-nhân chỉ làm tự-nhiên như trẻ con. »

Pháp-thuật khởi-nguyên. — Lão-Tử đã chủ cái chính-trị vô-vi, nên phải ruồng bỏ cả lễ-nhạc, bài-bác cả hình-chính, ghét bỏ cả giáp-binh, thậm chí tuyệt cả học-hành, bỏ cả trí-xảo. Tuy vậy, ông ấy cũng phải ứng thời-thế mà lập ra chính-sách ; dẫu cái

lý-thuyết ông ấy, cũng có mâu-thuẫn với nhau, nhưng rút lại đều bản ở cái khai niệm muốn tề-đồng thiện ác ; nên có nói rằng : « Sắp muốn gấp lại, thời hãy làm giương ra ; sắp muốn thu vào, thời hãy làm cho mạnh lên ; sắp muốn bỏ đi, thời hãy làm cho dậy lên; sắp muốn cướp lấy thời hãy cứ cho trước. » Lại rằng : « Lấy đạo chính trị nước, lấy đạo kỳ dụng binh ». Lại rằng : « Đạo trời cũng như là giương cung vậy ru ? Cao thời nén xuống, thấp thời nâng lên ; có thừa thời bớt đi, không đủ thời bổ thêm vào. Đạo trời bớt chỗ có thừa mà bổ thêm vào chỗ không đủ ; đạo người thời không thế, bớt chỗ không đủ để phụng vào chỗ có thừa ; ai hay lấy có thừa để phụng cho thiên-hạ, chỉ có người có đạo mà thôi. Thế cho nên đấng Thánh-nhân làm được mà không tự-thị, công thành không giữ lấy, không muốn xuất-hiện là mình hơn. » Xem đó thời biết Lão-Tử vẫn là tinh cái phép xử-thế, mình tự đứng vào cái địa-vị tề-đồng thiện-ác mà lấy cái mẹo chí-xảo để xử-lý thế-giới. Ông ấy tuy rằng ruồng bỏ trí-tuệ là vật bỏ đi, mà xử đến cõi tương-đối, cũng phải khéo thi cái trí-tuệ của mình, bởi thế mới sinh ra quyền-mưu thuật-số, mà mở cái ngòi trước cho các nhà phép-thuật về đời sau.

Kết-luận.—Học-thuyết của Lão-Tử, hay thiên về bên quá-kích ; cho nên hay kích-thích vào tư-tưởng-giới, mà trước mở cái ngòi cho các nhà tư-tưởng đời sau. Song cái thuyết ông ấy cùng với các lẽ tiến-hóa trái khác nhau ; cho nên không thông-hành lâu được ở trong cái xã-hội phổ-thông kiện-toàn ; có thịnh-hành thời chỉ ở về cái thời-đại không kiện-toàn, như là khoảng đời Tấn, Ngụy trở xuống, đến đời Lục-triều mà thôi.

(còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU *dịch thuật.*

DANH-THẦN LỤC

(Lược-dịch bộ *Đại-Nam chính-biên Liệt-truyện*)

VIII

Nguyễn Văn-Trương 阮文張

Nguyễn Văn-Trương người Lễ-dương, Quảng-nam, khi nhỏ nhà nghèo, đi ở chăn trâu, thường cùng lũ mục-đồng chơi đùa, chia ra từng đội ngũ bày trận giả đánh nhau, mình tự xưng làm đại-tướng, cầm hiệu-lịnh sai khiến các trẻ mục-đồng. Sau vào ở Gia-định, gặp khi ấy Tây-sơn nổi loạn, Trương bèn theo làm chưởng-cơ. Trận đánh ở Long-xuyên, đức Thế-tổ thua, quân chạy ra Trà-sơn, Trương đem quân đuổi theo, gần kịp, bỗng đâu một cây to trong rừng tự-nhiên không gió đổ ngã xuống chặn ngang đường đi. Trương lấy làm lạ, nghĩ bụng biết ngay là có mệnh trời, bèn lui quân trở lại, từ bấy giờ quyết ý về đầu hàng. Năm đinh-mùi, Trương lưu-thủ ở Long-xuyên, gặp khi ấy Thế-tổ tự bên Xiêm về, sai cai-cơ là Nguyễn Văn-Mẫn báo trước cho Trương biết, Trương sai bộ-tướng Hoàng Văn-Điểm đem binh-thuyền ra cù-lao Phú-quốc bái-yết xin hàng, và mời Thế-tổ đem binh về Long-xuyên để lo mưu khôi-phục. Khi đức Thế-tổ đến nơi, Trương tự xuất ba trăm tinh-binh, mười lăm

chiếc chiến-thuyền bày ra bên đường để đón rước. Thế-tổ cả mừng cho làm Khâm-sai chưởng-cơ, quản-lĩnh trung quân thủy-doanh đạo tiên-phong ; còn các bộ-tướng Hoàng Văn-Điểm cũng đều thụ-chức cho cả.

Trương tự Long-xuyên tiến-binh đi đánh giặc, đánh phá được chưởng-cơ Trì ở sông Mĩ-lung ; lại đánh đuổi được Thái-bảo Tham ở Hồ-châu, thu-phục được Sài gòn. Năm canh-tuất, Trương được thụ-chức Trung-doanh giám-quân. Năm giáp-dần, quân giặc vây thành Diên-khánh, Thế-tổ sai Trương quản-lĩnh chiến-thuyền thay ông Thành đi đánh giặc, giải được vây thành Diên-khánh. Trương lại cùng với Nguyễn Văn-Nhân đánh tràn ra đến cửa bể An-dụ, bắt được hơn mười chiếc thuyền lương, thừa thắng tiến-binh đến cửa bể Đại-cồ-lũy ở Quảng-nghĩa, lấy được tiền lương ở kho Phú-đăng rồi kéo quân trở về. Trương tải thủy-chiến, kéo quân đến đâu thời giặc liền tan chạy ; thường bảo nhau rằng : « Bộ-chiến thời quan tiên-phong chậm, thủy-chiến thời quan trung-quân tợn và nhanh », là nói ông Thành có mưu trí mà chậm, ông Trương thời hùng-dũng mà nhanh vậy. Năm đinh-tị, Thế-tổ thân-chinh Qui-nhân, Trương điều-bát năm dinh quân thủy đi tiên-phong, đánh phá quân giặc. Năm canh-thân, Trương theo ngự-giá ra đóng ở Cù-mông, nghe tin quân giặc có hơn một trăm năm-mươi chiếc thuyền lương đóng ở cửa bể Đề-di. Trương lập-tức đem quân đi đánh chẹn đường, quân giặc bỏ thuyền trốn chạy, bắt hết được cả lương-soạn khí-giới rất nhiều. Năm tân-dậu, đại-binh kéo đến cửa bể Thi-nại, Trương dò được khẩu-hiệu của quân giặc, nửa đêm chèo chiếc thuyền nhỏ lẻn vào đi qua đám thuyền quân giặc đến miếu Tam-tòa chém được Đô-đốc giặc, đốt cháy thuyền giặc rất nhiều ; tiếp đến Lê Văn-Duyệt kéo đại-binh vào, quân giặc tan vỡ. Thế-tổ lại sai Trương điều-bát thủy-binh kéo ra đánh giặc ở Quảng-nghĩa Quảng-nam, và sai Vệ-úy Phan Văn-Đức, Tống Phúc-Lương, Chánh-vệ Vương Văn-Học, quản tầu *Long-hi* Nguyễn Văn-Trấn 阮文震 (1), quản tầu *Phụng-phi* Nguyễn Văn-Thắng 阮文勝 (2), quản tầu *Bằng-phi* Lê Văn-Lăng 黎文凌 (3), đều thuộc theo ông Trương cả, và dụ bảo rằng : « Hai nơi ấy khổ về quân Sơn-tặc tàn-bạo đã lâu, dân rất cực khổ, ngươi phụng mệnh ra thân chinh, cốt phải nghiêm-minh quân-lịnh, cấm không được cướp bóc của dân, để thu-phục lòng chúng. » Trương thừa-thắng đánh tràn đến Quảng-nam phá đồn Bản-tân ; bắt được 27 cặp chiến-tượng, lại đánh đến đồn La-qua, bắt được hơn 80 khẩu súng đại-bác, bèn chia binh đóng đồn án-ngữ và cho người về báo-tiệp. Thế-tổ giáng chỉ ban khen. Mùa hạ năm ấy, đại-binh tiến đến Phú-xuân, triệu Trương theo hầu thuyền ngự tiến vào cửa bể Tư-dung, (sau đổi là Tư-hiền), đánh phá đồn Qui-sơn, bắt được phò-mã giặc là Nguyễn Văn-Trị. Trương đốc binh-thuyền đi lẻn vào cửa bể Thuận-an, đánh tan quân giặc, thuyền ngự tiến vào sông Hương, thu phục được kinh-thành Phú-xuân. Nguyễn Quang-Toản trốn chạy ; Trương đem quân đến sông Linh-giang chẹn đường, hàng được hơn 2000 quân giặc, bắt được em giặc là Tĩnh về nộp. Thế-tổ ban cho ấn-thụ đại-tướng-quân, tới trong quân trao cho Trương làm « Khâm-sai chưởng-quân bình-sơn đại-tướng-quân quận-công ». Thế-tổ lại sai Trung-sứ đem ban cho một con dao vàng, dụ bảo rằng :

(1) (2) (3) Ba ông này đều là người Đại-Pháp, Triều-đình ta cho tên An-nam.

« Tướng-quân là trụ-thạch lão-thần, Nhà-nước ỷ-trọng lắm ; nên gia-tâm cần-thận, kiểm-duyệt binh-mã, tiến thẳng ra Thanh Nghệ, hội với các toán quân thượng - đạo quét sạch quân giặc. » Trương dâng sớ nói rằng : « Từ Linh-giang ra đến ngoài Hoành - sơn, quân giặc không dam ngấp-nghé gì đến cả ; những người do thám đều báo rằng ngoài Bắc-hà chốn nào cũng xuần-động, mong đợi quân nhà vua ra ; mà quân giặc ở Nghệ-an không dầy ba nghìn, ta có thể thừa thế đánh được. Xin phái thêm cho binh tượng thuyền bè, cùng với quân thủy quân bộ, lũ tôi đều tiến ra, một là để mở-mang bờ cõi, hai là để duy-trì nhân-tâm, chính là một cơ-hội tru g-hưng vậy. Vả lại đảng giặc ở tro g Qui-nhân, cốt trông cậy ngoài N, hệ-an, nếu đánh lấy được Nghệ-an, thời Diệu, Dũng (1) mất vía, định được Qui-nhân dễ như chơi. » Thế-tổ dụ bảo Trương rằng : « Ngoài Bắc-hà dẫu có hấn-khích, có thể thừa thế đánh được. Nhưng bây giờ vừa mưa xong, mà kéo quân ra đường bộ thời vận lương rất khó ; ngươi nên điều-bát binh-thuyền để xách-ứng cho đạo quân Biện - sơn ; mà quân bộ thời giữ Hoành - sơn, hư - trương thanh-thế để giàng-giữ quân giặc, khiến cho các đạo ứng-nghĩa ở ngoài được dễ đường tiến-thủ, ta cũng sắp đem binh kéo ra đó. » Trương sức dân ba huyện đắp lũy Trấn-ninh, Thế-tổ sợ trở-ngại mùa làm ruộng của dân, bèn cho dân về, mà sai chư-quân đắp. Trương lại dâng sớ nói rằng : « Trấn-ninh địa-thế mông-mênh, đời tiên-triều ta lập trấn thủ-hiểm ở đó trống nhau với họ Trịnh, nhờ có người Thuận-hóa hết sức mới được. Bây-giờ lấy những quân linh thú-đinh đầu-hàng đem giữ ở đó, dẫu nhiều cũng không làm gì. Xin tốc-phái binh-thuyền ra cùng với chúng tôi để phòng thủ Linh - giang. Nếu quân giặc vào xâm-phạm, thời đã có quân thủy, quân bộ cùng y-ỷ với nhau để phòng-bị trước; quân giặc dẫu như chim bay vượn chèo cũng không qua lọt được Trấn-minh, Đồng hải có thể giữ vạn-toàn được ». Khi ấy Tây-sơn Nguyễn Quang-Toản và em là Quang-Thùy đem hơn ba vạn quân bộ vào đánh để làm ứng-viện cho Diệu, Dũng ở Qui-nhân ; vợ tên Diệu là Bùi Thị-Xuân cũng đem đồ-đảng hơn năm nghìn quân theo vào để đánh giải vây cho chồng. Thế-tổ ngự-giá thân-chinh đóng ở Đồng-hải, hỏi Trương kế công thủ nên như thế nào. Trương thưa rằng : « Nay quân giặc kéo vào đông, ta nên kiên-thành cố-thủ, chờ khi gió bể thuận buồm, tôi xin đem thủy-quân đánh úp quân giặc, vào thẳng Linh-giang, chẹn ngang đường quân bộ của giặc, như thế thời bắt được sạch cả. » Thế-tổ cho làm phải. Mùa xuân năm nhâm-tuất (1802), quân giặc kéo đến đánh núi Đâu-mâu đông như kiến, quân ta ở trên núi ném đá xuống, giặc chết cũng nhiều. Bùi Thị-Xuân cưỡi voi thúc quân vào liều chết mà đánh, từ sáng sớm đến trưa không chịu lui. Gặp khi ấy Trương đem thủy-quân thừa ngọn gió đông-bắc xông vào đánh tan thuyền giặc ở ngoài bể, bắt được hơn 20 chiếc. Quân bộ của giặc nghe tin quân thủy đã thua chạy, cũng tự-nhiên thất-kinh tan vỡ. Quang-Toản trốn chạy ra Bắc-thành. Thế-tổ sai Trương đóng ở Đồng-hải, sắp-sửa thuyền bè để đợi tiến ra ngoài bắc. Mùa hạ năm ấy kỷ-nguyên Gia-long, ngự - giá ra thân-chinh Bắc-thành, Trương điều-bát quân thủy đi trước, thừa-thắng vào cửa bể Hội-thống, rồi kéo thẳng ra đến Sơn-nam hạ-trấn,

(1) Diệu, Dũng là tướng Tây-sơn, khi ấy đang vây ông Võ-Tính ở thành Qui-nhân.

Thiếu-úy giặc là Nguyễn Văn-Thọ xin hiến thành-trì đầu hàng. Tháng sáu, thu-phục được thành Thăng-long ; tháng chín, Trương lại theo ngự-giá về Kinh, rồi xin cáo lão, Thế-tổ úy-lạo không cho, năm thứ hai Trương theo ngự-giá ra Bắc-thành, Thế-tổ sai Trương đem thủy-binh đi trước, hợp với Nguyễn Văn-Thành tiễu-trừ bọn giặc bể. Năm thứ tư, Trương vào làm Tổng-trấn Gia-định. Có dâng sớ tâu rằng : « Tôi lạm đương việc ký-thác ngoài biên-khổn, cho được tiện-nghi hành-sự. Nhưng tôi nghĩ rằng quyền sinh-sát rất trọng, không dám tự-chuyên ; phàm những trọng-án tôi xin nghĩ-định rồi tâu lên, đợi có chỉ mới dám thi-hành. » Thế-tổ nghe lời. Tháng sáu năm thứ chín, Trương mất, thọ 70 tuổi. Năm thứ 16, làm danh-sách công-thần Vọng-các, Thế-tổ bảo quan Lễ-bộ Phạm Đăng-Hưng rằng : « Trương có công lớn với nước, dẫu không có công-lao đi hầu cương vế, nhưng cũng cho vào danh-sách Vọng-các, để tiêu-biểu cho. » Rồi được truy-tặng Thái-bảo, phong Đoan-hùng quận-công, cho tùng-tự ở nhà Thế-miếu và Võ-miếu.

Tính Trương nhân-hậu, không hay giết người. Trương trước đã theo làm tướng giặc đánh đuổi quân ta thua lội qua sông chạy ; quân giặc lấy giáo xỉa xuống. Trương ngăn lại bảo rằng : « Thừa lúc người ta nguy mà đánh, thực là bất-võ. » Quân giặc mới thôi. Thế-tổ thường khen nói rằng : « Làm tướng mà có bụng nhân-đức như Trương, cũng hiếm có. » Đến khi theo về hàng, Trương lại hay lập được công to, người ta vẫn khen là ông *phúc-tướng*. Lại hay cẩn-thủ lễ-độ, không tự khoe công-nghiệp của mình, cho nên dẫu là hàng tướng, mà thủy chung vua vẫn quyến-chú không ai bằng ; có ba người con trai.

IX

Đặng Đức-Siêu 鄧德超

Đặng Đức-Siêu người Bồng-sơn, Bình-định, gia-thế vốn dòng nho-y, khi nhỏ du-học chốn kinh-thành, ngụ ở làng Xước-dụ, huyện Hương-trà, lấy bà Nguyễn-thị, bèn lưu ở đó ; mười sáu tuổi đỗ Hương-cống, làm quan Hàn-lâm triều vua Duệ-tôn. Năm giáp-ngọ, quân Trịnh kéo vào, Đức-Siêu tránh ở Long-hồ dạy học-trò ; thường làm những bài phú *Thương sơn tứ hiệu* 商山四皓, *Trương-Lương trùy* 張良椎, *Tô-Vũ tiết* 蘇武節, *Tự tỉ Quản Nhạc* 自比管樂, để tỏ chí mình. Quan Trịnh nghe thấy những bài ấy lấy làm ngợi khen lắm, triệu ra không chịu ra. Khi Tây-sơn Nguyễn Văn-Huệ đánh được quân Trịnh chiếm-cứ Phú-xuân, trọng Siêu là bậc danh-sĩ vời ra cho làm quan, Siêu không thèm làm, thác bệnh trối từ không ra. Khi Thế-tổ trụ-tất ở Gia-định, nghe tiếng cho người đón vào, vì đường-sá ngăn-trở không vào được. Mùa đông năm mậu-ngọ, Siêu mới đáp thuyền vào Nam-kỳ, ông Nguyễn Văn-Nhân đưa vào yết-kiến đức Thế-tổ, Siêu mới điều-trần phương-lược ra bình Sơn-tặc. Thế-tổ nghe theo và khen rằng : « Ta mong ngươi đã lâu, ngươi vào đây sao chậm vậy. » Lập-tức cho làm giám-quân. Siêu nói là mới phụ theo sau, sợ không thiếp-phục nhân-tình, xin cứ lĩnh chức Hàn-lâm như cũ. Thế-tổ nói rằng : « Hàn-lâm hàm còn thấp lắm, sợ khó làm được việc. » Bèn trao cho chức Trung-doanh Tham-mưu, sớm tối theo hầu gần, dự bàn mưu-mô trong duy-trướng, vua càng ngày càng quyến-chú thêm mãi. Siêu nghĩ mình được gặp như thế thực là minh-lương kỳ-ngộ, có biết điều gì đều bày tỏ ra hết cả. Năm kỷ-mùi, Siêu theo ngự-giá ra thu-phục thành Qui-nhân, đổi tên là thành Bình-định ; cùng với ông Ngô

Tùng-Chu tuyển lính lập ra năm đồn quân ngự-lâm. Khi ấy có người xướng nghị-định thâu thân-thuế của dân. Siêu mật-sớ tâu rằng : « Tôi nghe sách binh-pháp có câu rằng : « Dân chúng cùng yêu cả không lẽ nào là không hưng-thịnh ; dân chúng cùng ghét cả, không lẽ nào là không khuynh-phúc »; bởi vậy các bậc thánh-nhân đời xưa khởi làm việc lớn, trước nhất là phải thuận nhân-tâm, thời mới thành được việc, cho đến kẻ gian-hùng tiếm-thiết, cũng phải lựa theo chiều mong muốn của dân, mới hay ngụy-định được nhất-thời. Xem như anh em Huệ, Nhạc, là một kẻ hèn áo vải, không có một tấc đất cắm dùi, thế mà vung tay hô lên, theo đến kể hàng vạn ; không đầy năm sáu năm, toàn chiếm cả bờ cõi, những kẻ ấy nào có tài đức gì hơn người đâu, chẳng qua chỉ là nhân lòng dân ta oán kẻ quyền-thần[1], nhân lòng dân Lê chán họ Trịnh đó mà thôi. Phép-tắc đời loạn với phép-tắc đời trị khác nhau, chỉ nên tùy thời suy-di, tùy việc biến-hóa mà thôi. Xưa kia đất Ngụy-bác ngạnh - hóa không theo nhà Đường, vua Hiến-tôn phải phát tiền kho bốn mươi vạn để chuộc lại đất Ngụy-bác ; đất U - yên hãm mất không thuộc về nhà Tống, vua Nghệ-tổ phải chứa tiền ở kho Phong-thung vài trăm vạn để chuộc châu U-yên ; xem như Hiến-tôn là vua tiết-kiệm, mặc cái áo đã rặt đến hai lần, Nghệ-tổ là vua anh-hùng, hà tiện từng đồng phí-tổn, mà còn bỏ của ra làm việc như thế, bởi vì muốn đồ đại-sự thời không tiếc chi cái phí nhỏ, muốn mưu viễn-lợi thời không mong chi cái công gần. Thành Qui-nhân bây giờ trải loạn-lạc đã ba mươi năm trời, đã lâu không được biết phép-tắc đời thái-bình ra thế nào ; bởi thế mới mong-mỏi quân nhà vua ra để gỡ cái nạn treo ngược cho dân. Song đương lúc dùng binh, chưa kịp ước được phép ba chương, trừ hết phép bạo-ngược ; còn phải đánh thuế, tuyển lính là thế phải tất-nhiên, nên không đến nỗi khích lòng dân oán-nộ. Nhưng đất Qui-nhân từ năm ngụy-hiệu Thái-đức (1778) đến năm Cảnh-thịnh (1792), đã đổi tên ấp ra làm đội, bắt suốt sổ dân ra làm lính, miễn trừ cho thân-thuế. Nếu ta lại đánh thuế suốt cả, thời một năm thu vào chẳng qua độ ba vạn quan tiền, mà quân giặc nó đến tranh, chỉ cách có một lần núi Thạch-tân, những dân nhị-tâm nó lại lẻn sang theo giặc, như thế thời lợi không được mấy mà thiệt-hại nhiều, không phải là việc cần-cấp vậy. Tôi còn nhớ khi xưa Chiêu-võ-hầu Nguyễn Hữu-Dật tiến ra đánh lấy được bảy huyện Nghệ-an, đóng đồn giữ được bảy năm, nhân-tình yên-ổn, sau chỉ vì thiếu quân-lương, hạ mộc-bài xuống thu tiền thóc của dân, nhân-tình náo-động, người Trịnh nhân thế mới lại đánh tràn vào được, đến nỗi phải triệt quân lui về, không tài nào lấn qua sang một bước khỏi châu Bố-chính; việc trước còn đó, khá lấy làm gương. Bây giờ chỉ nên tuyển lấy binh lính trước, mà tha thân-thuế cho dân một năm nữa, để thu-phục lấy nhân-tâm, và thỏa lòng dân bốn phương mong-mỏi. » Tờ sớ dâng lên, Thế-tổ khen phải, bèn bãi cái nghị thâu thân-thuế ấy đi.

Năm Canh-thân, Siêu theo ngự-giá ra cứu-viện thành Bình-định, khi ấy quân lính bệnh ốm nhiều, mà thủy-quân của giặc thời đóng chẹn cửa bể Thi-nại ; thủy-quân ta không thể nào tiến vào được, có người bàn kéo lên bộ để đánh giải vây. Siêu tâu rằng : « Quân thủy mà tiến lên bộ, bỏ thuyền

(1) Là trỏ quyền-thần Trương Phúc-Loan ở triều chúa Nguyễn, dân Thuận-hóa thâm oán.

không ở đó, giặc nó biết tin thời nó hẳn đến tranh cướp, dùng kế đó không được. Vả lại quân ta trường nghề thủy-chiến, đắc-lực dễ hơn ; bây giờ đương mùa hè gió nam, xin chế ra các đồ hỏa-liệu chở thuyền ván vào đánh hỏa-công, mộ những quân ác-chiến thừa lúc đêm tối lẻn vào cửa bể, đè theo ngọn gió phóng hỏa ra đánh thời tất là được. » Thế-tổ nghe theo, sai Lê Văn-Duyệt dụng kế đánh hỏa-công, quả phá tan thủy-đồn quân giặc.

Siêu lại cùng với Trần Văn-Trạc tâu rằng : « Nay giặc đem hết cả quân vào vây ở thành này, thời sào-huyệt nó tất là không-hư, quân ta nếu tiến ra đánh tan sào-huyệt nó đi, thời thành này tự-khắc là giải vây được. Địa-thế đất Phú-xuân tôi vốn am-thuộc, xin chia binh-thuyền ra làm hai đạo : một đạo đánh vào cửa Tư-hiền, một đạo đánh vào cửa Nhi-hải, thời tất là toàn-thắng. » Bấy giờ Nguyễn Văn-Thành cũng nói xin bỏ chỗ kiên ra đánh chỗ hà. Võ Tánh ở thành Qui-nhân cũng đưa mật-thư xin thừa-hư ra đánh lấy Phú-xuân. Thế-tổ mới quyết-định, tháng năm năm tân-dậu, quả-nhiên thu-phục được kinh-thành Phú-xuân. Siêu được thăng làm Lễ-bộ.

Năm nhâm-tuất (1802) Thế-tổ định ra đánh Bắc-hà. Siêu cùng Trần Văn-Trạc tâu rằng : « Nhà Lê tự vua Chiêu-thống chạy sang Tàu, không trở về nữa ; đất Bắc-hà đã phải Tây-sơn chiếm-cứ cả rồi. Vả lại từ khi quân ta thu-phục được cựu-kinh đến giờ, thần dân nhà Lê không thấy một người nào ra ứng-nghĩa để đánh giặc thời biết nhà Lê không thể trung-hưng được nữa. Nay ta ra diệt Sơn-tặc, chiếm giữ lấy bờ cõi, đó là tranh lấy ở tay Sơn-tặc, chớ không phải lấy của nhà Lê ; đến lúc bình-định xong sẽ có xử-trí khác. Còn như bây giờ đánh kẻ tội để thăm dân, thời cốt phải có danh ; ứng lòng trời thuận lòng người, thời trước phải chỉnh hiệu ; nay đem quân ra bắc-phạt mà còn dụng niên-hiệu nhà Lê, chỉ sợ người ngoài bắc bảo rằng ta mượn tiếng phù Lê. Vậy xin chính ngôi vua, ban niên-hiệu, để tỏ nghĩa lớn cho thiên-hạ biết, thời lập-quốc chính-đáng, không ai nói vào đâu được nữa. » Thế-tổ lấy làm phải, mới ban niên-hiệu là Gia-long nguyên-niên, truyền hịch bá-cáo ra bắc-phạt. Khi bình-định xong, Thế-tổ tự Bắc-thành trở về Kinh, Siêu có làm bài *Hồi loan cửu khúc ca* bằng quốc-âm, đến bây giờ ca-công ở Thanh Nghệ hãy còn truyền-tụng. Bấy giờ những lễ phép thuộc về việc giao-miếu xã-tắc đều xửa đổi mới cả, Siêu là người thuộc điển-lễ triều-đình, nên phải soạn ra cũng nhiều ; Thế-tổ càng lấy làm trọng lắm.

Năm Gia-long thứ tư, Siêu sung chức hoàng-tử phụ-đạo, có dạy đức Minh-mệnh học. Có biên tập sách *Thiên-nam thế-hệ* kể từ đời đức Triệu-tổ đến đức Duệ-tôn, lại truy chép từ đời Hoằng quốc-công, Chừng quốc-công, để tỏ là đức Triệu-tổ sinh ra từ đó ; sau lại chép đến đức Hiếu-khang để tỏ rằng đức Thế-tổ sinh ra từ đó, cả thảy chép việc hơn 200 năm, phàm những thế-thứ công-nghiệp cho đến ngày sinh ngày kỵ, lăng-tẩm phương-hướng đều chép đủ cả. Năm Gia-long thứ tám (1809), mới đặt chức Thượng-thư lục-bộ, Siêu được thăng làm Lễ-bộ Thượng-thư, đến năm thứ 9 thời mất, thọ 60 tuổi. Siêu là người học-vấn yêm-bác, văn-chương điển-nhã, đức-hạnh tiết-tháo, vào bậc nhân-vật tôn-trọng ở bản-triều. Gặp lúc loạn-lạc, ẩn hình giấu tích, hơn ba mươi năm, mà vẫn giữ trọn được danh-tiết. Đến lúc trung-hưng, ra giữ việc điển-lễ, sung chức tân-sư, thật là có công tốt lắm. Năm Minh-mệnh thứ sáu, đức Thánh-tổ nghĩ đến công sư-phó, dụ bảo Lễ bộ rằng : « Trước kia Đặng

Đức-Siêu phụng mệnh đức Thế-tổ dạy ta học vài năm, khai đạo cho ta cũng nhiều, thực là xứng chức; nên truy tặng cho hàm Thiếu-sư Hiệp-biện đại-học-sĩ, và lập đàn chí-tế.» Đến sau lại được dự vào miếu Trung-hưng công-thần. Phu-nhân là bà Nguyễn Thị-Ngữ có chép ở truyện liệt-nữ; con là Chiêm cũng làm đến quan to. Anh ông Siêu là Huy tính hiếu-học, tài thơ quốc-âm, làm quan đến Đốc-học Bình-định.

X

Lê Quang-Định 黎光定

Lê Quang-Định tự là Tri-chỉ hiệu là Tấn-trai, người ở Phú-vinh, Thừa-thiên. Khi nhỏ bồ côi, nhà rất nghèo, cùng với anh là Hiếu vào Gia-định ở đất Bình-dương. Đến khi lớn, dĩnh-ngộ hiếu-học, y-sinh là Hoàng Đức-Thành trông thấy lấy làm trọng, gả con gái cho. Định bèn cố chí chăm học, thờ ông Võ Trường-Toản làm thầy, cùng bạn quen với ông Trịnh Hoài-Đức, Ngô Nhân-Tĩnh, lập ra Bình-dương thi-xã, ngâm vịnh phong-nhã, những người văn-học bốn phương đều theo về cả. Khi đức Thế-tổ thu-phục Gia-định, Định cùng với lũ ông Trịnh Hoài-Đức ra ứng-cử, được thụ chức Hàn-lâm chế-cáo, sau ra làm quan điển-tuấn, tuần hành các huyện, khuyên bảo việc nông-tang. Rồi lại sung làm Đông-cung Thị-giảng, thăng lên Bình-bộ Hữu tham-tri. Khi ấy đại-binh thường đi đánh trận, Định phải theo đi đốc-vận quân-lương. Năm canh-thân, theo ông Nguyễn Văn-Nhân phù-tá Đông-cung lưu ở Gia-định. Đến năm Gia-long nguyên-niên, thiên ra làm Hiệp-trấn Thanh-hoa. Cuối năm ấy thăng Bình-bộ thượng-thư, sung chức chính-sứ cùng với giáp ất phó-sứ là Lê Chính-Lộ, Nguyễn Gia-Cát cùng đi sang sứ Tàu; tâu với vua Tàu rằng: «Triều Nguyễn ta có cả đất An-nam đất Việt-thường, bờ cõi so với đời Trần, Lê rộng hơn, xin đổi tên nước An-nam cũ, xưng là *Nam-Việt quốc*.» Vua Tàu sai quan sang tuyên-phong, đổi xưng là nước Việt-nam, mới từ năm Gia-long Nguyễn-triều ta trước. Năm thứ năm, Định phụng sắc sửa sách *Đại-việt nhất-thống địa-dư-chí*, Định bèn xét sổ sách địa-đồ suốt trong nước từ kinh-thành vào trong Nam đến đất Hà-tiên, ra ngoài bắc đến tỉnh Lạng-sơn, phàm sông núi hiểm-trở, đường sá xa gần, bờ cõi giới-hạn, nguyên-ủy giang-hà, và cầu cống xóm chợ, phong-tục thổ-sản, đều chép hết cả, chia làm mười quyển dâng lên. Thế-tổ lấy làm khen ngợi, sau lại phụng sắc định chương-trình sổ canh-điền, ruộng chia ra làm năm đẳng, thuế chia ra làm bốn kỳ. Năm Gia-long thứ 12, Định mất, thọ 54 tuổi, truy tặng hàm Tham-chính, tùng-tự vào miếu Trung-hưng công-thần.

Định tài-thức thông-mẫn, luyện-đạt chính-thể, tính thận-mật, ít thị-dục, tốt lối chữ khải, tài nghề thi họa, vẽ lối thủy-mặc lan-trúc rất đẹp. Khi sang sứ Tàu, nét vẽ lời thơ, người Tàu đã phải khen. Có hai người con trai: một người làm đến Chủ-sự, một người làm đến Lang-trung.

XI

Trịnh Hoài-Đức 鄭懷德

Trịnh Hoài-Đức nhất danh là An, tên chữ là Chỉ-sơn, hiệu là Cấn-trai. Tổ tiên trước là người Phúc-kiến, vốn dòng-dõi họ nhà làm quan, đời ông tổ là Hội gặp lúc nhà Thanh mới ra khai-sáng, không chịu theo kết bím, đề tóc sang nước Nam ở đất Trấn-biên. Cha là Khánh, học giỏi, chữ đại-tự tốt, đánh cờ tướng cao, có danh tiếng ở thời bấy giờ. Triều đức Thế-tổ, Khánh quyên làm chức cai-thu ở An-trường, sau thiên làm cai-đội ở trường Qui-nhân Qui-hóa, Bả-canh, rồi mất.

Khi ấy Hoài-Đức mới lên 10 tuổi, dốc lòng chăm học, bấy giờ gặp thời buổi nhiễu-nhương, người mẹ mới đem Hoài-Đức đến ở Phiên-trấn, cho theo học ông xử-sĩ Võ Trường-Toản, học càng ngày càng giỏi, năm mậu-thân, đức Thế-tổ thu-phục được thành Gia-định, Hoài-Đức bèn cùng với Lê-Quang-Định ra ứng cử, được bổ làm Hàn-lâm viện chế-cáo. Sang năm sau lắm quan điền-tuấn huyện Tân-bình, khuyên dân chăm chỉ việc nông-tang. Sau lại theo làm việc bộ Hình, xét nghĩ văn-án, luyện-tập chính-sự càng ngày càng giỏi. Rồi lại sung làm Đông-cung Thị-giảng, theo ông Đông-cung ra trấn-thủ thành Diên-khánh (tức Khánh-hòa). Đến khi Đông-cung tiến binh ra Phú-an, Hoài-Đức dự bàn giúp việc cơ-mật. Năm giáp-dần, Hoài-Đức làm ký-lục doanh Trấn-ninh, rồi lại thăng làm Hộ-bộ Hữu tham-tri. Năm tân-dậu, Hoài-đức coi việc thu thuế thóc ở Quảng-nam, Quảng-nghĩa để cấp cho quân : sau lại cùng với Nguyễn Văn-Thành coi về việc hộ. Tháng năm, được thăng làm Hộ-bộ Thượng-thư (Nguyễn-triều ta đặt chức lục-bộ thượng-thư, bắt đầu từ đó), sung chức chính-sứ, cùng với Binh-bộ Tham-tri Ngô Nhân-Tĩnh, Hình-bộ Tham-tri Hoàng Ngọc-Uẩn sang sứ nhà Thanh, đệ tờ quốc-thư phẩm-vật, và đem nộp cả ấn sắc của Tàu phong cho Tây-sơn, cùng giải-nộp lũ tướng giặc bể là Đông-hải-vương Mạc Quan-Phủ, Thống-binh Lương Văn-Canh, Phan Văn-Tài. Tháng bảy mới sang đến Hồ-môn-quan, Tổng-đốc Lưỡng-Quảng là Giác-la Cát-Khánh tâu lên vua Tàu, vua Tàu truyền dụ cho đưa sứ-bộ đến Quảng-tây rồi vào Bắc-kinh. Khi ấy Thế-tổ vừa bình-định xong Bắc-hà, lại sai Binh-bộ Thượng-thư Lê Quang-Định sang sứ cầu-phong. Bọn sứ-bộ Trịnh Hoài-Đức còn đợi ở Quảng-tây, tháng tư năm Gia-long thứ hai, cả hai sứ-bộ cùng tự Quảng-tây đi thuyền qua Hồ-bắc đến Hán-khẩu, rồi lên bộ qua Vạn-lý trường-thành, qua cửa Cổ-bắc, tháng tám đến sông Nhiệt-hà (thuộc Mãn-châu, các sứ-bộ đời nhà Lê chửa từng đến bao giờ), vào bệ-kiến vua Gia-Khánh ở nơi hành-tại. Rồi lại cùng với sứ Tàu sang tuyên-phong là Án-sát Quảng-tây Tề Bố-Sâm, tự cửa Nam-quan trở về nước. Khi về lại vẫn lĩnh chức bộ Hộ, rồi vào làm Hiệp-trấn Gia-định, lại thăng làm Lễ-bộ Lại-bộ Thượng-thư.

Đến năm đức Thánh-tổ (vua Minh-mệnh) lên ngôi, Hoài-Đức thường nhân việc ngăn-gián tỏ lòng trung-hành, Thánh-tổ đều nghe theo cả. Rồi lại được thăng Hiệp-biện đại-học-sĩ, kiêm lĩnh Lại-bộ, Binh-bộ thượng-thư. Bấy giờ các quan văn chửa có ai được thụ hàm nhất-phẩm bao giờ, Hoài-Đức mới được thụ hàm Hiệp-biện là một. Khi tại chức bàn tán giúp việc quân quốc rất nhiều. Đức có dâng sớ tâu rằng : « Nhà-nước dẫu yên, không nên quên sự chiến-trận, trước kia đức Thế-tổ Cao-hoàng lấy võ-công dẹp loạn, từ quân thị-vệ cấm-binh cho đến các dinh quân khác, đều có đặt chức phó-tướng, lại có chức chính-doanh, phó-doanh, chính-vệ, phó-vệ, chính-cơ, phó-cơ, lúc thường thời phó-viên giúp chính-viên để cán-biện mọi việc, lúc lâm-trận thời phó-viên đỡ chính-viên để xông pha trên trận, thế cho nên giữ thời bền, đánh thời được, các tướng hay lập được công to để bình-định thiên-hạ. Từ khi yên rồi, các cựu-thần, túc-tướng, kẻ thì già-yếu và chết đi mất nhiều, cho nên những chức quản-quân đều bỏ khoáng-khuyết cả. Bây giờ đương lúc mở-mang văn-trị, dẫu không chuộng gì quân-lữ, nhưng có văn-sự tất phải có võ-bị ; xin chọn trong các viên quản-binh, người nào là bậc cần-lao cựu-tướng, thăng cho làm chính-viên ; lại chọn những viên tài-năng hậu-tiến nhắc lên cho làm phó-

viên; hoặc châm-chước bớt đi, hoặc lập sách kỷ-bồ, xin cho thứ-đệ thi-hành, sung-bổ vào quân túc-vệ; khiến cho danh-phận định sẵn, quân lính tập quen, thời binh là binh có phép, tướng là tướng có tài, mới có thể dùng được. Nếu đợi có công-lao mới bổ-thụ cho, sợ nhất-dán hữu-sự, bấy giờ mới thắng-thốt sung-bổ, đã không được người giỏi lại chậm-chễ không kịp việc. » Thánh-tổ khen là nói phải nên thi-hành. Hoài-Đức không có nhà ở riêng, Thánh-tổ bèn cho 2000 quan tiền và gỗ lạt gạch ngói để dựng nhà ở. Đức bèn dựng nhà ở ngoài cửa đông gọi là Quì-viên. Năm thứ tư, Hoài-Đức dâng biểu xin trí-sĩ không được, vẫn lĩnh chức Lại Lễ hai bộ; mùa xuân năm thứ sáu, Hoài-đức mất, thọ 61 tuổi. Thánh-tổ bảo thị-thần rằng: « Trịnh Hoài-Đức tính trung-thành, có công-lao đã lâu, lúc nhà nước mới trung-hưng, phụng sứ sang Tàu, hai lần hiệp trấn Gia-định, rõ tỏ là bậc tuần-lương. Từ khi trầm nối ngôi, biết là người trung, ủy cho trọng-trách, thường cùng bàn luận chính-sự, thi-chiếu ra cũng nhiều. Mong rằng quyến-cố còn lâu dài hưởng phúc lộc, ngờ đâu mắc bệnh mà thuốc thang đã không kịp, nghe tin cáo-phó, rất là đau lòng! » Truy-tặng Thiếu-phó Cần-chính-điện đại-học-sĩ, thụy là Văn-Khắc. Đưa ma về tángở Gia-định, quan Tổng-trấn Lê Văn-Duyệt thân đến thăm viếng, nói khen rằng: « Quan Hiệp Trịnh là người khả ở đời này! »

Hoài-Đức là người cẩn-thận, phong-độ trầm-tĩnh, học-vấn rộng-rãi, bàn-bạc điều gì vẫn giữ đại-thể; đức-nghiệp văn-chương, người đời đều tôn-trọng cả. Hoài-Đức có làm sách *Gia-định thông-chí*, *Cấn-trai thi-tập*. *Bắc-sứ thi-tập*, *Gia-định tam-gia thi-tập*[1]. Thực là một bậc danh-thần trải hai đời vua đều quyến-cố cả. Có hai người con trai, một người làm đến Lang-trung, một người thượng công-chúa, làm đến Phụ-mã đô-úy.

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

XÃ-HỘI TIỂU-THUYẾT

DƯ-SINH LỊCH-HIỂM KÍ

Lời tự-thuật của một người dở-dang về học-giới

Cha tôi gọi tôi mà bảo rằng: — Cha đã có bao nhiêu tổn-phí cho con ăn con học; vì con lười biếng không chen cạnh bằng người, nay tên con đã duồng-đuổi ra ngoài học-hiệu, tức là cái bằng-chứng con là một người xấu-ác trong nhân-quần và là một người vô-dụng trong xã-hội. Nay cha nhìn đã không thể nhìn, chỉ còn

(1) Trịnh Hoài-Đức, Lê Quang-Định và Ngô Nhân Tĩnh là ba nhà thi-gia ở Gia-định, có lập ra « Bình-dương thi-xã. »

một phép là đuổi con ra khỏi nhà. Lòng cha cũng lấy thế là cay đắng, song xin trời phù-hộ cho cha quên có một đứa con vô-chí như con vậy.

Tôi nghe nói thất-kinh, thưa rằng : — Thi không trúng-tuyển không phải là tội một mình con. Cha không biết tình-hình sự học ngày nay không như ngày trước, chỉ vì.... .

Cha tôi nghe nói nổi giận, đỏ mặt, tía tai, lấy tay đấm xuống bàn mà nói : — Quân vô-sỉ ngậm miệng mày lại. Phàm học trò học trường nào cũng đã có niên-hạn. Mày học bốn năm không qua được lớp tiểu-học, cựu-học đã dở, tân-học cũng không nên thân, không lấy làm sỉ còn tìm điều chữa lỗi ; nay cha phải đuổi con, thực mày đã bách tao làm điều bất-đắc-dĩ.

Nói rồi thở dài lại nói : — Tao vẫn biết cái ác-tập học trò là hay lêu-lổng biếng-nhác, mượn thế dong chơi ; học có không thành đã chắc vào lưng cha mẹ. Xưa tao đã biết học khoa-cử là đi vào con đường nguy-hiểm, mà xoay ngay về thực-nghiệp, như người gò cương ngựa mà lên núi dốc, thiên-tân vạn-khổ mới có ngày nay, nếu không cũng dở ông dở thằng, mà thành ra một hạng người ăn hại làm xằng trong xã-hội.

Khi nói đưa cho tôi hai cái giấy bạc mà bảo rằng : — Này mười đồng bạc là cải quyền-lợi sau hết của mày ở trong nhà này ; từ nay không có cái bóng mày ở trong nhà này nữa ; cho đến nghĩa cha con cũng hết, chỉ nên coi nhau như người đi đường. Mày cũng không được viết thơ về nhà, dù có tao cũng cho vào đống lửa ; không phải là nhẫn-tâm, là sợ thấy lời mày ai-cầu lại thêm lòng tức giận.

Lúc nói đến câu ấy tinh-thần thê-thảm, như muốn khóc mà nhịn.

Tôi quì xuống một bên mà nói : — Xin cha nghĩ đến mẹ con đã mất mà tha thứ cho con.

Cha tôi nghe nói như lửa đổ dầu thêm, càng nóng càng giận, nói to lên rằng : — Không, không còn có điều gì phải nghĩ lại.

Khi nói răng cắn lấy môi, mắt nhìn tôi một bộ nghiêm-dữ.

Xem ý đã quyết, không ngờ khuyết-liệt đến như thế. Tôi cứ từ-từ đứng lên. trông chung quanh nhà, mọi vật đều có bộ âu-sầu, cho đến ngọn cỏ lá cây như giỏ giọt lệ thương-tâm mà tiễn tôi. Bấy giờ lòng tôi hối-hận, nói không nên lời. Cha tôi cứ cúi đầu nín lặng, như thương tiếc cho tôi. Cha tôi vốn là người trung-hậu. có lòng từ-thiện với hết mọi người. Trước còn quyết-chí khoa-cử để nối nghiệp ông cha, từ lúc có phong-trào duy-tân mới chuyên về nông-nghiệp, chăm-chỉ cho con theo tân-học, nay thấy con đọa-lạc lẽ nào mà không thương-tâm.

Tôi lại đánh bạo mà năn-nỉ một lần nữa : — Xin cha thứ lỗi cho con biết đường tự-tân.

Cha tôi nói : — Tao không có thể để cho mày ô-danh ngô-tộc.

Tôi cầm lấy mười đồng bạc khóc mà nói rằng : — Thương ôi ! cha cho con mười đồng bạc này để mưu sinh-hoạt, sau mười ngày nữa, xin cha lấy tình phụ tử, mà nhặt nắm sương cho con nơi khe suối, cho khỏi muông chim nó cắn sé, thì con cảm đức vô-cùng.

Không phải tôi nói thế mà dọa cha tôi, một người học-trò còn dở, lấy mười đồng bạc để mưu sinh-hoạt một đời, dù có đạo thần-tiên cũng phải chết khát.

Ai ngờ cha tôi lòng như sắt đá, nghe không động-tâm, chỉ nói : - Mày đã đến tuổi tự-lập, đừng mong ỷ-lại vào ai nữa.

Nói rồi đứng lên, gật tôi một cái, rồi vào thẳng nhà trong.

Tôi đứng ngẩn một mình, cầm trong tay hai cái giấy bạc. Nghe lời nghiêm-trách, thực không có ti-hào nào oán-hận, vì cha tôi đã thương tôi hết lòng ; hai mươi mấy năm đã tổn bao tâm-lực tinh-thần, kết-cục thành ra thất-vọng. Đại-

khái lòng nhân-từ của người làm cha mẹ như cái lẫy nỏ, ấn nặng hay bật phải tay ; cho nên mình chỉ nên tự-trách. Thôi tự đây mà đi còn ai trách-bị mình nữa. Tôi nghĩ đến đấy, chuy-hối vô-cùng, thở dài một tiếng mà ra khỏi cửa.

Tôi từ-biệt cha tôi rồi, ra bến xe hỏa mà đi Hà-nội. Đến nơi đã hơn 5 giờ chiều, tìm vào khách-sạn, là nơi mỗi khi đi Hà-nội tôi quen trọ. Để đồ hành-lý một bên, chợt trông gương thấy bóng mình càng thương càng tủi. Tự hỏi mình đến đây mà làm gì, thành ra không có chủ-nghĩa gì cả. Việc phải làm trước hết là ăn cơm tối rồi, đi tìm thú giải-phiền.

Đương thơ-thẩn bên cầu Thê-húc, nghe chuông 9 giờ, tôi vào nhà chớp-ảnh. Nào trai lành gái tốt, bọn năm bọn ba, ríu-ra ríu-rít, đều dương-dương đắc ý, hớn-hở hoài-xuân, mà tưởng như mình đứng riêng một cái cù-lao mông-mênh trong thương-hải. Ảnh đã thay ba lớp, tôi thật chưa thấy một vật gì. Lúc *entr'acte* chợt có một người thiếu-niên ghé lại mà hỏi tôi rằng : — Anh có thấy đó không ? Một người đại-đạo đang đánh nhau với một người trinh-thám, thế mới là tay nghĩa-hiệp, chỉ lấy của phi-nghĩa mà giúp cho người nghèo ; nam-tử ở đời cũng nên như thế.

Tôi còn bâng-khuâng chưa hiểu ra ý gì, người kia lại hỏi tôi ở đâu, đến đây mà làm gì. Tôi còn lạ-lùng cứ hồ-đồ mà đáp. Người kia tự nói tên mình là Lý Khiêm, đi làm phóng-sự cho một nhà báo-quán ; nhân mời tôi ra ngoài hóng mát, và đưa hai người thiếu-niên khác đến làm quen. Tôi cảm-tạ mãi, rồi nói chỗ khách-sạn mình, và xin quí-khách qua chơi đàm-đạo. Hôm sau Lý-Khiêm quả đến tìm tôi ở khách-sạn, nhân hỏi tôi có thông pháp-văn không. Tôi nói mới có bằng tiểu-học, vì đã lớn tuổi không được theo cho đến ngày tốt-nghiệp. Lý Khiêm nhìn tôi mà nói : — Người ta sinh về nhiệt-đái, có giống thông-minh mà ít có tính kiên-nhẫn ; hoặc vì cách giáo-dục sai-lầm, hoặc vì đường cảnh-ngộ bắt-buộc, khiến cho nhiều người học ít thành-tài, tài không trúng-dụng, cũng là một sự đáng thương đáng tiếc. Sao anh buổi cập-thời tu-tiến mà có cái thần-tình tự-táng như thế ?

Tôi nghe nói thở dài mà rằng : — Như tôi hán-học đã nhỡ thời, tân-học cũng quá tuổi, đường tiến-thân một ngày một hẹp, công-nghệ trong nước cũng chưa mở mang ; như tôi muốn về yên phận trong gia-đình cũng không được nữa. Sự-tình tôi không đáng bận tai quí-hữu, song đã đội ơn hỏi đến, tôi xin nói thật. Tôi tên là Ngô Tự-Tỉnh, cũng là con nhà thi-lễ, cha tôi có nghề làm ruộng. Năm 15 tuổi tôi mới thôi Hán-học mà theo Pháp-văn ; 21 tuổi mới có bằng Tiểu-học. Năm nay trong 500 học-sinh thi vào trung-học, có 400 bị truất, nhất là những người đã lớn tuổi, mà tôi cũng ở trong số ấy ; thời-nhân có câu nói diễu rằng : « 20 tuổi đã về hưu-trí », là vì nghĩa thế. Cha tôi giận tôi là người luân-lạc, đuổi tôi ra khỏi nhà, cho tôi 10 đồng bạc để tìm lối mưu-sinh. Cha tôi làm thế thực không khác gì đẩy tôi vào đất chết. Tuy-nhiên sinh chẳng gặp thời, mệnh sao chịu vậy, không dám oán ai, khi đã hết mười đồng bạc này, chỉ còn một cách tự giết mình đi là xong cả.

Tôi nói đến đấy, vô-cùng cảm-thương, không giữ được hai hàng lệ tuôn ra lã-chã.

Lý Khiêm cầm lấy tay tôi mà yên-ủi : — Tình-trạng những kẻ dở-dang về đường học-giới ngày nay đều như thế cả, không cứ một ai ; chúng tôi với anh cũng là người đồng-bệnh. Tình anh khả-lân, mà cái ngu thực là khả-hận ; lấy cái chết để-chế với cùng-đồ, có chăng ở những bọn lao-động mà ngu-xuẩn, còn ý-khí nam-nhi hà-tất lấy cùng-thông giới-ý. Hết mọi vật ở đời đều là của chung của trời đất, trời đất chưa hề có rành riêng cho hạng người nào ; trừ những kẻ sức không chói nổi con gà, gan không to bằng mật chuột, trời còn rộng, đất còn dài, đi đâu mà không tự-đắc ; kìa những kẻ lấy quyền-

lược mà bóc-xén của người ta, cùng là kẻ bo-bo giữ của không chịu làm ích-lợi cho ai, đều là cái kho vô-tận của mình đó.

Nói rồi Lý Khiêm giắt tôi ra cửa giủ lên một cái xe đi chơi cho giải-trí. Tôi nghe mấy câu hào-luận đã lộ mấy phần bất-chính, và trong lúc vừa cười vừa nói, có thấy mấy cái răng vàng, biết ngay không phải là thượng-lưu nhân-vật.

Đến một nơi đỗ xe, vào một cái nhà rộng rãi mát mẻ, đã thấy có hai người hôm trước ở đó; và có mấy ả mày ngài, đón hỏi vồn-vã, biết ngay là một chốn hồng-lâu. Trò-chuyện hồi lâu, ba người đều ép tôi vào cuộc rượu Trong lời đàm-luận đà tỏ ra những ý-khí hào-hiệp, nhất là Lý Khiêm lắm lúc khẳng-khái bi-ca, khiến cho tôi chợt mà muốn khóc, chợt mà muốn cười, chợt mà mừng, chợt mà giận, có khi quên cả thân-thế mình là con nhà ai đi nữa. Lý Khiêm muốn kết với tôi làm mật-hữu, mà tôi cũng vui lòng lấy Lý Khiêm làm tâm-giao.

Khi thấy tôi đã ra ý thân-mật, Lý Khiêm làm nét mặt nghiêm-trang mà nói: — Anh em mình đã trót sinh ra thời-thế lỡ-làng, cũng phải tính đường mà tự-cứu. Phàm người ta muốn gây dừng nên sự-nghiệp to lớn, cũng phải dùng những thủ-đoạn phi-thường; việc ấy hôm nay tôi chưa có thể nói với anh, rồi sau anh sẽ biết; có một điều phải giữ là hai chữ thận-mật. Nếu một chút nào bất-thận từ khe răng mà lọt ra, chúng tôi phải lấy độc-thủ mà đối-đãi. Cái điều ước ấy không phải là quá-khắc, là vì nghĩa-vụ chúng tôi phải bảo-toàn hạnh-phúc cho anh mà cũng bảo-toàn cái tự-do cho chúng tôi nữa.

Tôi nghe nói như người đã sa chân vào bẫy, trông sau trông trước đều có cảnh-tượng nguy-nghi. Nghĩ cái tiền-đồ mình còn như đêm tối, nay gặp bạn lại là những người tình-tích không được quang-minh, nếu xảy ra có sự hiểm-nghèo, thực là mình lại xô mình xuống vực. Vừa toan kiếm lời cự lại, thì Lý Khiêm lại nhìn tôi mà nói: — Ngô-huynh không phải nghĩ, cứ vững ở tay tôi, một lời đã tri-kỷ cùng nhau, làm việc không có hậu-hối mới là hào-kiệt. Ngô-huynh hãy về thu-xếp hành-lý, đúng 4 giờ chiều ra đợi chúng tôi ở bến xe hỏa.

Nói rồi giục-giã tôi đi ngay.

Tôi về khách-sạn cứ nghi: không có lẽ những người tuấn-tú như thế, thông-minh như thế, lại ra người hiểm-nghèo. Lại nghĩ như mình bây giờ lấy học-vấn dở-dang mà kiếm ăn trên ngòi bút, chẳng chức phụ-biện thì cũng chân thừa-sai, nguyệt bổng chừng mươi hai đồng sao cho đủ cái phong-lưu tạm. Đem thông-minh nhĩ-mục để tiêu-ma trong một đời sớm chực trưa hầu, cũng là một đời sống tủi, huống chi việc có ít mà người thì nhiều, lại là cái số chưa chắc. Thôi từ khi từ-giã cha tôi mà đi, vốn đã giắt sẵn một chữ liều trong bụng. Dữ kỳ ngồi mà đợi chết, chi bằng vui thú chúng bạn nếm vị giang-hồ, rồi đây có phải mắc mưu lừa chước biển thế nào, cũng là một cái số ưng-đắc. Bấy giờ ý tôi đã quyết, liền sắp-sẵn mà ra bến xe hỏa.

Đúng 4 giờ chiều hôm ấy, vừa ra khỏi khách-sạn, có người nói sở cảnh-sát bắt được mấy người can án cướp ở tại bến xe hỏa. Trông ra đã thấy hai người cảnh-sát giải ba người thiếu-niên, có một bọn lính đi áp. Đến gần chính là bọn Lý Khiêm. Lý Khiêm thấy tôi liền đưa mắt trở lại. Tôi cũng đứng nép vào chỗ đông người không dám ra mà hỏi. Bấy giờ tôi bàng-hoàng càng nghĩ càng sợ; ai hay những người có học-vấn mà lại phạm những tội hung-ác như thế! Có khi xưa nay bao nhiêu những người gian-ác đều là bực thông-minh mà đem ngộ-dụng, bao nhiêu những tay đạo-tặc đều là người hào-kiệt mà đi lầm đường. Than ôi! lỡ bước lỗi thời, có tài vô-dụng, thương thay cho thiên-hạ, mà lại sợ thay cho mình nữa!

Tôi vốn biết đất phiến-hoa chính là chỗ sản-xuất những điều tội lỗi, song muốn về biết là về đâu. Đường đi đã không có chủ-đích, đường về cũng không có qui-y, thân-thể tôi bấy giờ như chim không tổ, như chó lạc nhà, biết giữ sao cho khỏi sa ngã. Tôi cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn, nghĩ gần nghĩ xa, chợt nhớ đến một ông thày học cũ, tôi liền tìm đến mà thăm thày.

Thày tôi là người đạo-học, chán thời-thế mới về điền-viên, cùng cha tôi là bạn đồng-chí. Xưa kia có điều gì khôn dại, tôi vẫn đến thày tôi mà chất-chính ; chỉ từ khi xoay về tân-học, thày trò mới phải xa cách nhau. Lúc đến nơi, thấy mình lại đứng trước sân thi-lễ, mà lòng trọng đạo tôn thày lại sinh ra vô cùng quan-cảm. Tôi nhân kể cùng thày cái cảnh-ngộ trong gia-đình, và những người mình đã gặp-gỡ.

Thày tôi nói với tôi rằng: — Cha anh có một mình anh là kế-nghiệp, cho nên phải nghiến răng chữ nhẫn mà dậy con. đường tiến-thủ anh còn dài, anh cũng phải giữ lấy một chữ nhẫn mà lập-chí Thày nghĩ từ cái học khoa-cử sai lầm đã đến cực-điểm, làm cho chính-trị giáo-dục kinh-tế trong một nước đều phải hư-bại, mà bấy lâu bọn cựu-học đã chịu những tiếng miả-mai, những lời bỉ-bạc, đã nhức cả tai, đã dày cả mặt, thấy những mong cho các anh, mừng cho các anh đang lúc niên-phú lực-cường, gặp hội đổi thay học-thuật, khảo-sát lấy đạo phú-cường, đổi bỏ những thói hủ-lậu, họa may có ngày mở mặt với thiên-hạ, và rửa hổ cho ông cha. Ai ngờ các anh lại đem cái óc cũ mà học chữ mới, nghĩa là học để cầu phú-quí, chớ không học để suy ra thực-dụng. Người ta học về mà làm ruộng, học về mà đi buôn, học về mà làm nghề này nghiệp khác, trăm nghề đều có học, trăm việc đều cải-lương, bấy giờ quốc-dân mới văn-minh, xã-hội mới tiến-hóa. Có khi các anh tưởng cứ khoán-lệ bỏ hết trong các làng, thày kiện đi khắp trong các tỉnh, gặp ai cũng là tây-trang, nhà nào cũng làm kính chớp, con trẻ cũng nói tự-do, đàn-bà cũng thông pháp-hoại, như thế gọi là phú-cường, gọi là văn-minh được hay sao? Nếu các anh đi học chỉ để mưu kiếm ăn, có khác gì học khoa-cử chỉ để mưu phú-quí. Không có lẽ hết mọi người đều đi học, hết mọi người đều làm quan, hễ học mà không thi đỗ, cứ về làm người dở dang, như thế không những thiệt riêng cho từng người, mà là hại chung cho xã-hội.

Tôi nghe thày tôi nói bấy nhiêu lời như roi đánh vào đầu, như đuốc soi vào dạ, mới biết cái tư-tưởng mình xưa nay sai-lầm là thế. Nhân xin thày tôi chỉ bảo cho con đường, làm thân học-trò ở đời này phải noi theo thế nào là chính-đáng.

Thày tôi lại nói : — Thông-bệnh người ta là cái tính ỷ-lại, con ỷ-lại cha mẹ, vợ ỷ-lại chồng, anh em ỷ-lại nhau, chúng bạn ỷ-lại nhau, người nào cũng chỉ mong ỷ-lại vào kẻ khác, thành ra không kẻ nào ỷ-lại được nhau. Mà tính ỷ-lại ấy lại là bởi đút-dát lười-biếng mà ra. Không ai dám đi đâu ra khỏi nhà, không ai dám nghĩ làm một việc khó, quốc-thổ mười phần bỏ hoang mất bảy, công-thương quyền-lợi nhường hết cho người ngoài. Như thế mà các anh oán-hận là sinh-bất-phùng-thời, phàn nàn là hữu-tài vô-dụng, cũng là tự-bạo tự-khí quá. Thày miễn cho các anh sẵn lòng mạnh-mẽ, chịu khó chịu nhọc, thì ở đâu mà không có người dùng, việc gì là việc làm không được. Khổng-phu-tử có nói : *« Ngôn trung-tín hành đốc-kính, tuy man mạch chi bang hành hĩ »*. Xem những người Hoa-kiều ở trong xứ ta có học-vấn gì, có thần-thế gì, mà họ chiếm được một cái địa-vị rất có thế-lực ; chẳng qua cũng là họ thực-hành sáu chữ « ngôn trung-tín hành đốc-kính » ấy mà thôi. Nay thày lại nguyện cho các anh bỏ lối hư-danh, chuyên về thực-nghiệp, ở cho thật lòng, làm cho hết sức, đỗ

với gia-đình, đối với nước nhà, đối với mọi người đều có trách-nhiệm ; tiền-đồ các anh còn dài, hạnh-phúc các anh còn lớn, thầy nay đã già, các anh tự trọng.

Tôi nghe nói, như người đem rửa cái óc cũ cho tôi mà thay óc mới lại, thấy tinh - thần hoạt - bát, ý-khí mạnh - bạo, trông ra trời còn rộng, đất còn dài, xin đem mấy lời sư-huấn làm xử-thế cẩm nang, để chống-chỏi với mọi sự gian-hiểm.

Bấy giờ tôi sắp-sửa mà đi thăm thú Nam kỳ. Có người bạn, tôi giữ lại ở nhà ít ngày để hỏi thăm tin tức trong Nam-kỳ cho chắc-chắn ; vì trong giấy thông-hành phải có người hiện ở Nam-kỳ nhận thực, mới là người có căn cước. Phải, người chân-chính cử-động cũng nên minh minh bạch-bạch, giữ pháp-luật tị hiềm-nghi là sự cần nhất cho kẻ đi ra ngoài du-lịch.

Mấy hôm sau người bạn tôi đưa cho tôi một cái điện-tín của người anh rể, là hiệu Khánh-long, hiện buôn bán ở Sài-gòn, mời tôi vào chơi. Dự-bị xong xuôi, đến ngày 14 tháng 7, tôi ra Hải-phòng mà chờ sang tàu lớn. Tưởng như tôi từ nhỏ đến lớn, chỉ biết giùi-mài kinh sử, chỉ giảng-cứu những sự-nghiệp thánh-hiền ; kiến-văn chỉ trói-buộc trong ba con sách cổ, vũ-trụ chỉ quanh-quẩn trong mấy gian nhà tranh, nay mới ra đến chốn hải-tần, nơi mở mắt mà trông mây trời nước bể, bao nhiêu cái tư-tưởng phì-mã khinh-cừu, đã thoắt đổi ra ý-khí thừa-phong phá-lãng.

Tôi mượn một người quen biết, có từng-trải về việc đáp tàu chạy biển để đi trình giấy và mua vé. Người ấy nói chuyện với một người bếp tàu hồi lâu ; đến 14 giờ mới đưa tôi xuống tàu để tôi ngồi trong một cái phòng nhỏ. Phòng kín, không có một hé sáng, ngửi sặc những mùi dầu ; nhân lấy tay mà sờ, chung quanh thấy những túi than đá lớn. Thở hút bức-tức, như tù bị giam trong ngục tối, tôi chưa nghĩ ra làm sao. Một lúc thấy người bếp tàu đến, đưa cho tôi một khúc bánh và một chai nước mà bảo tôi rằng : — Tàu đã nhổ neo sắp chạy. Người mua vé cho anh không thấy đến, anh cứ phải ngồi yên trong phòng kín. Nếu người chủ tàu trông thấy anh, người ta sẽ ném anh xuống bể.

Tôi nghe nói, biết ngay là mình đã mắc phải đứa vô-lương, tham mấy đồng bạc cước tàu bán rẻ một người anh em bạn. Tôi càng kinh càng hãi, cứ phải ngồi nín hơi trong tối, tưởng mình không bằng thân con vờ còn được tự-do thở hút không-khí trên mặt nước.

Lâu lắm mới thấy người bếp tàu lại đến, nói tàu đã ra khỏi bến, tạm cho tôi ra ngoài mà hóng mát. Tự bấy giờ cung-cấp cho tôi ăn uống cũng hậu. Tàu chạy suốt ngày 15 sang ngày 16, nghe người ta nói đã trông thấy núi Ngũ hành-sơn. Tôi cũng theo người ta ra mà trông vào bờ bể.

Nghìn trùng nước biếc, một vết mây đen, tôi đang đứng bồi-hồi về nỗi góc bể bên trời, chiếc thân luân-lạc, chợt thấy có người đến vỗ vai, tôi ngảnh đầu lại thấy ngay người Tây đi soát vé. Tôi hoảng-hốt, cứ thực mà nói ; và nói có Khánh-long ở Sài-gòn là người quen sẽ bồi-hoàn tiền cước. Người Tây xem giấy thông-hành của tôi rồi, bảo một người giốt tôi lại ngồi một chỗ.

Tàu chạy chừng 3 giờ đồng-hồ nữa, thì vào cửa Quảng-nam. Người ta cho tôi xuống một cái thuyền mà bỏ lên đất. Bấy giờ tôi muốn tìm người bếp tàu mà nói, không còn trông thấy đâu, dù có nói gì cũng là vô-ích.

Sự gian-nan của tôi lại đến nông-nỗi nước này là một : sức yếu tài hèn, tay không đất khách, dù có tài như Nguyễn-Tịch, có chí như Tử-Tư, cũng đến nước khóc đường cùng xin giữa chợ Tuy-nhiên, cùng thông, may rủi cũng là lẽ thường ; xưa nay những người khổ chí mà làm nên, lại là những người ở trong cùng-ách điên-nguy mà ra cả. Nhớ lời

thày tôi có nói : « Người ta có một bệnh là hay ỷ-lại », như tôi bây giờ thực không còn ỷ-lại vào đâu được nữa. Nếu đã đắc-chí mà đi lại thất-chí mà về, mặt nào còn đối với thày tôi ; còn mong bao giờ cáo-vô-tội với cha tôi nữa. Nghĩ đến thế thì cái chí đi Nam-kỳ của tôi lại càng kiên lắm.

Một buổi tôi đang đi vơ vẩn bên sông, thấy một người thiếu-niên ngồi bên bờ nước mà câu cá. Tôi cũng ghé lại một bên mà xem. Người thiếu-niên thấy tôi là người ngoài Bắc, liền hỏi tông-tích. Tôi nói muốn đi tìm một người thân thích ở Sai-gòn, đi đường bộ không quen, muốn đi tìm một cái thuyền buôn mà đáp đi cho tiện.

Người thiếu-niên kia nói chính cha mình có thuyền đi buôn bán Nam-kỳ, thuyền còn đỗ bến chưa ra cửa. Và hứa nói cho tôi được nhờ thuyền làm khách đáp.

Khi vào thuyền, thấy một ông già gần 70 tuổi, thần-khí mạnh mẽ, tiếng nói như tiếng chuông. Mới trông biết là người có đảm-lực. Tôi chào ông và bầy tỏ tình-trạng. Ông cũng tỏ ra lòng hiếu-thiện và yêu tôi như yêu con. Ông nói chuyện đi bể vui lắm. ông lại sinh-nhai trên mặt bể. Ông còn muốn hoàn-du một vòng thế giới, rồi sẽ về mà phú-nhàn. Nghe lời ông nói rất mạnh-mẽ, khiến cho tôi quên cả cái thân luân-lạc. Vả lần này cũng là lần hẳng-hải thứ hai, tôi không còn sợ bể nữa.

Chờ nước triều lên, thuyền mới ra cửa, trông lại bóng đèn trong bến, lác-đác như sao hôm dần dần lặn hết ; gió tĩnh mây quang, vừng trăng trong vắt, một chiếc thuyền phơi-phới như ở giữa sông ngân, tôi tựa mui ma ngồi đang trông xa lặng-lẽ, ông già đến vỗ vai tôi vừa cười vừa nói : Thú bể có vui không ? Trăng thanh nước biếc kia đã trải biết bao nhiêu cuộc bể dâu, đã soi biết bao nhiêu người kim cổ. Thanh-niên như các anh nếu không ra mà nếm cái phong-vị giang-hồ, biết bao giờ cho ra người kinh-lịch.

Lại nghe ông nói mấy lời, bao nhiêu cái thói lười biếng tinh dụt-dè của tôi đã tiêu-ma đi đâu mất cả, gió sương dầy dạn, tinh-thần càng tươi.

Thuyền vừa chạy qua Quảng-Ngãi, gần đến Qui-nhân, ông già chỉ một dẫy núi xa xa mà nói : — Đó là nơi sản-xuất đạo-tặc. Xưa Tây-sơn cũng là nhất-thế chi-hùng, mà bạo-ngược tàn-ác vẫn không thoát khỏi cái khí-tập đạo-tặc. Trước thuyền buôn đi lại thường phải giới-bị, nay Nhà nước đã mở ra thương-cảng, có hỏa-thuyền đi lại mà đạo-tặc cũng chưa tiêu-duyệt đi cho hết.

Thuyền đương chính hướng nam mà chạy, trông bốn mặt trời liền với nước, chỉ năm ba con hải yến bay quanh cột buồm, ngửa mặt mà trông vô cùng khoái-sảng. Ông già chợt chỉ sau thuyền mà hỏi : « Có ai trông thấy cái bóng đèn đằng sau thuyền ta không ? » Tôi cũng theo tay chỉ mà trông, sa chừng 10 dặm có bóng lửa nhấp-nháy. Một người thủy-thủ nói : « Có khi mành nào từ Quảng-ngãi chạy sau thuyền ta. » — Ông già nhìn một lúc lâu rồi nói : « Bóng đèn càng rõ, dường như thuyền họ gia sức buồm mà theo cho kịp thuyền ta. Anh em phải dự-bị thuyền ta bẻ lái vào dé tây, thử xem thuyền họ phương hướng ra đàng nào thì biết. » Lúc nói thì cái bóng đèn đã đến gần chừng bầy tám dặm, trông rõ cả thuyền. Ông già biết chắc là thuyền cướp, giục người trong thuyền gia sức chèo chạy cho thoát hiểm. Vừa nói thì nghe *đoành, đoành* hai tiếng súng, chừng không có đạn, ấy là quân cướp gia oai bảo thuyền ta phải đứng lại. Cướp bể ngày nay cũng biết giữ công-pháp như hai bên địch-quốc, trước khi giao chiến có ra hiệu trước ; việc giết người lấy của cũng có văn-minh là thế.

Thuyền tôi bấy giờ sống chết ở trong giây phút, chủ thuyền cứ đốc thủy-thủ

chèo chạy, phó tính-mệnh cho trời, quyết không bỏ tay mà chịu chết. Thuyền cướp cũng không bắn nữa, chèo đuổi cũng diết như hai chiếc thuyền bơi đua trong đại-hải. Người trong thuyền ai cũng sợ mặt trước lắm hòn. Chủ thuyền nói : « Chết vì nước còn hơn chết vì giặc ». Ai ngờ nói chưa dất lời, *rầm* một tiếng, thuyền tôi va phải hòn thật.

Nước đã vào thuyền tình-trạng bối-rối trong thuyền không nỡ nói cho hết. Tôi theo Ông-Già cùng mấy người thủy thủ nhảy xuống một cái xuồng lớn cắt dây mà chạy. Tôi cũng lấy một cái mái chèo mà bơi, không nỡ nghảnh lại mà trông cái thuyền bị đắm; chỉ nghe tiếng người xào-xạc, biết là quân cướp cũng chèo xuồng lại mà cướp-lược hàng hóa.

Bấy giờ trăng đã xế tây, trời đã gần sáng xuồng cứ theo bóng trăng mà chèo, tiếng chèo reo-rắc, cảnh đêm mơ-màng, tưởng không phải là trong nhân-thế. Thương ông già là người từ-thiện, mà gặp sự tai-biến như thế. Ông còn gượng cười mà bảo tôi rằng : « Hôm nay chúng ta phù trầm trong bể có khác gì Kha-luân-bố lúc tìm Mỹ-châu. » Tôi cũng gượng cười gượng đáp, mà trong lòng thực lo : thuyền còn phiêu-lưu trong bể, trong thuyền không có một hột cơm một giọt nước, nửa ngày nữa không vào đến bờ, hẳn là đem nắm sương này chôn trong thương-hải.

Thế mà ông già vẫn tỏ ra y bạo, không hoảng-hốt, không âu-sầu, làm cho mọi người đều vững dạ, đều gia sức. Không bao-lâu mặt trời đã cao, bóng nắng đã mạnh, miệng đã khô, bụng đã đói, nếu trời không cứu cho mà gặp cái chài cá nào, trong nửa ngày nữa cũng phải chết đói chết khát.

Ông già vừa tựa cái thang xuồng thiu ngủ, một người thủy-thủ lấy tay chỉ phía bắc mà nói — Có cái bóng trắng như lá buồm. — Tôi mừng quá vỗ tay mà reo. Ông già kinh dạy. Tôi nói : « Trời thật giáng-phúc cho chúng ta, chúng tôi đã thấy có cái thuyền buồm chạy đến » Mỗi người buộc khăn lên mái chèo mà vẫy ; ít lâu có thuyền đến thật, liền cứu chúng tôi lên.

Ấy là thuyền buôn ở Nha-trang, chủ thuyền với ông già lại là người quen thuộc, cứu được chúng tôi lấy làm mừng rỡ lắm. Cho chúng tôi ăn uống rồi, hai ông trò chuyện, ông già nhân chỉ tôi mà nói : « Người thiếu-niên này là khách đáp thuyền tôi vào Sài-gòn mà thăm người thân-thích. Không may giữa đường gặp nạn, trong một ngày một đêm, đã chịu biết bao nhiêu là cái tử-sinh kinh-cụ. »

Chủ thuyền cũng là người cao nghĩa, hứa giúp cho tôi tiền lộ-phí để đi xe hỏa tự Nha-trang vào Sài gòn.

Lúc tôi từ giã ra đi, hai ông cùng ân-cần mãi, lòng cao-nghĩa ân tái-sinh của hai ông không bao giờ mà ra khỏi cái trí nhớ của tôi được. Tôi chỉ cầu xin đức Thượng-đế chứng hộ cho kẻ có lòng lành ; mà tôi cũng chắc lòng tôi là người trung-tín đến đâu cũng có kẻ cứu giúp.

Xe hỏa đến Sài-gòn, tôi tìm vào ngay hiệu Khánh-long, là một nhà khắc dấu. Vợ chồng Khánh-long cũng là người Bắc, thấy tôi thì mừng rỡ lắm. Nói có được điện-tín của người em, xin ra bến tàu đón khách, mà không được gặp. Tôi nhân thuật những sự đi đường hiểm trở, ai nghe cũng lấy làm sợ và lấy làm mừng.

Khánh-long vốn là người hiếu-khách, thấy tôi là người đồng quận lại tỏ ra lòng thân-yêu. Người Bắc-kỳ ở trong Nam cũng nhiều, gặp nhau ai cũng có cái quan-cảm tha-hương ngộ-cố. Người ta lúc ở trong một làng một sóm, thường gặp mặt mà không chào, khi ra tỉnh khác gặp người đồng-hương, mới biết tình thích-lý là chân-trọng ; lúc ở trong một trấn một thành có khi coi nhau như thù nghịch lúc ra xứ khác gặp người đồng-châu mới biết nghĩa đồng-bang là ý-vị.

Người Nam-kỳ tính hiếu thi-ca, tôi cũng lấy nghề thi-ca làm giới-thiệu mà

được thù-tạc với các quân-tử trong Lục-châu Nhất là những người di-dân cố-lão, còn yêu chuộng Hán-văn, t ông thấy con nhà cựu-học càng hoan-nghênh, càng ái tích. Từ bấy giờ, tôi càng sính về nghề mồm mép, hoặc làm thơ làm đối, hoặc làm chuyện làm vè, hoặc làm tờ rao hàng, hoặc làm văn đăng báo ; mối hàng càng đắt, thù-quĩ càng nhiều, trong bốn tháng trời, trừ chi-tiêu đi rồi, còn để ra được hơn 200 đồng bạc.

Phong hóa trong Lục-tỉnh dân-thuần tục-hậu, trừ những nơi thị-tỉnh nhiễm thói kiêu-ngoa, còn trong dân-gian đều ngỏ cửa song then, đi đường của rơi không có người nhặt ; đại-khái người nghèo khó thì ít, nhà giàu có thì nhiều, trong một làng rất nhỏ cũng có một vài cửa hàng khách. Gặp người nào cũng là xuân-phong hòa-khí, vào nhà nào cũng có vườn-rược lâu-đài. Người ta nói : « Đất Nam-Kỳ là đào-hoa-nguyên ở cõi Đông-dương » Cái thắng-du của tôi ngày nay thực đã bõ với những nỗi đi đường hiểm-trở.

Trong Nam-kỳ đất hoang còn nhiều, mà người làm có ít. Khí-hậu không hay có mưa to gió lớn, cầy cấy dễ mà thóc lúa nhiều. Lắm lạch nhiều sông, đường vận-tải cũng tiện ; cho nên nhà làm ruộng đều là nhà giầu. không như đất trung-châu Bắc kỳ. đất ít người nhiều, một người chân lấm tay bùn chỉ đủ ăn nửa năm, còn nửa năm phải kiếm thêm về nghề khác.

Tuy-nhiên, phàm người ta dễ kiếm ăn thì hay sinh ra lười biếng. có người đã nghi rằng người Nam-kỳ vì thế mà coi việc công thương là hèn hạ. Việc buôn bán thượng tự hàng vàng hàng lụa, hạ chí hàng cá hàng rau việc công nghệ lớn từ may áo đóng dầy, nhỏ chí đan rổ đan đá, đều là phó cho mấy người khách làm nô-lệ. Gần đây, ở Bắc kỳ đã có lắm người đến mà thích cánh chen vai với các chú như Tăng Khánh-Long, Đào-Huống-Mai, Nam-Tân Ba-Tiên, đều là tay đã dựng lá cờ đầu trong trường thương-chiến.

Từ bấy giờ, tôi chú-ý suy-cầu về việc thực-dân ở Nam-kỳ. Nghe nói Thái Kỳ-sinh là người Trung-hoa, có niên-kỷ, có kiến-thức, có kinh nghiệm, lưu-ngụ ở Nam-kỳ đã lâu, nay đã nên một nhà phú-hào. tôi tìm đến mà yết tiên-sinh. Tôi mới lược bầy ý-kiến về sự thực-nghiệp Nam-kỳ, tiên-sinh cũng vui lòng mà lược bàn các lẽ. Tiên-sinh nói : — Thực-nghiệp ở Nam-kỳ lấy khẩn hoang-điền là có lợi hơn hết. Việc khẩn ruộng đất tốt phải có nhiều điền-tốt, có điền-tốt tất phải có đủ cái ăn. Vậy lấy đâu cho nhiều điền-tốt ? lấy đâu cho đủ cái ăn ? Khi giải-quyết cho xong hai cái vấn-đề ấy, thì sự-nghiệp thực-dân của anh nghĩ đã được quá nửa. Còn sự mưu khẩu-phúc, cái lợi nhỡn-tiền. không phải là chí anh, cũng không phải là việc ngày nay chúng ta thảo-luận. Tôi xem người đã nhiều, mà coi anh cũng người có đại-chí, cũng có cơ đại-thành, anh hãy cố. »

Tôi lui về mà nghe những lời tiên-sinh đã nói : sự nghiệp thực dân không phải một người mà làm nổi, không phải một ngày mà làm xong. Âu là ta lộn ra Bắc-kỳ hợp-tập cho nhiều anh em đồng-chí, nhất là những bọn dở-dang về đường học-giới như tôi, mỗi người tập lấy một thủ-nghệ vào làm mướn trong Nam kỳ. Một người đi kiếm phải nuôi lấy hai người, gọi là người điền-tốt. Trước còn nuôi gà nuôi lợn, làm vườn trồng rau. Khi chiêu-mộ điền-tốt ở Bắc vào đã nhiều, ta bắt đầu vào việc làm ruộng. Trước còn lấy công mà nuôi nông, sau lại lấy nông mà nuôi công. Khi nông cộng đã đủ cho chúng tôi một cái tư-bản lớn lao, chúng tôi sẽ xoay về thương-nghiệp.

Bấy giờ chúng tôi mới lập một cái hội, gọi là « Nam-kỳ nông công thương tương-tế hội ». hội có chiêu cổ mỗi cổ là 10 đồng, cái 10 đồng bạc mà cha tôi đã cho tôi lúc ra đi, sẽ là phần đầu cổ đệ-nhất. Khi hội đã thành lập, xin cha tôi và thầy tôi làm « sáng-tạo hội-viên », xin hai ông thuyền-chủ làm « ân-trợ hội-viên ». Thái Kỳ-sinh và Khánh-Long cũng

xin vào làm « tán-thành hội-viên », mà tôi sẽ làm « Nam-kỳ nông công thương tương-tế hội-chủ » ! Trước tôi còn phác-họa thô-sơ, sau tôi cứ tường-tra tế-sát, lập thành điều-lệ, chép thành sách bản, gửi ra mà hỏi ý-kiến của thày tôi. Và xin thày tôi bảo lĩnh với cha tôi cho tôi được về tỉnh-thám.

Chẳng bao lâu được thơ cha tôi trả lời ; tôi mừng rỡ quá, tạm từ các quí-hữu trong Nam-kỳ mà đáp tàu ra ngoài Bắc.

NGUYỄN-BÁ-HỌC

VĂN-UYỂN

HỒNG-ĐỨC QUỐC-ÂM THI-TẬP

Hàn-Tín

I

Đông-chinh nguyên-súy nầy quyền sang,
Mình-phủ nhiều công ai dám đang.
Chiếc Áo Hán-vương bình sáu nước,
Bát cơm Siếu-mẫu trả nghìn vàng.
Cồ kỳ oai ấy còn rành-rạnh,
Cung điểu ca dâu khéo tỏ tường.
Chẳng thủa công danh hay xử được,
Kiệt khen tam-kiệt sánh Tiêu Trương,

II

Thấy rồng năm thức lẻn minh phủ,
Nanh vuốt ra tài mấy trượng-phu.
Mũi bác súc đồng Tề lạnh khói,
Ngọn cờ trỏ bắc Triệu bay lò.
Nghìn vàng mỏn-mỏn đền ân mụ,
Một gánh quần-quần trả nợ vua.
Hơn nữa năm hồ ai đã cấm,
Cung tàng lận-đận tiếc thay cho.

Tô-Vũ

I

Ăn chiên chẳng quản đói cùng no,
Mười tám thu dư ở đất Hồ.
Tai đắp chẳng nghe ngươi Vệ-luật,
Lòng bền nào khuất đứa Thiền-vu.
Sương nghiêm bao suề thông năm muộn,
Tuyết rảo càng cao nguyệt tháng thu.
Cờ sứ một mai về đến Hán,
Công cao vòi-vọi vẽ nên đồ.

II

Cờ sứ bền cầm một cán không,
Mười năm chẳng rãi tiết cô-trung.
Đất Hồ sương tuyết gầy mình hạc,
Đền Hán đêm ngày nhớ mặt rồng.
Bể Bắc xuân trầy dê chẳng đẻ,
Trời Nam thu thẳm nhạn khôn thông.
Cờ lân tượng vẽ còn rành-rạnh,
Tôi Hán nào ai dám ví cùng.

BẠCH-VÂN THI-TẬP (1)

(1530-1540)

(Cụ trạng TRỊNH NGUYỄN BỈNH-KHIÊM tiên-sinh)

XLV

Nước xuôi nước ngược sóng dâng triều,
Thuyền khách chơi thu nọ phải dìu.
Chèo vượt bóng trăng nhân lúc hứng,
Buồn rong ngọn gió mặc cơn xiêu.
Phơ-phơ đầu bạc ông câu cá,

(1) Tiếp theo số 31 (trang 64-65). – Tập này sao theo bản chữ nôm cũ, có bài chỉ có sáu câu có câu chỉ có sáu chữ, theo lối thơ lục-ngôn. Chữa chắc đã kê-cứu cho đích, vậy có chữ sai-lầm, xin các ngài bảo cho.

Lẻo-lẻo dòng xanh con mắt mèo.
Le vịt cùng ta như có ý,
Đến đâu thời cũng thấy đi theo.

XLVI

Xóm tự-nhiên liều một ngăn,
Quanh không thây thầy bụi hồng-trần,
Nghìn hàng cam quít con đòi cũ,
Mấy đứa ngư tiều lũ bạn thân.
Thấy nguyệt tròn thời kể tháng,
Nhìn hoa nở mới hay xuân.

XLVII

Ruộng thời hai khẩm đất con ong,
Thầy tớ ta cùng kéo bập-bong.
Lợi chớ cầu người thêm thẹn mặt,
Danh tuy rằng khó miễn yên lòng.
Thu êm cửa chúc hồng-vân phủ,
Xuân tỉnh đường hoa tử-cầm phong.
Hầu lấy của chi mà thết khách ?
Sẵn ao rau muống, ruộng đòng-đòng.

XLIX

Trời vốn cao-cao chẳng sót đâu,
Nào ai là chẳng đội trên đầu.
Lồng cửa động vân-yên cách,
Rãi lòng đầm nhật nguyệt thâu.
Chim thấy non cao chim đến đỗ,
Quạt hay thu đến quạt liền thâu.
Ngoài năm mươi tuổi thân vô-lụy,
Quạt gió đèn trăng nước một mầu.

L

Vàng bạc nào nhà vốn có phần,
Miễn cho cơm bữa được no ăn.
Lạnh thủa đông hằng nhờ bếp,
Nồng mùa hạ kẻo đắp chăn.
Ơn trời còn có bấy nhiêu nữa,
Che chở cho đành kẻ khó khăn.

LI

Giầu sang người đến đăm chiêu,
Bần tiện ai kẻ trọng yêu.
Của có ruộng nhà thêm quí giá,
Tiên không thất nghiệp hóa ra xiêu.
Nuôi con mới biết lòng cha mẹ,
Nên loạn thời thương đời Thuấn, Nghiêu
Gặp-gỡ khi nào dàn số-mệnh,
Làm chi đo-đắn tồn công nhiều.

HÁT NÓI

Cảnh thu

(Hát nói đại-thạch)

Bể thu lai-láng, nước nghiêng trời thấp-thoáng bóng chiều hôm ; mượn lân-la hoa cỏ đòi ngàn, non đoài đã chênh-chênh vừng nguyệt dãi. Nhác trông thấy thuyền ngư bỏ lái, lênh-đênh mặt nước cánh buồm giang. Cá đớp sao mặt nước thung-thăng, ve hót gió sườn non bát-ngát. Chiều thu nọ cỗi cây lác-đác, nồng-nã thay người hải-giác thiên-nhai [1], lửng-lơ mấy tiếng khoan-thai.

Trung-thu vọng-nguyệt

Trung-thu vân tĩnh xuất thương-hải 中秋雲淨出滄海 [2]. *bán dạ lộ hàn đương bích-thiên* 半夜露寒當碧天 [3]. Vẻ thanh soi biết mấy dặm nghìn, đâu là chẳng xem vừng nương bóng. *Kim dạ nguyệt minh nhân tận vọng* 今夜月明人盡望 [4], *bất tri thu tư tại thùy gia* 不知秋思在誰家 [5]. Sẵn giang-sơn hứng thích mặc lân-la, xin chớ để giăng thanh cười khách tục. *Tửu nhất hồ, cầm nhất trương, ca nhất khúc,* 酒一壺琴一

(1) Là góc bể bên trời.
(2) Tiết trung-thu mây tĩnh, trăng từ bể thương-hải mọc lên.
(3) Lúc nửa đêm sương móc lạnh, trăng đứng giữa trời sáng quắc.
(4) Đêm nay trăng sáng người ta ai cũng trông thấy cả.
(5) Không biết thu-tứ ở về nhà ai ?

張歌一曲 (1); *hứng nam lâu* nào ai có thua ai? Biết giăng hãy nói giăng chơi.

Đêm thu hội yến

I

Hốt-nhiên Kim-tịch hội 忽然今夕會 (2). *hoàn hữu cố-nhân đồng* 還有故人同 (3). Quyến giăng thanh với chén rượu nồng, đêm một khắc dẫu nghìn vàng chửa xứng. *Hiệu ca bất tận tôn tiền hứng* 浩歌不盡樽前興 (4). *cánh dục lăng tiêu thượng Quảng-hàn* 更欲凌霄上廣寒 (5). Lắng tai nghe bậc hát cung đàn. Phỏng tiếc khúc Nghê-thường nào đấy. Trong nguyệt-điệu những ai lên ấy? Khách tiên-nga yêu mặt thiếu-niên chăng? Hỏi cho giáp mặt chị giăng; ai lên ta hỏi chị giăng bao nhiêu cành quế, mấy từng thang mây? Nghê-thường khúc ấy xưa nay, phong-lưu đọ với dưới này hơn chăng?

II

Khách tử tự lai vô ước thúc 客子自來無約束 (6). *chủ-nhân huống phục thái phong-lưu* 主人況復太風流 (7). một chén thay con ngựa mảnh cừu, góp giời đất vào trong phường lạo-đảo. *Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu*, 勸君更盡一杯酒 (8). *Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu* 與爾同消萬古愁 (9). cảnh mua chung cả một giời thâu, tiếc bán khó để riêng người hứng-thích. Cùng đất lạ biết ai là chủ khách, lấy giăng thanh gió mát làm quen, một bầu phong-nguyệt vô-biên (10).

Di Tề

Xưa Vũ-vương đan-xa tứ-phạt (11), ông Di, Tề khấu mã (12) can rằng: Đạo làm tôi nghĩa ấy nên chăng? Hăn hở dẫn hiếu trung hai chữ. Đến vua Vũ nhung-y nhất cử (13) ông Di Tề xỉ bất thần Chu (14), nằm cao sơn trầm-thạch (15) ngày o-o, *từ Chu túc thái vi nhi thực* 辭周粟采薇而食 (16). danh tiết tỉ non cao vẳng-vặc, *lẫm lẫm hồ vạn cổ cương thường* 凜凜乎萬古綱常 (17). *Trí tai Cô-trúc quân vương* 智哉孤竹君王 (18)。

Hạng-Vũ

Hạng-Vũ xưa song mục trùng đồng (19), Khí-cái-thế (20) anh-hùng hẳn một. Trăm trận đánh là trăm trận được, phải sa cơ một trận cố-lăng; quân vua

---

(1) Một hồ rượu, một cây đàn, một khúc hát.

(2-3) Hốt-nhiên đêm nay họp nhau lại gặp cả cố-nhân.

(4-5) Hát hay cũng không hết được cái hứng ở trước chén rượu, lại muốn vượt mây lên cung Quảng-hàn (cung trăng).

(6) Khách khứa lại chơi không có câu thúc gì cả.

(7) Huống hồ chủ-nhân lại rất phong-lưu.

(8) Khuyên chàng hãy cạn một chén rượu này.

(9) Cùng người cùng tiêu mối sầu vạn-cổ.

(10) Nghĩa là trăng gió không biết ngần nào.

(11) Vua Vũ đem xe gỗ đàn đi đánh quân Trụ.

(12) Di Tề là hai con vua Cô-trúc. Khấu mã nghĩa là nắm khấu ngựa giằng lại.

(13) Vua Vũ mặc áo chiến đem quân đi đánh.

(14) Di Tề xấu hổ không chịu làm bày tôi nhà Chu

(15) Nghĩa là gối đá.

(16) Từ không ăn thóc nhà Chu, hái rau vi mà ăn

(17) Lẫm liệt tỏ đạo cương-thường muôn đời.

(18) Khôn thay con vua Cô-trúc.

(19) Hai con mắt có hai con ngươi.

(20) Khí phách hơn đời.

Hán vây bọc đôi ba lần, *thiên vong Vũ, Vũ vô khả nại* 天亡羽, 羽無可奈 (1). Thương thay nhẽ nàng Ngu-cơ hồng-nhan phận gải, đám can qua quyết chí theo chồng, cơn sa-cơ gặp bước đường cùng, Ngu ngao-ngán Vũ càng thêm bứt-rứt. Tiệc trong trướng ầm-ca (2) hồ rứt, cất chén quỳnh nước mắt chảy ngay; nước non kia hỡi nước non này!

VĂN THƠ CỦA ÔNG TÚ XƯƠNG

Chào bà Hai Đ

(Người cùng tỉnh)

I

Ai đấy ai ơi khéo hợm mình,
Giầu thì ai trọng khó ai khinh.
Thằng Ngô mất gánh say câu chuyện,
Bác lái nghiêng thoi mắc giọng tình.
Có khéo có khôn thì có của,
Càng giầu càng trẻ lại càng xinh.
Xuống chân lên mặt ta đây nhỉ,
Chẳng biết rằng: dơ-dáng dại-hình.

II

Nước buôn như chị muốn ăn người,
Chị thấy ai mua chị cũng cười.
Chiều khách quá hơn nhà thổ ế,
Đắt hàng như thể gánh tôm tươi.
Tiền hàng kẻ thiếu min thường đủ,
Giá gạo đâu năm đấy vẫn mười.
Thả quít nhiều anh mong mắm ngấu,
Lên rừng mà hỏi cái đười-ươi.

III

Mình hỡi, ơi mình, thực gớm ghê,
Lòng son vẫn giữ nước non thề.
Giở trò gái góa khi còn trẻ,
Ra sự chồng xa lúc chửa về.
Nói nói cười cười theo tục phố,
Khăn khăn áo áo giữ màu quê.
Nhện còn cứ việc vương tơ mãi,
Tớ chẳng như ai vẽ mặt hề.

Thán cùng

Người bảo ông cùng mãi,
Ông cùng đến thế thôi.
Vợ lăm-le ở vú,
Con tấp-tểnh đi bồi.
Ai trói voi bỏ dọ,
Đời nào lợn cạo ngòi.
Khách hỏi nhà ông đến,
Nhà ông đã bán rồi.

Tự tích

Vẫn thấy người ta vẫn bảo rằng;
Bảo rằng thằng Cuội ở cung Trăng.
Cõi đời cũng lắm nơi thanh-quí,
Chị Nguyệt dung chi đứa cục-cằn.
Mình tựa vào cây cây chó ỉa,
Chân thò xuống giếng giếng ai ăn.
Con người như thế mà như thế,
Như thế thời ra nghĩ cũng xằng.

Văn tế sống vợ

Con gái nhà dòng; lấy chồng kẻ chợ. Tiếng có mà không; gặp chăng hay chớ. Mặt nhẵn-nhụi, chân tay trắng-trẻo, ai dám chê rằng béo rằng gầy; người ung-dung, tính-hạnh khoan hòa, chỉ một mầu hay gàn hay dở. Đầu sông bãi bến, đua tài buôn chin bán mười; trong họ ngoài làng, vụng lẽ chào dơi nói thợ. Gần xa nô-nức, lắm gái nhiều trai; sớm tối khuyên răn,

(1) Giời làm mất Hạng-Vũ, Vũ không thể sao được.

(2) Vừa uống rượu vừa hát.

kẻ thày người tớ. Ông [1] tu-tác cửa cao nhà rộng, phó mặc tay dâu; anh [2] lăm-le bia đá bảng vàng, cho vui mặt vợ. Thế mà, mình bỏ mình đi, mình không chịu ở; chẳng nói chẳng rằng, không than không thở. Hay là mình thấy tớ nay Hàng Thao mai Phố Khách, mà bụng mình ghen; hay là mình thấy tớ sáng *Chàng-lạc* tối *Viễn-lai*, mà lòng mình sợ. Thôi thôi! chết quách yên mồ; sống càng nặng nợ. Chữ nhất-phẩm ơn vua vinh-tứ, ngày khác sẽ hay; duyên trăm năm ông nguyệt se tơ, kiếp này đã lỡ. Mình tu cho thành tiên thành phật, để dong chơi lãng-uyển bồng-hồ; tớ nuôi con có rể có dâu, cho lọn-vẹn đạo chồng công vợ.

Bài phú thi hỏng

Đau quá đòn thù; dát hơn lửa bỏng. Tủi bút tủi nghiên; hổ lều hổ chõng. Thế mới biết học tài thi phận, miệng đàn-bà con-trẻ nói vậy mà thiêng; chẳng ai ngờ chữ tốt văn hay, tài bảng-nhỡn thám-hoa lỡ ra cũng hỏng. Có một thày: Dốt chẳng dốt nào, nhưng hay chữ lõng; nghiện chè nghiện rượu, nghiện cả cao-lâu; hay hát hay chơi, hay nghề xuống lõng [3]. Thói nhà phiệt-duyệt, áo hàng tầu, khăn nhiễu, ô lục-soạn xanh; ra phố sênh-sang quần tố-nữ, tất tơ, giầy gia-định bóng. Tú vẻ bảng trong năm giáp-ngọ, nổi tiếng tài hoa; con nhà hào ở xã Vị-xuyên, ăn phần cảnh nọng. Rằng vua Thành-thái năm thứ mười hai, lại mở khoa thi ở làng Mỹ-trọng. Văn đệ tam viết đã xong rồi; bảng đệ tứ chưa ra còn ngóng. Thày chắc hẳn văn-chương có mực, lễ thánh xem giờ, vợ mừng thầm mũ áo đến tay, gặp người nói mộng. Ngày đi lễ phật, còn kỳ này kỳ nữa là xong; đêm dậy lạy trời qua mồng bốn mồng năm cho chóng. Nào ngờ! Bảng nhỏ thấy tên; ngoài hàm còn chống. Thi là thế, sự tình là thế, nói chuyện cùng ai; người một nơi, hồn phách một nơi, than thân với bóng. Ví phỏng chăm nghề nghiên bút, thì mười ba mười bảy đỗ những bao giờ; những là mải việc đua chơi, nào một tuổi một già, hóa ra lóng-đóng. Ý sẵn kẻ trông nom việc nước, vua chửa dụng hiền; hay không ai giậy giỗ đàn em, trời còn bắt hỏng.

Nam-định Vũ Xuân-Trác *sao-lục*

VỊNH SỬ

Trần Hưng-Đạo

Trời đất tinh-anh đúc thánh-hiền,
Ra tay kinh-tế nước nhà yên.
Sông Đằng hai lớp hồn Nam-Việt,
Ải Kiếp ba phen dấu Bắc-Nguyên.
Quyết tuốt gươm thần không giặc quỷ,
Cho hay cõi tục có người tiên.
Nghìn thu hách-hách còn sinh-khí,
Đá Tản dù phai miệng vẫn truyền.

Lê Lợi

Mờ-mịt Tràng-an cát bụi lầm,
Du mà sắt đá chẳng thương tâm.
Cõi Nam vừa mới thôi săn cáo,
Đất Bắc ngờ đâu lại rước hầm!
Cứu vớt sinh-linh trong một thuở,
Gian-lao tôi chúa khoảng mười năm.
Xưa nay hưng khó vong càng khó,
Dẳng-dặc cơ-đồ ngót bốn trăm.

(1) Ông là ông thân-sinh ra ông Tú.

(2) Anh là ông Tú.

(3) Lõng là thuyền lõng.

Gia-Long

Vì ai gây dựng việc tranh đua,
Thề với non sông rửa sạch thù.
Tắm đạn gội tên nào một thủa,
Nằm sương gối tuyết trải bao thu.
Thỏa lòng Nam-hải dân mong chúa,
Bó gối Tây-sơn giặc hệ tù.
Cơ-nghiệp tổ-tiên oanh-liệt thế,
Lẽ nào con cháu chẳng hay ru ?

Hai bà Trưng

Ghê thay hai vị nữ-anh-hùng,
Uống máu Tô-quan rửa giận chồng.
Trăm trận xông-pha em với chị,
Đôi đường hoàn-hảo tiết cùng trung.
Cõi Nam rạng vẻ ngôi vừa vững,
Bến Hát thương ôi vận đã cùng.
Thành bại cơ trời xưa vẫn thế,
Nỗi chìm đề giận với non sông.

TAO-ĐÀN

VỊNH CẢNH

Sa Bạch-nhạn

(Thuộc huyện Chí-linh)

Dước đèo sa trắng nổi nêu cồn,
Đá đỏ mây xanh núi dón hòn.
Xa ngắm hình như rồng quấn nước,
Gần nom dáng thực nhạn rờn non.
Trăng hoe chẳng khác sông Ngân vẽ,
Trời tỏ hình đong bể bạc vờn.
Mền nóng tuyết in da bạch-nhạn,
Bạc đầu nào biết cát già non.

Sông Sáu đầu

(Thuộc huyện Chí-linh)

Cảnh lạ trời đông nước sáu đầu,
Nửa trong nửa đục chảy liền nhau.
Bên xanh suối rót chưa cùng bể,
Mé đỏ sa trôi bởi tự Tầu.
Giăng lưới Khổng-lồ tường rộng hẹp,
Cắm đăng Trần-thánh thuộc nông sâu.
Gió thu mặt sóng gươm Như-nguyệt,
Trăng lượm buồm bay rượu một bầu.

Bến Á-long

(Thuộc Hòn-gay)

Tạo-hóa tay này cũng đã kiêu,
Đào ngay bốn bể đắp ba đèo.
Trăng soi mặt nước cây đòi lộn,
Gió thổi sườn non sóng muốn trèo.
Trai nghé thăm hoa chim tưởng ngọc,
Giông lên rủ sấm cá ngờ beo.
Thuyền ai đưa đón người nhân-trí.
Tiên tục đều say cảnh mĩ-miều.

Núi Kinh-chủ

(Thuộc phủ Kinh-môn)

Ngẫn-ngơ thung Kinh-chủ,
Ngấp-nghé chín lần trời.
Vang động chim anh-vũ,
Đầy khe nụ bạch-mai.
Cung sâu rồng lộ vú,
Hang vắng hổ nghiêng tai,
Choáng lộn non sông cũ,
Lô-nhô thấy bụt ngồi.

Núi Phượng-hoàng

(Thuộc huyện Chí-linh)

Loan chơi đỉnh Phượng-hoàng,
Non núi theo nhông-nhác.
Chín chín ngọn thênh-thang,
Xanh xanh đèo khuất-khúc.
Cheo-veo đá giọc ngang,
Thâm-thấp sao nhung-nhúc.
Bảng-lảng đất mười phương,
Chông-chênh trời một góc.

NGUYỄN HỮU-MINH

NHÂN-ĐỊNH QUỐC-ÂM THI VĂN-TẬP (1)

Bắc-kỳ đê vỡ
(năm Qui-sửu)

Lụt lội dân ta lại đến ngày,
Năm kia đê vỡ lại năm nay.
Sóng tràn tinh-đầu ngâm trời bắc,
Nước réo giang-hồ trận gió may.
Đắc-chí thuồng-luồng không ở cạn,
Thừa-cơ tôm tép muốn lên mây.
Ông già bà cả truyền ngôn lại,
Không thấy năm nao nước thế này.

Dân thôn hộ đường khuyến-nông

Triều khúc bên này cũng vỡ a ?
Bảo nhau ta cố giữ đồng ta.
Tre pheo cứ lũy ven làng chặt,
Cơm nước hò người có ruộng ra.
Muốn được mùa riêng đừng ngại tốn,
Đã từng năm lụt phải phòng xa.
Cái đường con trạch be cho tốt,
Không khéo của đồng quyến của nhà.

Bệnh hậu hỉ thuật

Nơi hạn năm ba chết những ai ?
Chết ai ai sống chín mười mươi ?
Sương e gió ngại vừa qua khỏi,
Rượu sớm cờ trưa lại thảnh-thơi.
Tiền bạc của chung tiêu vẫn rộng,
Văn-chương nghề hủ giọng còn tơi.
Còn non năm chục xuân này nữa,
Cái nợ phong-trần hãy chịu chơi.

Hạ Phượng-trì cựu Phó-tổng Bùi-thai sơ-độ

Tiệc bô cứ chiều lệ quan-bô,
Chẳng nợ gì ai chẳng bắt bò.
Bút thoáng mấy câu thơ dán vách,
Chén soàng một tiệc rượu nghiêng vò.
Hào-hoa đã trải mùi nhân-thế,
Thanh-quí càng cao giá lão-nho.
Mạch thọ kể từ khơi bến phượng,
Ba đời giáo-trạch thế mà to.

Hạ Phượng-trì cựu Chánh-tổng Bùi-thái sơ-độ

Gió trăng riêng chiếm cảnh non hồ,
Sơi quả đào tiên đã mấy mùa.
Tổng lý bắt tay mừng cụ cựu,
Dân làng họp mặt tụng quan bô.
Dưới thềm hớn-hở hoa mời chén,
Trên tiệc dung-dinh rượu kề vò.
Cống-hỉ mấy câu nôm cũ dịch,
Xin thêm chầu hát với con bò.

Tặng Đan-phượng Thụy-ứng lão-y Nguyễn-đài

Bảy mươi tư tuổi vẫn chưa già,
Giầu có ngày thêm trẻ mãi ra.
Cây cỏ khắp hòa tay thọ thế,
Nước non riêng nể mặt hào hoa.
Cho hay địa-lý ơn thầy khách,
Nhưng cũng thiên-tâm phúc chủ nhà.
Chuốc chén mừng câu xuân bất lão,
Sòn-sòn cụ vẫn sáu năm ba.

Tặng Thụy-ứng sĩ-nhân tân-cư

Bất luận cũ người hay mới ta,
Kèo tre vách phấn thế nhưng mà...
Gần đường bôn-tẩu nên dào trúc,
Rồi buổi *chi hồ* lại tưới hoa.
Thuốc chỉ chữa gầy kiêng chữa béo,
Hát hay ưa trẻ chẳng ưa già.
Chén rồi ghếch cẳng song mai ngủ,
Gác tia lầu son một tiếng khà.

Họa Thanh-liêm hưu-doãn Chính-kinh Nguyễn-đài tự thọ nguyên-vận

Chớ chi Nhà nước bảo ông già,
Yếm thắm ông còn liếc mắt qua.
Tiếc cái xuân xanh hơi nhạt-nhạt,
Mừng con tuổi đỏ mới cha-cha.

(1) Tiếp theo kỳ 81.

So hàng phủ huyện người như ngọc,
Ra đám kỷ-anh trẻ tựa hoa.
Mấy chị hầu non nghe cũng mắn,
Chúa xuân chỉ-chút một mình ta.

Tặng biểu-huynh Dương-đài

Chồng năm-nhăm tuổi vợ năm-ba.
Cỗi thọ song-song cặp đũa ngà.
Quả phúc vẻ quanh vòng tuế-nguyệt,
Bầu thiêng rầy khắp chốn phồn-hoa.
Đùn-đùn thánh độ giầu không biết,
Mơn-mởn ngày thêm trẻ mãi ra.
Đôi lúc vườn xuân vui chuốc chén,
Nhà hương ngát lựng bốn đời hoa.

Tú-tài LÊ ĐÌNH-HUYẾN

CÂU ĐỐI

Mừng quan Huấn-giáo

Rập-rìu vỗng lọng ba tên lính ;
Bẩm-báo văn-chương lũ học-trò.

Mừng quan Đốc-học

Rạng nền cửa tướng hương khoa-giáp;
Mở lối rừng nho quạt gió xuân.

Mừng quan Phủ-huyện

Đàn hạc vui mừng quan phụ-mẫu ;
Huyện thành lừng lẫy tiếng thanh-liêm.

Mừng quan Án thăng trật

Chín lần mưa móc ơn đầm-thấm ;
Một túi thanh-liêm ngục vắng tanh.

Mừng quan Tuần-phủ

Lộc nước rồi-rào trăm cỗ ngựa ;
Đèn trời soi-sét một phương dân.

Mừng quan Thượng-thư

Phong-lưu chúng-đỉnh nền khoa-giáp ;
Lừng-lẫy non sông tiếng trọng-thần.

Mừng quan võ

Ra tay thao-lược vây màn hổ;
Mở túi kinh-luân dẹp sóng kình.

Tặng người lính sở hầu.

Ra dinh nọ, vào dinh kia, ngựa xe rìu-rập ;
Nay quan này, mai quan khác, vỗng giá ngênh-ngang.

VŨ TÍCH-CỐNG

CA KHÚC

Bài ca đu tiên hội đền Hùng-vương

Đu tiên làm tròn có tám chỗ ngồi, người lên đánh dận chân đưa thời đu theo cái trục quay tròn tít đi. Hội đền Hùng-vương năm nay quan phủ Lâm-thao Hoàng Văn-Chỉnh *cắt hai bọn con đu: 8 cậu nam và 8 cô nữ, đều vào trạc mười sáu mười bảy tuổi, mặc áo cánh tiên giải bỏ ngũ-sắc rủ quanh mình, cùng nhau lên rún đu, đồng-thanh hát bài ca của ngài đặt ra. Tiếng thanh-tao hát trên cái đu trốc đồi cao gió đưa thật là êm-ái, người đi xem lắng tai nghe rất là ý-tứ, xem ra có vẻ cảm-hoài quốc-tổ. Hôm mồng mười tháng ba là ngày đại-tế, bỉ-nhân có lên xem, nhân lấy được bài ca xin đăng vào mục này để cung lãng-lãm.* — MÂN-CHÂU.

Này lên, này lên, này lên !
Lên non Cổ-tích, lên đền Hùng-Vương.
Đền này thờ tổ Nam-phang,
Qui-mô trước đã sửa sang rỡ ràng.

Ai ơi ! nhận lại cho tường,
Lối lên đền Thượng sẵn đường si-măng.
Lên cao chẳng khác đất bằng, [(1)
Đưa nhau lũ-lượt lên lăng cụ Hùng (2).
Cụ là một cụ tổ chung (3),
Trăm con ở khắp đường trong đường
Núi cao sông cũng còn dài, [ngoài.
Con con cháu cháu hăm-hai triệu người.
Đến đây xum họp vui cười,
Trước là lễ Tổ viếng nơi mộ-phần.
Sau là tài-tử giai-nhân,
Hàn-huyên kể nỗi kẻ gần người xa.
Gần xa ta cũng một nhà,
Cùng giòng Hồng-Lạc cùng là Viêm-bang
Chúc rằng : « phú quí thọ khang »
Tổ cho phúc-trạch bình-an muôn nhà
Lại mừng nhà nước Lang-sa,
Phú-cường giúp nước Nam ta vững bền !

HOÀNG VĂN-CHÍNH

Tri-phủ Lâm-thao (Phú-thọ)

ĐỀ-VỊNH CÁC BẬC HIỀN-NHÂN DANH-SĨ NƯỚC PHÁP

XIX-XX

Ông Bà Rô-lăng

Ông ROLAND DE LA PLATIÈRE *là một nhà chánh-trị Pháp, làm Nội-vụ Thượng-thư hồi Cách-mệnh năm 1792, thuộc về đảng* Girondins (*là đảng ôn-hòa*). *Ông cố cứu cho vua* LOUIS XVI *khỏi chết, nhưng không được, sau được tin bà vợ bị-nạn thời tự-tử. — Bà* ROLAND (*Tàu dịch là La-lan phu-nhân*), *chính tên là* MANON PHILIPON, *là một người trí cao dạ cả, có tài về mĩ-thuật văn-chương. Về đường chánh-trị thời bà theo cái cộng-hòa-chủ-nghĩa, có mở ở Paris một nhà « hội giao-tế »* (salon) *có tiếng, người đến họp phần nhiều là những nghị-viên về đảng* Girondins, *vì bà hết sức phản-đối đảng cách-mệnh quá-kích là đảng* Montagnards. *Cũng bởi vậy mà về sau đảng quá-kích ấy đắc-thế, bắt bà đem xử-tử. Khi bà bước chân lên « đoạn-đầu đài »* (échafaud), *có than một câu đời sau truyền-tụng lắm ; bà than rằng : « Tự-do ! ôi tự-do ! người đời giương danh người mà làm biết bao nhiêu tội ác ! » Bà có để lại mấy tập « Ký-ức lục »* (Mémoires) *hay lắm.*

1

Vì nghĩa quyên-sinh vững một lòng,
Ma-nông gái Pháp thực anh-hùng.
Một tay thu-xếp bao công việc,
Muôn thủa lưu-truyền với núi sông.
Trách kẻ hại-nhân không hợp-lý,
Thương ai báo-quốc chửa thành-công.
Văn-chương sự-nghiệp kiêm-toàn cả,
Vì nghĩa quyên-sinh vững một lòng.

2

Văn-chương chính-trị đã nên tài,
Hào-kiệt anh-thư đẹp lứa đôi.
Vì nước phải mưu gây đảng-khóa,
Thương nhau chi nỡ tiếc thân-đời.
Dẫu thời khủng-bố thời oan-nghiệt,
Mà buổi bình-đao buổi ngẫm-ngùi.
Sử sách còn đây chồng với vợ,
Một gương trung-nghĩa vạn đời soi.

THỊNH-CHÂU

(1) Trước đặt là « Kìa bà Nghĩa-lợi xây đường si-măng ».

(2) « Vua Hùng » nay đổi làm « Cụ Hùng ».

(3) « Người là » nay đổi làm « Cụ là ». — Những lời chua đây là theo ý chung phần nhiều người và cái tao-phách nhà văn mà xửa một đôi chữ, xin quan phủ miễn chấp cho. — BỒNG.

VĂN XUÔI

Họp đàn

Người ngày nay động gặp nhau chốn nào, ngồi với nhau ở đâu, tất nói rằng : *đồng-bào*. Cứ lấy suốt nước tự Bắc đến Nam, tự Nam đến Trung, ba kỳ một xứ, hai-lăm triệu người, cùng tương-tụ ở một góc trời, cùng yêu nhau như con một nhà một họ, coi nhau như con một mẹ một cha, một loạt lấy hai chữ « đồng-bào » mà đãi nhau, không ai là không yêu nhau, thời đàn nào là đàn chẳng họp được ! Thế mà bọn ta chỉ thấy những sự tan đàn mà chưa thấy được những sự họp đàn, thời cớ làm sao ?

Có người cho rằng : non sông gián-cách, thanh-khí khó thông, loài giống khác nhau, bờ cõi chưa mở, vậy cho nên mới ngăn-trở đến sự họp đàn vậy.

Nói thế đã ngờ rằng phải, song ta nghe bè-bạn ngày xưa một lời nói tin nhau, có khi-xa xôi nghe thấy nhau mắc hoạn-nạn thời xông-pha nghìn dặm đến giúp nhau cứu nhau ; mà trong nước có một kẻ nào mắc tai vạ trông thấy tấm lòng cũng áy-náy băn-khoăn, thế thời non sông nào làm cho gián-cách nổi, bờ-cõi sao làm cho chia rẽ được.

Ôi ! Cái sự họp đàn là cái nghĩa cốt-yếu trong cơ lập-quốc, những người tâm-huyết ai dám lìa đàn mà ra đứng ngoài làm kẻ « bàng-quan ». Pháp-ngạn có câu : « Họp đàn thời làm thế-lực » (*L'union, fait la force*) ; phong-dạo nước ta có câu : « *Một cây làm chẳng nên non, ba cây dụm lại nên hòn núi cao* » ; đã biết đến thế ai chẳng mong họp lấy đàn. Thế nhưng nay mang tụ lại một chỗ những phường chỉ chực tranh nhau, lấn nhau, cướp lấy của nhau, chẳng có ưa nhau, mà cứ giờ này ngày khác, thường thường kêu to gào lớn lên rằng : *phải họp đàn*, thời ta chắc thiên-vận-cổ không bao giờ họp được. Vả chăng nếu có họp được cái đàn ấy nữa cũng là họp lại để tùng-sẻo hại lẫn nhau mà thôi vậy.

***

Nhà « biện-luận » đã nói như thế, nhà « dẫn-dụ » lại bàn rằng : Người ta thường cho ta là một bàn cát vụn. Lời dẫn-dụ ấy nghe có chất chua-cay lắm vậy. Hẳn cho rằng cát là một thứ rời-rạc tan-tác không có dính lại được nhau. Đàn mà không thể họp được cũng như là không thể dính lại được. Ôi ! vật lấy sự dính lại mà tụ cùng nhau, tức như đàn lấy sự yêu nhau mà họp lại cùng nhau ; tất phải do sự yêu nhà mà ra yêu làng, yêu làng mà ra yêu tổng, yêu tổng mà ra yêu tỉnh, suy ra rộng đến suốt cả nước, thời cái đàn ấy họp lại càng đông, họp lại đông bao nhiêu thời lợi đến càng lớn bấy nhiêu, chắc còn lo chi đến sự tan đàn nữa. Nếu bằng đã chẳng biết yêu nhau, chỉ toàn là những sự ghen ghét lừa dối nhau cả, thời đàn còn do đâu mà họp được. Vả, chẳng những không thể không họp đàn được mà còn hại đàn nữa. Ở đời này kẻ đã làm hại đàn mà còn có thể gửi mình vào đàn được cũng là tuyệt khó, gửi mình trong đàn mà đàn đã bị hại thời mình còn vững sao được ?

***

Nay trong quãng này ta lập trụ mà nói, thời xét thấy ở đời mà không yêu nhau há có cớ gì ? Phần nhiều lấy sự giàu mà khinh nghèo, lấy sức mạnh mà đè yếu, giàu nghèo mạnh yếu đã cách xa nhau, cái thế bất-bình lại càng ngày càng lắm, thời đàn càng không thể họp lại được cùng nhau ! Ấy là

không hợp lẽ lập-quốc vậy. Ôi ! con người ta không cứ giàu hay nghèo, mạnh hay yếu, không ai mà có thể lìa đàn mà mưu-sinh được. Nếu khiến một người tất cầy rồi mới ăn, dệt rồi mới mặc, nung rồi mới có đồ dùng, làm rồi mới có nhà ở, thời cùng sức một ngày cũng không được đủ ; thế cho nên phải nương tựa vào đàn. Đàn ấy là để nuôi cho ta. Đem phá hại đàn là tự phá hại thân mình vậy. Nếu chẳng thương kẻ nghèo người yếu, thời nghèo càng ngày càng nghèo thêm, yếu càng ngày càng yếu thêm, trong đàn tất không giữ được yên, thời thân mình sao giữ nổi vững vàng được. Cho nên con người ta không yêu đàn tức là không yêu mình đó.

***

Trên ba quãng lấy ba thề mà diễn cái nghĩa rằng : có biết yêu đàn thời mới hợp được đàn. Lời nói ấy chừng như vu-khoát ; nay ta tới trong một đàn nhỏ, một lẽ gần, mà bàn đến thời mới mong có ích ở đương-thời. Người đời ai cũng có cái lòng lợi-kỷ, song tiếc cho cái lòng ấy không biết mang khoáng-trương nó ra cho được lợi thêm, chỉ biết cái lợi nho-nhỏ trước mắt mà không tính cái lợi to-lớn tương-lai ; chỉ biết ảnh-ỏi nhau ở sự tẻo-teo mà không tưởng cái danh-lợi vĩnh-viễn. Trong một hội buôn, kẻ tây người vị ; trong một sở làm, kẻ phải người chăng ; trong một xã-thôn, ba bè bảy búi ; cũng chỉ là thích một cái mẽ bằng lòng để sướng lòng riêng một phút, cho nên câu tức khí dễ nên thù-hằn, một truyện chơi đùa dễ gây khích bác, không có bao giờ là điều-hòa được lại mà cùng nhau vãng-lai thân-mật, kết mối cảm-tình, cho cái cuộc đời được nên thú-vị. Sách có chữ rằng : « Yêu người ta thời tức là làm lợi cho mình », bởi vì mình có yêu người thời người mới yêu mình, trăm người biết yêu người thời có trăm người yêu lại người yêu mình, người nọ yêu người kia, do giáp mà đến ất, nhân ngựa mà đến dê, cùng yêu lẫn nhau tức là nên một cái đàn to lớn, có cái sung-sướng vô-cùng. Bởi vì đã yêu nhau thời thân với nhau, đã thân với nhau thời khi vui vui chung, khi buồn buồn chung, cứu giúp nhau trong cơn hoạn-nạn, bênh-vực nhau trong lúc khốn-cùng, mừng rỡ nhau trong cơn vinh-hiển, cái lợi do đó mà sinh ra, chẳng ai tranh dành nhau, nhất-khái nhường nhịn nhau, lượng tình cho nhau, thời còn bao giờ đến nỗi tan đàn nát nước mà còn chi những sự hậm-hực tức-tối xẳng nữa. Bằng không thế, chấp nhau từng tơ-hào, lên cân từng mảnh rẻ, chỉ là một cách cầm đá ném ngược đá tất quay lại trán mà thôi. Ai ơi, họp đàn chỉ ở lòng rộng, chớ nên đeo dạ nhỏ-nhen mà làm cho xã-hội không có còn lạc-thú gì nữa.

MÀN-CHÂU

Sự tin

Ông Khổng-tử nói rằng : « Dân mà không có sự tin thời không sao đứng vững được ». Lại có câu : « Người ta mà không có sự tin thời không còn có thể nào khả được ». Hai lời nói đó thực là hai cái kim chỉ-nam cho người ta đối với sự tin.

Này, trong ngũ-luân nghĩa lớn buộc rằng : « Bè bạn chơi với nhau phải có sự tin ». Người ta sống ở trên đời thời phải đi lại giao-thiệp với nhau, bè bạn ấy là người ở trong xã-hội, sự tin ấy là cái cơ-quan của sự đi lại giao-thiệp. Cái cơ-quan ấy rất là to lớn lắm thay !

Vì sao ? Bởi không giữ được sự tin thời thành ra lọc-lừa xiên-sỏ, mười voi chẳng được bát sáo, muôn sự

đều như ngói tan, cái tinh-thần của xã-hội rời-rạc tản-tác không còn có thể nào vớt-vát lại được. Thế-giới, than ôi ! thành một cái rừng ngờ-vực đảo-điên, người ta có lẽ xấu-xa hơn vật-loại.

Ngồi nghĩ đến quốc-dân mình, bố rồng mẹ tiên, con nòi giống cũ, thông-minh đã sẵn, khôn ngoan có thừa, thế mà bị người ngoài chê-bai rất tệ về nỗi không có sự tin. Thương thay ! nghe người ta mắng rằng : « chém-dối như người An-nam », thời bởi tại đâu mà hóa thế ? Tiếng xấu kia lỗi tự ai ra ? Xét đi xét lại thật ở như mình tất cả.

Cực thay ! chốn nhà quê, nơi kẻ chợ, tự trưởng quan-lại đến đám ngu-manh, chín-mươi-chín người khinh thường cái sự tin mới được một người nói ra biết trọng lời hứa. Quen thân mất nết đi rồi, lâu ngày thành như thói-tục, cho đến đỗi lấy cái thành-thực làm của vất đi, coi cái hiểm-trá làm điều tài-cán, khác chi cái họ nhà tôm ! Đội giầy lên đầu, quấn khăn xuống gót, lấy thế làm hay thời chỉ có lũ giồ ! Chịu tiếng người khinh cũng không oan uổng.

Song khiến cho người ta không chịu được là không có sự tin, mà trong ấy thời có hai cái tật lớn nhất.

Một là làm xằng. Người trong nước đã hèn ở sự mưu-sinh lại cứ hay làm bậy, thói xấu sỏ-xiên lật-lọng, điên-đảo lường-gạt, khởi ra tứ-tung, chẳng nơi nào là chẳng có, không lúc nào là lúc không, mà không lấy làm quái-gở. Ghê làm sao ! Ghê là ghê cái đứa làm xằng vậy. Nó đã làm xằng thời tất có một ngày bại-lộ, danh-giá nó đổ xuống đất, cái đó thời có ai tiếc đến chi. Chỉ đau rằng vì nó bậy mà gây nên người tử-tế phải ngờ-vực nhau, thành ra có một việc nó càn mà hỏng nghìn việc khác tốt, xã-hội nát-nớt ở những phường như thế mà ra !

Hai là lỗi ước. Những chương-trình, phép-tắc đặt ra chỉ trang-hoàng cho đẹp mắt vui tai, thực theo đúng mười người không được một. Mua bán, giao-dịch, vay mượn, hội-hè, đã lập nên điều-lệ, khế-khoán mực chưa khô, ước đã đi đời. Ngay cái khi định làm, miệng da-diết, bụng đã chứa sẵn sự lảng ra vành ngoài. Bàn nói thời như phượng như rồng, rút lại chỉ thùng không lớn tiếng. Thuê nhà bán ruộng đã có văn-tự giao-kéo, cũng còn toan giở mặt. Vay công lĩnh nợ hẹn một, mười chẳng trả xong. Đến như đối-diện giao-ngôn, lời ước ấy mới càng là hão, chẳng khác nói nhảm nghe qua, coi chỉ là một câu theo gió thoảng.

Nói đến đây lại xem đến người các nước văn-minh, ngay như người Đại-Pháp, nhỏ-mọn như yến-tiệc thăm-hỏi, hò-hẹn chơi-bời, cũng đúng mực không sai một tí. Còn những sự giao-thiệp vãng-lai thời coi rất là cẩn-trọng, giấy má rõ thật kỹ-càng. Như thế mà thấy người phương Đông này ăn ở lật-lượng, kẻ trây-lười lỗi ước vô-vàn, người trôi-chảy đúng hẹn hiếm có, thời trách nào là chẳng bỉ chẳng khinh ?

Ối thôi ! đầu xao bình đã vỡ rồi, nói lắm càng thêm ngao-ngán, đêm thu tựa án, chợt nghĩ đến mà mượn ngọn bút ai-thời, thảo một thiên đoản-luận, để mưu cùng bạn thiếu-niên. Anh em ơi, bọn ta đầu còn xanh, tuổi còn trẻ, là cái tương-lai của nước nhà, sinh ở cái buổi đời hiểm-trá này, chẳng những rằng phải nên phòng-bị rất nghiêm rất cẩn mà cốt sao bảo nhau đừng có để cho người đời không tin mình. Nghĩa là ghi lấy sự tin làm bùa hộ-thân : đã hẹn với ai cái gì phải cho đúng, đã hứa với người việc chi phải cho y. Hễ mà kẻ nào hay sai lời trái ước thời lìa bỏ không chơi, khiến cho những phường chém-chỉnh nó không còn có một chỗ dung-thân trong xã-hội. Như thế thời rửa được tiếng chê của

người ta, mà phá tan được cái màng nghi-hoặc nhau ở trong xã-hội, để cùng nhau có « tín-nghĩa » mà làm công nợ việc kia, ích này lợi khác, chen vai ưu-thắng với đời.

HỘI-NHÂN

TẠP-TRỞ

Một bậc thiếu-niên anh-hùng nước Nam : Quan-ba Đỗ-Hữu-Vị. —Ngày thứ tư 12 tháng 5 năm 1920, ở Sài-gòn có làm lễ an-táng quan ba Đỗ-hữu Vị rất trọng-thể. Nguyên quan ba sang tùng-chinh bên Đại-Pháp, bị tử-trận vẫn chôn ở quí-quốc, nay nhân anh ngài là quan năm Đỗ-hữu Chẩn về nước, mới đem di-hài về để an-táng ở đất nước nhà. Đi tàu *Porthos*, về tới Sài-gòn ngày 11 tháng 5, hôm sau cất-đám theo lễ nhà quân, cả Chánh-phủ Nam-kỳ, vừa văn-quan, vừa võ-quan, cùng với hai dân Pháp Việt, tham-dự một cách rất trịnh-trọng, thật cổ-lai chưa bao giờ cất-đám một người Nam-Việt mà được trọng-thể như vậy. Trước khi hạ-huyệt có ba bài diễn-thuyết của các quan đọc viếng : một bài của Quan-ba Guyomar, là chánh sở Tàu-bay Nam-kỳ, một bài của quan Nguyên-soái Hirtzman, tổng-thống quân-vụ Nam-kỳ và một bài của quan Thống-đốc Le Gallen, đều là ngợi khen cái sự-nghiệp anh-hùng của quan ba Đỗ-hữu Vị, và bày-tỏ cái tình thân-mật của người hai nước, lấy quan ba làm đại-biểu chung.

Nhân tóm-lược sự-trạng của quan ba Đỗ-hữu Vị như sau này cho quốc-dân đều biết. Ông sinh năm 1884 ở Chợ-lớn (Nam-kỳ). Bắt đầu học ở trường thầy giòng Taberd, lên tám tuổi thời sang Pháp. Trước học ở trường Janson de Sailly, sau vào trường Sainte Barbe ; rồi vào học trường quan võ Saint-Cyr. Năm 1906, tốt-nghiệp ở Saint-Cyr ra được chức đội, vào tùng-sự trong quân « Lê-dương » (*Légion étrangère*). Chí-khí đương hăng-hái, chỉ mong được đi đánh giặc phương xa, bèn xin ra đóng ở phía nam đất Algérie là nơi thường có giặc thổ-dân nổi loạn. Đóng bốn năm ở đấy thời vừa có tin Đại-Pháp để quân sang chinh-phục đất Maroc, bèn xin đi theo đội quân quan năm Brulard là đội quân đổ tàu ở bến Casablanca trước nhất. Nhưng người can-đảm lạ-lùng, đánh giặc trên bộ chưa phỉ-chí. Bấy giờ nghề tàu bay mới mở-mang và tàu bay mới bắt đầu đem dụng về việc quân. Ông bèn xin vào chân cưỡi tàu bay, và chính ông là người bay tàu bay ở đất Maroc trước nhất. Trong khi quân bộ đánh dưới đất, thời ông ở trên không phải làm tiên-phong đi dò thám những nơi xa, đem tin-tức ở chỗ này sang chỗ khác ; lập được công-trạng to, Nhà nước trọng thưởng ; quan Nguyên-soái Lyautey thống-đốc quân-vụ ở Maroc, hồi trước làm quan ở Đông-Pháp ta đã có biết quan Cố Tổng-đốc Đỗ là thân-phụ của quan ba, nên lại có bụng yêu-mến ông lắm. Việc Maroc đã yên, ông trở về Pháp, vẫn theo nghề tàu bay, cùng với ông Ménard là một tay chuyên-môn nghề ấy, bay vòng quanh nước Đại-Pháp.

Khi quan Albert Sarraut sang lĩnh chức Toàn-quyền Đông-Pháp, thời ngài phái ông sang bên này để thí-nghiệm về sự dùng « tàu lướt » (*hydro-glisseurs*) trên mặt nước ở các ngọn sông Nam-kỳ và Cao-man. Đến khi quan Sarraut về Pháp, thời quan Phó Toàn-quyền Van Vollenhoven dùng ông làm chức quan võ hầu. Hồi bấy giờ bên Âu-châu mới xảy ra việc chiến-tranh ; tuy được làm chức trọng và được ở gần nhà, mà ông vẫn chỉ mong-mỏi được sang tùng-chinh bên Đại-Pháp.

Về đến Pháp thời ông lại sung vào việc tàu bay, phải ra đánh ở trận Flandres, sau lại ra trận Champagne, rồi sang châu Alsace, có dự vào việc đánh thành Mulhouse. Trong sáu tháng, sáu lần đương đêm ông bay tàu sang ném trái-phá vào nước Đức. Công-lao hiển-hách như thế, bèn được thăng chức quan ba, thưởng-thụ Bắc-đẩu bội-tinh và Chiến-thứ-bội-tinh.

Sau quan trên sai ông phải thử một thứ máy mới hiệu Gaudron, có đặt súng cối xay, mới đem ra dùng về việc quân. Đương khi bay cao tới 300 thước thời máy rơi xuống vỡ tan-tành, ông bị xương đầu và xương hàm nghiến nát như tương, nằm lăn ra trên đường bất-tỉnh nhân-sự, may gặp một bà phu-nhân ở Paris đi ô-tô qua đấy mới vực ông dậy mà đem về kinh-đô, chữa trong mấy tháng trời mới khỏi, phải làm cái hàm giả thay vào hàm cũ. Khi đã khỏi rồi, Chánh-phủ nghĩ công-lao ông đối với Đại-Pháp đã nhiều, định cho phép ông về bản quốc nghỉ. Nhưng ông nói rằng ông là con nhà Nam-Việt

được cái vinh-dự làm con nuôi qui-quốc, cái nợ với qui-quốc nặng hơn người khác, xin ở lại Đại-Pháp để đi tùng-chinh, và xin cho sáp-nhập vào bộ-binh. Chánh-phủ chiều lòng phải cho vậy. Một bữa đốc quân vào đánh làng Dompierre, bị quân Đức bắn liền mười phát đạn bị thương chết. Cả quân-lính trong cơ thương khóc, tiếc người anh-hùng bị nạn, nhưng nhờ sự hi-sinh đó mà quân Pháp lấy lại được làng Dompierre.

Quân-lính tạm táng ông ở cạnh làng ấy, tới nay anh ông là quan năm Chẩn mới đem di-hài về cố-quốc.

Xét quan ba Đỗ-hữu Vị là con út quan Cố Tổng-đốc Chợ-lớn Đỗ-hữu Phương, cả nhà đều có công to với Chánh-phủ Đại-Pháp ở Nam-kỳ. Ông là em quan năm Đỗ-hữu Chẩn, hồi chiến-tranh cũng có võ-công to, nay mới về nước, em quan tòa-án Đỗ-hữu Trí, quan kho-bạc Đỗ-hữu Thịnh, và là em rể quan Tổng-đốc Hà-đông Hoàng Trọng-Phu, bà tổng-đốc là chị ruột ô. g. Một nhà vẻ-vang thay !

* * *

Bình-phẩm về bài kịch « Ai giết người » — Mới rồi rạp tuồng Quảng-lạc ở thành-phố Hà-nội có diễn bài kịch *Ai giết người* là một bài đoản-thiên tiểu-thuyết của ông Mân-Châu làm ra đăng trong số 28 của bản-chí. Bài tiểu-thuyết ấy ông Mân-Châu muốn tả ra sự éo-le trong đạo vợ chồng vì tham-tài mà bội-nghĩa, cải dao oan-nghiệt giữt giây cương-thường, mà có lẽ cương-thường đến ngày nay cũng đã suy-đồi lắm rồi; còn sau nữa nào là bạn vì nghĩa mà trừ quân vô-loại, nào là dì-ghẻ vì lời hẹn với kẻ vong-nhân mà yêu mến con chồng, nào là anh em tuy khác máu mẹ bọc-nhau mà hết tình ruột thịt. Than ôi ! mạng oan chưa rửa, án oan sờ-sờ, mà bị mùi đồng tanh của chú khách-thương, roi vọt của phường ngục-lại, nó làm cho trái công-lý, phá luật-lệ, vùi-dập nhân-đạo biết dường nào ! Sự-tích có hay không, ta không thể biết, nhưng mà ta tưởng những nhân-tình thế-cố trong xã-hội này, thời bài ấy cũng là sự mường-tượng gần với sự thật. Tôi lấy làm một ngày mua vui của rạp Quảng-lạc diễn bài kịch ấy cũng có ích cho xã-hội vậy.

Hôm ấy thời cách diễn cuối cùng cũng có nhiều đoạn bức-chân thật, nên khen cho qui-hội đã dụng công mà xếp đặt. Nhưng mà có một đôi đoạn tưởng nên trách-bị, nghĩa là muốn qui-hội có diễn lần khác, xét có đáng, thời nên cải-cách lại cho hoàn-toàn vậy.

Trước nhất là cái cảnh gia-đình của vợ chồng Dương Đức-Nghĩa ; phần ấy là phần cốt-yếu, vì là nhân cảnh gia-đình mà gây nên cái sự bi-kịch ấy. Cảnh gia-đình nên thế nào ? Trong tiểu-thuyết không nói rõ, nhưng cứ theo bài kịch đã diễn hôm nọ, thì chồng xấu mà vợ đẹp, chồng chè rượu mà vợ buôn bán. Những người trong ngọc trắng ngà kia, phải tần-tảo về việc bán buôn, để cung-phụng cho một cậu đồ say, dài lưng tốn áo, không biết đỡ vớt việc nhà với vợ ; tuy người vợ là người dâm-ác, đáng có tội với cương-thường luân-lý thật, nhưng mà anh chồng vô-ích như thế, thời cái tai-vạ ấy cũng là tự mình rước lấy, khiến cho người xem cũng không có động lòng thương được. Đã không thương anh đồ kia thời sự ghét đối với chị đàn-bà hoang-dâm ấy giảm đi mấy phần, mà điều khuyến-giới thành ra kém công-hiệu.

Ngày nay những anh đồ nhẻ ấy đã thành ra một vật hiếm có, không cần phải tả cảnh-tượng ấy mà khuyến-giới ai bây giờ. Ta nên tả một cảnh gia-đình cho thích-hợp với cái tai-vạ của gia-đình trong xã-hội ngày nay. Anh đồ ấy con ông Cử, ắt là người đã tiêm-nhiễm về lối « cựu-giáo-dục chi gia-đình », muốn bắt vợ phải thắt lưng buộc bụng, áo vải quần sồi, tiền không có một đồng cầm tay, tư-trang không có một đồ xứng mắt, gặp khi có bầu bạn đến, thời chỉ lo phần tương-tửu, chẳng được như ai địch-thể với chồng ở trước mặt người quen biết mà được hởi dạ về sự nam-nữ bình-quyền. Nhất là trong khi có tang mẹ, mấy năm đằng-đẵng giữ một phần tang-chế, nặng chữ hiếu mà nhẹ chữ tình. Còn người vợ thời đã có hơi cảm-xúc về sự « tân-thời-đại chi tập-thượng », ngày ngày chỉ muốn tranh đua với chị em bạn-hữu về sự trang-sức, cách ăn chơi, tổ-tôm cũng biết, tài-bàn cũng hay, mà không khi nào được như thím nọ me kia mà hứng cảnh tự-do cho được chán-chường như chúng bạn, thường có khi vợ nói với chồng rằng: « Tôi thấy cảnh vợ chồng của thiên-hạ mà thèm », thì chồng đã quát mắng, mà nhất là trong khi tang-chế, phòng không lạnh lẽo, chỉ nghe rỉu-rít tiếng khóc hai mươi bảy tháng, mà vắng tai những tiếng cười trăm năm.

Tính-cách của hai người khác nhau như thế, chồng mực-thước mà vợ hoang-toàng, chồng ưa cũ mà vợ ưa mới, than ôi! cái « mới » là một quang-cảnh rất đẹp rất hay, mà đối với phường nữ-nhân vô-học thời nó thành là một cái vạ cho gia-đình vậy.

Tôi tưởng cái liều thuốc độc của chị đàn-bà dâm-ác kia là bởi đấy mà sinh ra, chớ không phải vì sự chồng xấu và chồng say rượu, thế thời tưởng cũng nên tả những sự éo-le kheo-khắc trong cảnh gia-đình đương lúc thay cũ đổi mới này để cảnh-giới cho những các chị tự-do dở, thể-diện xằng, cho tuyệt cái mầm độc ấy vậy.

Còn về cảnh chàng Dương Đức-Nghĩa bị giết và con Lý Thị-Lợi với tên khách Minh-hương sắm-soạn đi chùa Hương, thời cách sắp-đặt chưa được thanh-sở cho lắm. Tôi tưởng khi Lý Thị-Lợi đã đồng-tình với tên khách Minh-hương mà giết chồng nó rồi, thời nên buông màn xuống một chút, không cần phải tả đến quan-tài của người chết làm gì, đến khi kéo màn lên, thời việc nhà vừa lúc thong-dong, vợ chồng chúng nó cùng nhau kể những sự lấy tiền-tài làm lấp cái án oan ấy cũng được.

Nói tóm lại thì cách diễn của nhà nghề mà đã cải-lương được sự ăn-mặc sự nói-lối như là các vai trong cảnh sau cùng, cũng đáng khen cho là tiến-bộ thật, nhưng mà cách sắp-đặt còn chưa ổn-thỏa lắm, tả cảnh gia-đình của anh đồ say thì e lạc-đề; chú khách mới đến nhân-tình mà cùng trong một hôm ấy đã xui được người vợ giết chồng, thời quá ư đường-đột; từ khi giết người cho đến khi sắm sửa đi chùa chung trong một cảnh, thời thật là không thanh-sở. Vậy nên tôi xin lấy ý-kiến riêng mà bình-phẩm, vì là tôi thấy một bài kịch có quan-thiết với xã-hội hiện-thời mà muốn cho được hoàn-toàn vậy, không biết trong ý các ngài lấy làm thế nào?

NGUYỄN BÁ-TRÁC.

*
* *

Trường Thể-dục.— Mới rồi tôi đi xem Trường Thể-dục của hội ông Nguyễn Quí-Toản, dựng ra ở Giốc Hàng-gà, để dạy học-trò thao-luyện. Trường có một cái nhà, trong nhà chia làm nhiều phòng, phòng để sách và các ảnh thể-thao, phòng thày thuốc khám-nghiệm và bóp thuốc, phòng để quần-áo của học trò khi ra tập, xếp-đặt rất có trật-tự. Trước nhà có khu đất rộng, nơi tập đi, nơi tập chạy, nơi tập đấm, nơi tập leo, nơi tập nhảy qua hố, nhảy qua giây và qua cây gỗ, đại-khái những phương-pháp làm cho thân-thể cường-kiện, đều đủ hết cả.

Ông Nguyễn Quí-Toản nói: « Tôi trước yếu lắm, nhờ tập thể-thao khi sang học bên Pháp, trở lên mạnh-khỏe, vậy tôi muốn đem những sự tôi đã thực-nghiệm có hiệu-quả tốt ấy giảng cho đồng-bào. » Ông yêu đồng-bào biết chừng nào! Đồng-bào ta cũng phải thú thực rằng sức-vóc của ta, kém người các nước nhiều, mà sự đó chưa chắc phải huyết-thống lưu-truyền, thử xem những khí-dụng của tiền-nhân chúng ta còn sót cái gì đến nay, chúng ta hết sức mang không nổi, thời đủ chứng tiên-tổ chúng ta to lớn mạnh-mẽ, không bé nhỏ yếu-đuối như chúng ta bây giờ; mà xét nguyên-nhân đến nỗi thế, một là bởi học-vấn: sạ ngự, thư, số, là phép học đời cổ, nhưng ta chỉ khoanh tròn hai chân mà ngồi, gật-gù ngâm-nga cả ngày, khiến thân-thể không thư-sướng, tinh-thần không kiện-vượng; hai là bởi hiếu-thượng: như nghiện thuốc, đánh bài, hát cô đầu, chơi đàn sáo, cách tiêu-khiển lười biếng, và cái soang-điệu ủy-mị nó cảm-hóa ta, làm ta mất phong-độ hùng-vũ; nếu quốc-dân ta mà cứ mãi thế, chắc sau truyền giống, người càng bé thêm, mà càng yếu thêm. May được Quí-quốc bảo-hộ, đem học-thuật Thái-Tây sang khai-hóa ta, mà thể-dục thành một công-khóa trong các trường học, tiếc thay cái công-khóa hiện-hành đó, hình như một cách thể-thao du-hí, chỉ đủ cho trẻ-con vận-động, mà chưa phải phép dạy học trò lớn, nay có trường thể-dục của hội ông Toản, để bổ cái khuyết-điểm ấy, thực là đáng mừng.

Quốc-dân ta nên biết đương thời-đại bế-quan tỏa-cảng, nước ta chưa giao-thiệp với nước ngoài, thời sức mạnh chưa biểu-hiện một cái tang-chứng rất quan-hệ, mà nay giao-thông cùng thế-giới, nào là thương-mại, nào là công-nghệ, nào là nông-nghiệp, đều phải cạnh-tranh, tranh mà thắng-lợi, thời nòi giống được sinh-tồn, tranh mà thất-bại, thời nòi-giống bị suy-đốn. Đồng-bào đành chịu suy-đốn, thời chả cần học thể-thao, nếu muốn sinh-tồn, thời không học không được, vì thể-thao giúp thân-thể được phát-đạt, gân-cốt được kiên-cố, động-tác được linh-mẫn, tinh-chất được nhẫn-nại,

mới đủ sức mà cạnh-tranh với đời. Duy mấy mươi triệu thiếu-niên nước ta, mà chỉ có một trường thể-dục của hội, mỗi khi luyện-tập, được hơn 100 người, thời còn ít quá! Mong rằng hội khoáng-trương rộng ra, phái đại-biểu đi các tỉnh, dủ thêm nhiều người vào hội, lập mỗi tỉnh một trường, thời chả bao lâu mà giống Việt Nam ta sẽ nên một giống người cường-kiện trong thế-giới, sự đó là trách-nhiệm chung cả quốc-dân. Hoàng-phạm nói rằng: « Yếu là một sự trong sáu sự khổ-cực. » Ông Lỗ-khắc cũng nói: « Tinh-thần mạnh-khỏe và thể-nhục mạnh-khỏe, không hạnh-phúc nào hơn. » Quốc-dân muốn khổ-cực ru? hay muốn hạnh-phúc ru? nếu muốn hạnh-phúc, nên vào hội thể-dục.

NGUYỄN TẤT-TẾ
Tri-phủ Mỹ-đức (Hà-đông).

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Các ông hội-viên mới người Đại-Pháp. — Nhân cuộc diễn-kịch của Hội mở hai ngày 25 Avril và 2 Mai, người Đại-Pháp mới hiểu rõ cái mục-đích Hội ta, trong tháng Mai mới rồi, có nhiều quí-quan viết giấy thuận vào Hội, Hội ta lấy làm hoan-nghênh lắm, vì toàn là những bậc quan to cùng những người danh-giá cả. Xin kê tên các ngài như sau này:

M.M. Aviat (Albert), officier d'administration principal d'artillerie coloniale en retraite, 45 Rue de la Chaux, Hanoi.

Berthellot (Marcel), Avocat défenseur, 9 Rue Léclanger, Hanoi.

Boudet (Paul), Directeur des Archives et des Bibliothèques de l'Indochine, Hanoi.

Dubreuilh (Charles), Avocat-défenseur, 32 boulevard Gia-long, Hanoi.

Jauvier (Albert), Directeur technique des Papeteries de Đáp-cầu.

Lacombe, administrateur des Services Civils, chef de bureau à la Direction des Affaires politiques, au Gouvernement Général. Hanoi.

Lemarié (Charles), Directeur des Services agricoles et commerciaux du Tonkin Hanoi.

Morche (H.), conseiller à la Cour d'appel, 11 Avenue Puginier, Hanoi.

Reny (Edmond), Chef du Service du Cadastre du Tonkin, Hanoi.

Các ngài trên này đều vào chân chủ-trì cả trừ có quan trạng-sư DUBREUILH thời vào chân tán-trợ đã nộp 100 $ cho Hội rồi.

* * *

Đơn xin vào Hội. — Trong tháng Mai, có những ông kê tên sau này gửi đơn xin vào Hội, hạn hai tháng trong các hội-viên ông nào có điều gì dị-nghị hoặc phản-đối về người nào xin viết thơ về cho Hội. Phàm các thơ dị-nghị và phản-đối tối-yếu là phải ký tên rõ-ràng, nếu viết thơ nặc-danh thời Hội không xét đến.

A. *Xin vào chân chủ-trì*

1 — Bùi Huy-Định, médecin de l'Assistance Sơn-tây.

2 — Đặng Đình-Ngọc, entrepreneur, 28 Rue des Forgerons, Hanoi.

3 — Đặng Ngọc-Hiển, concessionnaire à Bái-thượng, Thanh-hóa.

4 — Đỗ Lịnh-Huy, nghị-viên, Sơn-tây.

5 — Nguyễn Hữu-Trí, nghề làm ruộng, ở xã Nhân-lý, tổng An-lương, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương.

6 — Nguyễn Tất-Nhuận, ở làng La-phù, tổng An-lũng, phủ Hoài-đức, Hà-đông.

7 — Nguyễn Văn-Giáp, Clerc d'avocat, étude de Me Dubreuilh, 28 Rue des Médicaments, Hanoi.

8 — Nguyễn văn-Liên, hiệu Nam-thái, 77 Rue Maréchal Foch, Nam-định.

9 — Nguyễn Văn-Mỹ, commerçant à Bạch-hạc.

10 — Nguyễn Văn-Nguyên, secrétaire des Douanes à Thanh-hóa (đã có chân thường hội-viên rồi).

11 — Tô Văn-Lượng, Secrétaire titulaire des Douanes et Régies, Rue de l'Arsenal, Hải-phòng.

12 — Trần-Phềnh, peintre-aquarelliste, Hanoi.

13 — Từ Bộ-Thực, tri-huyện Yên-lạc, Vĩnh-yên.

14 — Vũ Văn-Hòa, dit Hợp-Hòa, commerçant, 46-48 Boulevard Paul Bert, Hải-phong.

15 — Viên Văn-Khôi, tham-biện tòa Công-chính ở Hanoi.

Trong các ông kê tên trên này thời bốn ông Đặng-Đình-Ngọc, Đặng-Đình-Hiền, Nguyễn-Văn-Mỹ và Viên-Văn-Khôi, là do ông hội-viên Ngặc-Văn-Đồng giới-thiệu ; — ba ông Bùi Huy-Định, Đỗ Linh-Huy và Từ Bộ-Thực là do ông hội-viên Lê Thanh-Giai giới-thiệu ; — ông Tô-Văn-Lượng là do ông Phó-Hội-trưởng Nguyễn-Hữu-Thu giới-thiệu.

B. *Xin vào thường hội-viên*

1 — Cao Công-Bồn, hương-chủ làng Tiên-long, tổng Bảo-đức, Bến-tre (Nam-kỳ).

2 — Nguyễn Văn-Áo, làm ruộng làng Nghi-an, tổng Nghĩa-xá, phủ Thuận-thành (Bắc-ninh).

3 — Ông Vũ-Cầu, buôn-bán ở phố Maréchal Pétain, N° 100, Hanoi.

* * *

Các tin-tức vặt. — Ông Hội-viên Lê-Thanh-Giai ở Bạch-hạc quyên vào Hội 20$ để giúp việc lập nhà Hội-quán.

— Ông Hội-viên Trần-Thúy, hiệu Cát-thành, quyên 10$ cũng để giúp vào việc ấy.

La presse d'écriture quốc-ngữ est celle qui restera toujours le plus près de l'âme annamite et en traduira toujours le mieux l'essentiel *substratum*. La langue de chaque peuple est un reflet de son âme ; c'est son âme elle-même pensante et agissante ; sa langue est fonction de sa mentalité. Nous irons plus loin : la langue annamite, même pour l'élite évoluée, demeurera celle qui sera préférée aux heures graves ou intimes de sa vie.

J. Danlor (Du journal *La Jeune Asie*)

Báo bằng chữ quốc-ngữ bao giờ cũng là tiếp-cận với tâm-hồn người An-nam hơn, và diễn-xuất được cái thâm-ý của dân hơn. Tiếng nói của dân-tộc nào là hình-ảnh cái tâm-hồn của dân-tộc ấy ; tức là cái hồn của dân ấy tư-tưởng và hoạt-động vậy ; tiếng nói là sự tác-dụng của tâm-tính. Không những thế : đầu bọn thượng-lưu đã tây-hóa rồi, gặp những cơ-hội thân-thiết quan-trọng trong một đời, tất cũng vẫn trọng tiếng An-nam hơn tiếng khác.